

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**  
của cơ sở  
**KHU NHÀ Ở ĐÔNG Á**

Bình Dương, tháng 9 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT  
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**KHU NHÀ Ở ĐÔNG Á**

Địa chỉ: phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương

*ng* **CHỦ CƠ SỞ** *ng*



*ng*  
**ĐỒNG GIÁM ĐỐC**  
**Ngô Quang Phúc**

Bình Dương, tháng 9 năm 2024

*ng*



**MỤC LỤC**

<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>v</b>
<b>DANH MỤC BẢNG.....</b>	<b>vi</b>
<b>DANH MỤC HÌNH ẢNH.....</b>	<b>vii</b>
<b>CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....</b>	<b>1</b>
1. Tên chủ cơ sở:.....	1
2. Tên cơ sở: .....	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: .....	5
3.1. Công suất của cơ sở: .....	5
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:.....	7
3.3. Sản phẩm của cơ sở: .....	7
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:.....	10
4.1. Nhu cầu sử dụng nước: .....	10
4.2. Nguồn cung cấp nước: .....	12
4.2. Nhu cầu sử dụng điện: .....	12
4.3. Nhu cầu sử dụng hóa chất trong quá trình vận hành.....	13
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:.....	14
<b>CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH,.....</b>	<b>16</b>
<b>KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....</b>	<b>16</b>
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường: .....	16
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường: .....	16
<b>CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>18</b>
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:.....	18
1.1. Thu gom, thoát nước mưa:.....	18
1.2. Thu gom, thoát nước thải:.....	20



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

1.3. Xử lý nước thải: .....	23
1.4. Các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục: .....	30
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:.....	30
2.1. Biện pháp xử lý mùi hôi.....	30
2.2. Biện pháp xử lý bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông.....	32
2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải máy phát điện dự phòng.....	32
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	34
3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý rác sinh hoạt .....	34
3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý bùn thải.....	38
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	39
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:.....	40
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường: .....	42
6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ .....	42
6.2. Sự cố vỡ đường ống cấp và thoát nước.....	45
6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất .....	45
6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ công trình xử lý nước thải.....	46
6.4. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi và máy phát điện dự phòng.....	49
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác: .....	50
8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:.....	50
9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này): Không có. ....	51
10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học: Không có. ....	51
<b>CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>52</b>
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải: .....	52
1.1. Nguồn phát sinh nước thải:.....	52
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:.....	52

1.3. Dòng nước thải: .....	52
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: .....	52
1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải: .....	53
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải: .....	53
2.1. Nguồn phát sinh khí thải: .....	53
2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa: .....	54
2.3. Dòng khí thải: .....	54
2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải: .....	54
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung: .....	54
3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: .....	54
3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung .....	54
4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có.....	55
5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn: .....	55
5.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh: .....	55
5.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại: .....	56
6. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có.....	57
<b>CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....</b>	<b>58</b>
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022: .....	58
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn và khí thải năm 2022:.....	59
3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023: .....	59
4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn và khí thải năm 2023:.....	60
<b>CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ</b>	<b>61</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: .....	61
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. ....	61

06949  
ĐÔNG  
PH  
ĐIA ỐC  
PHÚ Đ  
P. HỒ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

---

2.1. Chương trình quan trắc định kỳ: .....	61
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải: .....	61
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở: .....	61
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:.....	61
<b>CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ.....</b>	<b>63</b>
<b>CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>64</b>

**DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BOD	: Biochemical oxygen demand – Nhu Cầu Oxy Sinh Hóa
COD	: Chemical oxygen demand – Nhu Cầu Oxy Hóa Học
CTRSH	: Chất Thải Rắn Sinh Hoạt
CTNH	: Chất Thải Nguy Hại
CP	: Chính phủ
DO	: Dissolved Oxygen – Oxy hòa Tan
MPĐ	: Máy phát điện
NĐ	: Nghị định
PCCC	: Phòng Cháy Chữa Cháy
QCVN	: Quy Chuẩn Việt Nam
QĐ	: Quyết định
TCXD	: Tiêu Chuẩn Xây Dựng
TNHH	: Trách Nhiệm Hữu Hạn
UBND	: Ủy Ban Nhân Dân





**DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1: Toạ độ địa lý giới hạn dự án (VN 2000) của cơ sở.....	1
Bảng 1.2: Bảng cơ cấu sử dụng đất của cơ sở.....	5
Bảng 1.3: Thống kê diện tích và chức năng các tầng trong cơ sở.....	8
Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng nước của Khu nhà ở Đông Á.....	11
Bảng 1.5: Bảng Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước từ tháng 12/2023 – 5/2024 .....	12
Bảng 1.6: Nhu cầu sử dụng điện thực tế .....	13
Bảng 1.7: Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở.....	13
Bảng 1.8: Hóa chất sử dụng tại cơ sở trong giai đoạn vận hành.....	14
Bảng 3.1: Thống kê vật liệu thoát nước mưa .....	18
Bảng 3.2: Thống kê khối lượng thoát nước thải theo các tuyến .....	22
Bảng 3.3: Kích thước các bể chức năng của hệ thống XLNT.....	28
Bảng 3.4: Khối lượng rác thải dự trữ phát sinh tại cơ sở khi lấp đầy 100% .....	36
Bảng 3.5: Thống kê chất thải nguy hại phát sinh trong năm.....	40
Bảng 3.6: Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	50
Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải.....	53
Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng khí thải ...	54
Bảng 4.3: Quy định về tiếng ồn giai đoạn hoạt động.....	55
Bảng 4.4: Quy định về độ rung giai đoạn hoạt động.....	55
Bảng 4.5: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tối đa đề nghị cấp phép .....	55
Bảng 4.6: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh đề nghị cấp phép.....	56
Bảng 5.1: Kết quả nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải năm 2022 .....	58
Bảng 5.2: Kết quả nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải năm 2023 ...	59

**DANH MỤC HÌNH ẢNH**

Hình 1.1: Khu nhà ở Đông Á .....	3
Hình 1.2: Quy trình vận hành của cơ sở.....	7
Hình 1.3: Sơ đồ nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở.....	11
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa Khu nhà ở Đông Á.....	20
Hình 3.2: Sơ đồ thu gom nước thải Khu nhà ở Đông Á.....	21
Hình 3.3: Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn .....	24
Hình 3.4: Sơ đồ nguyên lý thiết kế thiết bị tách dầu mỡ.....	24
Hình 3.5: Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở công suất 500 m <sup>3</sup> /ngày.đêm .....	26
Hình 3.6: Sơ đồ thu gom, phân loại chất thải của cơ sở theo Luật BVMT năm 2020 ..	37
Hình 3.7: Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại của cơ sở.....	39
Hình 3.8: Sơ đồ nguyên lý buồng tiêu âm chống ồn.....	42

## CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

### 1. Tên chủ cơ sở:

#### Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

- Địa chỉ văn phòng: Số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh;
- Người đại diện: Ông **Ngô Quang Phúc**;  
Chức vụ: Tổng Giám đốc;
- Điện thoại: 1900 29 29 39;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310694943, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/3/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 27/3/2023;
- Mã số thuế: 0310694943;
- Loại hình hoạt động: Xây dựng nhà ở thương mại, chung cư.

### 2. Tên cơ sở:

#### Khu nhà ở Đông Á

- Địa điểm thực hiện cơ sở: phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
- Các vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:
  - + Phía Đông: giáp đường An Bình;
  - + Phía Tây: giáp khu dân cư hiện hữu;
  - + Phía Nam: giáp đường Trần Thị Vững;
  - + Phía Bắc: giáp khu dân cư hiện hữu.
- Vị trí giới hạn và toạ độ địa lý giới hạn dự án (VN 2000) như sau:

Bảng 1.1: Toạ độ địa lý giới hạn dự án (VN 2000) của cơ sở

Điểm	X(m)	Y(m)
1	1202118.808	609814.44
2	1202067.434	609714.340
3	1202041.655	609664.956
4	1202027.987	609643.383
5	1201972.603	609579.434

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

Điểm	X(m)	Y(m)
6	1201910.566	609615.053
7	1201885.598	609627.545
8	1201864.780	609637.951
9	1201855.787	609641.861
10	1201861.490	609655.120
11	1201865.580	609675.710
12	1201868.520	609690.350
13	1201864.640	609719.620
14	1201863.253	609730.148
15	1201863.535	609787.742
16	1201870.999	609803.601
17	1201873.947	609809.663
18	1201880.265	609818.735
19	1201883.810	609826.070
20	1201922.744	609907.860

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”



Hình 1.1: Khu nhà ở Đông Á

Chủ cơ sở: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

**Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:**

- + Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 18/08/2011 của UBND thành phố Dĩ An về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Dự án Phát triển nhà ở Đông Á tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương (thay cho Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 16/02/2011 đã hết hiệu lực thi hành);
- + Công văn số 1402/UBND-KTN ngày 28/05/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc đầu tư Dự án phát triển nhà ở Đông Á;
- + Công văn số 1580/UBND-KTN ngày 08/06/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc điều chỉnh nội dung công văn số 1402/UBND-KTN ngày 28/05/2012 của UBND tỉnh;
- + Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 06/08/2012 của UBND tỉnh Bình Dương về việc thu hồi đất của Xí nghiệp Lợn giống Đông Á (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á), giao đất cho Công ty cổ phần Địa ốc Phú Đông để thực hiện Dự án Phát triển nhà ở Đông Á tại phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:**

- + Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phát triển nhà ở Đông Á, quy mô diện tích 52.525,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông;
- + Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

**Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):**

- + Khu nhà ở Đông Á có tổng vốn đầu tư là **511.579.322.000 Đồng** (Năm trăm mười một tỷ, năm trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) Căn cứ theo quy định tại Khoản 1, Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, cơ sở Khu nhà ở Đông Á thuộc dự án xây dựng khu nhà ở có tổng vốn đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng → dự án nhóm B;

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

- + Khu nhà ở Đông Á không thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nên theo quy định tại cột 2 Mục 2 Phụ lục IV Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cơ sở thuộc nhóm II phải có giấy phép môi trường theo quy định tại Khoản 2, Điều 39, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;
- + Ngành nghề: Xây dựng nhà ở thương mại, chung cư.
- **Phạm vi đề nghị cấp Giấy phép môi trường đối với Khu nhà ở Đông Á như sau:**
  - + Hệ thống xử lý nước thải: 500m<sup>3</sup>/ngày đêm, thu gom và xử lý nước thải phát sinh từ cơ sở;
  - + Đối với tiếng ồn & độ rung: Tiếng ồn, độ rung từ máy phát điện dự phòng; Tiếng ồn, độ rung từ máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung;
  - + Đối với chất thải CTR sinh hoạt và CTNH cơ sở đã đầu tư các kho lưu chứa như sau:
    - Kho chứa rác sinh hoạt: 80m<sup>2</sup> (Bố trí tại tầng trệt);
    - Kho chứa chất thải nguy hại: 12m<sup>2</sup> (Bố trí tại tầng trệt).

Cơ sở không còn hạng mục công trình bảo vệ môi trường phải hoàn thành sau khi được cấp giấy phép môi trường.

### 3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

#### 3.1. Công suất của cơ sở:

Khu nhà ở Đông Á có tổng diện tích khu đất là 52.515,7 m<sup>2</sup> (trong đó đất thuộc hành lang an toàn đường bộ là 542,2 m<sup>2</sup>) thuộc thửa đất số 1049, 1081 tờ bản đồ số 02 có diện tích 52.515,7 m<sup>2</sup> tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, được phân bổ theo cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1.2: Bảng cơ cấu sử dụng đất của cơ sở

STT	Loại đất	Kí hiệu lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
A	Đất ở	-	25.239,48	48,56	10,40
1	Chung cư	J	5.363,02	-	-
1.1	Cây xanh	-	1.692,32	-	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Loại đất	Kí hiệu lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tỷ lệ (%)	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)
1.2	Diện tích đất xây dựng	-	2.112,20	-	-
1.3	Giao thông nội bộ	-	1.558,50	-	-
1.4	Nhà phố	A, B, C, D, E	19.876,46	-	-
			10.378,46	-	-
			9.498,00	-	-
<b>2</b>	<b>Đất công cộng</b>	-	<b>6.331,94</b>	<b>12,18</b>	<b>2,26</b>
2.1	Nhà trẻ	H	3.277,41	-	-
2.2	Y tế (đã điều chỉnh công năng thương mại, dịch vụ)	G	3.054,53	-	-
2.3	Dịch vụ	Đan xen lô J	2.112,20	-	-
<b>3</b>	<b>Đất cây xanh riêng lẻ</b>	-	<b>2.929,9</b>	<b>5,64</b>	-
3.1	Đất cây xanh tổng hợp	-	4.857,1	-	2,00
3.2	Công viên tập trung	F	805,00	-	-
3.3	Công viên nhóm nhà chung cư lô J	Đan xen	1.927,2	-	-
3.4	Công viên bồn hoa tiểu đảo, cây xanh thâm cỏ đường phố, thông hành địa dịch	Riêng lẻ	2.124,9	-	-
<b>4</b>	<b>Đất giao thông – sân bãi</b>	Riêng lẻ	<b>18.899,88</b>	<b>33,62</b>	<b>7,78</b>
	Đường giao thông	Đan xen lô J	17.472,18		
	Sân đường		1.427,7		
<b>Diện tích</b>		-	<b>51.973,50</b>	-	<b>21,41</b>

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông.

Phần đất dành làm đường giao thông và lề đường có hướng chính dọc theo chiều

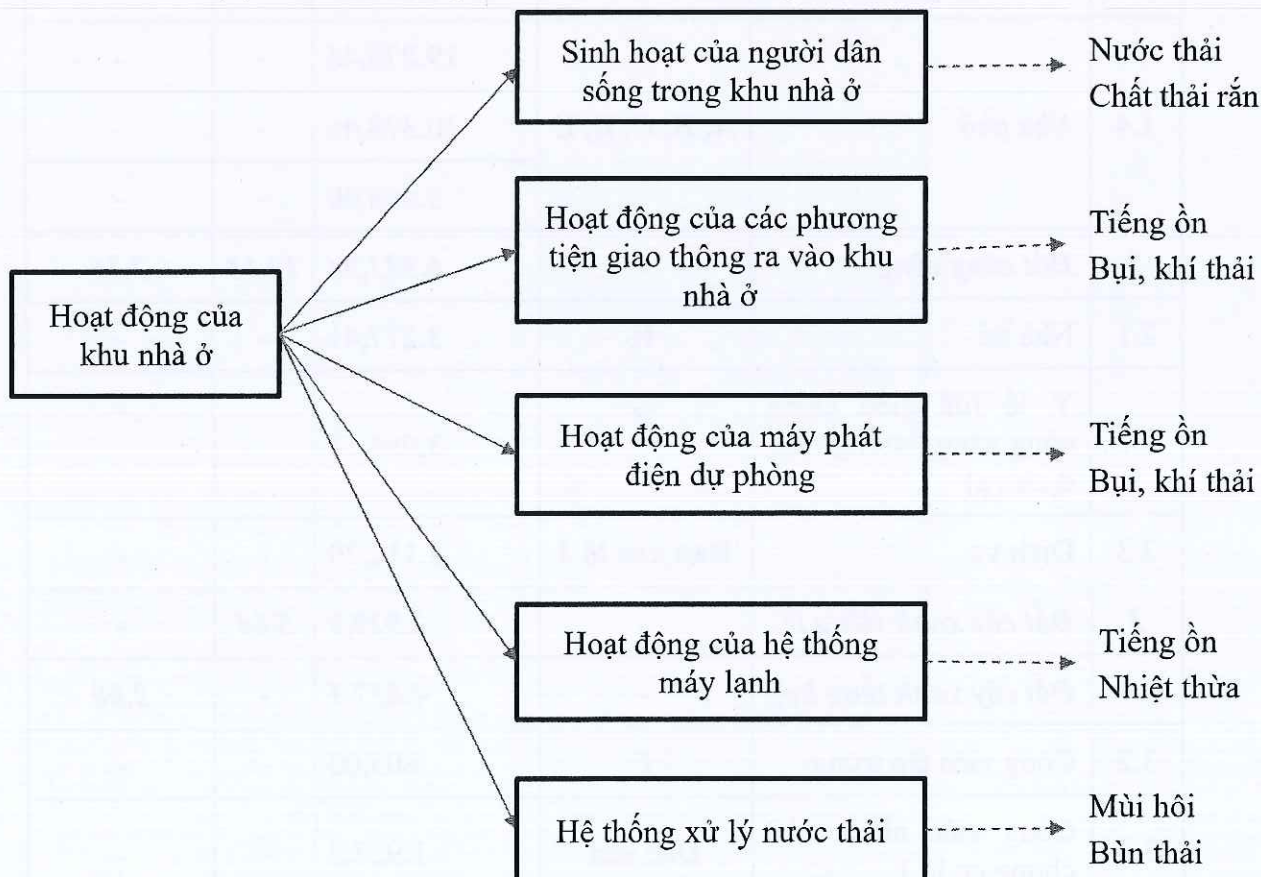


dài khu đất từ Tây Nam sang Đông Bắc chia khu đất thành các khu vực chức năng.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở:

Khu nhà ở Đông Á thuộc loại hình Xây dựng nhà ở thương mại, chung cư với số lượng 607 căn hộ, quy mô dân số là 2.428 người. Tỷ lệ lấp đầy hiện nay 95 – 98%.

Quy trình hoạt động của cơ sở được trình bày như sau:



Hình 1.2: Quy trình vận hành của cơ sở

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở:

#### 3.3.1. Đối với các hạng mục công trình chính:

Quy mô sử dụng đất: 52.515,7 m<sup>2</sup> (trong đó đất thuộc hành lang an toàn đường bộ là 542,2 m<sup>2</sup>), bao gồm các khu chức năng sau:

- Khu ở bao gồm: các nhà ở dạng nhà phố liên kế, nhà liên kế có sân vườn và khu nhà ở chung cư.
- Khu công cộng, dịch vụ bao gồm: các công trình phục vụ phúc lợi chung như nhà trẻ, khu thương mại - dịch vụ.
- Khu công viên cây xanh và vườn hoa.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

- Khu kỹ thuật bao gồm: các công trình như trạm điện, hệ thống XLNT.

Toàn bộ quỹ đất đất xây dựng được phân làm 9 lô lớn. 207 lô nhà liên kế được xếp vào các lô A, B, C, D, E, nhà ở chung cư Lô J. Nhà trẻ được phân vào các lô G và H riêng lẻ và khi xây dựng hợp khối với các block chung cư sẽ tạo thành một quần thể kiến trúc.

Chi tiết diện tích xây dựng của khu chung cư như sau:

*Bảng 1.3: Thống kê diện tích và chức năng các tầng trong cơ sở*

STT	Thống kê	Ký hiệu lô	Diện tích/tỉ lệ	Đơn vị	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Các lô đất xây dựng nhà phố liên kế</b>	-	<b>19.876,46</b>	m <sup>2</sup>	-
1	Diện tích xây dựng nhà liên kế phố (nhà phố + thương mại)	A1, A2, B3, C3, D3, E1, E2, E3	10.378,46	m <sup>2</sup>	-
2	Mật độ xây dựng	-	90	%	-
3	Tầng cao xây dựng	-	4	Tầng	Theo CV 324/SXD-HĐXD ngày 2/2/2016 (Thẩm duyệt TKCS nhà thấp tầng)
4	Diện tích xây dựng nhà liên kế có sân vườn	B1, B2, C1, C2, D1, D2	9.498	m <sup>2</sup>	-
5	Mật độ xây dựng	-	80	%	-
6	Tầng cao xây dựng	-	3	Tầng	-
<b>B</b>	<b>Các lô đất xây dựng nhà chung cư</b>	-	<b>5.363,02</b>	m <sup>2</sup>	-
1	Diện tích xây dựng nhà chung cư (Kiểu nhà ở cao tầng dạng lõi)	J	5.363,02	m <sup>2</sup>	Gồm 1 nguyên đơn, theo giấy phép xây dựng chung cư số 1475/GPXD-SXD ngày 30/5/2016.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Thống kê	Ký hiệu lô	Diện tích/tỉ lệ	Đơn vị	Ghi chú
2	Mật độ xây dựng trên khối đế	-	38,93	%	theo giấy phép xây dựng chung cư 1475/GPXD-SXD ngày 30/5/2016
3	Mật độ xây dựng khối tháp	-	28,23	%	-
4	Tầng cao xây dựng	-	21	Tầng	16 tầng căn hộ, 4 tầng dịch vụ, 01 tầng kỹ thuật.
<b>C</b>	<b>Lô đất cây xanh</b>	-	<b>6,969.30</b>		-
1	Diện tích	F	805	m <sup>2</sup>	-
2	Mật độ xây dựng	-	5	%	-
3	Tầng cao xây dựng	-	1	Tầng	-
4	Đan xen chung cư	J	2.112,2	m <sup>2</sup>	-
5	Công viên nhóm nhà chung cư (đan xen)	J	1.927,2	m <sup>2</sup>	-
6	Đan xen bồn hoa tiểu đảo, cây xanh đường phố	-	2.124,9	m <sup>2</sup>	-
<b>D</b>	<b>Đất xây dựng nhà trẻ</b>	-	<b>3.277,41</b>	-	-
1	Diện tích	H	3.277,41	m <sup>2</sup>	-
2	Mật độ xây dựng	-	40	%	-
3	Tầng cao xây dựng	-	3 - 4	Tầng	-
<b>E</b>	<b>Đất xây dựng trung tâm khám chữa bệnh</b>	-	<b>3.054,53</b>	-	-
1	Diện tích	G	3.054,53	m <sup>2</sup>	-
2	Mật độ xây dựng	-	40	%	-
3	Tầng cao xây dựng	-	3 - 4	Tầng	-

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Thống kê	Ký hiệu lô	Diện tích/tỉ lệ	Đơn vị	Ghi chú
F	Đất giao thông – sân bãi	Riêng lẻ	18.899,88	m <sup>2</sup>	-
1	Đường giao thông	Đan xen lô J	17.472,18	m <sup>2</sup>	-
2	Sân đường		1.427,7	m <sup>2</sup>	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông.

**3.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ:**

- Hệ thống đường giao thông;
- Hệ thống cấp điện, cấp nước và chiếu sáng;
- Hệ thống thông tin liên lạc;
- Hệ thống PCCC.

**3.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:**

**a). Công trình xử lý nước thải**

Đối với nước thải: Tổng công suất xả thải cao nhất là 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm (Theo công suất hệ thống xử lý nước thải).

**b). Thu gom và xử lý rác sinh hoạt và chất thải nguy hại:**

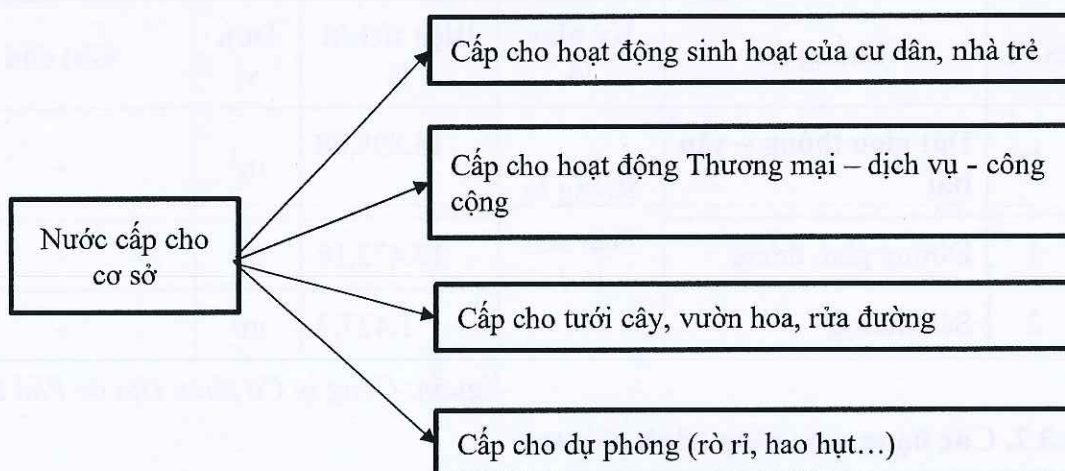
- Kho chứa rác sinh hoạt: 80 m<sup>2</sup> (Bố trí tại tầng trệt);
- Kho chứa chất thải nguy hại: 12 m<sup>2</sup> (Bố trí tại tầng trệt).

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:**

**4.1. Nhu cầu sử dụng nước:**

**a. Tính toán theo định mức sử dụng nước:**

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được trình bày ở sơ đồ dưới đây:




Hình 1.3: Sơ đồ nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở

Nhu cầu sử dụng nước đã được phê duyệt theo báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

Bảng 1.4: Nhu cầu sử dụng nước của Khu nhà ở Đông Á

STT	Đối tượng dùng nước	Ký hiệu	Quy mô	Tiêu chuẩn		Nhu cầu (m <sup>3</sup> /ngày)
1	Nước sinh hoạt	Q <sub>sh</sub>	2.428	200	lít/người	485,60
2	Nước cho công trình công cộng	Q <sub>cc</sub>	-	-	-	-
	Nhà trẻ	Q <sub>cc</sub>	200	100	lít/cháu	20,00
	Y tế	Q <sub>cc</sub>	4.887,25	2	lít/m <sup>2</sup> sàn	9,77
	Dịch vụ	Q <sub>cc</sub>	6.147,40	2	lít/m <sup>2</sup> sàn	12,29
	Nhà phố thương mại	Q <sub>cc</sub>	7.098,00	2	lít/m <sup>2</sup> sàn	14,20
3	Nước tưới cây	Q <sub>tc</sub>	0,49	30	m <sup>3</sup> /ha	14,57
4	Nước rửa đường	Q <sub>r</sub>	1,89	10	m <sup>3</sup> /ha	18,90
5	Nước hao hụt	Q <sub>hh</sub>	-	10	% Q <sub>sh</sub>	57,53
<b>Tổng cộng</b>						<b>632,86</b>
<b>Làm tròn</b>						<b>633</b>

Nguồn: Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Khu nhà ở Đông Á.

 **Hệ thống cấp nước chữa cháy:**

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

- Lưu lượng nước chữa cháy  $Q_{cc}$ :  $Q_{cc} = 10,8 \times Q_{cc} \times n \times k$  ( $m^3/ng\grave{a}y$ );
- Lưu lượng nước chữa cháy được tính toán để chữa cháy trong vòng 3 giờ;
- Với số dân 2.428 người, chọn: số đám cháy  $n = 1$ ;
- Theo QCVN 01:2008/BXD lưu lượng cấp nước chữa cháy  $Q_{cc} = 10$  l/s cho một đám cháy;
- Chọn  $K = 1$  đối với khu dân cư;
- Vậy:  $Q_{cc} = 10,8 \times 10 \times 1 \times 1 = 108$   $m^3/ng\grave{a}y$  đêm.

**b. Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước thực tế:**

Nhu cầu sử dụng nước được thống kê theo hóa đơn sử dụng nước thực tế từ tháng 12/2023 – 5/2024 cụ thể như bảng sau:

*Bảng 1.5: Bảng Nhu cầu sử dụng nước theo hóa đơn nước từ tháng 12/2023 – 5/2024*

STT	Tháng	Lượng nước sử dụng ( $m^3/th\grave{a}ng$ )	Số ngày	Lượng nước trung bình sử dụng ( $m^3/ng\grave{a}y$ đêm)
1	12/2023	5.908	31	190,6
2	01/2024	4.625	31	149,2
3	02/2024	4.552	29	156,9
4	03/2024	5.695	31	183,7
5	04/2024	5.322	30	177,4
6	05/2024	5.422	31	174,9
<b>Tổng cộng</b>		<b>31.524</b>	-	<b>1.032,7</b>
<b>Trung bình</b>		<b>5.254</b>	-	<b>172,11</b>

*Nguồn: Hóa đơn sử dụng nước từ tháng 12/2023 – 5/2024*

**4.2. Nguồn cung cấp nước:**

Nước sử dụng tại cơ sở được cung cấp bởi Chi nhánh cấp nước Dĩ An – Công ty CP - Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương.

**4.3. Nhu cầu sử dụng điện:**

Nguồn cung cấp điện cho cơ sở là từ Công ty Điện lực Bình Dương với tổng mức tiêu thụ điện như bảng sau:

Bảng 1.6: Nhu cầu sử dụng điện thực tế

STT	Thời gian sử dụng	Nhu cầu sử dụng điện (kWh/tháng)
1	Tháng 1/2024	22.720
2	Tháng 2/2024	18.920
3	Tháng 3/2024	20.620
4	Tháng 4/2024	19.670
5	Tháng 5/2024	22.670
6	Tháng 6/2024	20.020
<b>Tổng cộng</b>		<b>124.620</b>
<b>Trung bình</b>		<b>20.770</b>

Nguồn: Hoá đơn tiêu thụ điện từ tháng 01/2024 – 06/2024






#### 4.4. Nhu cầu sử dụng hóa chất trong quá trình vận hành

Nhu cầu sử dụng nhiên liệu và hóa chất trong giai đoạn hoạt động của cơ sở như sau:

Bảng 1.7: Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở

STT	Tên hóa chất	Hình ảnh	Khối lượng	Công dụng
1	Hóa chất 101 Multipine nước lau sàn nhà khử trùng		6 lít/tháng	Dùng để làm sạch vết bẩn trên bề mặt sàn, mặt bàn chế biến bằng nhựa vinyl hoặc gạch men, rãnh thoát nước, ...
2	Hóa chất Power Floral nước lau sàn và khử mùi hương cỏ		3 lít/tháng	Diệt khuẩn làm sạch tại các khu công cộng; khử hết mùi khó chịu ở khu vệ sinh, kho hàng, các bãi rác.
3	Hóa chất 120 Deoair Rerfresher hóa chất xịt phòng, khử mùi		6 lít/tháng	Làm sạch không khí, hạn chế sự phát triển của vi khuẩn gây ra mùi, tẩy uế sàn nhà, khử mùi hôi thuốc lá.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Tên hóa chất	Hình ảnh	Khối lượng	Công dụng
4	Hóa chất 311 Glass Cleaner lau kính		4 lít/tháng	Vệ sinh gương kính, dễ dàng tẩy sạch các vết bẩn, bám bụi trên các bề mặt gương kính, làm cho bề mặt sáng bóng, chống bám bụi.
5	Hóa chất 160 Stainless polish đánh bóng kim loại		2 lít/tháng	Tẩy sạch các vết dầu mỡ, bảo vệ và làm sang bóng bề mặt kim loại.
6	Hóa chất Cocorex thuốc tẩy		8 lít/tháng	Tẩy trắng với thành phần chủ yếu là Clo, có tính năng tẩy trắng vượt trội.
7	Hóa chất 211 Toilet bowl Cleaner nước tẩy rửa bồn cầu		5 lít/tháng	Vệ sinh bồn cầu (toilet), tẩy sạch mọi vết bẩn, tẩy uế diệt khuẩn trong toilet, có tác dụng khử trùng, hạn chế sự sinh sôi, nảy nở của các vi khuẩn gây mùi.
8	Hóa chất Xà bông		8 kg/tháng	Tẩy sạch mọi vết bẩn

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải như bảng dưới:

Bảng 1.8: Hóa chất sử dụng tại cơ sở trong giai đoạn vận hành

STT	Tên hóa chất	Thành phần	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Chlorine	$\text{Ca}(\text{OCl})_2$ (nồng độ 10%)	1.095 kg/năm	Khử trùng nước thải
2	Dầu DO	-	1.000 lít/năm	Máy phát điện
3	Hoá chất (EM)	-	385 lít/năm	Khử mùi kho chứa rác

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở:



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

- **Hệ thống giao thông:** xung quanh khu vực có các trục đường chính như đường Phạm Văn Đồng, Xa Lộ Đại Hàn, Tô Ngọc Vân, An Bình,... tạo điều kiện thuận lợi cho giao thông trong và ngoài khu vực.
- **Các đối tượng kinh tế - xã hội:** Cơ sở nằm gần KCN Sóng Thần 1; KCN Bình Dương, KCX Linh Trung nên xung quanh khu vực cơ sở trong vòng bán kính 2km hiện nay là các Công ty, Nhà máy sản xuất và nằm gần các khu dân cư, trường học. Cơ sở cách hộ dân gần nhất khoảng 15m về hướng Đông Bắc và 20m về hướng Tây Nam, cách trường THCS An Bình 500m về hướng Đông Bắc, cách chùa Pháp Trí khoảng 5km về hướng Đông Nam. Cơ sở cách trung tâm TP. Hồ Chí Minh 16km về hướng Đông Nam; Cách trung tâm TP. Biên Hòa 15km về hướng Đông Bắc; Cách trung tâm thị xã Thủ Dầu Một 20km về hướng Tây Bắc; Cách sân bay Tân Sơn Nhất 15km về hướng Tây Nam; Cách ga Sóng Thần khoảng 1,5km về hướng Bắc.
- **Hệ thống sông suối, ao hồ:** Bên trong khu vực cơ sở: không có sông suối, ao hồ.

## **CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:**

Ngày 13 tháng 04 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 450/QĐ-TTg phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, tầm nhìn đến năm 2050: Ngăn chặn, đẩy lùi xu hướng gia tăng ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng môi trường sống; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; hình thành các điều kiện cơ bản cho nền kinh tế xanh, ít chất thải, cacbon thấp vì sự thịnh vượng và phát triển bền vững đất nước.

Khu nhà ở Đông Á được xây dựng và hoạt động tuân thủ theo hướng dẫn của dựa trên Luật pháp hiện hành đảm bảo phù hợp về địa điểm, môi trường, phân vùng xả thải. Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở đã xây dựng, vận hành các công trình bảo vệ môi trường theo đúng quy định trước khi cơ sở đi vào hoạt động nên việc hoạt động của cơ sở không gây suy thoái tài nguyên và suy giảm đa dạng sinh học, phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường Quốc gia. Cụ thể như sau:

- Cơ sở phù hợp với các văn bản pháp lý sau về quy hoạch bảo vệ môi trường:
- + Phù hợp với Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH 14 ngày 17/11/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;
- + Phù hợp với quy định về Phân vùng môi trường được quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; cụ thể: Tuân theo Điều 22, Điều 23, Điều 25, Mục 1, Chương III của Nghị định;
- + Phù hợp với Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017 có hiệu lực từ ngày 01/01/2019;
- + Phù hợp với Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/1/2017;
- + Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06/7/2023 về việc ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường:**

#### **2.1. Khả năng chịu tải của môi trường nước:**

Hiện tại, nước thải sau xử lý của cơ sở sẽ được đầu nối ra cống thoát nước chung của thành phố trên đường Trần Thị Vũng nước thải sau đó được chảy ra rạch Gò Dưa – sông Sài Gòn (Công văn số 114/UBND-KT ngày 25/12/2014).

Qua khảo sát hiện trạng thoát nước vào các đợt mưa lớn thì khả năng thoát nước khu vực là rất tốt không bị ngập úng khi trời mưa to, đủ khả năng tiếp nhận nước mưa và nước thải của cơ sở sau khi xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B theo đúng quy định của Thành phố.

Tuyến thu gom nước trên đường Trần Thị Vũng dùng cho mục đích thoát nước khu vực và hầu hết tiếp nhận nước thải chỉ xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các khu dân cư hiện hữu. Hệ thống cống thoát nước trên đường Trần Thị Vũng có khả năng tiếp nhận nước thải từ cơ sở do đó UBND tỉnh Bình Dương đã cấp giấy phép số 35/GP-UBND ngày 01/11/2021 cho phép cơ sở xả nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B vào cống thoát nước chung của thành phố.

## **2.2. Khả năng chịu tải của môi trường không khí:**

Nguồn tiếp nhận khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào cơ sở, từ hoạt động đun nấu của các hộ gia đình,....

Cơ sở đã và đang thực hiện nghiêm túc các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm môi trường do cơ sở gây ra đạt các quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường không khí: Khí thải máy phát điện đạt QCVN 19:2009/BTNMT thoát ra ngoài môi trường; Không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT.

## **2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động đến chế độ thủy văn, môi trường tiếp nhận nước thải:**

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý nước thải đúng hướng dẫn, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép;
- Thường xuyên kiểm tra lưu lượng xả thải, đảm bảo lưu lượng xả vào nguồn tiếp nhận không vượt quá công suất thiết kế của hệ thống xử lý;
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông hố ga thoát nước sau xử lý và hố ga thoát nước của khu vực, đảm bảo dòng chảy thông suốt.

### CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải:

##### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa:

- Khu nhà ở Đông Á đã xây dựng tuyến ống thu gom và thoát nước mưa tách riêng với tuyến ống thu gom và thoát nước thải;
- Cơ sở sử dụng đường cống cho thoát nước mưa là cống kín, tiết diện tròn bằng BTCT, bao gồm các tuyến cống tròn BTCT D400, D800 bố trí dọc hai bên đường. Trên tuyến bố trí các hố ga khoảng cách bố trí theo tiêu chuẩn quy phạm: 20m/hố. Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế trên nguyên tắc tự chảy dựa theo địa hình đảm bảo tuyến cống thiết kế ngắn nhất mà phục vụ được diện tích lớn nhất và đảm bảo khoảng cách với các hệ thống khác theo quy định, đảm bảo độ dốc đặt cống tối thiểu là  $i > 1/D$  (D: đường kính ống), độ dốc cống  $i = 0,13\%$ .
- Bố trí các hố thu nước mưa ở hai bên đường với hướng thoát nước chính từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, thu gom và tập trung nước mưa vào tuyến cống thoát nước và xả vào hệ thống cống thoát nước hiện hữu BTCT D800 ở phía Đông Nam trên đường Trần Thị Vững. Chiều dài cống BTCT D400: 873m; chiều dài cống BTCT D800: 587m.
- Tại cơ sở có khoảng 81 hố ga thu gom thoát nước mưa (kích thước 1,0 x 1,0 x 1,0m) tại mỗi nắp hố ga thiết kết thoát nước và lọc rác thô. Kết cấu hố ga và rãnh thoát nước mưa: Bê tông cốt thép. Vật liệu thoát nước mưa tại cơ sở được thống kê như Bảng sau:

Bảng 3.1: Thống kê vật liệu thoát nước mưa

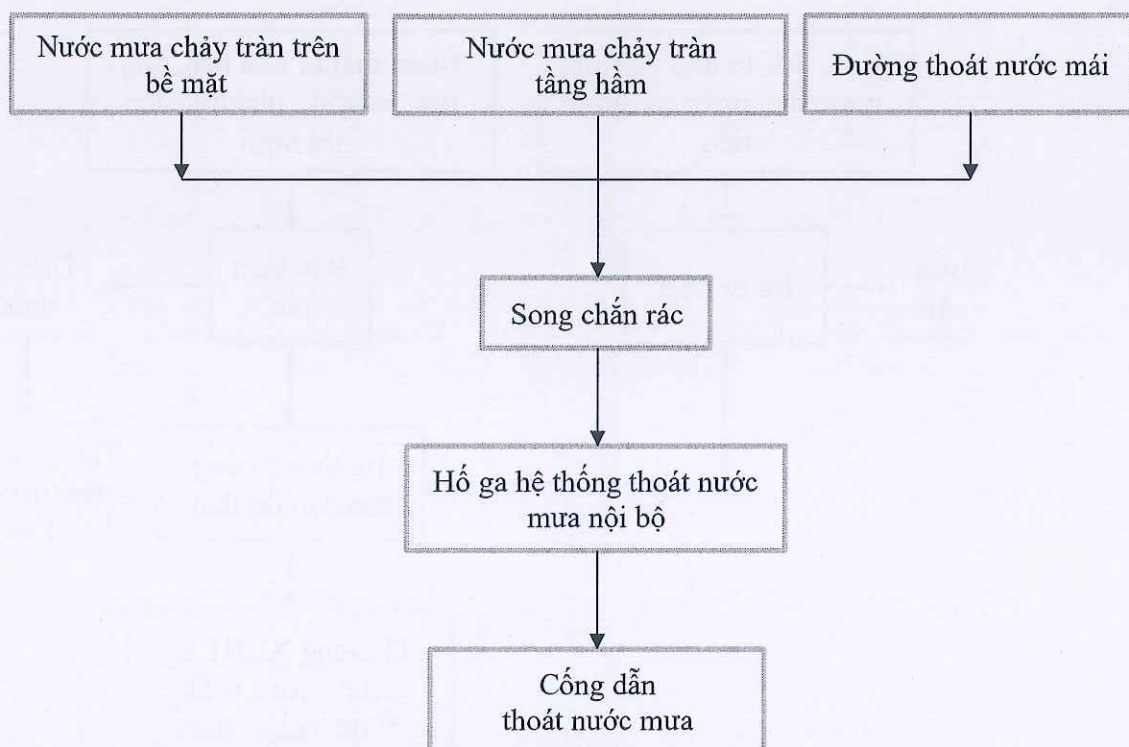
STT	Tên tuyến	Hố ga		Đường ống	
		Kích thước (mm)	Khối lượng (cái)	Ống cống BTCT (mm)	Khối lượng (m)
1	Tuyến 1	1.200 x 1.200	19	D800	217
2	Tuyến 2	1.200 x 1.200	16	D800	216
3	Tuyến 3	800 x 800	19	D400	225
4	Tuyến 4	800 x 800	4	D400	103
5	Tuyến 5	800 x 800	4	D400	103
6	Tuyến 6	800 x 800	4	D400	103

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Tên tuyến	Hố ga		Đường ống	
		Kích thước (mm)	Khối lượng (cái)	Ống cống BTCT (mm)	Khối lượng (m)
7	Tuyến 7	800 x 800	4	D400	103
8	Tuyến 8	800 x 800	9	D400	151
9	Tuyến 9	800 x 800	2	D400	85
10	Tuyến 10	1.200 x 1.200	12	D800	154
		1.200 x 1.200	47	D800	587
		800 x 800	46	D400	873

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

- Số lượng, vị trí điểm thoát nước mưa bề mặt ra ngoài môi trường như sau:
  - + 01 vị trí hố ga thoát nước mưa trên đường Trần Thị Vũng: X (m): 1201919; Y (m): 609906;
- Quy trình vận hành: tự chảy;
- Hệ thống thu gom nước mưa có chiều dài khoảng 1.933m được miêu tả theo sơ đồ sau:



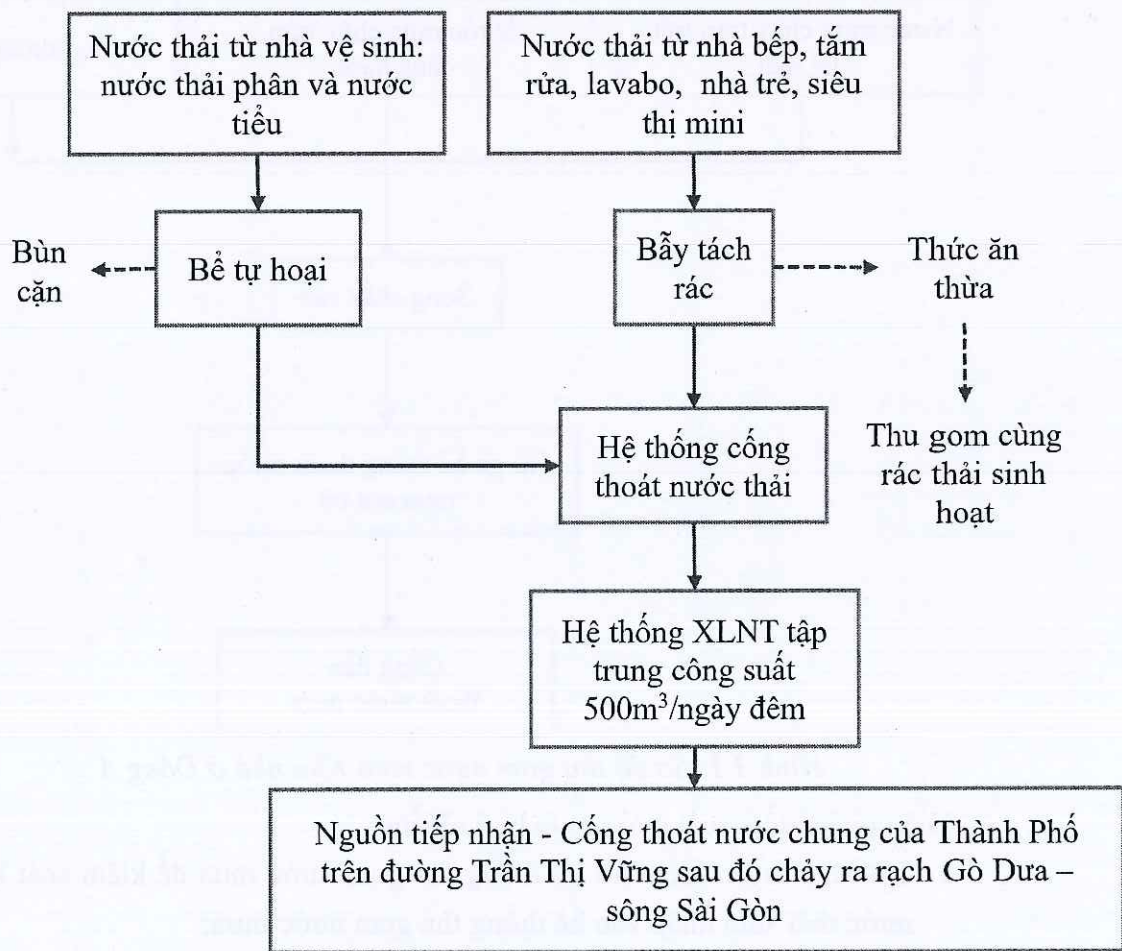
Hình 3.1: Sơ đồ thu gom nước mưa Khu nhà ở Đông Á

- Biện pháp kiểm soát nước mưa bị ô nhiễm:
  - + Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom nước mưa để kiểm soát khả năng nước thải xâm nhập vào hệ thống thu gom nước mưa;
  - + Định kỳ nạo vét, duy tu bảo dưỡng, khơi thông hệ thống thoát nước mưa tránh tình trạng ngập úng, phân hủy kị khí gây mùi hôi,...

## 1.2. Thu gom, thoát nước thải:

Các nguồn phát sinh nước thải của cơ sở bao gồm: Hoạt động của người dân trong khu chung cư, khu nhà liên kế, cán bộ nhân viên làm việc tại khu thương mại dịch vụ và khách công cộng. Tất cả các nguồn phát sinh nước thải được thu gom về HTXL nước thải công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B. Nước thải sau khi xử lý từ HTXL sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung trên đường Trần Thị Vững.

Chủ đầu tư thiết kế xây dựng hệ thống thu gom nước thải và nước mưa của Khu nhà ở Đông Á được tách riêng. Sơ đồ thu gom nước thải như sau:



Hình 3.2: Sơ đồ thu gom nước thải Khu nhà ở Đông Á

**Thuyết minh sơ đồ thu gom nước thải:**

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân: Nước thải được thu gom bằng đường ống Cống tròn ly tâm BTCT D114, D200 (tùy đoạn ống) dẫn về bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn bằng đường ống Cống tròn ly tâm BTCT D300, D400 (tùy đoạn ống) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Nước thải sinh hoạt từ khu nhà trẻ: Nước thải được thu gom bằng đường ống Cống tròn ly tâm BTCT D114, D200 (tùy đoạn ống) dẫn về bể tự hoại 03 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn bằng đường ống Cống tròn ly tâm BTCT D300, D400 (tùy đoạn ống) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại, dịch vụ: Nước thải được thu gom bằng đường ống Cống tròn ly tâm BTCT D114, D200 (tùy đoạn ống) dẫn về bể tự hoại

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

03 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được dẫn bằng đường ống Công tròn ly tâm BTCT D300, D400 (tùy đoạn ống) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm;

- Nước thải từ khu vực bếp các hộ dân: Nước thải được thu gom bằng đường ống Công tròn ly tâm BTCT D114, D200 (tùy đoạn ống) qua bể tách mỡ. Nước thải sau bể tách mỡ sẽ được dẫn bằng đường ống Công tròn ly tâm BTCT D300, D400 (tùy đoạn ống) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm;
- Nước thải từ khu vực bếp nhà trẻ: Nước thải được thu gom bằng đường ống Công tròn ly tâm BTCT D114, D200 (tùy đoạn ống) qua bể tách mỡ. Nước thải sau bể tách mỡ sẽ được dẫn bằng đường ống Công tròn ly tâm BTCT D300, D400 (tùy đoạn ống) dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.

Nước thải được thu gom theo địa hình độ dốc  $i = 0,003$  vào hố ga thu gom nước thải chảy về hệ thống xử lý nước thải với công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm để xử lý. Hệ thống ống thiết kế tự chảy, độ sâu chôn ống đầu tuyến tối thiểu là 0,5m tính đến lưng cống, các tuyến cống bằng đường tối thiểu là 0,7m. Các tuyến ống bố trí dọc theo trục giao thông, dâng sau lưng các khu nhà với hướng thoát chính lần lượt là từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam.. Trên mạng lưới bố trí các hố ga bằng bê tông với khoảng cách 20m/hố.

Nước thải được xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B, K=1,0). trước khi đầu nối vào hệ thống cống thoát nước hiện hữu BTCT D800 có chiều dài 13,7m trên đường Trần Thị Vững.

Khối lượng thoát nước thải theo các tuyến tại cơ sở được thống kê như Bảng sau:

*Bảng 3.2: Thống kê khối lượng thoát nước thải theo các tuyến*

STT	Tên tuyến	Hố ga		Đường ống	
		Kích thước (mm)	Khối lượng (cái)	Ống công BTCT (mm)	Khối lượng (m)
1	Tuyến 1	1.200 x 1.200	22	D800	219
2	Tuyến 2	1.200 x 1.200	13	D800	147
3	Tuyến 3	800 x 800	4	D400	101
4	Tuyến 4	800 x 800	8	D400	203





Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Tên tuyến	Hố ga		Đường ống	
		Kích thước (mm)	Khối lượng (cái)	Ống cống BTCT (mm)	Khối lượng (m)
5	Tuyến 5	800 x 800	11	D400	196
6	Tuyến 6	800 x 800	18	D400	196
7	Tuyến 7	800 x 800	18	D400	196
8	Tuyến 8	800 x 800	18	D400	196
9	Tuyến 9	800 x 800	9	D400	98
Tổng cộng		1.200 x 1.200	35	D800	366
		800 x 800	86	D400	1.186
Hệ thống XLNT ngầm (m <sup>3</sup> )		500	1	-	-

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

- Toạ độ vị trí hố ga xả nước thải bên ngoài cơ sở như sau: X (m): 1201919; Y (m): 609906 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>45', múi chiều 3<sup>o</sup>) (hố ga đầu nối vào hệ thống cống chung thành phố trên đường Trần Thị Vũng).

### 1.3. Xử lý nước thải:

#### Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn:

Đối với nhà chung cư chủ cơ sở đã đầu tư 09 bể tự hoại ba ngăn có kích thước mỗi bể: (Dài x Rộng x Cao) x 9 = (4,4 x 3,4 x 3,2m) x 9 = 431m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của khu nhà chung cư trước khi được chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

Đối với nhà liên kế phố (105 căn hộ), nhà liên kế có sân vườn (102 căn hộ) chủ cơ sở đã đầu tư 207 bể tự hoại ba ngăn tương ứng, có kích thước mỗi bể: Dài x Rộng x Cao = 0,9 x 0,6 x 1,2 = 1m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt của khu nhà liên kế phố (105 căn hộ), nhà liên kế có sân vườn (102 căn hộ) trước khi được chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở.

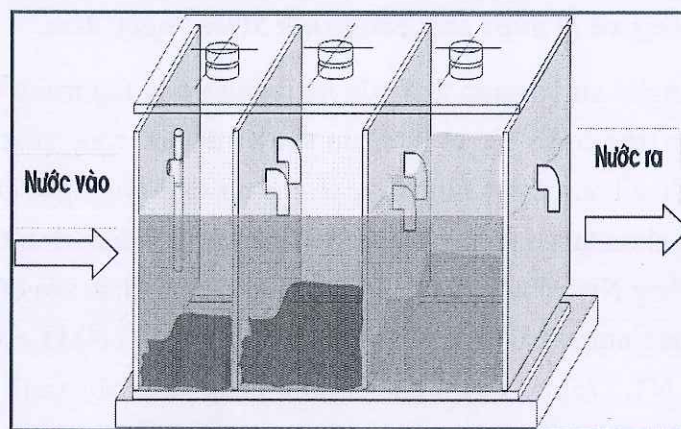
Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại có 2 chức năng: lắng và phân hủy cặn lắng. Qua thời gian 3 – 6 tháng, cặn lắng lên men yếm khí.

Tại đây xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và các chất dạng keo

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

với sự tham gia của hệ vi sinh vật yếm khí. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật yếm khí sẽ hấp phụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí. Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng.

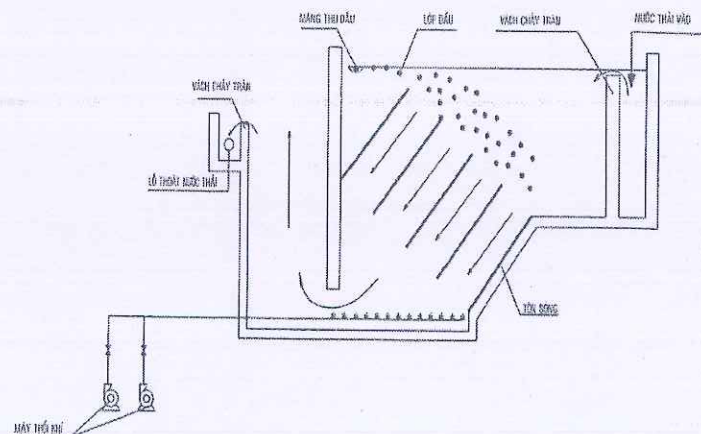
Quá trình lên men chủ yếu diễn ra trong giai đoạn đầu là lên men axit, các chất khí tạo ra trong quá trình phân giải  $\text{CH}_4$ ,  $\text{CO}_2$ ,  $\text{H}_2\text{S}$ ,... Cặn trong bể tự hoại, theo định kỳ sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút thu gom một phần cặn lắng đi xử lý. Mỗi lần lấy phải để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men lại trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn.



Hình 3.3: Cấu tạo bể tự hoại ba ngăn

### Xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ:

Nước thải phát sinh tại khu vực nhà bếp trước khi cho chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung sẽ cho qua thiết bị tách rác, bể tách dầu mỡ. Sau đó, nước thải từ khu vực nấu ăn sẽ được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung. Rác thải với dầu mỡ được thu gom, xử lý cùng với rác thải sinh hoạt.



Hình 3.4: Sơ đồ nguyên lý thiết kế thiết bị tách dầu mỡ

**Quy trình hoạt động bể tách dầu mỡ:** Sau khi nước thải được đưa vào thiết bị tách mỡ, tại ngăn đầu tiên sẽ giữ lại các loại rác từ quá trình rửa, sơ chế thức ăn tại lưới lọc. Nước thải ra có chứa lớp mỡ sẽ được đi qua ngăn thứ 2. Tại đây, lớp mỡ nổi lên trên sẽ được chặn lại nhờ lớp ngăn lọc mỡ, nước chuyển sang ngăn thứ 3, lúc này lượng nước đã được xử lý thông qua 2 ngăn lọc phía trước sẽ chảy ra theo đường ống thải vào hệ thống xử lý nước thải.

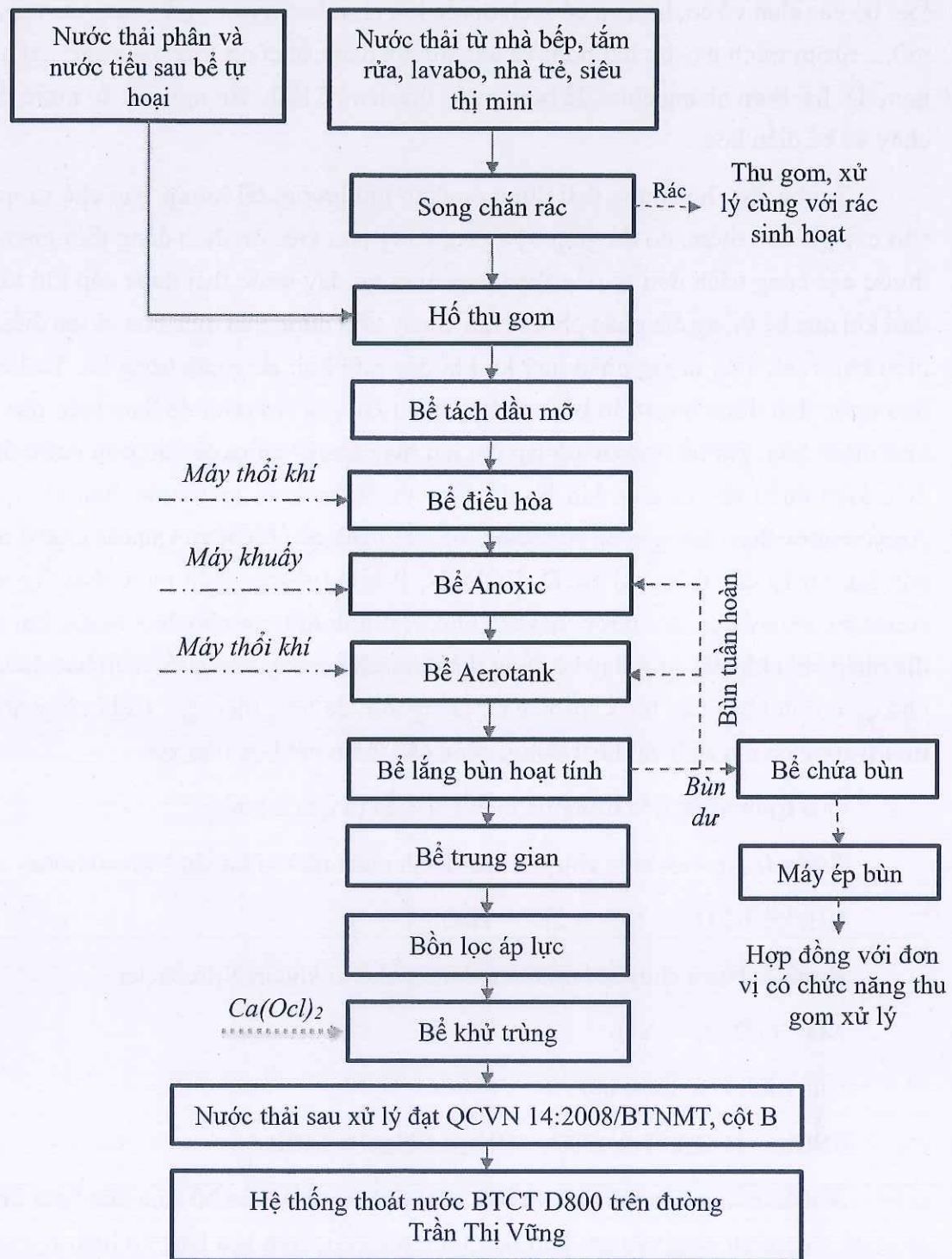
Thiết bị tách dầu mỡ đặt ngầm dưới đất tại tầng trệt của chung cư, kết nối đầu vào với bồn rửa và đầu ra với đường ống nước thải. Rác tại lưới lọc được xử lý như rác thực phẩm. Định kỳ hút mỡ thừa trong bể chứa từ 03 – 06 tháng/lần.

❖ **Quy trình công nghệ xử lý nước thải:**

– ***Hệ thống xử lý nước thải công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm.***

Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý tập trung tại Khu nhà ở Đông Á được lựa chọn trên cơ sở các số liệu đầu vào và đầu ra, công suất thiết kế, điều kiện mặt bằng, cơ sở khoa học và tình hình thực tế của cơ sở. Công nghệ của hệ thống xử lý nước thải được lựa chọn tại cơ sở là công nghệ sinh học hai quá trình thiếu khí và hiếu khí để xử lý BOD, tổng Nitơ, Phốt pho, và các chất ô nhiễm khác với công suất là 500m<sup>3</sup>/ngày đêm, chất lượng nước thải đầu ra đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B, K = 1,0. Diện tích: Bố trí HTXLNT 375m<sup>2</sup>. Vị trí: đặt tại khu công viên cây xanh tập trung (lô F), kiểm tra ngầm, xây dựng kín (tầng trệt của cơ sở). Sơ đồ công nghệ được mô tả cụ thể như sơ đồ dưới đây:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”



Hình 3.5: Hệ thống xử lý nước thải của cơ sở công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

Nước thải từ các khu vực trong cơ sở: nước thải phân và nước tiểu từ nhà vệ sinh sau khi qua bể tự hoại chảy về hố thu gom; nước thải từ chậu rửa, nhà tắm, nhà bếp, nhà trẻ, siêu thị mini chảy qua song chắn rác đến hố thu gom, song chắn rác có nhiệm vụ

loại bỏ các chất vô cơ, hữu cơ có kích thước lớn như: bao nylon, giấy vụn, vải vụn, dầu, mỡ,... nhằm tránh gây hư hại bơm và ảnh hưởng đến các công trình phía sau; tại hố thu gom đặt hai bơm nhúng chìm để bơm nước thải lên bể tách dầu mỡ, sau đó nước thải tự chảy về bể điều hòa.

Tại bể điều hòa nước thải được ổn định lưu lượng, tải lượng, hạn chế sự quá tải vào các giờ cao điểm, do đó giúp hệ thống xử lý làm việc ổn định đồng thời giảm kích thước các công trình đơn vị tiếp theo. Ngoài ra tại đây nước thải được cấp khí từ máy thổi khí qua hệ thống đĩa phân phối nhằm khuấy trộn nước thải điều hòa và tạo điều kiện hiếu khí tránh hiện tượng phân huỷ kỵ khí gây mùi hôi, lắng cặn trong bể. Từ bể điều hòa nước thải được bơm vào bể sinh học thiếu khí (bể Anoxic) để thực hiện quá trình khử nitrat hóa. Tại bể Anoxic có lắp đặt hai máy khuấy chìm để xáo trộn nước duy trì điều kiện thiếu khí và giúp khí  $N_2$  dễ dàng thoát lên khỏi mặt nước. Sau khi qua bể Anoxic nước thải chảy qua bể Aerotank, bể Aerotank có nhiệm vụ khử các chất ô nhiễm còn lại, xử lý các thông số BOD, COD, N, P trong thành phần nước thải. Trong bể Aerotank khuấy trộn đều nước thải với bùn hoạt tính lơ lửng nhờ thiết bị sục khí là các đĩa phân phối khí đặt dưới đáy bể đồng thời khuếch tán oxy vào nước đảm bảo điều kiện cho quá trình phân huỷ hiếu khí xảy ra. Đồng thời để tăng hiệu quả xử lý cũng như tạo môi trường cho vi sinh vật hoạt động, cung cấp thêm vật liệu tiếp xúc.

Quá trình nitrat hóa trong bể hiếu khí diễn ra qua 2 bước:

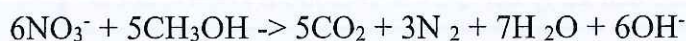
**Bước 1:** Amoni được chuyển hóa thành nitrit nhờ vi khuẩn Nitrosomonas



**Bước 2:** Nitrit chuyển hóa thành Nitrat nhờ vi khuẩn Nitrobacter



Quá trình khử nitrat hóa:



Sau đó hỗn hợp nước thải và bùn hoạt tính tự chảy vào bể lắng bùn hoạt tính, bể lắng có nhiệm vụ lắng và tách bùn ra khỏi nước thải. Bùn sau lắng có hàm lượng ss = 6.000 - 8.000mg/L, một phần sẽ tuần hoàn trở lại bể Anoxic (25 – 75% lưu lượng) giữ ổn định mật độ vi khuẩn tạo điều kiện phân huỷ nhanh chất hữu cơ, đồng thời ổn định nồng độ MLSS = 3.000mg/L, trong bể lắng nước di chuyển trong ống trung tâm xuống đáy bể sau đó di chuyển ngược từ dưới lên trên chảy vào máng thu nước để tràn sang bể trung gian.

Tại bể trung gian, nước thải được bơm tới bồn lọc áp lực là một loại bể lọc nhanh

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

kín, thường được chế tạo bằng thép có hình dạng trụ đứng. Bồn lọc áp lực có thể được chế tạo sẵn. Nước thải từ bể trung gian sẽ được đưa vào bồn lọc qua một phễu được bố trí ở đỉnh bể, qua lớp cát lọc, lớp đỡ rồi vào hệ thống thu nước trong, đi vào đáy bể và nước theo đường ống dẫn ở đáy bể chảy ra ngoài đến bể khử trùng của hệ thống xử lý. Khi rửa lọc, nước từ đường ống áp lực chảy ngược từ dưới lên trên qua lớp cát lọc và vào phễu thu, chảy theo ống thoát nước rửa xuống mương thoát nước dưới sàn. Ngoài ra, bồn lọc áp lực còn được trang bị van xả khí ở đỉnh bồn để thoát khí đọng ở nóc bồn. Bồn có tai treo để dễ dàng cầu, lắp, có nắp đáy với bu-long siết chặt để có thể tháo mở khi rửa lọc hoặc sửa chữa.

Bể khử trùng có tác dụng để tiêu diệt các vi khuẩn gây bệnh, hóa chất được sử dụng là  $\text{Ca}(\text{OCl})_2$ , đây là chất oxy hóa mạnh ở bất cứ dạng nào. Khi  $\text{Ca}(\text{OCl})_2$  tiếp xúc với nước sẽ tạo ra phân tử  $\text{HOCl}$  có tác dụng khử trùng rất mạnh:  $\text{Cl}_2 + \text{H}_2\text{O} \leftrightarrow \text{HOCl} + \text{HCl}$ . Lượng  $\text{Ca}(\text{OCl})_2$  dùng để khử trùng nước thải được pha chế và định lượng chính xác nhờ hệ thống bơm định lượng, đảm bảo lượng Chlorine dư trong nước sau xử lý không vượt quá giới hạn cho phép quy định theo tiêu chuẩn.

Bể khử trùng là công trình đơn vị cuối cùng trong hệ thống XLNT. Nước sau xử lý sẽ đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K=1 đầu nối vào hệ thống công thoát nước hiện hữu BTCT D800 trên đường Trần Thị Vũng.

Bùn dư từ bể lắng bùn hoạt tính được dẫn tới bể chứa bùn, bùn từ bể chứa bùn được đưa tới máy ép bùn để loại bỏ nước, giảm độ ẩm và khối tích bùn. Định kỳ, Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

### d. Các hạng mục xây dựng

Bảng 3.3: Kích thước các bể chức năng của hệ thống XLNT

STT	Hạng mục	Thời gian lưu nước	Kích thước (m)
1	Hồ thu	10 phút	Chiều dài x rộng x sâu: 3,0 x 2,2 x 3,5
2	Bể điều hòa	4 giờ	Chiều dài x rộng x sâu: 13,6 x 2,2 x 3,5
3	Bể sinh học thiếu khí	8 giờ	Chiều dài x rộng x sâu: 5,6 x 4,4 x 3,5
4	Bể sinh học hiếu khí A và B	8 giờ	Chiều dài x rộng x sâu: 5,6 x 2,4 x 3,5 Chiều dài x rộng x sâu: 9,0 x 7,0 x 3,5
5	Bể lắng	1 giờ	Chiều dài x rộng x sâu: 6,0 x 5,5 x 3,5

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Hạng mục	Thời gian lưu nước	Kích thước (m)
6	Bể khử trùng	10 phút	Chiều dài x rộng x sâu: 5,5 x 2,0 x 3,5
7	Bể chứa bùn	-	Chiều dài x rộng x sâu: 6,6 x 5,5 x 3,5

Nguồn: Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông

### Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

Để tránh việc vi sinh bị ức chế và chết, nhân viên vận hành cần bổ sung men vi sinh hiếu khí để tăng cường hệ vi sinh của HTXLNT, các chế phẩm đang dùng vận hành hệ thống xử lý nước thải:

- Mật ri đường;
  - Men vi sinh Microberlift N1;
  - Men vi sinh Microberlift IND;
  - Soda ash light  $\text{Na}_2\text{CO}_3$  98%;
  - Javel 10%;
  - Chlorine.
- **Thiết bị hỗ trợ vận hành.**

Để tiện việc theo dõi và có biện pháp phản ứng nhanh tại hiện trường, công nhân vận hành cần theo dõi các chỉ tiêu sau:

- **Đo hàm lượng bùn**
  - Hàm lượng bùn trong bể Aerotank rất quan trọng, là thông số ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả xử lý của toàn hệ thống. Do vậy, nhân viên vận hành nên thường xuyên đo hàm lượng bùn trong bể Aerotank để có biện pháp ứng phó nhanh, tránh thất thoát bùn trong bể, dẫn đến việc nuôi cấy bùn từ đầu rất tốn kém và mất thời gian.
  - Hàm lượng bùn cần duy trì trong bể Aerotank: khoảng 25 – 30%.
  - Thiết bị đo: ống đong đo bùn.
- **Chỉ tiêu pH**
  - pH là là một trong những chỉ tiêu ảnh hưởng đến điều kiện sống của vi sinh vật, pH trong bể Aerotank cần duy trì ở mức 7 – 7,5 để đảm bảo điều kiện hoạt động của vi sinh. Việc quan sát pH hoạt động của bể rất quan trọng để hiệu chỉnh lượng Soda sử dụng cho phù hợp. Ngoài ra, pH chuẩn cũng là điều kiện để khử Amoni và bùn sẽ kết bông nhanh  $\Rightarrow$  lắng nhanh hơn  $\Rightarrow$  nước thải sau xử lý trong hơn.
  - Thiết bị theo dõi: pH cầm tay hoặc giấy quỳ tím.

- **Máy đo DO**
  - Máy đo DO làm nhiệm vụ theo dõi lượng oxy hòa tan trong các bể để người vận hành có thể điều chỉnh lượng khí sục trong các bể cho phù hợp.
  - Khoảng vận hành lý tưởng cho hệ thống:
    - ✓ Bể Anoxic : 0,15 – 0,2 mg/l
    - ✓ Bể Aerotank : 2 – 5 mg/l
  - Thiết bị đo: máy đo DO cầm tay
- **Bộ test kit đa chỉ tiêu**

Trong nhiều trường hợp nhân viên vận hành cần có cơ sở đánh giá nhanh mức độ ô nhiễm của nước thải sau xử lý, test nhanh một số chỉ tiêu để có phương án thay đổi điều kiện vận hành như: amoni cao, Nito không được xử lý. Lúc này nhân viên cần được trang bị bộ kit test các chỉ tiêu chính dễ bị vượt như Nito, amoni, BOD...

#### **1.4. Các thiết bị, hệ thống quan trắc chất thải tự động, liên tục:**

Căn cứ Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Cơ sở thuộc đối tượng không bắt buộc phải quan trắc nước thải tự động, liên tục.

#### **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:**

Do loại hình kinh doanh của Khu nhà ở Đông Á là xây dựng nhà ở thương mại, chung cư. Vì vậy, các nguồn phát sinh khí thải chính tại cơ sở được liệt kê cụ thể như sau:

- Khí thải từ máy phát điện;
- Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải;
- Khí thải phát sinh từ khu vực lưu chứa chất thải;
- Mùi từ hoạt động nấu nướng;
- Nguồn khí thải từ hoạt động xe ra vào khu vực cơ sở.

Trong các nguồn trên nguồn máy phát điện là nguồn phát sinh gián đoạn. Mục đích sử dụng cho dự phòng trường hợp sự cố mất điện đột xuất ảnh hưởng đến hoạt động của dân cư và khu xử lý nước thải. Để kiểm soát chất lượng không khí xung quanh thì chủ cơ sở có tiến hành quan trắc định kỳ để có thể đánh giá được các mức độ gây ô nhiễm máy phát điện tại cơ sở.

##### **2.1. Biện pháp xử lý mùi hôi**

###### **a. Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải**





Để hạn chế ảnh hưởng của mùi hôi đến môi trường không khí xung quanh, chủ đầu tư sẽ quan tâm đến công tác vận hành và quản lý quá trình hoạt động của trạm xử lý. Cụ thể như sau:

Thường xuyên kiểm tra và bảo quản hệ thống phân phối khí và sục khí ở các bể điều hòa, bể aerotank để duy trì điều kiện hiếu khí, giảm thiểu việc phát sinh các khí gây mùi  $H_2S$ ,  $NH_3$ ...;

Kiểm tra tốc độ dòng chảy nước thải tại các bể chứa, bể tiếp nhận, để đảm bảo thời gian lưu nước của các bể, tránh xảy ra tình trạng phân hủy kỵ khí ở các bể.

Vệ sinh thiết bị tách rác mỗi ngày, thu gom rác thải tập trung về nơi quy định. Đối với bể chứa bùn phải lắp đặt hệ thống thổi khí để tránh phân hủy bùn gây mùi, chu kỳ lấy bùn được vận hành thường xuyên nhằm hạn chế các phản ứng kỵ khí tạo mùi hôi xảy ra. Sử dụng các bồn kín để pha hóa chất.

Để giảm thiểu mùi hôi do trạm xử lý nước thải sinh ra, các công trình bể xử lý sẽ được xây dựng có nắp kín, có ống thông khí giữa các bể, định kỳ vệ sinh bể xử lý để hạn chế mùi hôi phát sinh. Bên cạnh đó, hệ thống xử lý được xây dựng ngầm nên hạn chế gây ra mùi khó chịu cho khu vực xung quanh đồng thời bên trên hệ thống xử lý nước thải được trồng cây xanh bao phủ, cây xanh giúp hạn chế được mùi hôi giúp không khí trong lành hơn.

Đối với bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải nằm ở tầng trệt của chung cư được xây kín tách biệt với các khu vực khác của tòa nhà, có hệ thống lỗ thu gom mùi cho từng bể xử lý, sau đó được đưa về ống thoát tập trung để đưa lên trên mái theo đường hộp gen kỹ thuật, vượt qua mái khoảng cách ít nhất 30cm và có ống quay ngang để tránh mưa các vật rơi vào làm tắc ống.

#### ***b. Khí thải phát sinh từ khu vực lưu chứa chất thải***

Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của cơ sở chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt. Tại các thùng chứa rác sẽ phát sinh các khí gây mùi khó chịu từ việc lên men phân hủy kỵ khí các chất hữu cơ. Thành phần các khí chủ yếu sinh ra từ quá trình phân hủy chất hữu cơ bao gồm  $CO_2$ ,  $NH_3$ ,  $H_2S$ ,  $CO$ ... các khí gây mùi chủ yếu là  $NH_3$ ,  $H_2S$ . Trong điều kiện thời tiết nóng ẩm, nếu chất thải rắn được lưu trữ trong thời gian dài sẽ tạo điều kiện cho ruồi nhặng phát triển làm tăng nguy cơ lây lan bệnh truyền nhiễm.

Rác thải sinh hoạt từ các khu căn hộ và thương mại được thu gom thủ công xuống thùng chứa rác đặt tại khu vực tập trung chất thải rắn. Thùng chứa rác được trang bị là thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy kín, tránh tình trạng để rác vương vãi gây mùi, mất mỹ quan. Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển rác

thải theo đúng quy định.

Nhà thu gom rác được xây kín và cách ly khu vực lân cận để hạn chế phát tán mùi ra khu vực xung quanh, sử dụng chế phẩm vi sinh khử mùi, thường xuyên phun thuốc khử trùng và khử mùi khu vực lưu chứa định kỳ 1 lần/ngày, ngay sau khi thu gom chất thải và vệ sinh khu vực này. Hoạt động thu gom rác chỉ ảnh hưởng cục bộ trong thời gian ngắn. Chủ đầu tư yêu cầu việc quét dọn nhà tập kết mỗi ngày, không để vương vãi rác ra ngoài.

### ***c. Khí thải từ hoạt động nấu nướng***

Không cho phép các hộ dân sống trong khu vực dự án sử dụng các loại nhiên liệu gây ô nhiễm môi trường cao như củi, than đá...; khuyến khích sử dụng các loại nhiên liệu và nguồn năng lượng sạch hơn như khí hóa lỏng (LPG), điện.

Tuân thủ các phương án thiết kế và tiêu chuẩn kỹ thuật khi xây dựng công trình.

Khí thải khu vực bếp các căn hộ, căn tin văn phòng được đẩy vào ống ga xuyên tầng nhờ các quạt hút gắn tại máng hút đồng thời tại đỉnh của ống gen có thiết kế quạt hút chung đặt tại tầng mái.

## **2.2. Biện pháp xử lý bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông**

Về vấn đề ô nhiễm không khí do hoạt động giao thông ra vào tại cơ sở, chủ cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp thích hợp để hạn chế tối đa nguồn ô nhiễm trên gồm:

- Đường giao thông nội bộ trong khuôn viên cơ sở đã được bê tông hoá và được vệ sinh thường xuyên.
- Khu đậu xe tại tầng trệt của khu thương mại dịch vụ căn hộ được tráng bê tông để hạn chế bụi phát tán từ nền lên.
- Quy định tốc độ khi các xe lưu thông ra vào khu vực cơ sở.
- Hạn chế xe máy hoạt động vào những giờ quy định (nghi trưa và ban đêm).
- Đối với các phương tiện bốc dỡ và các xe vận chuyển thuộc tài sản của cơ sở sẽ tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.
- Vệ sinh và phun nước thường xuyên đường nội bộ khi thời tiết khô nóng.

## **2.3. Biện pháp xử lý bụi, khí thải máy phát điện dự phòng**

Khu nhà ở Đông Á có 01 máy phát điện dự phòng công suất công suất 700 KVA sử dụng nhiên liệu dầu D.O với định mức khoảng 30 lít/giờ, lưu lượng khí thải phát sinh khoảng 10.197,3m<sup>3</sup>/giờ, vì hoạt động của máy phát điện là không thường xuyên, chỉ

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

trong trường hợp lưới điện có sự cố, do đó lưu lượng khí thải phát sinh không nhiều và gián đoạn. Tuy nhiên để hoạt động của máy phát điện không gây ra các tác động đến chất lượng môi trường không khí xung quanh, chủ đầu tư đã bố trí chụp hút, đường ống dẫn và quạt hút tại vị trí đặt máy phát điện dự phòng, đưa khí thải đến tháp hấp thụ xử lý phân khí gây độc hại và thoát ra ngoài môi trường không khí bên ngoài qua ống khói. Bên cạnh đó, máy phát điện dự phòng được bố trí tại tầng trệt của khu thương mại dịch vụ căn hộ gần đường nội bộ của cơ sở và đặt trong phòng máy phát có cách âm tốt. Ngoài ra được bố trí các thiết bị quạt thông gió cưỡng bức để giải nhiệt.

Để đảm bảo không khí cho khu dân cư, ống khói được thiết kế phù hợp và bố trí quạt đẩy đảm bảo đủ áp lực để thải khói ra ngoài, ống khói được bố trí trong hộp gen kỹ thuật áp tường. Vì vậy, khí thải phát sinh từ máy phát điện ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường xung quanh.

Ngoài ra, máy phát điện còn được lắp đệm chống ồn, rung; kiểm tra định kỳ, bôi trơn hoặc thay thế chi tiết hỏng. Tại hòng xả khói của máy phát điện sẽ được gắn hòng tiêu âm để giảm độ ồn, trước khi đầu nối vào ống khói đường ống sẽ được gắn ống nhún để giảm lan truyền rung động cũng như giảm được độ ồn từ nguồn rung động này. Trong quá trình thiết kế chi tiết và tiến hành thi công lắp đặt, Khu nhà ở Đông Á cùng đơn vị thi công đã xem xét kỹ điều kiện tự nhiên, hướng gió chủ đạo của khu vực cơ sở. Lựa chọn vị trí lắp đặt ống khói đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn tránh ảnh hưởng đến người dân xung quanh và đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của khu trung tâm. Chiều cao ống khói của máy phát điện có giá trị trung bình là 3m.

Phòng đặt máy phát điện của Khu nhà ở Đông Á được xây dựng là phòng cách âm được thiết kế như sau: xây các vách tường bằng các vật liệu gạch, đá, xi măng, bê tông... kiên cố để có thể chịu đựng được mọi thời tiết. Lớp tiếp theo sẽ là vật liệu cách âm được ép sát vào nhau là rockwool... Tiếp theo nữa là khung xương gia cường lớp cách âm, sau đó trải lên một lớp vải thủy tinh để giữ lớp cách âm và cách nhiệt.

Toàn bộ tường bao của phòng máy phát điện sẽ ốp thêm tấm rockwool ở phía bên trong phòng đặt máy để giảm âm. Bề dày của tấm rockwool từ 7 – 10cm;

Gia cường khung xương sắt tráng kẽm, sau đó trải một lớp vải thủy tinh để giữ lớp cách âm và cách nhiệt, phía ngoài bọc nhôm sơn nhúng điện, soi lỗ.

Tại các cửa cấp và hút gió (miệng thông gió) bố trí các tấm chắn với vật liệu tiêu âm nhằm giảm độ ồn đến mức cho phép. Miệng cấp và hút gió sẽ được bố trí ở những vị trí thích hợp sâu 150 – 200cm để không gây ảnh hưởng đến các khu vực lân cận. Các ống dẫn từ phòng đặt máy đến các miệng cấp và hút gió cũng được gắn các vật liệu tiêu âm và thiết kế chống rung nhằm giảm thiểu mức ồn đến mức thấp nhất.

Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của các máy phát điện và hiệu chỉnh nếu cần thiết.

– **Ống khói thoát khí thải máy phát điện:**

Ống khói được thiết kế chịu được nhiệt độ cao từ máy phát điện phát ra, với bộ lọc khí giảm khí độc trước khi thải khí ra bên ngoài, được tính toán cẩn thận trước khi thiết kế để đảm bảo độ sụt áp cho phép của ống khói.

Cấu tạo chung của ống khói: Làm bằng thép inox có độ dày tiêu chuẩn, sơn chịu nhiệt. Máy phát điện của khối khách sạn và dân cư được bố trí tại tầng trệt của khu thương mại dịch vụ căn hộ gần đường nội bộ của cơ sở và đặt trong phòng máy phát có cách âm tốt và ống khói có đường kính 480mm và sự phát tán khói thải có chiều cao trung bình khoảng 3m (so với mặt đất).

- + Ống khói được thiết kế chịu được nhiệt độ cao từ máy phát điện phát ra, với bộ lọc khí giảm khí độc trước khi thải khí ra bên ngoài, được tính toán cẩn thận trước khi thiết kế để đảm bảo độ sụt áp cho phép của ống khói, khí thải sau xử lý luôn đạt QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B,  $K_p=1$ ;  $K_v=0,6$ ;
- + Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng xả vào môi trường qua ống thoát khí bằng thép inox, đường kính 480mm, chiều cao trung bình khoảng 15m (so với mặt đất);
- + Vị trí đặt ống khói: được đặt tại vị trí hướng Đông Bắc ít tác động đến khu vực xung quanh;
- + Toạ độ vị trí lấy mẫu khí thải máy phát điện (theo Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực  $105^{\circ}45'$ , múi chiều  $3^{\circ}$ ):  $X=1201921m$ ;  $Y=609737m$ ;
- + Đường gió vào: Khu vực tầng trệt;
- + Đường gió ra: Thoát ra khu vực phía sau toà nhà hướng Đông Bắc.

### 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

#### 3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý rác sinh hoạt

- Nguồn phát sinh chất thải sinh hoạt (rác) chủ yếu từ hoạt động của dân cư, khu nhà trẻ, khu thương mại dịch vụ,... Thành phần: giấy, nilon, bao bì, rác hữu cơ, thực phẩm thừa,...
- Chất thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được phân loại và thu gom như sau:
  - + Đối với khu chung cư chất thải phát sinh từ các hộ gia đình sẽ được mỗi hộ tự thu gom, phân loại thành chất thải rắn vô cơ và hữu cơ. Mỗi hộ trang bị thùng chứa rác. Hằng ngày, chất thải sẽ được mang đến phòng lưu trữ chất thải rắn



## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

tại mỗi tầng có 1 nhà rác với diện tích 4m<sup>2</sup> trong nhà rác có 3 thùng rác tập trung (2 thùng rác sinh hữu cơ và 1 thùng vô cơ). Sau đó nhân viên vệ sinh của Ban quản lý sẽ thu gom, vận chuyển lượng chất thải rắn này đến phòng chứa chất thải rắn tập trung có diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>, đặt tại tầng trệt;

- + Đối với nhà trẻ: Rác thải được thu gom và phân loại ngay tại khu vực riêng lưu chứa vào 2 thùng chứa 240 lít khác màu, 1 thùng màu xanh đựng chất thải hữu cơ, 1 thùng màu xám chứa chất thải rắn vô cơ. Sau đó nhân viên vệ sinh sẽ thu gom, vận chuyển lượng chất thải rắn này đến phòng chứa chất thải rắn có diện tích khoảng 10m<sup>2</sup>, đặt tại tầng trệt;
- + Đối với khu thương mại dịch vụ, văn phòng ban quản lý: Rác thải được thu gom và phân loại lưu chứa vào 2 thùng chứa 60 lít khác màu, 1 thùng màu xanh đựng chất thải hữu cơ, 1 thùng màu xám chứa chất thải rắn vô cơ. Hằng ngày, chất thải sau khi phân loại sẽ được mang đến phòng lưu trữ chất thải rắn. Cơ sở trang bị 2 thùng 240 lít chứa chất thải rắn hữu cơ và 2 thùng 240 lít chứa chất thải rắn vô cơ. Sau đó nhân viên vệ sinh của ban quản lý sẽ thu gom, vận chuyển lượng chất thải rắn này đến phòng chứa chất thải rắn tập trung có diện tích khoảng 80m<sup>2</sup>, đặt tại tầng trệt;
- + Đối với nhà liên kế, rác thải sinh hoạt sau khi phân loại sẽ được người dân tự mang đến khu vực lưu chứa chất thải rắn của khu nhà. Tại các khu vực bao quanh khu nhà bố trí các thùng chứa chất thải rắn (60 lít), hàng ngày vào buổi sáng xe thu gom rác của đơn vị thu gom và đưa đi xử lý.
- Khu vực tập trung rác sinh hoạt được thiết kế theo Điểm a, b, c, d, Khoản 3, Điều 33, Mục 3, Thông tư 02/TT-BTNMT yêu cầu: có cao độ đảm bảo không bị ngập; mặt sàn kín, không nứt, không thấm thấu, nước mưa không chảy tràn vào từ bên ngoài, có mái che mưa, nắng;
- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TM XD Xử Lý Môi Trường Thanh Long đến thu gom chất thải sinh hoạt theo định kỳ.

Đối với các rác thải công kênh phát sinh tại cơ sở như (Bàn, ghế, tủ của thải bỏ từ các đơn vị thuê văn phòng,...) sẽ được Chủ cơ sở yêu cầu đơn vị thuê phát sinh thuê vận chuyển và không lưu chứa tại khu vực khuôn viên cơ sở. Ước tính phát sinh khoảng 300 – 500kg/tháng; thành phần chủ yếu như: Bàn, ghế, tủ,... Khi phát sinh chất thải công kênh, đơn vị thuê thỏa thuận giá với đơn vị thu gom và hẹn thời gian vận chuyển. Dân cư đưa chất thải công kênh xuống phương tiện vận chuyển của đơn vị thu gom và đưa đi xử lý ngay.

Chủ cơ sở sẽ đầu tư thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

theo Điểm a, b, c, Khoản 1, Điều 75, Luật BVMT năm 2020 cụ thể như sau:

- Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế;
- Chất thải thực phẩm;
- Chất thải rắn sinh hoạt khác.


Theo như khối lượng rác thải dự trù phát sinh tại cơ sở, khi lấp đầy 100% thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh sẽ là:

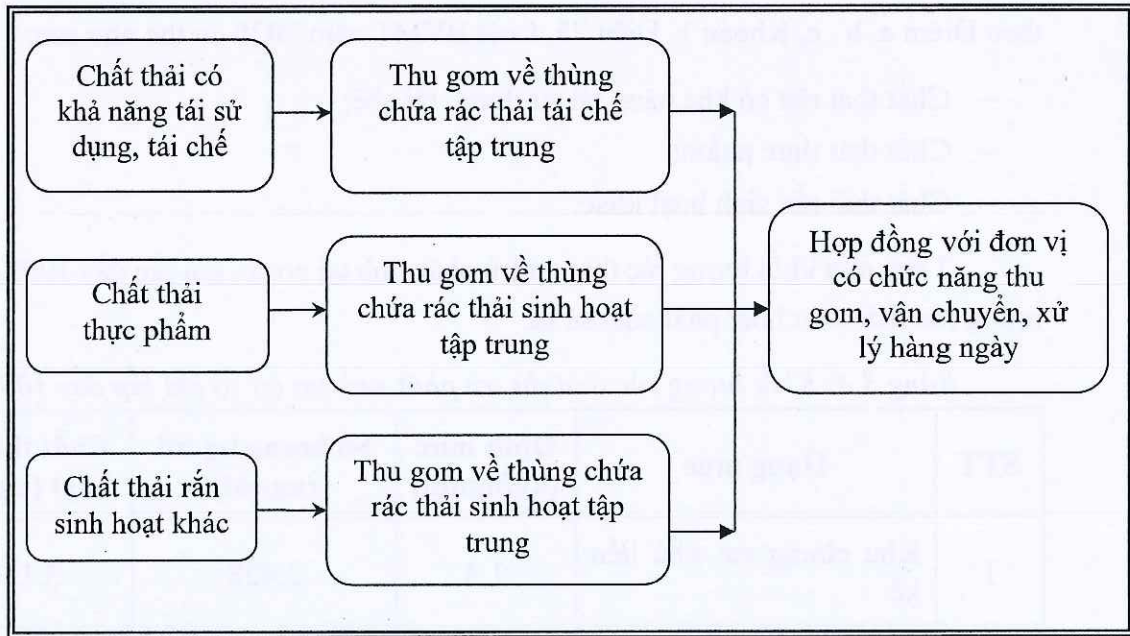
Bảng 3.4: Khối lượng rác thải dự trù phát sinh tại cơ sở khi lấp đầy 100%

STT	Hạng mục	Định mức (kg/người)	Số lượng người (người)	Chất thải sinh hoạt (kg/ngày)
1	Khu chung cư, nhà liên kế	1,3	2.428	3.156,4
2	Khu thương mại, dịch vụ	-	-	100
3	Khu nhà trẻ	-	-	50
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.306,4</b>

Trong đó:

- + Chất thải thực phẩm (chiếm khoảng 60%):  $1.983,84 \text{ kg/ngày} = 59,52 \text{ tấn/tháng} = 724,10 \text{ tấn/năm}$ ;
- + Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (chiếm khoảng 25%):  $826,60 \text{ kg/ngày} = 24,80 \text{ tấn/tháng} = 301,71 \text{ tấn/năm}$ ;
- + Chất thải rắn sinh hoạt khác (chiếm khoảng 15%):  $495,96 \text{ kg/ngày} = 14,88 \text{ tấn/tháng} = 181,03 \text{ tấn/năm}$ .

 Phương án thu gom chất thải rắn của cơ sở:



Hình 3.6: Sơ đồ thu gom, phân loại chất thải của cơ sở

#### Kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa

- Đối với căn hộ (400 hộ): Mỗi tầng căn hộ bố trí 03 thùng chứa (tổng 16 tầng), tổng số lượng thùng rác là 48 thùng với dung tích mỗi thùng là 240lít.
- Đối với nhà ở liền kề (207 căn): Mỗi căn hộ bố trí 1 thùng chứa, tổng số thùng rác là 207 thùng với dung tích mỗi thùng là 15 lít.
- Đối với khu thương mại, dịch vụ: Bố trí 03 thùng 240 lít.
- Đối với nhà trẻ: Bố trí 03 thùng 240 lít.
- Đối với phòng lưu trữ chất thải rắn tại 4 tầng nhà xe của khu chung cư: Bố trí 04 thùng 240 lít.
- Nhà tập trung rác sinh hoạt đặt tại tầng trệt: bố trí sức chứa 100 thùng chứa rác 240 lít.
- Như vậy với số lượng thùng chứa rác đã được cơ sở trang bị hoàn toàn có thể đáp ứng được số lượng thùng rác lưu chứa tại cơ sở. Tất cả thùng rác đều có nắp đậy kín để tránh phát sinh mùi hôi, và dán nhãn phân loại theo đúng quy định.
- Cơ sở sẽ bố trí thùng rác như sau:
  - + Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế: Bố trí khu vực kho chứa 10m<sup>2</sup>;
  - + Chất thải thực phẩm: Bố trí 50 thùng chứa dung tích 240 lít và 207 thùng với dung tích mỗi thùng là 15 lít;

- + Chất thải rắn sinh hoạt khác: Bố trí 40 thùng chứa dung tích 240 lít và 207 thùng với dung tích mỗi thùng là 15 lít.

### 3.2. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý bùn thải

#### a). Đối với Hệ thống xử lý nước thải công suất 500m<sup>3</sup>/ngày và bể tự hoại

##### ❖ Khối lượng bùn từ bể tự hoại:

- Lượng cặn trung bình của 1 người thải ra trong 1 ngày 0,5kg/ngày đêm. Khi lấp đầy cơ sở có khoảng 2.428 người thì lượng bùn bể tự hoại là  $0,5 \times 2.428 = 1.214\text{kg/ngày}$ .

##### ❖ Khối lượng bùn từ hệ thống xử lý nước thải

Lượng cặn này được tính bằng công thức sau:

$$G = Q \times (0,8 \text{ SS} + 0,3 \text{ BOD}) / 10^3 \text{ kg/ngày}$$

(Nguồn: Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp – Tính toán thiết kế công trình – Nguyễn Phước Dân, Lâm Minh Tiết, Nguyễn Thanh Hùng – Tháng 02/2004)

Trong đó:

- Q: lưu lượng nước thải mỗi/ngày,  $Q=500\text{m}^3$  ngày đêm.
- SS: Lượng cặn lơ lửng có trong nước thải (mg/l hoặc g/m),  $\text{SS}=220\text{mg/L BOD}_5$ : Lượng chất hữu cơ được khử (mg/l hoặc g/m),  $\text{BOD}_5=250 \text{ mg/L}$  Vậy lượng bùn sinh ra là:

$$G = 500 \times (0,8 \times 220 + 0,3 \times 250) / 10^3 = 125,5 \text{ kg/ngày}$$

Với khối lượng bùn sinh ra như trên, lượng bùn sinh học tuần hoàn lại bể xử lý sinh học hiếu khí chiếm khoảng 45% lượng bùn sinh ra là  $G$  tuần hoàn = 56,48 kg/ngày. Lượng bùn thải chiếm 55% lượng bùn sinh ra là = 69,03 kg/ngày

##### ❖ Thiết bị lưu trữ

- Bùn từ bể tự hoại: lưu trữ trong bể tự hoại.
- + Đối với nhà chung cư, cơ sở có 02 bể tự hoại dung tích mỗi bể: Dài x Rộng x Cao =  $11,4 \times 4 \times 2,1\text{m} = 95,76 \text{ m}^3$ .
- + Đối với nhà liên kế phố, cơ sở có 207 bể tự hoại dung tích mỗi bể: Dài x Rộng x Cao =  $1,8 \times 1,2 \times 1,2\text{m} = 2,59 \text{ m}^3$ .
- Bùn từ hệ thống XLNT: lưu trữ trong bể chứa bùn. Cơ sở có bể chứa bùn dung tích  $127,05\text{m}^3$  ( $6,6 \times 5,5 \times 3,5$ ).

##### ❖ Chuyển giao xử lý

Cơ sở thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bùn đi xử lý định kỳ 1



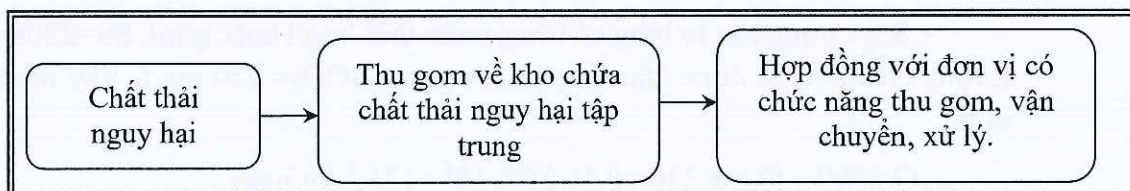
-2 lần/năm.

**b). Tính toán lượng mỡ thải từ bể tách mỡ của cơ sở**

Hiện tại, tại cơ sở có 01 bể tách dầu mỡ được đặt tại tầng trệt khu vực xử lý nước thải được xử lý tách mỡ ra khỏi nước thải trước khi đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở. Theo như tính toán sẽ có 17,28mg dầu mỡ trong lít nước thải (Quyết định số 47/1999/QĐ-BXD ngày 21/12/1999) từ hoạt động nấu ăn, ăn uống nhà hàng. Vậy, với khối lượng nước thải lớn nhất tại cơ sở là 500m<sup>3</sup>/ngày đêm thì lượng dầu mỡ phát sinh 01 ngày sẽ là:  $17,28 \times 500 \times 10^{-6} = 8,64\text{kg}$  dầu/ngày = 3.153,6kg dầu mỡ/năm = 3,1536 tấn/năm. Lượng dầu mỡ dư này hoàn toàn đủ khả năng lưu chứa. Chủ cơ sở thuê đơn vị đến thu gom và xử lý khoảng 04 lần/năm hoặc khi nào có nhu cầu thì chủ cơ sở yêu cầu thu gom.

**4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được lưu trữ tại 01 kho bố trí tại khu vực tầng trệt. Chất thải nguy hại phát sinh từ khu chung cư được thu gom về kho chứa tại tầng trệt với diện tích 12m<sup>2</sup>. Chất thải nguy hại được phát sinh tại mỗi căn nhà liên kế phố sẽ được từng hộ dân mang chất thải nguy hại đến khu lưu chứa chất thải nguy hại tại tầng trệt với diện tích 12m<sup>2</sup>.



Hình 3.7: Sơ đồ thu gom chất thải nguy hại của cơ sở

Cơ sở bố trí 01 kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 12m<sup>2</sup>, nằm tại khu vực tầng trệt được xây dựng theo đúng quy định tại Điểm a, Khoản 6, Điều 35, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (Khu vực lưu chứa chất thải đáp ứng yêu cầu: Mặt sàn trong khu vực lưu giữ chất thải nguy hại đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, có biện pháp hoặc thiết kế để hạn chế gió trực tiếp vào bên trong; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hoá học với nhau; khu lưu giữ chất thải nguy hại phải đảm bảo không tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn) định kỳ chuyển giao cho Đơn vị chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định. Thống kê chất thải nguy hại phát sinh trong năm được trình bày tại bảng sau đây:

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

Bảng 3.5: Thống kê chất thải nguy hại phát sinh trong năm

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng tối đa đề nghị cấp phép (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	60
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	120
3	Vật liệu lọc, Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	60
4	Pin thải, các thiết bị, linh kiện điện tử hư hỏng	Rắn	16 01 12	180
5	Bao bì đựng hoá chất thải	Rắn	18 01 01	60
6	Than hoạt tính thải	Rắn	06 13 02	1.680
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.160</b>

Đơn vị thu gom: Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý là Công ty TNHH Môi trường Cao Gia Quý theo hợp đồng xử lý chất thải số 000676/2024/CGQ ngày 03/05/2024.

- *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại tập trung:*
  - + Thùng dung tích 200 lít;
  - + Số lượng: 06 thùng;
  - + Vật liệu: Nhựa dẻo Cồng tròn ly tâm BTCT;
  - + Khối lượng khả năng lưu chứa: 100 kg/thùng.

**5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

Do loại hình kinh doanh của Khu nhà ở Đông Á là xây dựng nhà ở thương mại, chung cư. Vì vậy, các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính tại cơ sở được liệt kê cụ thể như sau:

- Từ thiết bị của hệ thống xử lý nước thải.
- Từ máy phát điện dự phòng, tuy nhiên đây là nguồn phát sinh không thường xuyên và kéo dài trong thời gian hoạt động (có sự cố cúp điện).
- Từ hoạt động giao thông nội bộ trong khu vực. Mật độ phương tiện ra vào không tập trung, chỉ cao nhất vào 2 giờ cao điểm buổi sáng và buổi chiều, do đó nguồn

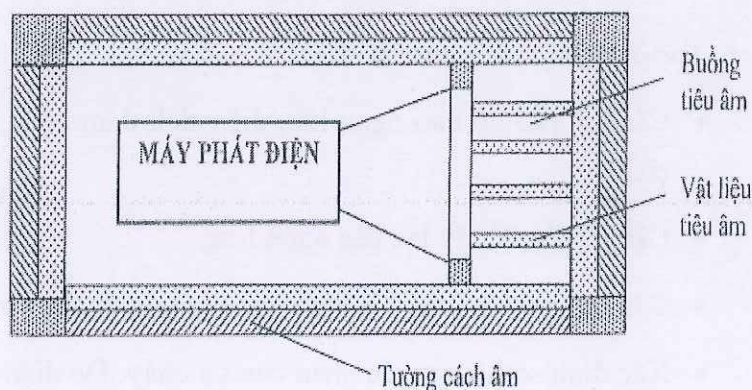
ô nhiễm này phát sinh đáng kể.

**a. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn và độ rung của hệ thống xử lý nước thải**

- Tiếng ồn phát sinh trong giai đoạn này chủ yếu là do các thiết bị công nghệ như máy bơm nước, máy bơm bùn, máy thổi khí. Do đó cần phải có các giải pháp giảm thiểu các tiếng ồn phát sinh. Đối với tiếng ồn từ máy bơm nước, máy bơm bùn sẽ được gắn trực tiếp vào các bể xử lý và sử dụng hầu hết là bơm chìm nên tiếng ồn sẽ giảm thiểu.
- Tại đây, tiếng ồn phát sinh do hoạt động của máy thổi khí có thể được khắc phục bằng các biện pháp sau:
  - + Trang bị nút bịt tai cho công nhân khi tiếp xúc trực tiếp với máy thổi khí.
  - + Bảo dưỡng máy theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết.
- Thường xuyên kiểm tra lượng dầu bôi trơn và dầu trong máy; không để máy hoạt động quá tải; bảo dưỡng máy móc định kỳ.
- Máy móc, thiết bị được lắp đặt đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bộ quán tính. Thường xuyên kiểm tra độ mòn thiết bị, thay thế các thiết bị, chi tiết hỏng, tiến hành bảo trì, bảo dưỡng thiết bị định kỳ.

**b. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động tiêu cực của tiếng ồn và độ rung của máy phát điện dự phòng**

- Bố trí máy phát điện ở tầng trệt của khu thương mại dịch vụ căn hộ tiếp đường nội bộ.
- Máy phát điện được đặt cách âm.
- Lắp đệm chống rung cho máy phát điện.
- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ.
- Nguyên lý hoạt động của phòng cách âm của máy phát điện:
  - + Tiêu âm: Tiếng ồn sẽ được hấp thụ vào buồng tiêu âm, giữa buồng tiêu âm có lớp vật liệu tiêu âm (vật liệu xốp).
  - + Tường cách âm: cấu tạo bằng vách chéo, âm thoát ra ngoài sẽ được giảm thiểu đáng kể vì gặp các vách cản đặt chéo nhau gây nên hiện tượng khúc xạ liên tục.



Hình 3.8: Sơ đồ nguyên lý buồng tiêu âm chống ồn.

**c. Phòng ngừa, giảm thiểu các tác động từ hoạt động giao thông nội bộ trong khu vực**

- Tuyên truyền người dân khi sử dụng xe máy ra vào giờ cao điểm hạn chế nổ máy xe, khuyến khích dắt bộ khi ra vào khu vực để xe.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực để giảm bớt độ ồn.

**6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

**6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ**

- Tòa nhà có bộ phận kỹ thuật điện, sẽ thường xuyên kiểm tra an toàn hệ thống điện để tránh hiện tượng chập điện xảy ra;
- Lắp đặt và xây dựng hệ thống PCCC theo đúng quy định của nhà nước Việt Nam;
- Các thiết bị PCCC để nơi dễ nhìn, dễ lấy;
- Tổ chức huấn luyện, tuyên truyền giáo dục về PCCC (1 tháng/lần);
- Một số phương án bảo vệ khi xảy ra cháy, nổ:

+ Khi nhận được tin báo:

- Ngay khi nhận được tin báo nhân viên Bảo vệ phải nhanh chóng cơ động đến địa điểm báo cháy kiểm tra xem đó là thật hay giả, mức độ lớn hay nhỏ?
- Thông báo cho toàn bộ các bộ phận có liên quan;
- Chuyển bộ đàm sang kênh khẩn cấp và không được gọi nếu không cần thiết;
- Nếu cháy nhỏ và nhận định không nguy hiểm thì phải tự mình sử dụng các phương tiện PCCC gần đó để dập tắt. Tuyệt đối tránh tình trạng hoảng sợ không đáng có gây sự hoảng loạn nơi mọi người;
- Nếu cháy lớn và có thể xác định lây lan nguy hiểm cần phải đập bể các thiết

bị báo cháy để thông tin mọi nơi.

+ *Xác định tính chất của vụ cháy:*

- Căn cứ vào độ cao ngọn lửa, diện tích đám cháy, nhiệt độ toả ra từ đám cháy;
- Căn cứ tốc độ lây lan của ngọn lửa;
- Căn cứ vào vật liệu, địa hình, địa vật tại nơi cháy và khu vực lân cận;
- Xác định sơ bộ nguyên nhân của vụ cháy: Do điện – gas – hoá chất – xăng dầu – lửa thường...

+ *Xử lý:*

- Cúp cầu dao chính ngăn ngừa các thiết bị điện chập mạch gây cháy nổ dây chuyen;
- Phát động báo cháy;
- Gọi điện thoại cho Đội Cảnh Sát PCCC theo danh bạ có sẵn, nói sơ bộ cho họ biết đường đi thuận lợi nhất;
- Mở nhanh các lối thoát hiểm để mọi người thoát ra ngoài;
- Chú ý hướng gió để di tản mọi người cho an toàn, không được di tản xuôi theo chiều gió;
- Dùng tất cả các phương tiện sẵn có để chữa cháy;
- Chuẩn bị nhanh chóng, thuận lợi lối đi lại cho xe cứu hoả – cứu thương;
- Xác định nơi có thể ùn tắc do con người như: Cửa thoát hiểm – Bãi xe – Nơi để đồ nhân viên – Nơi có tài sản để điều động nhân viên giám sát, đảm bảo an toàn trật tự;
- Di dời ngay lập tức các đồ vật dễ gây cháy, nổ ra xa khu vực nguy hiểm;
- Di chuyển an toàn tài liệu, tài sản quan trọng và cử người coi giữ;
- Tất cả NVBV phải đảm bảo an toàn vị trí được phân công.

+ *Cháy - nổ - rò - rỉ Ga:*

- Xác định nhanh chóng nơi có sự cố;
- Khoá chặt hay cô lập hệ thống ga;
- Di tản người ngược theo hướng gió;

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

---

- Liên tục nhắc nhở mọi người không được dùng các vật gây lửa như: Bật quẹt – Hút thuốc – Không bật các công tắc điện...;
- Điện báo cho Công ty ga đến xử lý giúp.

### + Sau khi cháy nổ:

- Bảo vệ tốt hiện trường để các ban, ngành, cơ quan CA làm công tác khám nghiệm điều tra;
- Lập biên bản, báo cáo sự việc;
- Phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan hữu quan;
- Đánh giá mức độ thiệt hại;
- Chỉ thu dọn khi có lệnh của cấp có thẩm quyền;
- Chủ cơ sở nghiêm chỉnh chấp hành nội quy phòng cháy chữa cháy tại tòa nhà như sau:
  - Điều 1: Việc phòng cháy và chữa cháy là nghĩa vụ của mỗi công dân;
  - Điều 2: Mỗi công dân phải tích cực đề phòng không để tai nạn cháy xảy ra đồng thời chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện để khi cần chữa cháy kịp thời và hiệu quả;
  - Điều 3: Phải thận trọng trong việc sử dụng lửa, các nguồn nhiệt, hóa chất và các chất dễ cháy, nổ độc hại, phóng xạ. Triệt để tuân theo các qui định về phòng cháy, chữa cháy;
  - Điều 4: Cấm câu mắc, sử dụng điện tùy tiện, sau giờ làm việc phải kiểm tra lại các thiết bị tiêu thụ điện. Chú ý đến đèn, quạt, bếp điện trước lúc ra về, không để hàng hóa, vật tư áp sát vào bóng đèn, dây điện. Phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về kỹ thuật an toàn trong sử dụng điện;
  - Điều 5: Vật tư, hàng hóa phải xếp gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn phòng cháy, chữa cháy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ, kiểm tra và cứu chữa khi cần thiết. Không dùng khóa mở nắp phuy xăng và các dung môi dễ cháy bằng sắt, thép;
  - Điều 6: Khi giao nhận hàng, xe không được nổ máy trong kho, nơi chứa nhiều chất dễ cháy và khi đậu phải hướng đầu xe ra ngoài;
  - Điều 7: Trên các lối đi lại nhất là ở các lối thoát hiểm không để các chướng ngại vật;

- Điều 8: Đơn vị hoặc cá nhân có thành tích phòng cháy, chữa cháy sẽ được khen thưởng, người nào vi phạm các điều quy định trên tùy trách nhiệm nặng nhẹ mà bị xử lý từ thi hành kỷ luật hành chính đến truy tố theo pháp luật hiện hành.

## 6.2. Sự cố vỡ đường ống cấp và thoát nước

- Đường ống dẫn nước phải có đường cách ly an toàn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.
- Giải pháp ứng cứu khi có sự cố vỡ đường ống dẫn nước là xây dựng một hệ thống công thoát nước xung quanh những vị trí có khả năng gây đổ vỡ đường ống.
- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

## 6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

### - Phương án phòng ngừa

Đây là sự cố không ảnh hưởng trực tiếp ra môi trường. Do hóa chất được lưu trữ và pha chế bên trong kho của nhà vận hành (có mái che, vách ngăn; cửa ra vào riêng). Tuy nhiên, nếu sự cố xảy ra sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên vận hành hoặc người trực tiếp pha chế hóa chất. Để xử lý triệt để sự cố này, Chủ cơ sở áp dụng các phương án phòng ngừa sau:

- + Lưu trữ hóa chất trong trong kho của nhà vận hành (có mái che, vách ngăn; cửa ra vào riêng);
- + Lưu trữ các hóa chất dạng lỏng trong thùng kín;
- + Trong kho chứa hóa chất phải sắp xếp theo từng khu vực riêng lẻ và theo từng loại hóa chất khác nhau;
- + Chuẩn bị đầy đủ các trang thiết bị sẵn sàng để xử lý khi có sự cố tràn đổ hóa chất;
- + Trang bị đầy đủ các đồ bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân;
- + Định kỳ, đào tạo về an toàn hóa chất cho nhân viên vận hành trạm XLNT.

### - Quy trình ứng phó sự cố

Chủ cơ sở sẽ áp dụng đồng bộ các giải pháp ứng phó sự cố theo trình tự sau đây:

- + Nếu sự cố tràn đổ hóa chất ở mức nhỏ, công nhân có thể tự xử lý: dùng chổi quét đối với dạng khô, dùng vải thấm nếu ở dạng ướt. Hóa chất ở dạng khô có thể tái sử dụng vì sàn nhà kho đã được tráng xi măng và thường xuyên quét

dọn sạch sẽ. Vải thấm sẽ được thu gom, xử lý như CTNH;

- + Nếu sự cố tràn đổ hóa chất ở mức lớn, sau khi phát hiện tràn đổ hóa chất, ca trực vận hành thông báo ngay cho Ban quản lý ứng phó sự cố môi trường. Sau đó, ca trực vận hành mang đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết tiến hành cô lập hóa chất, thu gom hóa chất vào thiết bị lưu chứa phù hợp, sau đó chuyển giao lượng hóa chất này (được xem là chất thải nguy hại) chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.

#### **6.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố từ công trình xử lý nước thải**

– *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống đường ống thoát nước thải:*

- + Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn;
- + Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn;
- + Định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất tiến hành thay thế các mối nối, van khóa không còn đảm bảo;
- + Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước;
- + Tiến hành nạo vét hệ thống cống rãnh định kỳ để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng nước.

– *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với bể tự hoại:*

- + Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:
  - Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được;
  - Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh;
  - Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

– *Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải*

- + Biện pháp phòng ngừa sự cố cho trạm xử lý nước thải tập trung;
- + Xây dựng công trình xử lý nước thải theo đúng công suất thiết kế;



## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

---

- + Đảm bảo cung cấp điện cho các thiết bị được hoạt động liên tục;
  - + Vận hành hệ thống xử lý theo đúng hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp;
  - + Thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời;
  - + Đầu tư dự phòng các thiết bị dễ bị hư hỏng như máy bơm (1 máy hoạt động, 1 máy dự phòng), nhằm sẵn sàng thay thế kịp thời khi có sự cố xảy ra, đảm bảo hệ thống xử lý nước thải luôn được vận hành liên tục;
  - + Bố trí nhân viên quản lý vận hành Hệ thống XLNT tập trung. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình XLNT phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình XLNT;
  - + Lập nhật ký vận hành với đầy đủ thông tin về lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, hóa chất sử dụng, lượng bùn thải của trạm xử lý nước thải;
  - + Lập báo cáo giám sát định kỳ gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường TP.HCM, với tần suất 01 lần/năm;
  - + Công tác bảo trì thiết bị, đường ống sẽ được tiến hành thường xuyên để đảm bảo hệ thống xử lý hoạt động tốt. Các công tác bảo trì hệ thống bao gồm: Hệ thống đường ống: Thường xuyên kiểm tra các đường ống trong hệ thống xử lý, nếu có rò rỉ hoặc tắc nghẽn cần có biện pháp xử lý kịp thời.
  - + Các thiết bị dễ gặp sự cố như:
    - Máy bơm: Hàng ngày vận hành máy bơm nên kiểm tra bơm có đầy nước lên được hay không; khi bơm phát ra tiếng kêu lạ cần ngừng bơm ngay lập tức và tìm các nguyên nhân để khắc phục sự cố trên. Cần sửa chữa bơm theo từng trường hợp cụ thể;
  - + Động cơ khuấy trộn: Kiểm tra thường xuyên hoạt động của các động cơ khuấy trộn; định kỳ 6 tháng kiểm tra ổ bi;
  - + Các thiết bị khác: Định kỳ khoảng 3 tháng vệ sinh súc rửa các thiết bị, tránh tình trạng đóng cặn trên thành thiết bị.
- *Biện pháp ứng phó khi có sự cố đối với xử lý nước thải tập trung*
- + Bước 1: Tạm thời ngưng toàn bộ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, thông báo cho Ban quản lý. Đồng thời, tiến hành hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bể điều hòa để tiến hành xử lý lại (*hồi lưu nước thải bằng bơm*

*sẵn có trong hệ thống xử lý nước thải hoặc bơm dự phòng nếu cần thiết);*

- + Bước 2: Xác định nguyên nhân do chất lượng nước thải đầu vào đã được Chủ cơ sở kiểm soát một cách rất chặt chẽ. Chính vì vậy, sự cố nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn xả ra nguồn tiếp nhận chỉ có thể do hai nguyên nhân sau: Lỗi do quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đúng yêu cầu thiết kế hoặc Thiết bị xử lý nước thải bị hư hỏng;
- + Bước 3: Xử lý sự cố.
  - Nếu lỗi do quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải không đúng yêu cầu thiết kế thì: tiến hành hiệu chỉnh lại chế độ vận hành, các thông số vận hành của hệ thống xử lý nước thải cho đúng với tiêu chuẩn thiết kế. Việc làm này sẽ không mất nhiều thời gian (*chỉ khoảng 30 phút*), vì thông thường sự cố này là do sự thiếu trách nhiệm của ca trực vận hành nên sự cố trong trường hợp này Chủ cơ sở hoàn toàn có thể khống chế và khắc phục trong thời gian ngắn, đảm bảo không ảnh hưởng đến việc tiếp nhận nước thải. Đồng thời, Chủ cơ sở cũng sẽ có biện pháp xử lý kỷ luật đối với ca trực vận hành để xảy ra sự cố này;
  - Nếu lỗi do thiết bị xử lý nước thải bị hư hỏng: tiến hành ngay việc thay thế bằng thiết bị dự phòng, đồng thời đem thiết bị bị hư hỏng đi sửa chữa ngay lập tức. Việc làm này sẽ không mất nhiều thời gian (*tối đa chỉ khoảng 60 phút*) vì tại trạm đã có cán bộ chuyên môn cao, việc phối hợp sửa chữa thiết bị nhip nhàng nên sự cố trong trường hợp này Chủ cơ sở hoàn toàn có thể khống chế và khắc phục trong thời gian ngắn.
- + Bước 4: Đưa hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định bình thường trở lại, sau đó báo cáo Ban quản lý về kết quả xử lý sự cố.

Trường hợp đã xả thải nước thải xử lý chưa đạt yêu cầu vào nguồn tiếp nhận, công ty sẽ lên kế hoạch khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; Tiến hành đền bù đối với các cơ sở, hộ dân chịu ảnh hưởng do sự cố xả nước thải của cơ sở gây ra; Thực hiện các biện pháp theo yêu cầu của cơ quan chức năng quản lý nhà nước về môi trường và nộp phạt đầy đủ theo quy định hiện hành.

Như vậy, Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn;
- Nạo vét hệ thống công rãnh định kỳ để khơi thông dòng chảy, tránh bị ứ đọng

nước;

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và bảo trì, bảo dưỡng bể tự hoại định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra;
- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng công suất, quy trình; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế;
- Khi phát hiện hiện sự cố, ngưng hoạt động, hồi lưu toàn bộ nước thải không đạt tiêu chuẩn về bề điều hòa để tiến hành xử lý lại và nhanh chóng rà soát, xử lý sự cố;
- Lập sổ theo dõi lưu lượng, chất lượng nước thải và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải;
- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Với các biện pháp trên, Công ty đảm bảo trong trường hợp hệ thống xử lý gặp sự cố thì sẽ nhanh chóng được khắc phục để đưa vào hoạt động lại bình thường đồng thời xử lý hết được lượng nước thải từ hoạt động của cơ sở theo đúng quy định trước khi thoát ra môi trường. Ngoài ra, Công ty thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ của các máy móc, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời. Trong quá trình vận hành, người vận hành thường xuyên kiểm tra hệ thống xử lý nước thải, nếu hệ thống xử lý hoạt động tốt thì hệ thống được vận hành xử lý nước thải theo đúng quy trình và nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn được thải ra môi trường.

#### **6.4. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống xử lý mùi và máy phát điện dự phòng**

##### **a. Đối với hệ thống xử lý mùi**

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng quạt hút tránh sự cố ngưng hoạt động đột xuất gây phát sinh mùi hôi;
- Thực hiện thay thế quạt hút ngay khi xảy ra sự cố;
- Kiểm tra, vệ sinh đường ống dẫn mùi tránh rò rỉ gây phát tán mùi hôi.

##### **b. Đối với máy phát điện dự phòng**

- Sự cố máy phát điện đầu tiên có thể phát sinh là rò rỉ nhiên liệu như nước làm mát, dầu diesel: Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng định kỳ tổ máy phát điện có thể nhận thấy những vấn đề này và nhiều vấn đề khác, trước khi chúng có cơ hội tiến triển theo chiều hướng tiêu cực, làm hư hỏng máy phát điện;

- Rò rỉ nhiên liệu bình chứa: Không khí trong hệ thống sẽ làm cho máy phát điện bị hỏng. Nếu gặp phải sự cố máy phát điện này, thì rất có thể các van một chiều có thể đã bị trục trặc hoặc một đường dây bị rò rỉ. Nên kiểm tra thường xuyên.

#### 7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- **Giảm thiểu ô nhiễm không khí từ hoạt động giao thông**

Trong quá trình hoạt động của cơ sở sẽ làm tăng nhu cầu đi lại, kèm theo đó là gia tăng lượng khói bụi với thành phần gây ô nhiễm chủ yếu là các chất khí thoát ra từ quá trình đốt cháy nhiên liệu như bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO,... Cơ sở sẽ áp dụng các biện pháp sau để khắc phục nguồn ô nhiễm này:

- + Đã bố trí một cách hợp lý hệ thống cây xanh,... Cây xanh có tác dụng rất lớn trong việc hạn chế ô nhiễm không khí như giữ bụi, lọc sạch không khí, cản trở tiếng ồn phát tán.
  - + Tổ vệ sinh tại cơ sở sẽ thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất trên mặt đường; Tuyên truyền, khuyến cáo cư dân sử dụng các loại nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp.
- **Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố thu gom, xử lý khí thải**
    - + Đảm bảo vận hành thường xuyên và theo đúng kỹ thuật của nhà cung cấp.
    - + Thường xuyên kiểm tra hoạt động của thiết bị; kiểm tra việc rò rỉ và khắc phục sửa chữa, thay thế đường ống nếu có hư hỏng.
    - + Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống như quạt hút, ống dẫn để kịp thời thay thế nếu hư hỏng.

#### 8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

Bảng 3.6: Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

STT	Hạng mục	Theo quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 26/11/2014	Thực tế
1	Công trình y tế	Công năng: sử dụng cho y tế	Công năng: thương mại dịch vụ
2	Hệ thống xử lý nước	Cơ sở có 1 hệ thống xử lý nước thải 500m <sup>3</sup> /ngày.	Theo giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Hạng mục	Theo quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 26/11/2014	Thực tế
	thải	Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, k = 1.	ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương thì Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, k = 1.
3	Vị trí xả nước thải	Nước thải sau xử lý được xả thải vào hệ thống thu gom chung trên đường Bắc Nam	Nước thải sau xử lý được xả thải vào hệ thống thu gom chung trên đường Trần Thị Vững (Công văn số 114/UBND-KT ngày 25/12/2014)
4	Kho rác sinh hoạt	Bố trí kho chứa rác sinh hoạt tập trung 30m <sup>2</sup> ; Vị trí: tầng hầm chung cư	Bố trí kho chứa rác sinh hoạt tập trung 80m <sup>2</sup> và kho chứa rác khu vực nhà trẻ 10m <sup>2</sup> ; Vị trí: tầng trệt chung cư.

**9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp (khi đề nghị cấp lại giấy phép môi trường quy định tại điểm c khoản 4 Điều 30 Nghị định này):**  
Không có.

**10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học:**

Không có.

## CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

#### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn thải số 01: Nước thải đen (bệ xí, âu tiểu,...) tại mỗi căn hộ của khu chung cư;
- Nguồn thải số 02: Nước thải xám (lavabo, vệ sinh sàn,..) tại mỗi căn hộ của khu chung cư;
- Nguồn thải số 03: Nước thải đen (bệ xí, âu tiểu) tại mỗi căn hộ của nhà phố liên kế.
- Nguồn thải số 04: Nước thải xám (lavabo, vệ sinh sàn,..) tại mỗi căn hộ của nhà phố liên kế;
- Nguồn thải số 05: Nước thải đen (bệ xí, âu tiểu,...) tại khu thương mại - dịch vụ;
- Nguồn thải số 06: Nước thải xám (lavabo, vệ sinh sàn,..) tại khu thương mại - dịch vụ.
- Nguồn thải số 07: Nước thải đen (bệ xí, âu tiểu,...) tại khu vực nhà trẻ;
- Nguồn thải số 08: Nước thải xám (lavabo, vệ sinh sàn,..) tại khu vực nhà trẻ;
- Nguồn thải số 09: Nước thải từ nhà bếp tại mỗi căn hộ của khu chung cư;
- Nguồn thải số 10: Nước thải từ nhà bếp tại mỗi căn hộ của nhà phố liên kế;
- Nguồn thải số 11: Nước thải từ nhà bếp tại khu vực nhà trẻ;
- Nguồn thải số 12: Nước thải từ vệ sinh kho và thiết bị lưu chứa rác sinh hoạt.

#### 1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa:

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép là  $500 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ ;  $20,83 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

#### 1.3. Dòng nước thải:

Một (01) dòng nước thải sau xử lý được xả ra môi trường tiếp nhận là hệ thống thoát nước chung của Thành phố trên đường Trần Thị Vững.

#### 1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, TDS, Amoni, Nitrat, Photphat, dầu mỡ động thực vật, Sunfua, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliforms đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, K = 1,0. Cụ thể như sau:

Bảng 4.1: Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm nước thải

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 – 9	06 tháng/lần (thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)	Cơ sở thuộc đối tượng không bắt buộc phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ)
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	50		
3	TSS	mg/l	100		
4	TDS	mg/l	1.000		
5	NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (tính theo N)	mg/l	10		
6	NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (tính theo N)	mg/l	50		
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
8	S <sub>2</sub> <sup>-</sup> (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
9	PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (tính theo P)	mg/l	10		
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

### 1.5. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- Vị trí xả nước thải: phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, TP.HCM.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°45', múi chiếu 3°): X (m): 1201919; Y (m): 609906;
- Phương thức xả nước thải: tự chảy;
- Chế độ xả nước thải: xả liên tục trong ngày (24/24 giờ);
- Nguồn nước tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải là hệ thống cống thoát nước chung của thành phố đoạn thuộc đường Trần Thị Vũng, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương sau đó chảy ra rạch Gò Dưa – Sông Sài Gòn.

### 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải:

#### 2.1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn thải: Khí thải từ ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng công suất

700/KVA.

## 2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa:

- Dòng khí thải số 01: 10.197,3 m<sup>3</sup>/h;

## 2.3. Dòng khí thải:

Dòng khí thải: Một (01) dòng khí thải tương ứng với ống thoát khí thải từ ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng, công suất 700 kVA.

## 2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B; Kp = 1 và Kv = 0,6), cụ thể như sau:

Bảng 4.2: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi, khí thải phát sinh từ các máy phát điện dự phòng (nhiên liệu sử dụng là dầu DO, chỉ sử dụng dự phòng cho trường hợp mất điện) không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp, nhiên liệu sử dụng là dầu DO đáp ứng yêu cầu theo quy định pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.				

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

### 3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung;
- Nguồn số 2: Khu vực nhà đặt máy phát điện dự phòng (khi máy hoạt động).

### 3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°):

- Nguồn số 1: X(m) = 1202029; Y(m) = 609834;
- Nguồn số 2: X(m) = 1202078; Y(m) = 609817;

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:



Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

Bảng 4.3: Quy định về tiếng ồn giai đoạn hoạt động

STT	Từ 06 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 06 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

– QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung. Cụ thể như sau:

Bảng 4.4: Quy định về độ rung giai đoạn hoạt động

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 06 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 06 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở đầu tư thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại: Không có.

5. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:

5.1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

5.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Bảng 4.5: Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh tối đa đề nghị cấp phép

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng tối đa đề nghị cấp phép (kg/năm)
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	60
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	120
3	Vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt thải	Rắn	18 02 01	60
4	Pin thải, các thiết bị, linh kiện điện tử hư hỏng	Rắn	16 01 12	180
5	Bao bì đựng hoá chất thải	Rắn	18 01 01	60
6	Than hoạt tính thải	Rắn	06 13 02	1.680
<b>Tổng cộng</b>				<b>2.160</b>

**5.1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:**

*Bảng 4.6: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh đề nghị cấp phép*

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải thực phẩm	724,10
2	Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế	301,71
3	Chất thải rắn sinh hoạt khác	181,03
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>3.306,4</b>

**5.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

Đối với hệ thống xử lý nước thải, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm: Bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải là khoảng 69,03 kg/ngày. Bùn thải từ bể tự hoại phát sinh khoảng 1.214 kg/ngày.

**5.1.4. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công kênh:**

Ước tính phát sinh khoảng 300 – 500 kg/tháng; thành phần chủ yếu như: bàn, ghế, văn phòng phẩm cũ,...).

**5.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

**5.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại**

**5.2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Trang bị 06 thùng 200 lít bằng nhựa dẻo Cổng tròn ly tâm BTCT, có nắp đậy, bên ngoài thùng được dán tên, mã chất thải nguy hại và ký hiệu cảnh báo theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**5.2.1.2. Kho lưu chứa:**

- Diện tích kho: 12 m<sup>2</sup>.
- Vị trí: Tầng trệt;
- Thiết kế, cấu tạo: phòng chứa chất thải nguy hại là phòng kín, có cửa khóa, mặt sàn là nền đá bê tông kín khít, có gờ chống tràn, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có trần là bê tông cốt thép kiên cố, cách nhiệt nên che kín nắng, mưa, có biển cảnh báo và dán nhãn theo đúng quy định, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, vật liệu thấm hút để ứng phó khi có sự cố xảy ra, đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

## **5.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

### **5.2.2.1. Thiết bị lưu chứa:**

- + Đối với phòng lưu trữ chất thải rắn tại mỗi tầng của khu chung cư: Bố trí 03 thùng 240 lít;
- + Nhà tập trung rác sinh hoạt đặt tại tầng trệt: sức chứa 100 thùng rác 240 lít;
- + Đối với nhà ở liền kề mỗi nhà trang bị 2 thùng rác để trước nhà với dung tích mỗi thùng 15 lít.

### **5.2.2.2. Kho lưu chứa:**

- Diện tích: kho chứa rác sinh hoạt tập trung 80m<sup>2</sup> và kho chứa rác khu vực nhà trẻ 10m<sup>2</sup>;
- Vị trí: Tầng trệt khu chung cư;
- Cấu tạo: Khu vực được xây dựng bằng tường gạch, có mái che, nền đổ bê tông để thuận tiện cho việc thu gom và vận chuyển chất thải.

## **5.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải, công suất 500m<sup>3</sup>/ngày đêm được chứa trong bể chứa bùn có dung tích 127,05m<sup>3</sup> (6,6 x 5,5 x 3,5);
- Bùn từ bể tự hoại được chứa trong bể tự hoại:
- Đối với nhà chung cư: bể tự hoại có thể tích 95,76m<sup>3</sup> mỗi bể, tổng diện tích 2 x 45,6m<sup>2</sup> = 91,2m<sup>2</sup>.
- Đối với nhà liền kề phố: bể tự hoại có thể tích 2,59m<sup>3</sup> mỗi bể, tổng diện tích 2 x 2,16m<sup>2</sup> = 4,32m<sup>2</sup>.

## **5.2.4. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công kênh:**

Khi phát sinh chất thải công kênh, chủ cơ sở sẽ thỏa thuận giá với đơn vị thu gom và hẹn thời gian vận chuyển. Nhà thầu trực tiếp đưa chất thải công kênh xuống phương tiện vận chuyển của đơn vị thu gom và đưa đi xử lý ngay.

## **6. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại:**

Không có.

## CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

### 1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2022:

- Thời gian quan trắc:
  - + Đợt 1: 24/3/2022;
  - + Đợt 2: 17/6/2022;
  - + Đợt 3: 14/9/2022;
  - + Đợt 4: 28/11/2022.
- Tần suất quan trắc: 04 đợt/năm;
- Vị trí các điểm quan trắc: Nước thải tại hố ga tập trung sau xử lý;
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường – REC.

Kết quả quan trắc nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải được tổng hợp tại bảng sau:

Bảng 5.1: Kết quả nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải năm 2022

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, k=1)
			NT1	NT2	NT3	NT4	
1	pH	-	6,85	7,22	7,24	7,33	5-9
2	TSS	mg/l	72,5	55	68	57	100
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	34	34	29	32	50
4	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	5,72	4,91	4,37	5,83	10
5	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	10,9	17,3	13,5	10,9	50
6	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/l	2,27	3,80	3,23	4,47	10
7	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	4,48	4,47	5,93	4,09	20
8	Coliform	MPN/ 100ml	3,5 x 10 <sup>3</sup>	1,4 x 10 <sup>3</sup>	2.600	2.200	5.000
9	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	1,18	2,95	1,89	1,57	-

**Ghi chú:** QCVN 14:2008/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**Nhận xét:** Qua kết quả quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt đầu vào và đầu ra trạm xử lý nước thải cho thấy, tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải vào cống thoát nước chung của Thành phố.

**2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn và khí thải năm 2022:**

Không yêu cầu thực hiện.

**3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải năm 2023:**

- Thời gian quan trắc:
  - + Đợt 1: 24/3/2023;
  - + Đợt 2: 21/6/2023;
  - + Đợt 3: 29/9/2023;
  - + Đợt 4: 05/12/2023.
- Tần suất quan trắc: 04 đợt/năm;
- Vị trí các điểm quan trắc: Nước thải tại hố ga tập trung sau xử lý;
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.
- Đơn vị thực hiện quan trắc: Trung tâm nghiên cứu và tư vấn môi trường – REC.

Kết quả quan trắc nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải được tổng hợp tại bảng sau.

*Bảng 5.2: Kết quả nước thải đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải năm 2023*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, k=1)
			NT1	NT2	NT3	NT4	
1	pH	-	6,91	6,92	7,10	6,77	5-9
2	TSS	mg/l	73	71	88,5	67,5	100
3	BOD <sub>5</sub>	mg/l	24	39	35	34	50
4	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup>	mg/l	5,10	6,11	7,74	4,73	10
5	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup>	mg/l	12,3	12,5	12,0	13,2	50
6	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup>	mg/l	2,91	3,08	3,30	3,23	10

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả				QCVN 14: 2008/BTNMT (cột B, k=1)
			NT1	NT2	NT3	NT4	
7	Dầu, mỡ động thực vật	mg/l	4,30	3,35	3,49	< 3	20
8	Coliform	MPN/ 100ml	2,0 x 10 <sup>3</sup>	2,6 x 10 <sup>3</sup>	2,1 x 10 <sup>3</sup>	2,6 x 10 <sup>3</sup>	5.000
9	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	2,56	1,94	1,7	1,35	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.
- QCVN 14:2008/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

**Nhận xét:** Qua các đợt quan trắc chất lượng nước thải sinh hoạt đầu vào và đầu ra hệ thống xử lý nước thải cho thấy, tất cả các chỉ tiêu quan trắc đều đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải vào cống thoát nước chung của Thành phố.

**4. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với tiếng ồn và khí thải năm 2023:**

Không yêu cầu thực hiện.



## **CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:**

Khu nhà ở Đông Á đã đi vào hoạt động và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phát triển nhà ở Đông Á, quy mô diện tích 52.525,7m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người tại phường An Bình, Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông. Cơ sở đã hoàn thành giai đoạn vận hành thử nghiệm và đang vận hành ổn định.

### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.**

#### **2.1. Chương trình quan trắc định kỳ:**

Cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại Điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ như sau:

- Vị trí quan trắc: 01 điểm nước thải sau xử lý;
- Thông số giám sát: pH, BOD<sub>5</sub> (20<sup>0</sup>C), TSS, TDS, Sunfua (tính theo H<sub>2</sub>S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), dầu mỡ ĐTV, tổng các chất hoạt động bề mặt, PO<sub>4</sub><sup>3-</sup>, tổng Coliforms;
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;

Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K= 1,0).

#### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:**

Căn cứ Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục.

#### **2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở:**

##### **↓ Giám sát chất thải rắn**

- Vị trí giám sát: khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại;
- Nội dung giám sát: khối lượng, thành phần, chứng từ chuyển giao;
- Tần suất giám sát: hàng ngày.

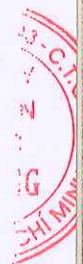
### **3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm:**

Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

Bảng 6.1: Tổng hợp kinh phí dành cho công tác quản lý, giám sát môi trường

STT	Thông số	Số mẫu	Tần suất giám sát (lần/năm)	Đơn giá (Đồng)	Tổng tiền (Đồng/năm)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Trong giai đoạn hoạt động</b>				<b>228.000.000</b>	-
1	Giám sát chất thải rác sinh hoạt và chất thải nguy hại	1	1	198.000.000	198.000.000	Hợp đồng thu gom
2	Giám sát nước thải	1	4	2.500.000	10.000.000	-
3	Giám sát bùn thải	1	2	10.00.000	20.000.000	Hợp đồng thu gom
<b>II</b>	<b>Hoạt động quản lý môi trường</b>	Chiếm 10% kinh phí từ hoạt động giám sát			<b>6.500.000</b>	-





**CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ**

Trong vòng hai năm gần nhất (2022, 2023) Khu nhà ở Đông Á không có các hoạt động thanh tra về môi trường, chỉ có các hoạt động giám sát và kiểm tra, cụ thể như sau:

STT	Tên cơ quan	Thời gian	Nội dung
<b>I</b>	<b>Năm 2022</b>		
1	Tổ kiểm tra theo QĐ 2959-25/7/2022	19/10/2022	Kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước.

### CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông cam kết:

- Những nội dung được nêu trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường là hoàn toàn chính xác, trung thực;
- Tuân thủ Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chất lượng môi trường không khí xung quanh và khí thải đảm bảo đạt theo tiêu chuẩn môi trường Việt Nam:
  - + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT);
  - + Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (QCVN 05:2023/BTNMT);
  - + QCVN 19:2009/BTNMT, Cột B, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất vô cơ;
- Thực hiện tốt công tác kiểm tra và vận hành hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo vận hành liên tục. Chất lượng nước thải sau xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt theo QCVN 14:2008/BTNMT, cột B (K=1,0) trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận;
- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì và kiểm tra các máy móc thiết bị của hệ thống xử lý nước thải;
- Không có hệ thống xả nước thải nào khác hệ thống xả nước thải đề nghị cấp phép;
- Thường xuyên nạo vét, khơi thông dòng chảy và vệ sinh hệ thống thu gom và thoát nước;
- Có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời và có trách nhiệm trong việc giảm thiểu ô nhiễm nguồn nước và chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- Cam kết thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục;
- Hàng năm tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương về

## Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

---

tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xả nước thải; các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải theo quy định;

- Dừng ngay hoạt động xả thải để xử lý, đồng thời có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan chức năng để xin ý kiến chỉ đạo kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm, ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước nguồn tiếp nhận nước thải hoặc một thông số ô nhiễm trong nước thải vượt quá quy định cho phép;
- Thực hiện các biện pháp phân loại rác tại nguồn theo quy định;
- Thực hiện giảm thiểu tiếng ồn độ rung theo đúng quy định của QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung;
- Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các quy chuẩn Việt Nam và nếu để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường.



# PHỤ LỤC

- PHỤ LỤC I – CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN**  
**PHỤ LỤC II – CÁC KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**  
**NỀN**  
**PHỤ LỤC III – CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN**



# PHỤ LỤC I- CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ VỀ CƠ SỞ

- 1/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310694943, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp, đăng ký lần đầu ngày 17/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 27/3/2023;
- 2/ Quyết định số 2990/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phát triển nhà ở Đông Á, quy mô diện tích 52.525,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông;
- 3/ Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 35/GP-UBND ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;
- 4/ Văn bản số 114/UBND-KT ngày 25/12/2024 về việc kết nối giao thông và đấu nối nước thải sinh hoạt;
- 5/ Công văn số 1589/UBND-KTN ngày 08/6/2012 về việc điều chỉnh nội dung Công văn số 1402/UBND-KTN ngày 28/5/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh;
- 6/ Quyết định số 2163/QĐ-UBND ngày 06/8/2012 về việc thu hồi đất của Xí nghiệp lợn Đông Á (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á) giao đất cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông để thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;
- 7/ Giấy phép xây dựng số 1475/GPXD-SXD ngày 30/5/2016;
- 8/ Thông báo số 76/TB-PTNMT ngày 05/9/2022 về việc kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với khu chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An;
- 9/ Biên bản công bố quyết định kiểm tra ngày 19/10/2022;
- 10/ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX ngày 22/01/2020;
- 11/ Hợp đồng kinh tế số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại;
- 12/ Phụ lục hợp đồng số 2 (Hợp đồng kinh tế số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại) ngày 11/3/2023;
- 13/ Chứng từ thu gom chất thải nguy hại;
- 14/ Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ngày 01/12/2023;

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở “Khu nhà ở Đông Á”

---

- 15/ Hợp đồng số 001-2022/HĐKT/HP-PĐ ngày 30/9/2022 về việc hút bùn bể lắng tự hoại;
- 16/ Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;
- 17/ Hoá đơn tiêu thụ điện;
- 18/ Hoá đơn sử dụng nước;
- 19/ Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 19/11/2018.



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0310694943

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 03 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 27 tháng 03 năm 2023

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU DONG REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHU DONG REAL ESTATE JSC

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08.3911 1281

Email:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 30.000.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGÔ QUANG PHÚC

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 26/08/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036081022010

Ngày cấp: 21/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 53/4 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 53/4 Nguyễn Khắc Nhu, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: 044524 Quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 08.02.2024

Website:

Công chứng viên

Văn Phòng Công Chứng Nguyễn Kim Chi



Giới tính: Nam

Bùi Trần Việt Hưng



Võ Thành Thơ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 2990/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 26 tháng 11 năm 2014

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án phát triển nhà ở Đông Á,  
quy mô diện tích 52.525,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người  
tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương  
của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án phát triển nhà ở Đông Á, quy mô diện tích 52.515,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người tại phường An Bình, thị xã Dĩ An của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông họp ngày 08 tháng 10 năm 2014 tại Hội trường Chi cục Bảo vệ môi trường;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án phát triển nhà ở Đông Á, quy mô diện tích 52.515,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người tại phường An Bình, thị xã Dĩ An của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông họp ngày 08 tháng 10 năm 2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 629/TTr-STNMT ngày 17 tháng 11 năm 2014,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án phát triển nhà ở Đông Á, quy mô diện tích 52.515,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người tại phường An Bình, thị xã Dĩ An của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

1.1 Vị trí thực hiện: phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương;





1.2 Ngành nghề hoạt động: xây dựng nhà ở thương mại, chung cư;

1.3 Quy mô, công suất: diện tích 52.515,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người;

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án:

2.1 Các yêu cầu về xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn QCVN 14 : 2008/BTNMT, cột A hệ số K=1 trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước của đường Bắc Nam.

- Khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19 : 2009/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20 : 2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26 : 2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27 : 2010/BTNMT);

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn;

- Phải đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại và quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số: 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về quản lý chất thải nguy hại.

2.2 Các yêu cầu về lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải

Công ty phải lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và máng đo thủy lực để quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 28 và xây dựng điểm quan trắc nguồn thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 29 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số: 63/2012/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

2.3 Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố

Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

2.4 Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải

Tổ chức giám sát chất thải với tần suất tối thiểu 3 tháng 01 lần; giám sát môi trường xung quanh, môi trường lao động với tần suất tối thiểu 6 tháng 01 lần; định kỳ tổng hợp báo cáo giám sát môi trường gửi cơ quan quản lý nhà nước về môi trường với tần suất tối thiểu 01 lần/năm.

**Điều 2.** Các yêu cầu về công khai thông tin và trách nhiệm của chủ dự án trước khi đưa dự án đi vào hoạt động chính thức



- Niêm yết thông tin về môi trường theo quy định tại Điều 22 Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

- Trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức, chủ dự án phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Điều 23 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ và Điều 35, 36, 37 Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 17 tháng 8 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ. Cụ thể như sau:

+ Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và giai đoạn thi công xây dựng dự án;

+ Thiết kế, xây lắp các công trình bảo vệ môi trường;

+ Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án; tổ chức vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải;

+ Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của dự án.

**Điều 3.** Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 5.** Ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra, giám sát, xem xét giải quyết các điều chỉnh và xác nhận việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, người đại diện pháp luật của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT;
- Sở TN&MT; Sở XD;
- UBND thị xã Dĩ An;
- Sở Địa ốc Phú Đông;
- LĐVP (Tr, Lg), Phong, TH;
- Lưu: VT.

Ngày 21-08-2024

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trần Văn Nam

3

Phan Minh Tuấn

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 25 /GP-UBND

Bình Dương, ngày 01 tháng 11 năm 2021

**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC**  
**(Gia hạn lần 1)**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 06 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương;

Xét đơn đề nghị gia hạn giấy phép xả nước thải vào nguồn nước ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông và hồ sơ kèm theo;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-STNMT ngày 27 tháng 10 năm 2021.

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông, địa chỉ: số 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh; được xả nước thải từ Công trình hệ thống xử lý nước thải tại Khu nhà ở Đông Á, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương vào nguồn nước với các nội dung chủ yếu sau:



1. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: rạch Gò Dưa – sông Sài Gòn;
2. Vị trí xả nước thải:
  - Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 11.99.046; Y: 06.89.895;
  - Địa chỉ: phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh;
3. Phương thức xả nước thải: tự chảy;
4. Chế độ xả nước thải: 24 giờ/ngày;
5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm;
6. Chất lượng nước thải: nước thải sau hệ thống xử lý phải đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B với hệ số K = 1,0 đối với tất cả các thông số theo QCVN 14:2008/BTNMT;
7. Thời hạn của giấy phép: 3 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông:**

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
2. Thực hiện quan trắc nước thải và nước nguồn tiếp nhận như sau:
  - a) Quan trắc nước thải:

Quan trắc định kỳ lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý với vị trí, thông số, tần suất quan trắc như sau:

    - Vị trí quan trắc: nước thải sau hệ thống xử lý;
    - Các thông số quan trắc chất lượng nước thải theo quy định tại Khoản 6, Mục I của Giấy phép này;
    - Tần suất quan trắc chất lượng nước thải: ba (03) tháng/lần;
    - Tần suất quan trắc lưu lượng nước thải: mỗi ngày một (01) lần vào cùng một thời điểm.
  - b) Quan trắc nguồn nước tiếp nhận:
    - Vị trí quan trắc chất lượng nguồn tiếp nhận: một (01) điểm trên rạch Gò Dưa, cách vị trí xả thải 30m về phía hạ nguồn.
    - Thông số quan trắc: pH, COD, BOD, TSS, nitrit, nitrat, phosphat, amoni, coliform theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1.

- Tần suất quan trắc: ba (03) tháng/lần.

3. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình, thiết kế nêu trong hồ sơ, bảo đảm các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Khoản 6, Điều 1 của Giấy phép này trước khi xả vào nguồn tiếp nhận. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào vượt quá mức quy định của Giấy phép và ngưng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

4. Thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong hồ sơ đề nghị cấp phép.

5. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường.

6. Thực hiện báo cáo hoạt động xả nước thải vào nguồn nước theo Điều 10 và Biểu mẫu số 24, 25 tại phụ lục đính kèm Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo;

7. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước;

Điều 3. Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 của Luật Tài nguyên nước và các quyền hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 121/GP-UBND ngày 04/12/2018 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./. kt

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND Tỉnh;
- Cục QLTTN;
- Sở TN&MT;
- UBND TP Dĩ An;
- Cty CP Địa ốc Phú Đông;
- LĐVP (Dg, Th), Ch, TH;
- Lưu: VT/kt kt

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

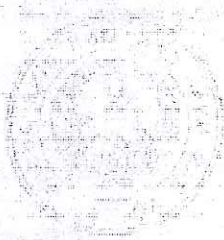


Mal Hùng Dũng

de nederlands basis club feb. 11, 2021

Uluk

W.P.T. Hef



ỦY BAN NHÂN DÂN  
PHƯỜNG AN BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 114/UBND-KT

Phường An Bình, ngày 25 tháng 12 năm 2014

Về việc kết nối giao thông và  
đầu nối nước thải sinh hoạt

**Kính gửi:** **TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY  
CỔ PHẦN PHÚ ĐÔNG**

- Căn cứ vào Quyết định số 2481/QĐUB ngày 23/6/2009 của UBND tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt đề án quy hoạch chung xây dựng đô thị Dĩ An năm 2020 và tầm nhìn năm 2030;

- Căn cứ vào Quyết định số 5610/QĐ-UBND của UBND thị xã Dĩ An phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án phát triển nhà Đông Á ngày 18/8/2011.

- Căn cứ công văn số 21/CV-DAPĐ ngày 04/11/2014 của Công Ty Cổ Phần Địa ốc Phú Đông về việc xin phép đầu nối giao thông, đầu nối nước thải sinh hoạt vào đường và hệ thống thoát nước đường Trần Thị Vững.

- Căn cứ công văn số 1402/UBND-KTN ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Dương về việc chấp thuận cho công ty Địa ốc Phú Đông tiếp tục đầu tư Dự án phát triển nhà Đông Á.

Sau khi nhận được công văn của Công ty UBND phường An Bình xem xét có ý kiến như sau: Chấp thuận cho Công Ty Phú Đông kết nối giao thông, đầu nối hệ thống thoát nước vào đường Trần Thị Vững, với kích thước cống tròn đường kính 800mm. Trước khi đầu nối công ty phải thực hiện xử lý nước thải đúng theo hồ sơ đã được phê duyệt.

Trong quá trình triển khai thực hiện dự án Công ty Phú Đông phải có trách nhiệm, nâng cấp sửa chữa đường và HTTN đường Trần Thị Vững khi bị xuống cấp. Không được làm ảnh hưởng môi trường, cản trở giao thông, trong khi đầu nối.

Giao cho cán bộ giao thông phường theo dõi, giám sát quá trình thực hiện của Công Ty Phú Đông./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Nguyễn Ngọc Ân

(13) p1

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1580 /UBND-KTN

Bình Dương, ngày 04 tháng 6 năm 2012

V/v: điều chỉnh nội dung  
Công văn số 1402/UBND-  
KTN ngày 28/05/2012 của  
Ủy ban nhân dân tỉnh

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An;
- Công ty cổ phần Địa ốc Phú Đông.

Qua xem xét Công văn số 01/CVPĐ-2012 ngày 30/05/2012 của Công ty cổ phần Địa ốc Phú Đông về việc phát triển dự án nhà ở Đông Á; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Chấp thuận cho Công ty cổ phần Địa ốc Phú Đông tiếp tục thực hiện dự án Khu nhà ở Đông Á theo quy hoạch chi tiết đã được Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An phê duyệt tại Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 18/08/2011 ( thay cho Quyết định số 1458/QĐ-UBND ngày 16/02/2011 đã hết hiệu lực thi hành ).

Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Công văn số 1402/UBND-KTN ngày 28/05/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT và PCT;
- Như trên;
- LĐVP, Km, TH;
- Lưu: VT, *LA*

**CHỦ TỊCH**

**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**  
Số chứng thực.....Quyển số: 01 SCT/BS

Ngày: 20-08-2024



Lê Thanh Cung

**Công chứng viên**

**Văn Phòng Công Chứng Nguyễn Kim Chi**



*Bùi Trần Việt Hương*



**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2163 /QĐ-UBND

Bình Dương, ngày 06 tháng 7 năm 2012.

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thu hồi đất của Xí nghiệp Lợn giống Đông Á (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á), giao đất cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông để thực hiện dự án Khu nhà ở thương mại tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định số: 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số: 88/2009/NĐ-CP ngày 19/9/2009 của Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 288 /TTr-STNMT ngày 23/7/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi khu đất có tổng diện tích 52.515,7m<sup>2</sup> (đã trừ 209,7 hành lang lộ giới) tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương do Xí nghiệp Lợn giống Đông Á (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á) quản lý, sử dụng. Đồng thời thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 751836, số vào sổ cấp GCN: 290QSĐĐ/2003 ngày 16/09/2003 do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Xí nghiệp Lợn giống Đông Á.

**Điều 2.** Giao đất cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương, khu đất có đặc điểm như sau:

1. Tổng diện tích: 51.973,5m<sup>2</sup> (đã trừ 542,2m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang an toàn đường bộ). Trong đó:

a) Diện tích giao đất có thu tiền sử dụng đất:

- Đất ở: 25.239,48m<sup>2</sup>;



- Đất công cộng:

+ Nhà trè: 3.277,41m<sup>2</sup>;

+ Y tế: 3.054,53m<sup>2</sup>.

b) Diện tích giao đất có thu tiền sử dụng đất:

- Đất cây xanh riêng lẻ: 2.929,9m<sup>2</sup>;

- Đất giao thông: 17.472,18m<sup>2</sup>.

2. Mục đích sử dụng: theo quy hoạch chi tiết.

STT	Loại đất	Kí hiệu lô	Diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Đất ở		25.239,48
	Chung cư	J	5.363,02
	Cây xanh		1.692,32
	Diện tích đất xây dựng chung cư		2.112,20
	Giao thông nội bộ		1.558,50
	Nhà phố	A,B,C,D,E	19.876,46
	Nhà phố liên kế		10.378,46
	Nhà liên kế có sân vườn		9.498,00
2	Đất công cộng		6.331,94
	Nhà trè	H	3.277,41
	Y tế	G	3.054,53
	Dịch vụ (đơn xen lô J): 2.112,20m <sup>2</sup>		
3	Đất cây xanh riêng lẻ		2.929,90
	Đất cây xanh tổng hợp: 4.857,10m <sup>2</sup>		
	Công viên tập trung	F	805,00
	Công viên nhóm nhà chung cư lô J (đơn xen): 1.927,20m <sup>2</sup>		
	Công viên bồn hoa tiểu đảo, cây xanh thâm cỏ đường phố, thông hành địa dịch	Riêng lẻ	2.124,90
4	Đất giao thông		17.472,18
	Đường giao thông	Riêng lẻ	17.472,18
	Sân đường (đơn xem lô J): 1.427,7m <sup>2</sup>		
	<b>Tổng cộng</b>		<b>51.973,50</b>

3. Vị trí, địa điểm khu đất: tại các thửa đất thuộc các tờ bản đồ (đính kèm phụ lục) tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Thời gian sử dụng đất:

a) Đất ở: Lâu dài.

b) Các loại đất còn lại: Đến ngày 06/11/2062.

**Điều 3. Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông có trách nhiệm:**

1. Thỏa thuận việc bồi thường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á các công việc mà Công ty đã triển khai có liên quan đến dự án và tài sản trên đất theo quy định;

2. Triển khai thực hiện xây dựng Dự án phát triển nhà theo đồ án quy hoạch chi tiết đã được Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An phê duyệt tại Quyết định số 5610/QĐ-UBND ngày 18/08/2011 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án phát triển nhà ở Đông Á, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Thỏa thuận phòng cháy chữa cháy, lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập quy chế quản lý xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định hiện hành;

4. Nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật hiện hành trước khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;

5. Sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới theo bản đồ đã được thiết lập, không được phân lô bán nền;

6. Thực hiện đầy đủ các quy định của luật đất đai về quản lý sử dụng đất; đồng thời đến Ủy ban nhân phường An Bình để đăng ký biến động đất đai theo quy định.

**Điều 4. Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á có trách nhiệm:**

1. Nộp bản chính: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyết định cho thuê đất và các giấy tờ khác có liên quan đến khu đất thu hồi;

2. Liên hệ cơ quan thuế để đối chiếu số tiền thuê đất đã nộp để nộp bổ sung hoặc thối thu theo quy định;

3. Liên hệ Sở Tài nguyên và Môi trường để Thanh lý Hợp đồng thuê đất theo quy định.

**Điều 5. Căn cứ Điều 2 của quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau đây:**

1. Thông báo cho chủ sử dụng đất nộp tiền sử dụng đất, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

2. Ký Thanh lý Hợp đồng thuê đất với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á.

3. Cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông.

4. Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã Dĩ An, Ủy ban nhân dân phường An Bình tổ chức cắm mốc bàn giao đất ngoài thực địa cho người sử dụng đất.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Dĩ An, Tổng Giám đốc: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Chăn nuôi Đông Á, Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông và Thủ trưởng các ban ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Sở TN&MT;
- Sở Tài chính,
- Cục Thuế;
- UBND thị xã Dĩ An;
- C.ty CPĐT TM & CN Đông Á;
- Cty CP Địa ốc Phú Đông;
- LĐVP (Trúc, Lượng), Lâm, TH;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**K. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Văn Nam**

**Chứng thực bản sao đúng với bản chính**  
**Số chứng thực..... Quyển số: 01 SCT/BS**

**Ngày: 20-08-2024**

**Công chứng viên**  
**Văn Phòng Công Chứng Nguyễn Kim Chi**



**Bùi Trần Việt Hưng**

**DANH SÁCH GIAO ĐẤT CHO CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG ĐỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI  
TẠI PHƯỜNG AN BÌNH, THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG.**



Kèm theo Quyết định số 2163 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đơn vị: m<sup>2</sup>

STT	THỬA	TỜ	LÔ	THỬA MỚI	DT SỬ DỤNG	NGOÀI RANH QU	GHI CHÚ
						(HLATĐB)	
1	1P 1049,1081	2(10AB)		2188	2.112,20		ĐẤT XD CHUNG CƯ
2	1P 1049,1081	2(10AB)	J		627,43		CÂY XANH (CHUNG CƯ)
					200,40		CÂY XANH (CHUNG CƯ)
					656,23		CÂY XANH (CHUNG CƯ)
					59,07		CÂY XANH (CHUNG CƯ)
					149,19		CÂY XANH (CHUNG CƯ)
					1.558,50		GIAO THÔNG (CHUNG CƯ)
3	1P 1049,1081	2(10AB)	D3	2184	761,00		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			C3	2181	761,00		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			B3	2178	761,00		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			A2	2175	1.963,50		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			A1	2174	2.090,94		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			E3	2185	761,00		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			E2	2186	1.673,88		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
			E1	2187	1.606,14		NHÀ PHỐ LIÊN KẾ
4	1P 1049,1081	2(10AB)	D1	2182	1.583,00		NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN
			D2	2183	1.583,00		NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN
			C1	2179	1.583,00		NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN
			C2	2180	1.583,00		NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN
			B1	2176	1.583,00		NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN
			B2	2177	1.583,00		NHÀ LIÊN KẾ CÓ SÂN VƯỜN
5	1P 1049,1081	2(10AB)	G	2190	3.054,53		Y TẾ
6	1P 1049,1081	2(10AB)	H	2189	3.277,41		NHÀ TRÈ
7	1P 1049,1081	2(10AB)	F	2191	805,00		CÔNG VIÊN TẬP TRUNG
8	1P 1049,1081	2(10AB)			2.124,90		CÔNG VIÊN BÓN HOA TIÊU ĐÀO, CÂY XANH THẨM CỎ ĐƯỜNG PHỐ, THÔNG HÀNH ĐỊA
9	1P 1049,1081	2(10AB)			17.472,18		GIAO THÔNG
	<b>TỔNG</b>				<b>51.973,50</b>	<b>542,20</b>	



Số: 1115/GPXD-SXD

Bình Dương, ngày 30 tháng 5 năm 2016

## GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

1. Cấp cho: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2A, Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Được phép xây dựng công trình thuộc dự án Phát triển nhà ở Đông Á với các nội dung sau:

- Tên dự án: Chung cư Hira Lam Phú Đông.
- Loại công trình: Công trình dân dụng (Nhà chung cư).
- Cấp công trình: Cấp I.
- Tổng số công trình: 01 công trình (gồm 01 đơn nguyên: 21 tầng).
- Theo hồ sơ thiết kế có ký hiệu:

+ Bản vẽ Kiến trúc: KT-1-001 ÷ 006; KT-2-001 ÷ 003; KT-2-101 ÷ 102; KT-3-001 ÷ 031; KT-3-101 ÷ 114; KT-3-201 ÷ 220; KT-3-301 ÷ 314; KT-3-401 ÷ 406; KT-3-501 ÷ 505; KT-3-601 ÷ 612; KT-3-701 ÷ 705; KT-3-801 ÷ 806; KT-3-901 ÷ 904 (Tổng số 128 bản vẽ).

+ Bản vẽ Kết cấu: PĐ.15.DW-S-(000 ÷ 002); PĐ.15.DW-S-(101 ÷ 128); PĐ.15.DW-S-(201 ÷ 208, 208a); PĐ.15.DW-S-(209 ÷ 215, 215a); PĐ.15.DW-S-(216 ÷ 222, 222a); PĐ.15.DW-S-(223 ÷ 230, 230a); PĐ.15.DW-S-(231 ÷ 238, 238a); PĐ.15.DW-S-(239 ÷ 246, 246a); PĐ.15.DW-S-(247 ÷ 254, 254a); PĐ.15.DW-S-(255 ÷ 262, 262a); PĐ.15.DW-S-(263 ÷ 266, 266a, 266b); PĐ.15.DW-S-(267 ÷ 270, 270a, 270b); PĐ.15.DW-S-(301 ÷ 315); PĐ.15.DW-S-(401 ÷ 433, 500). (Tổng số 162 bản vẽ).

+ Bản vẽ Điện: Đ-1-101, 102, 103, 104; Đ-2-101, 102, 103; Đ-3-101 ÷ 121; Đ-4-101 ÷ 112; Đ-5-101 ÷ 111. (Tổng số 51 bản vẽ).

+ Bản vẽ Cấp thoát nước: N-001, 002; N-101, 102, 103, 104; N-201 ÷ 229; N-301 ÷ 316; N-401, 402, 403. (Tổng số 54 bản vẽ).

- Đơn vị lập thiết kế: Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Anh Linh.
- Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Thương mại Nam Ninh.

- Gồm các nội dung sau đây:

+ Vị trí xây dựng công trình: tại thửa đất số 2188, tờ bản đồ số 35(10AB), phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

+ Mật độ xây dựng: 38,93%; hệ số sử dụng đất: 7,61.

+ Chỉ giới đường đỏ theo quy định: 13m tính từ trục Đường số 1 (Nhựa); 8,5m tính từ trục Đường C (Nhựa).

+ Chi giới xây dựng được cấp: 19m tính từ tim Đường số 1 (Nhựa); 14,5m tính từ tim Đường C (Nhựa); 6m tính từ ranh đất của 2 mặt còn lại không giáp đường.

+ Cấu trúc: Kết cấu chịu lực chính (dầm, cột, sàn, vách) bằng bê tông cốt thép. Móng cọc. Cấu trúc bao che bên ngoài là tường gạch nung, cấu trúc bao che bên trong là tường gạch không nung, vách thạch cao và vách kính khung nhôm. Trần thạch cao.

a) Khối chung cư (1 đơn nguyên):

- Diện tích xây dựng: 2.087,6m<sup>2</sup>.

- Tổng diện tích sàn: 40.822,3m<sup>2</sup>. Trong đó: Tầng 1: 2.087,6m<sup>2</sup>; Tầng 2, tầng 3, tầng 4 có diện tích bằng nhau; diện tích mỗi tầng: 2.074,6m<sup>2</sup>; Tầng 5 đến tầng 18 có diện tích bằng nhau; diện tích mỗi tầng: 2.002,7m<sup>2</sup>; Tầng 19: 2.004,9m<sup>2</sup>; Tầng 20: 1.976,2m<sup>2</sup>; Tầng 21: 492,0m<sup>2</sup>.

- Cốt nền xây dựng công trình: cao hơn cốt sân đường +0,3m.

- Chiều cao tầng 1 (tính từ cốt nền): 4,5m.

- Tổng chiều cao công trình (tính từ cốt nền): 72 m.

- Số tầng: 21 tầng.

b) Các nội dung khác: Công trình có thiết kế bể nước ngầm, hồ bơi, sơ đồ đầu nối hệ thống cấp điện; cấp thoát nước; phòng cháy và chữa cháy và thu lôi chống sét.

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD 399076 (số vào sổ cấp GCN: CT13760) ngày 27/04/2016 do UBND tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông. Diện tích 5.363 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: đất ở tại đô thị. Thời hạn sử dụng: lâu dài.

4. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận: *VT*

- Như trên;

- Phòng QL HĐXD;

- Lưu: VT, T斤.

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



*Nguyễn Lộc Hà*  
Nguyễn Lộc Hà

### Chủ đầu tư phải thực hiện các nội dung sau đây:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liền kề.
2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
3. Phải thông báo cho cơ quan cấp phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và công trình ngầm (như hầm vậ sinh tự hoại, xử lý nước thải...).
4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho chính quyền sở tại trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
5. Khi điều chỉnh thiết kế làm thay đổi nội dung giấy phép xây dựng thì phải đề nghị điều chỉnh giấy phép và chờ quyết định của cơ quan cấp giấy phép xây dựng.

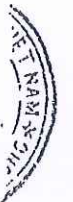
---

### ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung điều chỉnh:
2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**Thủ trưởng cơ quan cấp giấy phép xây dựng**  
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)





Nhận 09/08/2016 số bản 1..  
Lưu.....thủ.....Sđ.....Pháp.....ĐK.....An.....  
Tên file.....  
Số lần phát hành.....1.....năm.....2016

Đang A'

UBND THÀNH PHỐ DĨ AN  
PHÒNG TÀI NGUYÊN  
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 76 /TB-PTNMT

Dĩ An, ngày 05 tháng 9 năm 2022

### THÔNG BÁO

Kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với khu Chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An

Căn cứ Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc thành lập Tổ kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước khu Chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An.

Nay, phòng Tài nguyên và Môi trường thông báo đến ...*khuc chung cu*.....  
...*Tim Lam Phu Dong*....., biết thời gian và địa điểm kiểm tra như sau:

Thời gian: Vào lúc 8 giờ 30 ngày 05 tháng 10 năm 2022

Địa điểm: Tại văn phòng ...*khuc chung cu Tim Lam Phu Dong*.....

Nội dung kiểm tra: Kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các hoạt động tại khu Chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An.

Ghi chú: Các hồ sơ có liên quan cần chuẩn bị

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Hồ sơ môi trường;
- Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.
- Hợp đồng, chứng từ, biên bản giao nhận chất thải rắn sinh hoạt, thải công nghiệp và nguy hại (*bắt buộc*);
- Hồ sơ thuyết minh công trình xử lý môi trường (*nếu có*);
- Biên bản và kết luận kiểm tra của các lần kiểm tra trước đây (*nếu có*).

(Đơn vị cần chuẩn bị một bản photocopy các hồ sơ nêu trên để cung cấp cho Tổ kiểm tra).

Đề nghị người đại diện theo pháp luật của đơn vị có mặt đúng thời gian và địa điểm nêu trên để buổi kiểm tra đạt kết quả, trường hợp không tham dự được phải có văn bản ủy quyền cho người làm việc với Tổ kiểm tra./.

Nơi nhận:

- Thành viên Tổ kiểm tra
- Lưu VT, Tò mt (2).

TRƯỞNG PHÒNG



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN

Số: 1153/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Dĩ An, ngày 25 tháng 7 năm 2022

### QUYẾT ĐỊNH

Về kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với Khu chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư Liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 28/8/2014 của Bộ TNMT và Bộ Nội Vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố tại Tờ trình số 116/TTr-PTNMT ngày 21/7/2022.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với Khu chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An.

Thời hạn kiểm tra là 7 ngày, kể từ ngày bắt đầu tiến hành kiểm tra tại nơi được kiểm tra.

**Điều 2.** Thành lập Đoàn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước, gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Bà Quách Kim Oanh – Trưởng phòng TNMT – Trưởng đoàn;
2. Bà Lê Ngọc Hà – Chuyên viên phòng TNMT – Phó đoàn;
3. Ông Trần Ngọc Hải – Chuyên viên phòng TNMT – Thành viên;
4. Ông Lê Công Hiệp – Nhân viên phòng TNMT – Thành viên;
5. Bà Tô Kiều Trang – Nhân viên phòng TNMT – Thành viên;
6. Ông Nguyễn Trần Tuấn – Nhân viên phòng TNMT – Thành viên;
7. Đại diện Công an thành phố Dĩ An – Thành viên;
8. Đại diện Ủy ban nhân dân 7 Phường – Thành viên.

Đơn vị tham gia giám định, kiểm định, đo đạc và phân tích mẫu môi trường: Trung tâm Phân tích và Môi trường.

**Điều 3.** Đoàn kiểm tra có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với Khu chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Nếu phát hiện hành vi vi phạm của đơn vị được kiểm tra, Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm báo cáo UBND Thành phố xử lý theo quy định của pháp luật.

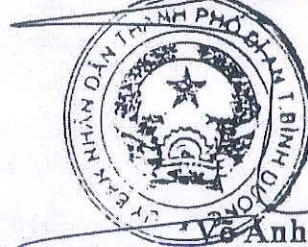
Giao phòng Tài nguyên Môi trường theo dõi, giúp UBND thành phố xử lý hoặc trình UBND thành phố xử lý theo thẩm quyền các kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch UBND phường Tân Bình, Giám đốc đơn vị được kiểm tra, thủ trưởng các ngành có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu VT. /

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Anh Tuấn



**BIÊN BẢN**  
**Công bố quyết định kiểm tra**

Hôm nay, vào lúc 7. giờ 05. phút ngày 19. tháng 10 năm 2022, tại Chung cư Him Lam Phú Đông - Khu phát triển nhà ở Đông Á tọa lạc tại số 2B, Trần Thị vũng, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Tổ kiểm tra theo Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Dĩ An về việc thành lập Tổ kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với tất cả các chung cư trên địa bàn phường thành phố Dĩ An.

**I/ Thành phần tham dự gồm có :**

- |                      |                                   |
|----------------------|-----------------------------------|
| 1. Bà Lê Ngọc Hà     | Nhân viên phòng TNMT – Tổ phó     |
| 2. Bà Tô Kiều Trang  | Nhân viên phòng TNMT - Thành viên |
| 3. Bà Trần Ngọc Loan | CB ĐC - XD – ĐT- MT phường.       |

**Đại diện Ban quản trị chung cư Him Lam Phú Đông**

Ông Hoàng Trung Đức                      Thành viên Ban Quản Trị

**Đại diện Ban quản lý chung cư Him Lam Phú Đông**

Ông Hán Duy Thế                              Trưởng BQL

Ông Nguyễn Việt Tính                      Ks trưởng CC Him Lam Phú Đông

**II/ Nội dung :**

1/ Bà Lê Ngọc Hà – Thành viên Tổ kiểm tra đọc toàn văn Quyết định kiểm tra số 2959/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố về việc thành lập Tổ kiểm tra việc thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường và phổ biến tóm tắt mục đích, yêu cầu, nội dung kế hoạch kiểm tra; nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ kiểm tra, thành viên tổ kiểm tra, quyền và nghĩa vụ của đối tượng kiểm tra; thống nhất lịch kiểm tra đối với Khu phát triển nhà ở Đông Á.

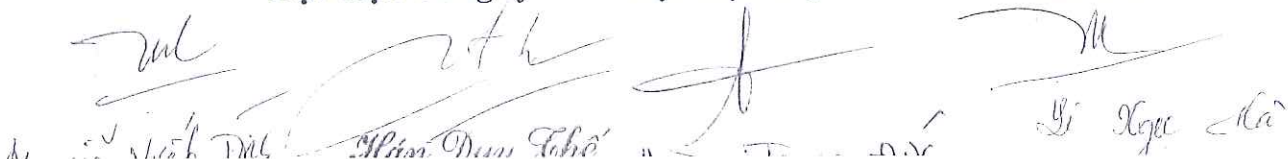
2/ Ý kiến của đại diện Công ty được kiểm tra: Thống nhất theo nội dung của Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Dĩ An để Tổ tiến hành kiểm tra.

Biên bản kết thúc lúc 8. giờ 45. phút cùng ngày có 01 trang và lập thành 02 bản, sau khi đọc lại biên bản, những người có mặt đồng ý về nội dung biên bản, không có ý kiến gì khác và cùng ký vào biên bản.

**Đại diện Công ty**

**Đại diện BQT**

**Tổ kiểm tra**



## BIÊN BẢN KIỂM TRA

### V/v thi hành pháp luật về bảo vệ môi trường và trung cầu giám định đối với Khu phát triển nhà ở Đông Á

Theo Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND thành phố Dĩ An thành lập tổ kiểm tra thu hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại nguyên nước đối với khu chung cư, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 15 ngày 19 tháng 10 năm 2022, tại Khu phát triển nhà ở Đông Á tại số 2B, Trần Thị vũng, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

#### I/ Thành phần tham dự gồm có :

- |                      |                                   |
|----------------------|-----------------------------------|
| 1. Bà Lê Ngọc Hà     | Nhân viên phòng TNMT – Tổ phó     |
| 2. Bà Tô Kiều Trang  | Nhân viên phòng TNMT - Thành viên |
| 3. Bà Trần Ngọc Loan | CB ĐC - XD – ĐT- MT phường.       |

#### Đại diện Ban quản trị chung cư Him Lam Phú Đông

Ông Hoàng Trung Đức                      Thành viên Ban Quản Trị

#### Đại diện Ban quản lý chung cư Him Lam Phú Đông

Ông Hán Duy Thế                              Trưởng BQL Chung cư

Ông Nguyễn Việt Tính                      Ks trưởng CC Him Lam Phú Đông

#### I. Hồ sơ pháp lý

- Công ty CP địa ốc Phú Đông do ông Ngô Quang Phúc làm Giám đốc được Phòng đăng ký kinh doanh Sở KH-ĐT thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng đăng ký doanh nghiệp số 0310694943, đăng ký lần đầu, ngày 17/3/2011, thay đổi lần thứ 8 ngày 14/3/2019.

- Công ty CP địa ốc Phú Đông được UBND tỉnh Bình Dương phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 2990/QĐ-STNMT ngày 26/11/2014 của dự án phát triển nhà ở Đông Á tại phường An Bình, diện tích 52.525,7 m<sup>2</sup>, quy mô dân số 2.428 người.

- Công ty đã được UBND tỉnh Bình Dương cấp giấy phép xả thải số 35/GP ngày 01/11/2021.



031  
CỔ  
CỔ  
Đ  
PH  
VI-T

- Công ty đã được Chi cục BVMT tỉnh Bình Dương cấp sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại với mã số QLCTNH: 74.004239T ngày 13/4/2021.

- Công ty đang hoàn thiện Giấy phép môi trường trình cơ quan chức năng phê duyệt (theo văn bản 2237/STNMT-CCBVMT ngày 28/6/2022).

- Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 13/6/2022 của UBND phường An Bình về việc công nhận Ban quản trị Chung cư Him Lam Phú Đông nhiệm kỳ 2022-2025.

- Hợp đồng số 05/09/2022/HĐ-PĐ ngày 20/9/2022 về việc quản lý vận hành chung cư Him Lam Phú Đông giữa Ban quản trị và công ty cổ phần địa ốc Phú Đông.

## **II. Kết quả kiểm tra hiện trạng**

### **1. Về ngành nghề, quy trình, quy mô hoạt động**

- Ngành nghề hoạt động: xây dựng nhà ở thương mại, chung cư.

- Tổng số lượng căn hộ theo thực tế: khu chung cư 400 căn, khu nhà ở 200 căn, 01 Trường học

- Tỷ lệ lấp đầy: khoảng 90%

- Số lượng dân cư: khoảng 1500 người.

- Diện tích: 52.515,7 m<sup>2</sup>

### **2. Môi trường**

#### **a. Nước thải**

- Nước thải sinh hoạt và nước thải từ hồ bơi phát sinh từ khu chung cư và khu căn hộ với lưu lượng khoảng 200 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 500 m<sup>3</sup>/ngày đêm theo quy trình:

Nước thải → Bể tự hoại 3 ngăn tại các căn hộ và khu chung cư → Bể thu gom → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể Anoxic → Bể Aerorank → Bể lắng bùn hoạt tính → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Cống thoát nước khu vực.

Để đánh giá chất lượng nước thải một cách khách quan, Tổ kiểm tra sẽ tiến hành trung cầu giám định chất lượng nước thải với chỉ tiêu COD, BOD5, TSS, Coliform, pH, T-N, TP, màu, Colifrom.

#### **b. Khí thải:**

Khí thải phát sinh chủ yếu là mùi hôi phát sinh từ các bể của công trình xử lý nước thải được phát tán môi trường xung quanh ( khu vực riêng của hệ thống xử lý nước thải).

### **c. Chất thải rắn**

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu chung cư, căn hộ, trường học và đơn vị kinh doanh thương mại với khối lượng khoảng 2 -2,5 tấn/ngày (trung bình 30 thùng chứa loại 240L) được Công ty hợp đồng với Công ty TNHH TM DV MT xanh MT thu gom, với xe thu gom mang biển số 70C-180-30.

- Rác thải sinh hoạt trên được tập trung về nhà chứa rác tại các tầng và sau đó được nhân viên vận chuyển các thùng rác xuống tầng trệt để giao rác vào khoảng 9h đến 10h hàng ngày.

- Đối với Chất thải nguy hại phát sinh, Công ty hợp đồng Công ty TNHH MTV MT đô thị TP.HCM thu gom, vận chuyển, xử lý. Công ty bố trí khu vực tập kết riêng chất thải nguy hại tại khu lưu trữ riêng và chuyển giao cho đơn vị thu gom, xử lý định kỳ 1 tháng/lần với khối lượng khoảng 10kg/tháng (Kèm chứng từ thu gom, xử lý).

## **III. Nhận định**

### **1. Các nội dung công ty đã thực hiện theo quy định:**

- Công ty đã thực hiện Đánh giá tác động môi trường và báo cáo hiện trạng quan trắc hàng năm.

- Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý nguy hại.

### **2. Các nội dung Công ty còn tồn tại:**

Công ty chưa cung cấp biên bản bàn giao thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh.

## **IV. Kết luận:**

Tổ kiểm tra kết luận như sau:

- Công ty cung cấp biên bản bàn giao thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh chậm nhất đến ngày 30/10/2022.

- Lập sổ theo dõi khối lượng, phương tiện thu gom từng nhóm chất thải rắn phát sinh hàng ngày và lập biên bản bàn giao đối với chất thải rắn sinh hoạt cho mỗi lần chuyển giao.

- Công ty bố trí khu vực tập kết rác theo đúng quy định, đồng thời dán nhãn phân loại rác theo đúng quy định.





- Tổ kiểm tra sẽ tiếp tục làm việc với Công ty khi có kết quả trưng cầu mẫu.

**V. Ý kiến của Công ty:**

Thông nhất nội dung biên bản.

Biên bản này gồm 3 trang, kết thúc vào lúc ... giờ ... phút cùng ngày, tại địa điểm trên sau khi đã đọc cho mọi người tham gia cùng nghe, thống nhất và ký tên.

**Đ/D BQL**

**Đ/D BQT**

**Đ/D TỔ KIỂM TRA**



Phan Duy Chế



Hoàng Trung Đức



Lê Ngọc Hải



Nguyễn Việt Trình



Tô Kiều Trang



Trần Ngọc Loan

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2020

**GIẤY PHÉP XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX  
(Cấp lần 02)

**I. Thông tin chung về chủ xử lý chất thải nguy hại (CTNH):**

Tên: Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, phường Tân Định, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838291975 Fax: 02838296680 Email: citenco@citenco.com.vn

Giấy đăng ký kinh doanh số: 0300438813 (thay đổi lần 3) cấp ngày 12 tháng 5 năm 2017

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh

**II. Nội dung cấp phép:**

- Được phép thực hiện dịch vụ vận chuyển và xử lý CTNH cho các chủ nguồn thải trên địa bàn hoạt động theo Mục 1 của Phụ lục I kèm theo
- Được phép sử dụng, vận hành các phương tiện, thiết bị chuyên dụng theo Mục 2 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép vận chuyển và xử lý các loại CTNH theo Mục 3 của Phụ lục I kèm theo.
- Được phép thực hiện những điều chỉnh theo quy định tại các Phụ lục kèm theo (nếu có).

**III. Điều khoản thi hành:**

Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký đến ngày: 22 / 01 /2025 và thay thế Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2017.

**Nơi nhận:**

- Như phần I;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- UBND Tp. HCM; Sở TN&MT Tp. HCM;
- Lưu: VT; TCMT; VPTN&TKQ; QLCT.

**KT. BỘ TRƯỞNG:** Bộ Tài  
**THU TRƯỞNG:** nguyên và Môi  
trường  
Cơ quan: Bộ Tài  
nguyên và Môi  
trường  
Ngày ký:  
22.01.2020  
16:52:37 +07:00  
\* Võ Tuấn Nhân

**IV. CÁC YÊU CẦU CỤ THỂ ĐỐI VỚI CHỦ XỬ LÝ CTNH**

1. Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý CTNH và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường khác có liên quan.
2. Không được phép đốt các CTNH có chứa hợp chất hữu cơ halogen (đặc biệt là PCB), Cd, Pb, Hg vượt ngưỡng CTNH theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 07:2009/BTNMT về ngưỡng CTNH.
3. Trong trường hợp tiếp nhận thêm CTNH từ các chủ xử lý CTNH khác theo hợp đồng được cơ quan cấp phép chấp thuận, thì phải cân đối để đảm bảo tổng công suất xử lý không vượt quá số lượng CTNH được cấp theo Giấy phép này.
4. Công suất nạp chất thải thuộc nhóm bùn thải và hắc ín thải (không kể thành phần phối trộn) không quá 50% đối với lò đốt BI250S công suất 21 tấn/ngày tại cơ sở xử lý số 01.
5. Yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phải lắp đặt và vận hành hệ thống quan trắc tự động, liên tục đối với một số thông số môi trường đặc thù trong khí thải lò đốt BI250S công suất 21 tấn/ngày và hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tại cơ sở xử lý số 01; lò đốt Hoval GG42 công suất 07 tấn/ngày và hệ thống xử lý nước thải công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tại cơ sở xử lý số 02 theo quy định của pháp luật.
6. Xây dựng phương án, thực hiện đóng hầm chôn lấp số 01 đảm bảo không phát tán, rò rỉ chất thải ra môi trường và báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản.
7. Trong trường hợp hầm chôn lấp số 02 đã đầy trước khi thu gom đủ khối lượng tạm tính tại mục 3.3 Phụ lục Giấy phép này, Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phải dừng ngay việc thu gom, vận chuyển hoặc tiếp nhận các chất thải được cấp phép với phương án xử lý tại hầm chôn lấp số 02 (bao gồm cả chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất của Công ty). Trường hợp Công ty đã thu gom đủ khối lượng tạm tính tại mục 3.3 nêu trên nhưng thể tích hầm chôn lấp số 02 vẫn còn khả năng tiếp nhận chất thải (còn trống), Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh phải báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường để được xem xét, xác nhận thêm số lượng chất thải được phép chôn lấp.
8. Đảm bảo lượng chất thải tiếp nhận tại một thời điểm nhất định không vượt quá công suất của khu tập kết, phân loại và lưu giữ CTNH, trạm trung chuyển hoặc thiết bị lưu chứa chất thải lỏng được ghi trong Giấy phép.
9. Khi có nhu cầu thay đổi hiện trạng các công trình, thiết bị xử lý CTNH đã được cấp phép (trừ trường hợp gặp sự cố) thì phải báo cáo cơ quan cấp phép xem xét trước khi thực hiện.
10. Được phép sử dụng các phương tiện, thiết bị chuyên dụng xử lý CTNH được cấp phép để thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải thông thường, sinh hoạt có tính chất tương tự với các nhóm CTNH được cấp phép.
11. Thực hiện các yêu cầu khác (nếu có) của cơ quan cấp phép trong quá trình hoạt động. Nghiêm chỉnh chấp hành việc di dời địa điểm cơ sở xử lý CTNH đã được cấp phép khi có yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền.

**V. DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ XỬ LÝ VÀ TRẠM TRUNG CHUYỂN CTNH**

- Cơ sở xử lý số 01: Trạm xử lý CTNH Tp.Hồ Chí Minh tại Công Trường Đông Thạnh.

Địa chỉ văn phòng: Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 38.291.975 - 38.208.666 Fax: (028) 38.202.769

- **Cơ sở xử lý số 02:** Trạm xử lý CTNH Tp. Hồ Chí Minh tại khu xử lý CTCN - CTNH tại Bình Hưng Hòa.

Địa chỉ: Đường Tân Kỳ Tân Quý, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (028) 3875.6115 Fax: (028) 3875.4892

- **Trạm trung chuyển CTNH:** Trạm trung chuyển chất thải tại Gò Cát.

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

## VI. XÁC NHẬN HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, các công trình bảo vệ môi trường theo Quyết định số 2425/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Trung tâm hỏa táng Bình Hưng Hòa” và Quyết định số 505/QĐ-BTNMT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt dự án “Mở rộng Trạm xử lý chất thải nguy hại Thành phố Hồ Chí Minh” đã được hoàn thành bao gồm:

### 1. Cơ sở xử lý số 01:

- Hệ thống xử lý khí thải lò đốt BI250S công suất 21 tấn/ngày gồm: Giải nhiệt nước, hấp thụ dung dịch kiềm, hấp phụ than hoạt tính, lọc bụi túi, ống khói.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế; QCVN 30:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (trường hợp 02 Quy chuẩn có giá trị tối đa cho phép khác nhau đối với cùng 01 thông số thì áp dụng Quy chuẩn có giá trị tối đa cho phép nghiêm ngặt hơn).

- Hệ thống xử lý nước thải, tổng công suất 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Hồ chứa nước thải; hệ thống lọc xơ dừa và lọc cát, bể điều hòa; bể phản ứng hóa lý bậc 1, bể lắng hóa lý bậc 1, bể trung gian 1; bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, bể lắng vi sinh, bể trung gian 2; cụm bể phản ứng oxy hóa Fenton - bậc 2, bể lắng Fenton - bậc 2, bể phản ứng lắng trung gian; bể khử trùng bằng Chlorine; bồn lọc áp lực; bể chứa bùn hóa lý.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A) trước khi thải ra sông Rạch Tra.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải.

### 2. Cơ sở xử lý số 02:

- Hệ thống xử lý khí thải lò đốt Hoval GG42 công suất 07 tấn/ngày: Giải nhiệt bằng nước, tháp hấp thụ dung dịch kiềm, thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính, lọc bụi túi, ống khói.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT (cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải rắn y tế; QCVN 30:2012/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (trường hợp 02 Quy chuẩn có giá trị tối đa cho phép khác nhau đối với cùng 01 thông số thì áp dụng Quy chuẩn có giá trị tối đa cho phép nghiêm ngặt hơn).

- Hệ thống xử lý nước thải, tổng công suất 15 m<sup>3</sup>/ngày.đêm: Bể điều hòa, bể phản ứng hóa lý, bể lắng hóa lý, bể aeroxic, bể aerotank, bể lắng sinh học, bể chứa trung gian, lọc áp lực, hệ thống lọc bùn (lưới lọc và bể chứa), bể chứa nước sau xử lý.

Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B) trước khi thải vào hệ thống công thoát nước của khu vực.

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải.

*tho*

**PHỤ LỤC I**

(Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX  
cấp lần 02 ngày tháng năm 2020)

**1. Địa bàn hoạt động được phép:**

Vùng	Tỉnh
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	“Toàn bộ vùng”
Tây Nguyên	“Toàn bộ vùng”
Đông Nam Bộ	“Toàn bộ vùng”
Đồng bằng Sông Cửu Long	“Toàn bộ vùng”

**2. Danh sách phương tiện, thiết bị được phép vận hành:****2.1. Danh sách phương tiện, thiết bị xử lý CTNH được phép vận hành**

TT	Tên phương tiện, thiết bị	Số lượng	Loại hình	
<b>I</b>	<b>Nhóm phương tiện, thiết bị xử lý và lưu giữ tại cơ sở xử lý số 01 (trạm xử lý CTNH Tp. Hồ Chí Minh tại Công Trường Đông Thạnh)</b>			
1	Lò đốt BI250S công suất 21 tấn/ngày	01	Thiêu hủy	
2	Thiết bị súc rửa thùng phuy, công suất 3.600 kg/ngày	01	Xử lý	
3	Hệ thống xử lý nước thải, tổng công suất 30 m <sup>3</sup> /ngày.đêm (công suất đăng ký thu gom từ bên ngoài về xử lý là 10 m <sup>3</sup> /ngày.đêm)	01	Xử lý	
4	Hầm chôn lấp an toàn chất thải số 02 thể tích 10.000 m <sup>3</sup> /hầm (thể tích còn lại ước tính 1.287 m <sup>3</sup> )	01	Chôn lấp an toàn	
5	Thiết bị sơ chế trước khi đưa vào lò đốt hoặc hầm chôn lấp an toàn gồm: - Thiết bị phá dỡ chất thải điện tử, công suất 1.000 kg/ngày; - Thiết bị phá dỡ bóng đèn huỳnh quang, công suất 600 kg/ngày.	01	Sơ chế	
		01		
<b>II</b>	<b>Nhóm phương tiện, thiết bị xử lý và lưu giữ tại cơ sở xử lý số 02 (trạm xử lý CTNH Tp. Hồ Chí Minh tại khu xử lý CTCN - CTNH tại Bình Hưng Hòa)</b>			
1	Lò đốt Hoval GG42 công suất 07 tấn/ngày	01	Thiêu hủy	
<b>III</b>	<b>Nhóm xe vận chuyển CTNH</b>		118	Vận chuyển
1	Nhóm xe tải thùng phủ bạt: - Xe Kia tải trọng 1.000 kg, BKS 51C - 104.14 - Xe Kia tải trọng 1.000 kg, BKS 51C - 106.50 - Xe Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 101.74 - Xe Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 109.00 - Xe Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 100.88 - Xe Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 102.95 - Xe Jinbei tải trọng 1.685 kg, BKS 54Y - 6663 - Xe Forland tải trọng 1.490 kg, BKS 54V - 2345 - Xe tải Thaco tải trọng 5.000 kg, BKS 51C - 577.98 - Xe Hyundai tải trọng 1.900 kg, BKS 54S - 4626 - Xe Isuzu tải trọng 1.900 kg, BKS 51C - 050.13 - Xe Isuzu tải trọng 1.900 kg, BKS 51C - 050.12 - Xe Veam(Hyundai) tải trọng 3.500 kg, BKS 51C - 217.59 - Xe tải Vinaxuki tải trọng 990 kg, BKS 51C - 130.93 - Xe Hoàng Tra tải trọng 970 kg, BKS 54Z - 9513		34	Vận chuyển

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe Daewoo tải trọng 12.700 kg, BKS 51C - 727.32</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 1.700 kg, BKS 51C - 126.31</li> <li>- Xe Hino tải trọng 5.270 kg, BKS 51C - 185.77</li> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 1.900 kg, BKS 51C - 723.47</li> <li>- Xe Yearn tải trọng 9.300 kg, BKS 51C - 499.84</li> <li>- Xe tai Cuu Long tải trọng 5.700 kg, BKS 51C - 952.75</li> <li>- Xe Hino tải trọng 6.050 kg, BKS 51D - 505.66</li> <li>- Xe Mitsubishi FUSO tải trọng 4.550 kg, BKS 51C - 592.93</li> <li>- Xe ISUZU tải trọng 5.200 kg, BKS 51C - 618.30</li> <li>- Xe VEAM tải trọng 1.990 kg, BKS 51C - 871.20</li> <li>- Xe Vinaxuki tải trọng 1.800 kg, BKS 51C - 170.60</li> <li>- Xe Foton tải trọng 2.000kg, BKS 51C - 318.00</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 1.850 kg, BKS 51D - 299.33</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 5.100 kg, BKS 51D - 407.13</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 1.900 kg, BKS 51D - 413.31</li> <li>- Xe Hino tải trọng 1.800 kg, BKS 51C - 685.99</li> <li>- Xe TMT HOWO tải trọng 8.400 kg, BKS 51D - 530.09</li> <li>- Xe tải FoTon tải trọng 9.100 kg, BKS 51C - 994.23</li> <li>- Xe DO THANH tải trọng 8.000 kg, BKS 51D - 307.85</li> </ul>		
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe cầu Hino tải trọng 5.300 kg, BKS 51C - 102.94</li> <li>- Xe tải Hino tải trọng 3.490 kg, BKS 51C - 346.71</li> <li>- Xe tải Hino tải trọng 3.450 kg, BKS 51D - 190.12</li> <li>- Xe Hino tải trọng 3.450 kg, BKS 51D - 190.32</li> <li>- Xe Hino tải trọng 4.730 kg, BKS 51E - 043.07</li> </ul>	05	Vận chuyển
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe xuống Daf tải trọng 8.190 kg, BKS 51C - 104.96</li> <li>- Xe BenFoTon tải trọng 17.300 kg, BKS 51D - 330.62</li> <li>- Xe Hino tải trọng 6.000 kg, BKS 51E - 047.33</li> </ul>	03	Vận chuyển
4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe bồn Isuzu tải trọng 1.800 kg, BKS 51E - 026.65</li> <li>- Xe bồn Samco tải trọng 1.800 kg, BKS 51E - 026.68</li> </ul>	02	Vận chuyển
5	<p>Nhóm xe Hooklift:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe Hyundai tải trọng 11.500 kg, BKS 51C - 051.97</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 11.545 kg, BKS 51C - 098.57</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 11.545 kg, BKS 51C - 099.92</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 11.545 kg, BKS 51C - 099.97</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 12.790 kg, BKS 51C - 107.90</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 11.545 kg, BKS 51C - 107.76</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 11.545 kg, BKS 51C - 109.16</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 10.020 kg, BKS 51C - 107.75</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 10.390 kg, BKS 51C - 107.80</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 9.400 kg, BKS 51D - 199.21</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 9.950 kg, BKS 51D - 179.24</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 9.950 kg, BKS 51D - 178.32</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 9.950 kg, BKS 51D - 199.18</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 9.800 kg, BKS 51D - 087.97</li> <li>- Xe Hino tải trọng 7.700 kg, BKS 51C - 107.97</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 15.000 kg, BKS 51C - 104.95</li> <li>- Xe Kamaz tải trọng 11.900 kg, BKS 57K - 9192</li> <li>- Xe Kamaz tải trọng 12,025 kg, BKS 51C - 063.04</li> </ul>	18	Vận chuyển
6	<p>Nhóm xe tải thùng hở:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 098.60</li> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 108.97</li> <li>- Xe tải Mitsubishi tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 103.51</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.420 kg, BKS 51C - 098.67</li> </ul>	18	Vận chuyển



4/5

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.500 kg, BKS 51C - 101.02</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.500 kg, BKS 51C - 101.03</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.500 kg, BKS 51C - 101.05</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.500 kg, BKS 51C - 101.08</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.500 kg, BKS 51C - 102.82</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.500 kg, BKS 51C - 102.85</li> <li>- Xe tải Sitec tải trọng 12.000 kg, BKS 51C - 104.73</li> <li>- Xe tải Kamaz tải trọng 12.055 kg, BKS 51C - 102.81</li> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 1.700 kg, BKS 51C - 098.59</li> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 1.700 kg, BKS 51C - 102.65</li> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 2.000 kg, BKS 51C - 103.52</li> <li>- Xe tải Hyundai tải trọng 13.100 kg, BKS 51C - 25.085</li> <li>- Xe tải Hyundai tải trọng 12.400 kg, BKS 51C - 25.881</li> <li>- Xe tải Hyundai tải trọng 12.400 kg, BKS 51C - 505.80</li> </ul>		
7	<p>Nhóm xe tải thùng kín:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe Isuzu tải trọng 4.500 kg, BKS 51C - 120.93</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 4.500 kg, BKS 51C - 120.94</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 4.500 kg, BKS 51C - 120.95</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 1.200 kg, BKS 51C - 120.96</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 2.270 kg, BKS 51C - 017.04</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 2.270 kg, BKS 51C - 017.05</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 1.800 kg, BKS 51C - 100.51</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 800 kg, BKS 51C - 100.87</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 1.300 kg, BKS 51C - 100.41</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 2.270 kg, BKS 51C - 104.81</li> <li>- Xe Daf tải trọng 3.440 kg, BKS 51C - 100.58</li> <li>- Xe Daf tải trọng 3.440 kg, BKS 51C - 101.30</li> <li>- Xe Daf tải trọng 3.440 kg, BKS 51C - 100.59</li> <li>- Xe Suzuki tải trọng 480 kg, BKS 51C - 100.43</li> <li>- Xe Hino tải trọng 7.400 kg, BKS 51C - 084.33</li> <li>- Xe Hino (7T1) tải trọng 7.100 kg, BKS 51C - 216.08</li> <li>- Xe Mitsubishi (2T5) tải trọng 3.500 kg, BKS 51C - 104.75</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 2.800 kg, BKS 51C - 199.36</li> <li>- Xe Hino tải trọng 3.450 kg, BKS 51C - 707.91</li> <li>- Xe tải Hino tải trọng 5.500 kg, BKS 51E - 030.57</li> <li>- Xe tải Suzuki tải trọng 480 kg, BKS 51C - 099.10</li> <li>- Xe tải Suzuki tải trọng 480 kg, BKS 51C - 101.25</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 3.480 kg, BKS 51C - 092.58</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 1.700 kg, BKS 54T - 2929</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 3.400 kg, BKS 51C - 553.29</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 1.300 kg, BKS 51C - 775.56</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 1.800 kg, BKS 51C - 101.15</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 1.800 kg, BKS 51C - 101.19</li> </ul>	28	Vận chuyển
8	<p>Nhóm xe tải có mui:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe tải Thaco tải trọng 2.000 kg, BKS 63C - 01927</li> <li>- Xe tải Thaco tải trọng 5.000 kg, BKS 51C - 627.11</li> <li>- Xe tải Isuzu tải trọng 1.950 kg, BKS 51C - 470.50</li> <li>- Xe tải Thaco tải trọng 7.900 kg, BKS 51C - 717.12</li> <li>- Xe tải Dongfeng tải trọng 12.550 kg, BKS 51C - 361.34</li> <li>- Xe Isuzu tải trọng 1.300 kg, BKS 51C - 814.60</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 1.700 kg, BKS 51C - 325.20</li> <li>- Xe tải Hyundai tải trọng 1.850 kg, BKS 51C - 478.68</li> <li>- Xe Hyundai tải trọng 13.825 kg, BKS 51C - 676.57</li> <li>- Xe Mitsubishi tải trọng 800 kg, BKS 51C - 121.72</li> </ul>	10	Vận chuyển

<b>III Kho lưu giữ và thiết bị đóng gói, bảo quản</b>			
1	Kho lưu giữ CTNH tại trạm trung chuyển, diện tích 4.500 m <sup>2</sup> (diện tích hữu dụng 3.600 m <sup>2</sup> ), công suất lưu giữ tối đa: 3.600 m <sup>2</sup> x 3 m = 10.800 m <sup>3</sup>	01	Lưu giữ
2	Thùng chứa (dung tích 240 lít và 660 lít)	Theo nhu cầu thực tế	Lưu chứa
3	Container các loại (8m <sup>3</sup> - 12m <sup>3</sup> )		

**3. Danh sách CTNH được phép vận chuyển, xử lý:****3.1. Danh sách CTNH được phép vận chuyển về xử lý tại cơ sở xử lý số 01:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng được phép (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
<b>I</b>	<b>Nhóm CTNH đưa vào lò đốt BI250S</b>		<b>6.700.000</b>			
1	Các loại bùn thải	Rắn/lỏng/bùn	Không quá 3.350.000 kg/năm		Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN02: 2012/BTNMT
	Bùn thải từ quá trình nghiền, mài có chứa dầu			07 03 09		
	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải (của cơ sở y tế)			10 02 03		
	Bùn thải từ quá trình gia công tạo hình			07 03 07		
	Bùn thải từ thiết bị chặn, tách dầu/nước			17 05 02 17 05 03		
	Bùn thải cặn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp			12 09 03		
	Bùn thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải			03 01 08 03 02 08 03 03 08 03 04 08 03 05 08 03 06 08 03 07 08 10 02 03 12 06 05 12 06 06 19 10 02		
	Bùn thải lẫn dầu hoặc chứa các thành phần nguy hại			15 02 13		
	Bùn thải có chứa dầu			01 04 02 08 02 02		
	Bùn thải, bã lọc có các			05 02 09		



	thành phần nguy hại từ quá trình xử lý khí thải			05 05 03 07 01 05		
	Bùn thải từ quá trình xử lý hóa - lý			12 02 02		
2	Các loại hắc ín thải	Rắn		01 04 06 01 05 01 05 02 05 05 07 03 11 03 01 11 03 02 12 07 02		
3	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng		13 01 01 13 02 01		
4	Hoá chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		13 01 02		
5	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic)	Rắn/lỏng		13 01 03 13 01 04 13 01 05		
6	Các chế phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng		13 02 03		
7	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		13 02 02		
8	Cặn phản ứng, cặn đáy chung cất	Rắn/bùn		03 02 05 03 03 05 03 05 05 03 06 05 03 07 05	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN02: 2012/BTNMT
9	Nhũ tương, dịch thải không chứa hợp chất halogen hữu cơ	Lỏng		07 03 04 17 01 03 17 07 02		
10	Huyền phù nước thải lẫn sơn hoặc véc ni có chứa dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng		08 01 04		
11	Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý cơ học chất thải	Rắn		12 08 02		
12	Chất thải rắn dễ cháy có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		12 02 05		
13	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh, tráng phim, bản in offset gốc nước	Lỏng		19 01 01 19 01 02		

14	Chất thải chứa bạc từ quá trình xử lý chất thải phim ảnh	Lỏng	19 01 06			
15	Các loại chất hấp thụ đã qua sử dụng và bã lọc khác	Rắn	03 01 07 03 02 07 03 03 07 03 04 07 03 05 07 03 06 07 03 07 07 04 02 03 05 02 08 05 03 05 05 04 02 05 05 02 06 01 04 06 02 01 06 03 02	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN02: 2012/BTNMT	
16	Nhựa trao đổi ion đã qua sử dụng hoặc đã bão hoà	Rắn	07 01 09 12 06 01			
17	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15 01 02 15 02 02			
18	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01			
19	Dầu tràn (hoặc rơi vãi, rò rỉ)	Lỏng	01 04 04			Riêng với dầu thải chứa axit: trung hòa axit trước khi phối trộn đưa vào lò đốt
20	Chất thải từ quá trình làm sạch xăng dầu bằng bazơ	Lỏng	01 04 08			
21	Dầu thải chứa axit	Lỏng	01 04 09			
22	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	Rắn/lỏng/bùn	05 01 02 05 02 10 05 03 07 05 04 04 05 05 04 05 06 01 05 07 06			
23	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Lỏng	07 01 07			
24	Dầu gốc khoáng, dầu thải không có hợp chất halogen hữu cơ từ quá trình gia công tạo hình	Lỏng	07 03 02 07 03 05			



4/10

25	Sáp và mỡ đã qua sử dụng	Rắn	07 03 06 17 07 04		
26	Dầu phân tán (disperse oil) thải	Lỏng	08 02 05		
27	Dầu và chất cặn từ quá trình phân tách	Rắn/lỏng	12 02 03		
28	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo độc hại từ quá trình phân tách dầu/nước	Lỏng	12 06 04		
29	Dầu thải (nếu không áp dụng theo nhóm mã 17)	Lỏng	15 01 07 15 02 05		
30	Các loại dầu mỡ thải	Rắn/lỏng	16 01 08		
31	Dầu thủy lực thải không chứa clo	Lỏng	17 01 05 17 01 06 17 01 07		
32	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải không chứa clo	Lỏng	17 02 02 17 02 03 17 02 04		
33	Dầu truyền nhiệt và cách điện thải không chứa clo	Lỏng	17 03 03 17 03 04 17 03 05		
34	Dầu đáy tàu thải	Lỏng	17 04 01 17 04 02 17 04 03		
35	Chất thải từ buồng lọc cát sỏi và các bộ phận khác của thiết bị tách dầu/nước	Rắn	17 05 01 17 05 06		
36	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 04		
37	Nước lẫn dầu thải từ thiết bị tách dầu/nước	Lỏng	17 05 05		
38	Dầu nhiên liệu, dầu diesel, xăng và các loại nhiên liệu thải khác (kể cả hỗn hợp)	Lỏng	17 06 01 17 06 02 17 06 03 17 07 03		
39	Chất thải lẫn dầu	Rắn/lỏng	19 07 01		
40	Sơn, véc ni và bùn thải lẫn sơn hoặc véc ni có chứa dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/bùn/lỏng	08 01 01 08 01 02 08 01 03	Phối trộn, tiêu hủy trong lò đốt, tro chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 02: 2012/BTNMT

			08 01 05		
41	Mực, hộp mực in thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01 08 02 04		
42	Chất thải lỏng lẫn chất kết dính và chất bịt kín có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng	08 03 03		
43	Phẩm màu và chất nhuộm thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	10 02 02		
44	Vụn sơn, gỉ sắt được bóc tách từ bề mặt phương tiện có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	15 02 09		
45	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	16 01 09		
46	Chất thải từ quá trình sản xuất, điều chế, cung ứng, sử dụng, chế biến hoá chất nitơ và sản xuất phân bón có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	02 10 01		
47	Hoá chất bảo vệ thực vật vô cơ, chất bảo quản gỗ và các loại bioxit khác được thải bỏ	Rắn/lỏng	02 11 01		
48	Các loại dịch cái thải từ quá trình chiết, tách (mother liquor), dung dịch tẩy rửa và dung môi hữu cơ thải khác	Lỏng	03 01 03 03 02 03 03 03 03 03 04 03 03 05 03 03 06 03 03 07 03	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN02: 2012/BTNMT
49	Chất thải rắn có chứa các thành phần nguy hại	Rắn	03 05 09		
50	Chất kết dính và chất bịt kín thải có chứa dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Lỏng	08 03 01		
51	Các hợp chất isoxyanat thải	Rắn/lỏng	08 04 01		
52	Các chất bảo quản gỗ thải có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	09 02 01 09 02 03 09 02 04		

				09 02 05		
53	Chất thải có chứa dung môi từ quá trình tẩy mỡ nhờn	Rắn/lỏng/bùn		10 01 01		
54	Chất thải lỏng dễ cháy có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng		12 02 04		
55	Chất thải có chứa dư lượng hoá chất trừ sâu, loại gây hại, trừ cỏ, diệt nấm	Lỏng/rắn/bùn		14 01 01 14 01 02 14 01 03		
56	Chất thải có chứa các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại	Bùn/rắn/lỏng		14 02 02		
57	Hoá chất chống đông thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng		15 01 08		
58	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi khác	Lỏng		16 01 01 17 08 03		
59	Các loại dược phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng		16 01 11		
60	Dung dịch thải thuốc hiện ảnh gốc dung môi	Lỏng		19 01 03		
61	Dung dịch hãm thải	Lỏng		19 01 04		
62	Dung dịch tẩy màu (làm trắng) thải	Lỏng		19 01 05		
63	Các loại chất thải khác có tính dễ cháy	Rắn/lỏng/bùn		19 12 05		
64	Thuỷ tinh, nhựa và gỗ thải có chứa hoặc bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn		11 02 01		
65	Gỗ thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		12 08 01 16 01 14		
66	Mùn cưa, phoi bào, đầu mẩu, gỗ thừa, ván và gỗ dán vụn có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		09 01 01	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN02: 2012/BTNMT
67	Các loại cặn phản ứng và cặn đáy tháp chưng cất khác	Rắn/lỏng		03 01 05		
68	Chất phụ gia thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		03 02 09		
69	Chất thải rắn có các thành phần nguy hại	Rắn		03 04 09		
70	Chất gắn khuôn thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		05 08 04		
				05 09 04		

71	Các loại chất thải khác có chứa các chất nguy hại	Rắn/lỏng/bùn		05 10 03		
72	Da thú có chứa các thành phần nguy hại thải bỏ từ quá trình thuộc da	Rắn		10 01 02		
73	Bao bì mềm thải	Rắn		14 01 05 18 01 01		
74	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	Rắn		14 02 01		
75	Thuốc diệt trừ các loài gây hại thải	Rắn/lỏng		16 01 05		
76	Hoá chất diệt trừ các loài gây hại tồn lưu hoặc quá hạn sử dụng không có gốc haloagen hữu cơ	Rắn		14 01 04		
77	Chất thải có các thành phần nguy (khác với dầu)	Rắn/lỏng		19 07 02		
78	Bao bì thải có chứa CTNH có thể đốt như thùng sơn, bao bì mềm, ...	Rắn		18 01 02 18 01 03 18 01 04		
79	Chất thải có thành phần nguy hại vô cơ, hữu cơ	Rắn		19 12 03		
80	Đất đá thải có chứa các thành phần nguy hại	Rắn		11 05 01		
81	Sản phẩm vô cơ có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		19 03 01		
82	Sản phẩm hữu cơ có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		19 03 02		
83	Vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại (cát, bột mài...)	Rắn		07 03 10		
84	Than hoạt tính đã qua sử dụng	Rắn		02 11 02 12 01 04		
<b>II</b>	<b>Nhóm CTNH đưa vào Hệ thống xử lý nước thải</b>		<b>460.000</b>			
<b>II.1</b>	<b>Hóa chất, dung dịch thải có chứa thành phần nguy hại</b>		<b>400.000</b>			
1	Natri hydroxit, amoni hydroxit, kali hydroxit và bã thải chứa chúng	Rắn/lỏng/bùn		02 02 01	Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải	QCVN 40: 2011/BTNMT
2	Các loại bazo thải khác	Rắn/lỏng		02 02 02		
3	Các dung dịch và axit thải	Rắn/lỏng		02 07 04		
4	Dịch cái thải từ quá trình chiết tách (mother liquor)	Lỏng		03 01 01		

	và dung dịch tẩy rửa thải có gốc nước			03 02 01 03 03 01 03 04 01 03 05 01 03 06 01 03 07 01		
5	Chất tách khuôn thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng		05 08 05 05 09 05		
6	Dung dịch nước tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng		07 01 06		
7	Chất thải từ quá trình tráng rửa, làm sạch bề mặt	Lỏng/bùn		07 02 02		
8	Dung dịch bản khắc axit (hoặc kiềm) thải	Lỏng		08 02 03		
9	Chất thải từ quá trình làm sạch nhiên liệu bằng bazơ	Lỏng		12 07 04		
10	Kiểm thải	Lỏng		16 01 03		
11	Chất tẩy rửa thải có chứa các thành phần nguy hại	Lỏng		16 01 10		
12	Hóa chất thải chứa thành phần nguy hại và hỗn hợp hóa chất phòng thí nghiệm thải	Lỏng		19 05 02 19 05 03 19 05 04		
<b>II.2</b>	<b>Chất thải khác</b>		<b>60.000</b>			
1	Nước thải (chưa xử lý)	Lỏng		12 07 03	Tách dầu, Xử lý tại hệ thống xử lý nước thải	QCVN 40: 2011/BTNMT
2	Nước thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước cấp	Lỏng		12 09 04		
3	Nước la canh (nước dẫn tàu)	Lỏng		15 02 11		
4	Nước thải lẫn dầu hoặc có các thành phần nguy hại	Lỏng		15 02 12		
5	Nước thải có các thành phần nguy hại	Lỏng		19 10 01		
6	Các dung dịch và acid thải	Rắn/lỏng		03 02 10		
<b>III</b>	<b>Nhóm CTNH đưa vào hệ thống súc rửa thùng phuy</b>		<b>150.000</b>			
1	Bao bì cứng thải (không chứa chất nông nghiệp gốc halogen hữu cơ)	Rắn		14 01 06	Súc rửa bằng hệ thống tiền súc rửa thùng	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 40: 2011/BTNMT
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Rắn		18 01 02		

3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn		18 01 03	phuy. Nước thải xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải			
4	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	Rắn		18 01 04				
<b>IV</b>	<b>Nhóm CTNH đưa vào hệ thống sơ chế trước khi đưa vào lò đốt hoặc hầm chôn lấp an toàn</b>							
<b>IV.1</b>	<b>Hệ thống sơ chế bóng đèn huỳnh quang</b>		<b>150.000</b>					
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn		16 01 06	Phá hủy, hóa rắn và chôn lấp có kiểm soát trong hầm chôn lấp	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT		
<b>IV.2</b>	<b>Hệ thống sơ chế chất thải điện tử</b>		<b>500.000</b>					
1	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện khác có các linh kiện điện tử có các thành phần nguy hại	Rắn		15 01 09 15 02 14				
2	Các thiết bị, bộ phận thải khác có các thành phần nguy hại	Rắn		15 02 07				
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn		16 01 13 16 01 07	Phá dỡ, thu hồi phế liệu, chất thải phát sinh đem đốt, chôn lấp an toàn trong hầm chôn lấp	QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN 19: 2009/BTNMT		
4	Máy ảnh dùng một lần đã qua sử dụng còn chứa pin	Rắn		19 01 07				
5	Thiết bị thải có các thành phần, linh kiện điện tử	Rắn		19 02 05				
6	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải	Rắn		19 02 06				
7	Pin thải (trừ ắc quy)	Rắn		16 01 12 19 06 01 19 06 02 19 06 03 19 06 04 19 06 05				
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>7.960.000</b>					



**3.2. Danh sách CTNH được phép vận chuyển về xử lý tại cơ sở xử lý số 02:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng được phép (kg/năm)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
<b>I</b>	<b>Nhóm CTNH đưa vào lò đốt Hovals GG42</b>		<b>2.300.000</b>			
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	Rắn/lỏng	2.300.000	13 01 01 13 02 01	Thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ chôn lấp an toàn	QCVN 30: 2012/BTNMT QCVN 07: 2009/BTNMT QCVN02: 2012/BTNMT
2	Hoá chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		13 01 02		
3	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic)	Rắn/lỏng		13 01 03 13 01 04 13 01 05		
4	Các chế phẩm gây độc tế bào thải	Rắn/lỏng		13 02 03		
5	Hóa chất thải bao gồm hoặc có thành phần nguy hại	Rắn/lỏng		13 02 02		
	<b>Tổng khối lượng</b>			<b>2.300.000</b>		

**3.3. Danh sách, số lượng chất thải nguy hại tối đa được phép vận chuyển, xử lý trong hầm chôn lấp số 02:**

Tên chất thải	Trạng thái	Số lượng được phép * (kg) (ước tính)	Mã CTNH	Phương án xử lý	Mức độ xử lý
Tro xỉ của các cơ sở đốt và chất thải đã được ổn định hóa rắn	Rắn	<b>1.800.000</b>	04 02 01 07 04 02 12 01 05 12 03 02	Chôn lấp có kiểm soát trong hầm chôn lấp chất thải	TCXDVN 320:2004

(\* Số lượng ước tính dựa trên tính toán thể tích còn lại của hầm chôn lấp số 02 tương đương 1.287 m<sup>3</sup>, số lượng trên có thể thay đổi tùy theo tỷ trọng của chất thải đưa vào hầm chôn lấp).

**4. Hồ sơ kèm theo Giấy phép:**

Bộ Hồ sơ sau đây được Bộ Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Giấy phép và Phụ lục (nếu có) của Giấy phép này:

- Bộ hồ sơ đăng ký điều chỉnh Giấy phép xử lý CTNH với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 02 ngày tháng năm 2020”.

- Bộ hồ sơ đăng ký cấp Giấy phép xử lý CTNH với dòng chữ sau trên bìa: “Kèm theo Giấy phép xử lý CTNH có mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần đầu ngày 25 tháng 01 năm 2017”.



NH.TT – AC. Đạt

## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 3398./HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX

V/v thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Giấy phép hành nghề Quản lý chất thải nguy hại do Tổng Cục Môi trường cấp ngày 22/01/2020 (cấp lần hai), mã số QLCTNH: 3-4-5-6.013.VX;
- Căn cứ Hợp đồng liên kết số: 2083/HĐ.MTĐT-AC/17.V ký ngày 02/02/2017 giữa Công Ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu.
- Căn cứ Phụ lục Hợp đồng số: 17/PL.MTĐT-AC/20.V ký ngày 22/01/2020 giữa Công Ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu
- Căn cứ bản kê khai ký ngày 15/1/2021 của Công Ty Cổ phần Địa Ốc Phú Đông gửi Công Ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Thành Phố Hồ Chí Minh

Hôm nay, ngày 14 tháng 03 năm 2021, chúng tôi gồm:

**BÊN A** : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

Địa chỉ : 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : 1900.29.29.39

Mã số thuế : 0310694943

Đại diện : Bà LÊ THỊ HUYỀN TRẦN

Chức vụ : Giám Đốc Khối DVQLBDS

(Theo quyết định ủy quyền số 02/07/2020/UQ-PĐ ký 16/07/2020 của Tổng giám đốc Công ty)

**BÊN B**: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM.

Điện thoại : 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550

Fax: 028. 3820 2769

Mã số thuế : 0300438813

Số tài khoản : 310 1000000 5651 – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện : Ông NGUYỄN THANH SON

Chức vụ: Phó Giám Đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 524/GUQ-MTĐT ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Môi trường đô thị TP.HCM)

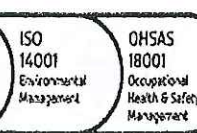
Sau khi thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (CTNH) với các điều khoản và điều kiện sau :

### **ĐIỀU 1. NỘI DUNG DỊCH VỤ**

Bên B nhận thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Bên A



*Handwritten signature*

**1.1. Thời gian, địa điểm thu gom và xử lý chất thải nguy hại:**

- Tần suất vận chuyển: 1 lần/ năm
- Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 24/03/2021 đến ngày 23/03/2022.
- Địa điểm thu gom chất thải nguy hại: Chung Cư Him Lam Phú Đông: 2B Trần Thị Vũng, phường An Bình, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Đơn vị liên kết vận chuyển: Công ty TNHH MTV SX TM DV Môi Trường Á Châu.
- Liên hệ: Phòng Chất Thải Rắn - SĐT: 1900 54 54 50 (NB: 2)

**1.2. Phương tiện vận chuyển và địa điểm xử lý**

- Xe có biển kiểm soát sau: Xe Jinbei BKS 54Y-6663, Xe Forland BKS 54V-2345, Xe Thaco BKS 51C-577.98, Xe Thaco BKS 63C-01927, Xe Thaco BKS 51C-627.11, Xe Isuzu BKS 51C – 470.50, Xe Thaco BKS 51C-717.12, Xe Dongfeng BKS 51C-361.34, Xe Isuzu BKS 51C-723.47, Xe Veam BKS 51C-499.84.
- Địa điểm xử lý: Nhà máy xử lý CTNH tại Đông Thạnh hoặc nhà máy Bình Hưng Hòa.

**ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN****2.1. Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá:****Bảng 01:**

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)	Điều kiện lưu chứa
		Rắn	Lỏng	Bùn				
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	Kg	32.000	Thùng carton
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	Kg	10.000	Bao PE
3	Pin, ắc quy thải	X			16 01 12	Kg	10.000	Bao PE
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	Kg	10.000	Can chứa
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	Kg	10.000	Bao PE

**Ghi chú:**

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm VAT 10%
- Danh mục chất thải trên cũng là danh mục chất thải Bên B vận chuyển và xử lý cho Bên A.



- Điều kiện lưu chứa nêu trên để bàn giao khi vận chuyển, chủ nguồn thải cần trang bị kho lưu chứa và thiết bị lưu chứa theo đúng quy định pháp luật trong thời gian lưu trữ CTNH.

**2.2. Giá trị hợp đồng khoán: 4.620.0000 VNĐ (đã bao gồm VAT 10%)**

*Bảng chữ: Bốn triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng*

- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao trong một năm (1 lần gom) ≤ 100Kg (Trong đó, bóng đèn huỳnh quang thải ≤ 10 Kg; các chất khác ≤ 90 Kg) thì sẽ được vận chuyển và xử lý với giá khoán như trên.
- Trường hợp phát sinh: Nếu khối lượng chất thải bàn giao: bóng đèn huỳnh quang thải > 10 Kg; hoặc các chất khác > 90 Kg, thì chi phí xử lý chất thải phát sinh thêm được tính theo đơn giá cụ thể như Bảng 01 (Danh sách các loại CTNH cần xử lý và đơn giá)

*Chi phí xử lý chất thải phát sinh = Khối lượng CTNH (theo mã) × đơn giá*

- Chi phí vận chuyển và xử lý phát sinh từ chuyến thứ 2 trở đi (nếu có): 1.900.000 VNĐ/chuyến (Một triệu chín trăm ngàn đồng trên một chuyến vận chuyển) (chưa bao gồm VAT 10%).

**2.3. Phương thức nghiệm thu, thanh toán:**

Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng với số tiền là: 4.620.000VNĐ (Bốn triệu sáu trăm hai mươi ngàn đồng) (Đã bao gồm VAT 10%) ngay sau khi hợp đồng được ký kết và Bên A nhận được hóa đơn tài chính từ Bên B.

Chi phí xử lý phát sinh sẽ được thanh toán ngay sau khi khối lượng bóng đèn huỳnh quang thải bàn giao > 10 Kg hoặc các chất khác bàn giao > 90 Kg.

Chi phí vận chuyển phát sinh sẽ được tính ngay sau khi số lần vận chuyển lớn hơn 01 (một) chuyến trong suốt quá trình hợp đồng

**Phương thức thanh toán:**

Sau khi ký hợp đồng, Bên B xuất *Đề nghị thanh toán*, Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 (bảy) ngày (sau khi bên B cung cấp đủ các hồ sơ thanh toán cho Bên A) bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo thông tin sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM**
- Số tài khoản: 310 1000000 5651
- Ngân hàng: TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

*Bên A chịu phí khi chuyển khoản.*

*Khi thanh toán bằng hình thức chuyển khoản, Khách Hàng ghi đầy đủ thông tin theo cú pháp như sau: "Công Ty ... thanh toán Hợp đồng số ... (hoặc hóa đơn số) ... Về việc ... Sau mỗi đợt chuyển giao CTNH, hai bên sẽ lập biên bản giao nhận, xác nhận khối lượng đã chuyển giao.*

Trên cơ sở đó, nếu có chi phí phát sinh, Bên B xuất *Đề nghị thanh toán*, Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được *Đề nghị thanh toán* và các hồ sơ hợp lệ khác từ bên B.

T.C.P  
 59496  
 NG T  
 PHẢ  
 ĐIA ỐC  
 HỮ ĐÔI  
 TP. HC

CÔNG  
 TIÊN  
 THAM  
 QUANG  
 ANH I  
 CHÍ A  
 P. HỒ

*B*



*Hóa đơn tài chính Bên B sẽ cung cấp cho Bên A sau khi nhận được đầy đủ thanh toán.*

Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam đồng

*Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B trong 15 (mười lăm) ngày thì Bên B sẽ không cung cấp dịch vụ và Hợp đồng mặc nhiên thanh lý, hai bên không phát sinh bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào liên quan với nhau.*

### **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

#### **3.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

- a. Bên A được quyền yêu cầu Bên B thực hiện thu gom và xử lý CTNH theo đúng thời gian mà Bên A đã thông báo cho Bên B.
- b. Yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại nếu trong quá trình thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại tại địa điểm của Bên A gây thiệt hại cho người và tài sản của Bên A.
- c. Bên A phải cung cấp bản sao sổ chủ nguồn thải, báo cáo, chứng từ quản lý CTNH và/ hoặc các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên B yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- d. Nơi lưu giữ CTNH phải thuận tiện cho xe ra vào lấy, mỗi loại CTNH phải được lưu giữ vào phương tiện chứa CTNH riêng biệt bảo đảm không để rơi vãi, rò rỉ ra bên ngoài, có dán tên, mã số CTNH và không được để lẫn các CTNH khác ngoài danh mục hợp đồng. Bên A có trách nhiệm bảo quản thùng chứa CTNH thuê của Bên B (nếu có).
- e. Khi chuyển giao CTNH phải đính kèm các chứng từ chuyển giao, chứng từ chuyển giao phải ghi rõ ràng đầy đủ thông tin có ký tên và đóng dấu Bên A. Xác nhận số lượng, khối lượng chất thải vận chuyển bằng cách ký vào chứng từ giao nhận CTNH và biên bản giao nhận của bên B. Thanh toán chi phí vận chuyển, xử lý CTNH cho bên B sau khi nhận được hoá đơn tài chính của bên B.
- f. Thông báo trước cho bên B trong trường hợp khối lượng CTNH tăng để bên B có kế hoạch điều động phương tiện thu gom. Chi phí vận chuyển phát sinh (nếu có) do bên A chịu.
- g. Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật nếu để lẫn CTNH không có trong danh mục CTNH của hợp đồng đã ký.
- h. Bên A phải bàn giao đúng khối lượng và chủng loại CTNH theo biên bản thống nhất xác định khối lượng và chủng loại phát sinh tại chủ nguồn thải.
- i. Bàn giao CTNH đúng thời hạn theo hợp đồng.
- j. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty.
- k. Thanh toán chi phí thực hiện đúng thời hạn theo Điều 2.
- l. Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ thanh toán từ bên B, nếu bên A không thanh toán, thì hợp đồng này sẽ tự thanh lý (không còn giá trị pháp lý). Bên B sẽ không hoàn trả số tiền Bên A thanh toán trước (nếu có).
- m. Hai bên cùng ký vào chứng từ CTNH, Biên bản giao nhận trên mỗi chuyến.

#### **3.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:**

- a. Bên B phải cung cấp cho Bên A các hồ sơ pháp lý có liên quan do Bên A yêu cầu



- b. Vận chuyển, xử lý CTNH cho Bên A toàn bộ CTNH theo danh mục, khối lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận trong nội dung hợp đồng.
- c. Bên B có nghĩa vụ thu gom CTNH của bên A đã được chứa trong vật chứa chuyên dụng hoặc trong các bao chứa CTNH, sau đó vận chuyển đến nhà máy xử lý CTNH của bên B.
- d. Đảm bảo quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH của bên A theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, không làm rơi vãi CTNH hoặc làm phát tán ra môi trường xung quanh.
- e. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A, người khác nếu trong quá trình thu gom, vận chuyển gây thiệt hại cho Bên A hoặc những người có liên quan.
- f. Trong vòng 05 (năm) tuần sau khi nhận chất thải phải giao trả cho Bên A chứng từ CTNH đã xử lý. Nếu bên A vi phạm điều khoản thanh toán, hoặc gửi chứng từ trễ (chứng từ đã ký tên, đóng dấu) thì thời gian trả chứng từ sẽ cộng thêm tương ứng với thời gian bên A chậm thanh toán/ gửi chứng từ trễ.
- g. Trong trường hợp xe hư hỏng Bên B sẽ sắp xếp (bổ trí) thay thế phương tiện để thu gom CTNH trong thời gian sớm nhất (48 giờ).
- h. Nếu Bên B không tiếp nhận chất thải theo như trong hợp đồng mà không thông báo trước cho Bên A thì Bên B sẽ hoàn trả lại 100% chi phí bên B đã nhận của bên A trước đó
- i. Bên B từ chối vận chuyển hoặc có thể đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu bên A giao CTNH không đúng theo nội dung hợp đồng.
- j. Cung cấp giấy ủy quyền trong trường hợp người ký hợp đồng không phải là người đại diện pháp luật của công ty
- k. Bên B có quyền từ chối tiếp nhận vận chuyển nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời gian hợp đồng theo Điều 2.

#### **ĐIỀU 4: GIẢI QUYẾT CÁC TRƯỜNG HỢP PHÁT SINH**

- 4.1. Đối với bên A, trong trường hợp ngưng hoạt động hoặc lượng CTNH tăng quá nhiều, cần phải báo ngay cho bên B ngưng hoặc điều động thêm xe, thêm chuyên để giải quyết CTNH ngoài định kỳ đã được quy định ở Điều 1 (Báo trước 02 ngày về số Điện thoại: 1900 54 54 50 nội bộ : 2)
- 4.2. Đối với bên B, trong trường hợp máy móc, phương tiện gặp sự cố bất thường, cần phải thông báo ngay cho bên A, và tìm biện pháp giải quyết kịp thời, không để CTNH ứ đọng làm ảnh hưởng vệ sinh, môi trường trong khu vực của bên A.

#### **ĐIỀU 5: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

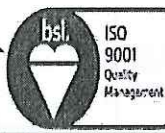
- 5.1. Trong trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.
- 5.2. Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thông qua hòa giải, trọng tài hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật nước CHXHCN Việt Nam.

#### **ĐIỀU 6: THÔNG TIN LIÊN HỆ**

Thông tin liên hệ của các Bên như sau:

**Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**

*Handwritten signature*



NH.TT – AC. Đạt

Địa chỉ: 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TPHCM

Điện thoại: 1900292939

**Bên B: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM**

Địa chỉ: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, TP HCM.

Điện thoại: 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550

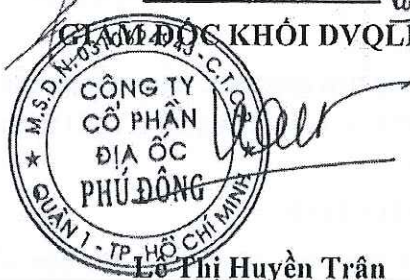
**ĐIỀU 7: NGÔN NGỮ SỬ DỤNG**

Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.

**ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

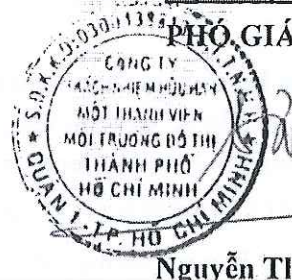
- 7.1. Hai bên cùng đồng ý thực hiện đúng và đủ các điều khoản của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có khó khăn trở ngại phát sinh, hai bên sẽ cùng nhau giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác và 2 bên cùng có lợi. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, phải thông báo cho bên kia biết trước 01 (một) tháng.
- 7.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 24/03/2021 đến ngày 23/03/2022 hoặc kéo dài đến khi 02 bên hoàn tất các nghĩa vụ hợp đồng đã ký.  
Sau thời hạn trên, nếu hai bên tiếp tục hợp tác, sẽ tiến hành tái ký hợp đồng, với cùng các điều khoản đã được áp dụng trong hợp đồng này hoặc theo thỏa thuận khác của các bên.
- 7.3. Đến ngày 23/03/2022 nếu bên A không bàn giao CTNH cho bên B thì hợp đồng này sẽ tự thanh lý (không còn giá trị pháp lý). Bên B sẽ không hoàn trả số tiền Bên A thanh toán trước (nếu có).
- 7.4. Bên A tuyệt đối không được sử dụng hợp đồng này để ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH với các chủ nguồn thải, chủ vận chuyển và chủ xử lý khác.
- 7.5. Hợp đồng gồm 06 trang, được lập thành 07 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau; bên A giữ 03 bản và bên B giữ 04 bản. Hợp đồng này chỉ có giá trị khi có đầy đủ các chữ ký, con dấu của hai Bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



Lê Thị Huyền Trân

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
KHỐI DV QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN  
55 Trần Nhật Duật, P Tân Định, Q 1, Tp.HCM  
ĐT: 1900292939

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bình Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2021

## BẢN KÊ KHAI KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI NGUY HẠI PHÁT SINH

### I. Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
Địa chỉ : 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM  
Điện thoại : 1900.29.29.39  
Mã số thuế : 0310694943  
Đại diện : Bà LÊ THỊ HUYỀN TRẦN Chức vụ: Giám Đốc Khối DVQLBDS  
(Theo quyết định ủy quyền số 02/07/2020/UQ-PĐ ký ngày 16/07/2020 của Tổng giám đốc Công ty

### II. Thông tin cơ sở phát sinh CTNH:

- Địa điểm Phát sinh CTNH: Chung Cư Him Lam Phú Đông – 2B Trần Thị Vững, phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương
- Danh sách chất thải nguy hại phát sinh:

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng (kg/năm)	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	10	Rắn	16 01 06
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	90	Rắn	18 02 01
3	Pin, ắc quy thải	Kg		Rắn	16 01 12
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg		Lỏng	17 02 03
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Kg		Rắn	18 01 03
Tổng cộng		Kg		100	

Ghi chú: Tên, mã CTNH theo Thông tư số 36/2015/TT- BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quản Lý Chất Thải Nguy Hại.

### III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

- Tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014 và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.
- Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 7 Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về Quản lý chất thải và phế liệu; Khoản 3 - Điều 12, Khoản 4 - Điều 14 Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.



3. Chịu trách nhiệm với các thông tin, dữ liệu về cơ sở phát sinh, tên gọi, trạng thái, khối lượng và mã CTNH phát sinh trong bản cam kết này. *CM*

CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG



GP, Khởi DV QL BĐS

*Trần*  
Lê Thị Huyền Trân



NH.TT.AC – Đạt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

(Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký ngày 24/03/2021

về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 4.50/PL.MTĐT-NH/22.4.VX

V/v: Điều chỉnh thời hạn của hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 1/1/2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Hợp đồng số: 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký ngày 24/03/2021 về việc xử lý chất thải nguy hại giữa Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM;

Hôm nay, ngày 16 tháng 03 năm 2022, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**BÊN A** : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

Địa chỉ : 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : 1900 29 29 39

Mã số thuế : 0310694943

Đại diện : Bà LÊ THỊ HUYỀN TRẦN Chức vụ : Giám Đốc khối DVQLBDS

(Theo quyết định ủy quyền 06/01/2022/UQ-TGD-PĐ ký ngày 02/01/2022 của Tổng giám đốc Công ty)

**BÊN B** : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị thu gom rác thải nguy hại)

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550 Fax: 028. 3820 2769

Mã số thuế : 0300438813

Số tài khoản : 31010000005651 – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện : Ông NGUYỄN THANH SƠN Chức vụ: Phó Giám đốc

(Căn cứ Giấy ủy quyền số 544/GUQ-MTĐT ngày 30/11/2020 của Giám đốc Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM).

Sau khi trao đổi và thảo luận, hai bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng số 01 (“Phụ Lục”) để sửa đổi bổ sung cho Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 3398/HĐ.MTĐT-





NH/21.4.VX ký kết ngày 24/03/2021 (“Hợp Đồng”), được ký giữa Công Ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM với những điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG PHỤ LỤC**

- 1.1. Hai bên đồng ý gia hạn Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/03/2021 giữa Bên A và Bên B về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy tại chung cư Him Lam Phú Đông thêm 12 tháng, thời gian bắt đầu từ ngày 24/03/2022 đến hết ngày 23/03/2023);
- 1.2. Sửa đổi, bổ sung “Khoản 2.2 và 2.3 Điều 2 Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/03/2021 giữa Bên A và Bên B, nội dung cụ thể như sau:

**“ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN”**

2.2 Giá trị hợp đồng: 4.536.000VND (đã bao gồm VAT 8%)

*Bằng chữ: Bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn Việt Nam đồng*

2.3 Phương thức nghiệm thu, thanh toán:

Bên A thanh toán 100% giá trị khoán của hợp đồng và thuế giá trị gia tăng VAT (8%) với số tiền là: 4.536.000VND (Bốn triệu năm trăm ba mươi sáu nghìn Việt Nam đồng) ngay sau khi phụ lục được ký kết và Bên A nhận được *Hóa đơn tài chính* từ Bên B

**ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 2.1 Hai Bên cam kết thực hiện theo đúng và đầy đủ các điều khoản quy định tại Phụ lục này;
- 2.2 Phụ lục này là một phần không tách rời của Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/03/2021. Trừ các thay đổi được quy định trong Phụ lục này, tất cả các điều khoản và điều kiện khác quy định tại Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại của chung cư Him Lam Phú Đông số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/03/2021 giữa Công Ty Cổ phần Địa ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị TP.HCM sẽ được duy trì không thay đổi và tiếp tục có hiệu lực ràng buộc và thực thi đối với các bên;
- 2.3 Phụ lục Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 24/03/2022;
- 2.4 Phụ lục Hợp đồng này được lập thành 07 (bảy) bản, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ giữ 04 (bốn) bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A  
 PHÓ GIÁM ĐỐC KHỐI DVQLBDS  
  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
 QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH  
 LÊ THỊ HUYỀN TRÂN

ĐẠI DIỆN BÊN B  
 PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
 CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP.HCM  
 QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH  
 NGUYỄN THANH SƠN



458/2021

NH.TT.AC – Đạt

**PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 2**

(Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký ngày 24/03/2021

về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 3398/PL.MTĐT-NH/23.4.VX

V/v Điều chỉnh thời hạn của Hợp đồng số 3398 /HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ Hợp đồng số: 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký ngày 24/03/2021 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM;
- Căn cứ Phụ lục hợp đồng 01 số: 450/PL.MTĐT-NH/22.4.VX ký ngày 16/03/2022 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại giữa Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM;
- Căn cứ vào thỏa thuận giữa 2 bên.

Hôm nay, ngày 11 tháng 03 năm 2023, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

**BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**

Địa chỉ : 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, Tp.HCM

Điện thoại : 1900 29 29 39

Mã số thuế : 03 10 69 49 43

Đại diện : Bà **LÊ THỊ HUYỀN TRÂN** Chức vụ : **Giám Đốc khối DV.QLBDS**

(Theo ủy quyền Số 03/12/2022/UQ-PĐ ký ngày 30/12/2022 của Tổng giám đốc Công Ty)

**BÊN B : CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TP. HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ : 42-44 Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 028. 3820 8666 – 028. 3820 6550 Fax: 028. 3820 2769

Mã số thuế : 0300438813

Số tài khoản : 310 1000000 5651 – Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh.

Đại diện : Ông **TRẦN VĂN QUÂN** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Theo ủy quyền số 01/GUQ-MTĐT ngày 01/01/2023 của Giám đốc Công ty)

Sau khi trao đổi, các Bên thống nhất ký kết Phụ lục Hợp đồng số 02 (sau đây gọi tắt là “Phụ lục 02”) về việc thay đổi điều khoản với các nội dung như sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG PHỤ LỤC**

Gia hạn thời hạn thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại tại mục thời hạn hợp đồng khoản 1.1 điều 1 của Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/3/2021 giữa Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô Thị TP.HCM như sau:

- Thời hạn hợp đồng: Từ ngày 24/03/2023 đến ngày 23/03/2024

**ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

2.1 Hai Bên cam kết thực hiện theo đúng và đầy đủ các điều khoản quy định tại Phụ lục này;




2.2 Phụ lục hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/3/2021. Trừ các thay đổi được quy định trong Phụ Lục này, tất cả các điều khoản khác quy định tại Hợp đồng số 3398/HĐ.MTĐT-NH/21.4.VX ký kết ngày 24/3/2021 Công Ty Cổ Phần Địa Ốc Phú Đông và Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị TP.HCM sẽ được duy trì không thay đổi và tiếp tục thực hiện ràng buộc và thực thi đối với các bên;

2.3 Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 24/03/2023;


2.4 Phụ lục hợp đồng này được lập thành 07 (bảy) bản, bằng tiếng việt và có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 04 (bốn) bản

**BÊN A**


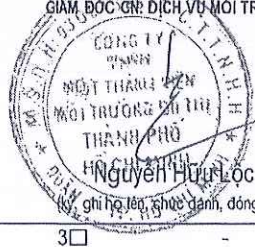
*[Handwritten signature]*  
**Giám Đốc Khối DV.QLBDS**  


**LÊ THỊ HUYỀN TRÂN**

**BÊN B**

*[Handwritten signature]*  
**Phó Giám Đốc**  


**TRẦN VĂN QUÂN**

TỈNH BÌNH DƯƠNG		CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI					
Số: <u>SL/2012/220/GPMT-BTNMT</u>							
1. Chủ CS DV XLCTNH 1: Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh			Giấy phép môi trường: 220/GPMT-BTNMT ĐT: (028)38 291 975				
2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Công Ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ văn phòng: 42-44 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh Địa chỉ cơ sở: Trạm xử lý CTNH TPHCM - Ấp 3, Xã Đông Thạnh, Huyện Hóc Môn, TP.HCM			Giấy phép môi trường: 220/GPMT-BTNMT ĐT: (028)38 291 975 ĐT: (028) 38 208 666				
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG Địa chỉ văn phòng: 55 Trần Nhật Duật, phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM Địa chỉ cơ sở: Chung Cư Him Lam Phú Đông – 2B Trần Thị Vững, Phường An Bình, TP. Dĩ An, tỉnh Bình Dương			Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: ĐT: 1900 29 29 39 ĐT:				
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý (hoặc tái sử dụng) #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	X			16 01 06	10	PH - HR - CL
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	X			18 02 01	-	TD - CL
3	Pin thải	X			16 01 12	2	PD - TH - CL
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải		X		17 02 03	-	TD - CL
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	X			18 01 03	-	TD - CL
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Tiêu hủy); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đóng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Chôn lấp); SC (Sơ chế); PH (phá hủy); PD (Phá dỡ); XLNT (Xử lý nước thải); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)		Nước nhập khẩu:..... Cửa khẩu nhập:..... Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:..... Cửa khẩu xuất:.....					
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 ..... Số hiệu phương tiện vận chuyển: <u>SIC 72367</u>							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 1/Á Châu: <u>Nguyễn Văn Ưc</u> .Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>26/10/2023</u>							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XLCTNH 2: <u>Phùng Văn Cường</u> .Ký: <u>[Signature]</u> Ngày: <u>26-10-2023</u>							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Bình Dương, ngày.....tháng.....năm 20... <u>9</u> <u>Đã kê khai, ĐVALBDS</u>  <u>[Signature]</u> <u>Đỗ Chi Huyền Trần</u> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XLCTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 <u>08-12-2023</u> Tp. Hồ Chí Minh, ngày.....tháng.....năm... 20... <u>KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN</u> <u>GIÁM ĐỐC CHỈ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG</u>  <u>Nguyễn Hữu Lộc</u> (Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
Liên số: 1 <input type="checkbox"/> - 2 <input type="checkbox"/> - 3 <input type="checkbox"/> - 4 <input checked="" type="checkbox"/>							
Ghi chú: ..... (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNTH)							



# HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT

- Căn cứ Bộ Luật Dân Sự 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/QH11, ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam và các nghị định, thông tư, văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về việc quản lý chất thải và phế liệu;
- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng thực hiện của hai bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại văn phòng Chung cư Him Lam Phú Đông, chúng tôi bao gồm:

**BÊN A:** Bên Thuê Dịch Vụ  
**Tên đơn vị:** CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA  
**Đại diện** : Ông VŨ TIẾN THÀNH  
**Chức vụ** : Tổng Giám đốc  
**Địa chỉ** : Tầng 12, Toà nhà Jabes, 244 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Tp.HCM  
**Điện thoại** : 0889 254 555  
**Mã số thuế** : 0315114635  
**Tài khoản** : 1023077 Tại Ngân hàng TMCP Á Châu – PGD Võ Văn Vân.



*Handwritten signature*

**BÊN B: Bên Thực Hiện Dịch Vụ**  
**Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH TM – XD XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG**  
Đại diện : Ông ĐẶNG VĂN TON  
Chức vụ : Giám đốc  
Địa chỉ : 1/3A, KP.Nhị Đồng 2, P.Dĩ An, Tp.Dĩ An, T.Bình Dương  
Điện thoại : 0393495039  
Fax : 0650 3796407  
Mã số thuế : 3701 631 376  
Tài khoản : 050006581290- Ngân hàng Sacombank – chi nhánh Dĩ An , Tỉnh Bình Dương

*Bên A thuê bên B hàng ngày thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt như sau (sau đây gọi tắt là "thu gom vận chuyển rác")*

#### **ĐIỀU 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC**

1. Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại: Chung Cư Him Lam Phú Đông, 2B đường Trần Thị Vững, P. An Bình, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
2. Thời gian thực hiện thu gom rác:
  - a. Số lần lấy rác: tối thiểu 01 lần/1 ngày.
  - b. Thu gom vận chuyển tất cả các loại chất thải rắn sinh hoạt.
  - c. Thời gian lấy rác: sáng từ 09h00 đến 10h30, kể cả Chủ nhật, ngày Lễ và Tết (trừ ngày mùng 1 Tết nguyên đán) phải thu gom rác và rời khỏi chung cư để tránh ảnh hưởng đến cư dân và khách hàng.
  - d. Sau khi thu gom rác, Bên B có trách nhiệm quét dọn vệ sinh sạch sẽ mặt bằng khu vực thu gom hoàn trả lại cho Bên A.
3. Quy cách thực hiện việc thu gom:
  - Bên B sẽ cho Bên A mượn 60 thùng đựng rác (gồm 24 thùng màu cam loại 240 lít, có 10 thùng hư hỏng, 36 thùng màu xanh loại 240 lít, có 7 thùng hư hỏng) để chứa rác. Số lượng thùng rác có thể tăng hoặc giảm không quá 05 thùng mỗi loại, tùy vào tình hình thực tế tại dự án;
  - Vị trí thu gom rác sẽ do Bên A bố trí và sắp xếp, Bên B phải tuân thủ theo hướng dẫn và chỉ định vị trí thu gom rác của Bên A;



- Bên B thực hiện thu gom toàn bộ rác từ các thùng rác Bên A đã bố trí và từ các vị trí khác (nếu có) lên xe thu gom rác của Bên B, đảm bảo trong quá trình thu gom rác không làm vương vãi ra xung quanh, đảm bảo thao tác nhanh chóng;
  - Xe thu gom rác phải là xe ép rác, đảm bảo vệ sinh, che chắn cẩn thận không gây tiếng ồn trong thời gian thu gom, không được xe thu gom là xe cũ, xe tự chế, không gây mùi khó chịu trong quá trình gom rác, xe thu gom phải là xe đạt chuẩn theo quy định của cơ quan nhà nước. Xe thu rác và nhân sự thu gom rác phải thuộc quyền quản lý và sở hữu của Bên B, Bên B tuyệt đối không được tự ý điều động nhân sự và xe thu gom rác không thuộc quyền quản lý và sở hữu của Bên B vào thu gom rác tại dự án. Trường hợp Bên A không đồng ý cho phép xe thu gom của Bên B vào dự án vì vi phạm các quy định trên, Bên B lập tức trong vòng 03(ba) giờ phải điều động xe thu gom khác (theo quy định trong bảng hợp đồng này) đến tiếp tục thu gom rác tại dự án;
  - Trước thời điểm chính thức thu gom rác 03(ba) ngày, Bên B phải gửi thông báo cho Bên A về thông tin phương tiện sẽ tiến hành thu gom tại dự án của Bên A. Thông tin cụ thể như sau:
    - Nhãn hiệu xe
    - Biển số xe
    - Khối lượng xe, xe ép (xe chuyên dụng ngành vệ sinh đô thị) và thu rác một cách thích hợp trong phòng rác trung tâm.
    - Thông tin người thực hiện tại dự án (họ và tên, số CMND/CCCD).
  - Phương tiện/nhân sự đã đăng ký sẽ không được thay đổi trong suốt thời hạn của Hợp Đồng. Trường hợp Bên B thay đổi phương tiện/ nhân sự thu gom rác thì phải thông báo trước cho Bên A ít nhất 03(ba) ngày làm việc. Trường hợp phương tiện đã đăng ký bị hư hỏng/sự cố thì Bên B phải lập tức thông báo cho Bên A về thông tin phương tiện sẽ thay thế tạm thời.
  - Đảm bảo thu gom rác theo thời gian quy định tại khoản 1.2 điều này.
4. Mỗi lần thu gom rác, phải ký biên bản giao nhận khối lượng rác để Bên A làm cơ sở theo dõi thanh toán phí và phục vụ cho công tác kiểm tra của cơ quan nhà nước (nếu có).
5. Đối với những hộ có phát sinh chất thải công nghiệp như: chất thải từ hoạt động xây dựng, rác thải rắn có kích thước lớn như: bàn, ghế, tủ, giường, nệm,...Bên B chủ động thỏa thuận với Bên A về mức phí thu gom đối với mỗi lần có phát sinh thu gom.

0163  
CÔNG  
T  
JONG  
ỦY LÝ  
THAI  
Y AN

749  
CÔNG TY  
PHÂN  
CỐ  
ĐỒNG

ISO

*Call*

## **ĐIỀU 2: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A**

1. Thông báo và hướng dẫn cho cư dân chứa rác hữu cơ và rác vô cơ vào trong bao nilong cột kín miệng, bỏ rác vào thùng loại 120 lít hoặc loại 240 lít theo quy định, thực hiện đúng các quy định về phân loại rác tại nguồn.
2. Yêu cầu Bên B thực hiện lại công việc nếu chưa hoàn thành theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này.
3. Quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B hoặc nhân sự của Bên B trong quá trình thực hiện thu gom rác tại địa điểm của Bên A gây thiệt hại cho Bên A, cá nhân, tổ chức khác có liên quan.
4. Quyền phạt vi phạm hợp đồng đối với Bên B theo quy định tại hợp đồng này và quy định của pháp luật.
5. Giao rác đúng thời gian và khối lượng; đặt rác đúng vị trí tập kết thỏa thuận;
6. Thanh toán phí dịch vụ cho Bên B đúng thời gian quy định trong nội dung thỏa thuận của hợp đồng này; thanh toán thêm các chi phí phát sinh khi thu gom (nếu có) sau khi đã được Bên B thông báo bằng văn bản và được Bên A đồng ý.
7. Thông báo cho Bên B trong trường hợp khối lượng rác thải tăng lên để Bên B có kế hoạch điều động phương tiện phù hợp.
8. Bảo quản thùng rác không bị hư bể, hay cố tình phá hoại.
9. Chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu như những đồ vật do Bên B cấp hoặc cho Bên A mượn bị hư, bể, hay cố tình để bị hư bể trong lúc sử dụng, trừ trường hợp bị hao mòn trong quá trình sử dụng hoặc do nhân viên Bên B làm hư, bể. Trường hợp xảy ra hư bể thì các bên phải tiến hành lập biên bản sự việc, nếu xác định lỗi do Bên A gây ra thì Bên A sẽ bồi thường bằng đúng giá trị thị trường của đồ vật đó, trường hợp hư bể do quá trình sử dụng hoặc do nhân viên Bên B gây ra thì Bên B sẽ thay thế cho Bên A.
10. Thực hiện đúng theo các quy định về tồn trữ chất thải sinh hoạt của thành phố.
11. Chịu trách nhiệm về bồi thường những tổn thất thực tế phát sinh do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra cho Bên B.
12. Chịu trách nhiệm phạt vi phạm hợp đồng cho những vi phạm Bên A gây ra.
13. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

## **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B**

14. Thực hiện đúng các cam kết được ghi trong hợp đồng.
15. Hàng ngày bố trí nhân sự, phương tiện phù hợp đến nhận thu gom rác theo đúng thời gian thỏa thuận và đảm bảo đúng các quy định về vệ sinh đô thị. Phương tiện

vận chuyển phải được trang bị bảo đảm vệ sinh môi trường , đảm bảo thu dọn sạch sẽ rác thải rơi vãi ngay sau khi đã thu gom.

16. Chịu trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đúng thời gian, chu kỳ, quy cách được nêu tại điều 1 của hợp đồng này theo đúng quy định của pháp luật
17. Có thái độ phục vụ ân cần, thu gom gọn gàng , dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ địa điểm tập kết rác, đảm bảo các yêu cầu vệ sinh môi trường và mỹ quan đô thị, không làm hư hại dụng cụ chứa chất thải rắn sinh hoạt và các tài sản thuộc quyền sở hữu, quản lý của Bên B. Nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm bồi thường.
18. Bên B có trách nhiệm bốc dỡ rác tại nơi tập kết rác của Bên A và vận chuyển đến nơi xử lý và tiến hành xử lý rác thải theo đúng quy định của nhà nước.
19. Bên B có trách nhiệm gửi bảng xác nhận (có đóng dấu của Bên B) khối lượng rác đã thu gom, vận chuyển và xử lý của ngày hôm trước cho Bên A chậm nhất vào ngày hôm sau.
20. Tất cả nhân viên Bên B đến thu gom rác tại Chung Cư của Bên A phải được trang bị quần áo bảo hộ lao động đúng quy định và là đồng phục của Bên B.
21. Chịu trách nhiệm và tuân thủ các quy định bảo đảm an toàn lao động trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tại Chung Cư của Bên A .
22. Tuân thủ đúng chỉ dẫn của đại diện Bên A , tuân thủ nội quy tòa nhà Chung Cư Bên A khi tiến hành cung cấp dịch vụ.
23. Thực hiện đúng theo quy định về vệ sinh môi trường của thành phố. Vận chuyển rác thải về đúng trạm trung chuyển.
24. Cung cấp hóa đơn thu tiền theo cơ quan thuế quy định.
25. Chịu trách nhiệm bồi thường 100% tổn thất, mất mát, hư hỏng của Bên A, khách hàng của Bên A và thiệt hại gây ra cho các công trình lân cận trong quá trình thực hiện dịch vụ tại Chung cư nếu xác định là lỗi của Bên B.
26. Phương tiện thu gom và vận chuyển của Bên B phải tuân thủ về các quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy, bảo đảm vệ sinh theo quy định của ngành. Trong trường hợp phương tiện thu gom và vận chuyển của Bên B gây ra sự cố tại Chung cư của Bên A thì Bên B sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm(bao gồm đền bù, khắc phục, sửa chữa,..)các hư hỏng đó và các quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật.
27. Chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A và các bên liên quan những tổn thất do hành vi vi phạm hợp đồng gây ra bởi Bên B.



137  
IG T  
NHH  
HAI X  
A OI T  
IH U  
T. B  
C.T.C.P  
MIANH  
VAN  
V. 0

28. Chịu trách nhiệm phạt vi phạm hợp đồng cho những hành vi do Bên B gây ra.
29. Trong trường hợp cơ quan chức năng kiểm tra việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác tại dự án của Bên A, Bên B có trách nhiệm cử nhân sự tham gia phối hợp cùng Bên A để cung cấp hồ sơ và tiếp cơ quan chức năng. Trong trường hợp cơ quan quản lý nhà nước kết luận việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của Bên B là sai quy định, Bên B sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các hình thức xử lý/xử phạt của cơ quan quản lý nhà nước.
30. Các quyền và nghĩa vụ khác quy định của pháp luật.

#### **ĐIỀU 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN**

1. Giá trị hợp đồng:

Phí thu gom vận chuyển và xử lý rác cho toàn Chung Cư Him Lam Phú Đông trọn gói, chưa bao gồm vat: 40.000 vnd/căn hộ.

**Lưu ý:** Giá trên đã bao gồm phí thu gom, vận chuyển và phí xử lý rác.

2. Điều khoản thanh toán:

- a. Hình thức thanh toán: tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- b. Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản xác nhận khối lượng công việc và Bên A nhận đầy đủ hồ sơ thanh toán từ Bên B.
- c. Hồ sơ thanh toán bao gồm:
- d. Giấy đề nghị thanh toán;
- e. Biên bản xác nhận khối lượng của hai bên trong tháng;
- f. Hóa đơn GTGT hợp lý và hợp lệ.
- g. Thông tin chuyển khoản như sau:

- Chủ tài khoản: **CÔNG TY TNHH TM – XD XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG**

- Stk: 050006581290- Ngân hàng Sacombank- chi nhánh Dĩ An, Bình Dương

#### **ĐIỀU 5: SỰ KIỆN BẤT KHẢ THI:**

1. Các bên sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng, phụ lục hợp đồng đính kèm và không phải chịu trách nhiệm về việc không thực hiện, hay chậm thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng đính kèm do các nguyên nhân bất khả kháng mà các bên không thể lường trước được hoặc có thể lường trước được nhưng vượt quá tầm kiểm soát của bên đó và khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết mà một bên hoặc các bên vẫn không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo hợp

đồng này. Các sự kiện bất khả kháng bao gồm nhưng không giới hạn bởi, bao gồm các sự kiện sau: đình công, tình trạng khẩn cấp, sóng thần, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, động đất, khủng bố, chiến tranh, bạo loạn, dịch bệnh hoặc các nguy cơ xảy ra chiến tranh và các thảm họa khác chưa lường được hết hoặc sự thay đổi chính sách hay ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam và những trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Các bên phải tiến hành biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra đồng thời thông báo ngay cho bên kia trong vòng 24 giờ sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài thêm bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên chịu ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.
4. Nếu bất khả kháng kéo dài 15 (mười lăm) ngày, hai bên sẽ gặp gỡ, thương lượng để đi đến giải quyết thỏa đáng cho tình huống đó. Trường hợp sự kiện bất khả kháng xảy ra mà dẫn đến hợp đồng không thể thực hiện được thì hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng.
5. Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 6: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠJ.**

1. Trong trường hợp Bên B thực hiện việc thu gom rác không đúng quy cách được quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, Bên A sẽ tiến hành thông báo nhắc nhở bằng văn bản đối với lần vi phạm thứ nhất, nếu tiếp tục vi phạm lần 2 trong 1 tháng, Bên A không phải thanh toán phí dịch vụ thu gom rác thải tương ứng với số ngày vi phạm tính từ lần vi phạm thứ 2 của Bên B. Khoản phí dịch vụ này Bên A sẽ trừ vào đợt thanh toán của tháng có ngày vi phạm. Nếu tổng số lần vi phạm vượt quá 03 lần/tháng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo khoản 8.4 Điều 8 hợp đồng này và phạt vi phạm Bên B bằng 8% tổng giá trị hợp đồng trên một tháng theo mức phí quy định tại Điều 4 hợp đồng này.
2. Nếu Bên B không thực hiện việc thu gom rác thải theo nội dung được quy định tại Điều 1 của hợp đồng này mà không do lỗi của Bên A hoặc không được sự đồng ý của Bên A thì Bên A sẽ không thanh toán cho Bên B khoản phí dịch vụ thu gom của ngày không thực hiện. Bên B phải thanh toán cho Bên A khoản phí mà Bên A đã

S-C.  
Y  
ẢY DỤ  
RƯƠN  
ONG  
INH F

L.V

161

*Choi*

thực hiện hoặc thuê cá nhân, tổ chức khác thực hiện việc thu gom rác thải của ngày mà Bên B không thực hiện. Khoản phí này Bên A sẽ trừ vào đợt thanh toán của tháng có ngày không thực hiện. Trường hợp Bên B không thực hiện việc thu gom rác thải theo quy định trên vượt quá 02 (hai) ngày, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và không phải thanh toán cho Bên B khoản phí dịch vụ của ngày Bên B đã thực hiện của tháng có vi phạm. Đồng thời Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng 8% tổng giá trị hợp đồng trên một tháng theo mức phí quy định tại Điều 4 hợp đồng này.

3. Trong trường hợp Bên B không thanh toán hoặc chậm thanh toán cho Bên A các khoản tiền theo quy định tại khoản 6.2 điều này vượt quá 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại khoản 8.4 Điều 8 hợp đồng này.
4. Quá 10 ngày kể từ ngày đến hạn phải thanh toán mà Bên A chưa thanh toán cho Bên B (không phải do lỗi của Bên B) thì Bên A phải chịu phạt lãi suất chậm thanh toán kể từ ngày thứ 11. Lãi suất phạt được tính là 0,05%/ngày/ tổng số tiền chậm thanh toán cho mỗi ngày trễ hạn nhưng không vượt quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán. Nếu vượt quá thời gian quy định này mà không có lý do chính đáng, không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên B, Bên B sẽ chấm dứt hợp đồng trước hạn.

#### **ĐIỀU 7: CHUYỂN GIAO HỢP ĐỒNG**

1. Trong suốt thời hạn của hợp đồng này, Bên B không được phép tự ý chuyển giao quyền thu gom rác cho đơn vị khác để thu gom rác thay cho Bên B mà chưa được sự đồng ý từ Bên A.
2. Trường hợp Bên B tự ý chuyển giao cho đơn vị khác mà không được sự đồng ý từ Bên A, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 8 của hợp đồng này. Trong trường hợp đó, toàn bộ số lượng thùng rác mà Bên B cho Bên A mượn, Bên A có quyền sở hữu và sẽ không hoàn lại cho Bên B.

#### **ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.**

Hợp đồng chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau đây:

1. Hợp đồng hết hiệu lực hoặc không được gia hạn theo quy định tại khoản 10.1 Điều 10 hợp đồng này.
2. Hai bên đồng ý thỏa thuận chấm dứt hợp đồng. Trường hợp này hai bên thống nhất cùng lập biên bản thanh lý hợp đồng trước thời hạn. Khi chấm dứt hợp đồng, các bên nhất trí hoàn tất các nghĩa vụ của mỗi bên theo thỏa thuận của hợp đồng này.

3. Bên A hoặc Bên B bị giải thể, bị thu hồi giấy phép hoặc phải chấm dứt hoạt động theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc phá sản;
4. Bên A quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu Bên B cung ứng dịch vụ không đạt yêu cầu chất lượng, vi phạm các quy định trong hợp đồng này và các quy định khác của nhà nước trong quá trình thu gom rác tại chung cư của Bên A.
5. Bên B quyết định đơn phương chấm dứt hợp đồng trước hạn nếu Bên A vi phạm Điều 4 hợp đồng này và Bên B đã 03 lần nhắc nhở bằng văn bản nhưng Bên A vẫn không khắc phục.
6. Trường hợp Bên B không đủ điều kiện thu gom, vận chuyển xử lý rác thải theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
7. Hợp đồng này được xem là chấm dứt trước thời hạn nếu như trong thời hạn của hợp đồng mà hợp đồng dịch vụ quản lý vận hành giữa Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản DKRA (DKRA Living) và Ban quản trị chấm dứt vì bất kỳ lý do gì đồng thời ban quản trị quyết định chọn đơn vị thu gom rác khác thay thế Bên B. Trường hợp này, Bên A có nghĩa vụ thông báo cho Bên B trước 30 (ba mươi) ngày và sẽ chịu trách nhiệm làm thủ tục thanh lý hợp đồng trước thời hạn mà không chịu bất cứ trách nhiệm bồi thường gì đối với việc thanh lý hợp đồng trước hạn.
8. Khi thực hiện việc chấm dứt hợp đồng trước hạn, bên có quyền chấm dứt hợp đồng có trách nhiệm thông báo cho bên kia trước 15 (mười lăm) ngày làm việc. Hai bên có trách nhiệm thanh toán cho các khoản liên quan trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt theo khoản 5 Điều 6 của hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 9: THÔNG TIN LIÊN LẠC**

Mọi thông tin trao đổi liên quan đến hợp đồng và việc thực hiện hợp đồng hai bên thống nhất liên hệ địa chỉ sau:

**Bên A:**

**BAN QUẢN LÝ CHUNG CƯ HİM LAM PHÚ ĐÔNG**

Địa chỉ: 2B đường Trần Thị Vững, P. An Bình, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 085 203 8989

**Bên B:**

**CÔNG TY TNHH TM – XD XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THANH LONG**

Địa chỉ: 1/3A, KP.Nhị Đồng 2, P.Dĩ An, Tp.Dĩ An, T.Bình Dương

Điện thoại: 0650 3796407- 0393495039

Thông tin người đại diện: **Ông ĐẶNG VĂN TON**



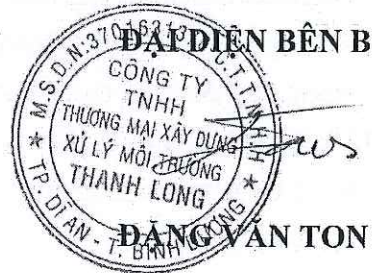
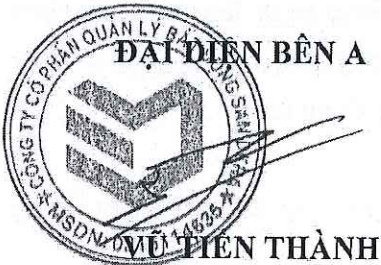
*Handwritten signature*

Số điện thoại: 0983442552

Trong trường hợp các bên có thay đổi địa chỉ liên hệ phải thông báo trước bằng văn bản hoặc email ít nhất 02 ngày trước ngày có thay đổi.

**ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

1. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày **01/12/2023** đến hết ngày **30/11/2024** hợp đồng sẽ tự động gia hạn thêm 01 (một) năm nếu sau khi hết hạn mà hai bên không có ý kiến gì về quá trình thực hiện hợp đồng.
2. Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung liên quan đến hợp đồng phải được lập thành văn bản, được hai bên ký nhận và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.
3. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên thương lượng giải quyết trên tinh thần hợp tác. Trong trường hợp hai bên không thể thỏa thuận, tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
5. Thời điểm bắt đầu tiến hành thu gom rác sẽ được Bên A thông báo bằng văn bản hoặc Email cho Bên B trước 03 ngày.
6. Hợp đồng được lập thành 04(bốn) bản. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.





## HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số 001.-2022/HĐKT/HP- PD

- Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ luật thương mại số 36/2005/HQ11 do Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/6/2005;
- Căn cứ vào nhu cầu, chức năng nhiệm vụ của hai bên.

Hôm nay, ngày 30. tháng 03. năm 2022 tại văn phòng Công ty TNHH Dịch vụ Hùng Phát, chúng tôi gồm các Bên sau đây:

**BÊN A** : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

Đại diện bởi : Bà LÊ THỊ HUYỀN TRẦN

Chức vụ : Giám Đốc Khối DVQLBDS

(Theo quyết định ủy quyền số 06/01/2022/UQ-TGD-PĐ ký ngày 02/01/2022 của Tổng giám đốc Công ty).

Địa chỉ : 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM

Mã số thuế : 0310694943

**BÊN B** : CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ HÙNG PHÁT

Đại diện bởi : Ông Nguyễn Văn Hùng

Chức vụ : Giám Đốc

Địa chỉ : Lầu 7, 179 Nguyễn Cư Trinh, P.Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028)22019999

Mã số thuế : 0317132703

Số tài khoản : 2337.8888.8888 tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu

Sau khi thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng về việc Hút bùn bể lắng tự hoại của hệ thống Xử lý nước thải tại Khu dân cư Him Lam Phú Đông với các điều khoản cụ thể sau:



## ĐIỀU I: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý giao và bên B đồng ý nhận cung cấp dịch vụ hút bùn thải bể lắng tự hoại của hệ thống xử lý nước thải tại Khu dân cư Him Lam Phú Đông:

Công việc yêu cầu: Hút toàn bộ bùn thải bể lắng tự hoại trong hệ thống XLNT, xịt rửa vệ sinh thành bể, thu gom, vận chuyển đến trạm xử lý.

Địa điểm thực hiện: Hệ thống xử lý nước thải tại KDC Him Lam Phú Đông – Số 2B, đường Trần Thị Vững, phường An Bình, Tp. Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Thời gian xử lý: trong vòng 08 tiếng kể từ thời điểm bắt đầu tiến hành công việc

## ĐIỀU II: NỘI DUNG CÔNG VIỆC, ĐƠN GIÁ, THỜI GIAN THANH TOÁN

### 1. Nội dung công việc và đơn giá

STT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	S/L	ĐƠN GIÁ	TỔNG CỘNG
1	Hút toàn bộ bùn thải bể lắng tự hoại của hệ thống XLNT, xịt rửa vệ sinh thành bể, thu gom, vận chuyển đến trạm xử lý	Gói	1	28.000.000	28.000.000
<b>TỔNG CỘNG CHƯA BAO GỒM THẾ</b>					<b>28.000.000</b>
<b>THUẾ GTGT 8%</b>					<b>2.240.000</b>
<b>TỔNG CỘNG ĐÃ BAO GỒM THẾ</b>					<b>30.240.000</b>

- Giá bao gồm thuế GTGT 8%.
- Đơn giá trọn gói (bao gồm chi phí xử lý bùn thải với bên thứ 3).
- Thời gian thực hiện: Sau khi Bên B nhận được thông báo của bên A (cụ thể thời gian hút).

### 2. Hồ sơ thanh toán và thời gian thanh toán:

#### 2.1 Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu sau khi hút bùn bể lắng tự hoại hệ thống XLNT đạt yêu cầu có chữ ký xác nhận của đại diện 2 bên;
- Hóa đơn thuế VAT 8%;
- Giấy đề nghị thanh toán;

#### 2.2 Thời gian thanh toán:

- Thời gian thanh toán: Bên A thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho Bên B trong vòng 05 ngày làm việc, sau khi Bên A nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị thanh toán của Bên B;

### **ĐIỀU III: TRÁCH NHIỆM CỦA HAI BÊN**

#### **3.1 Quyền và nghĩa vụ của bên A:**

- 3.1.1 Hướng dẫn và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cho nhân viên bên B vận chuyển bùn thải, xử lý bể lắng được nhanh chóng;
- 3.1.2 Thanh toán tiền đầy đủ cho bên B theo như điều II của hợp đồng;
- 3.1.3 Hỗ trợ Bên B cấp nguồn nước vào bể lắng trong quá trình hút bùn thải để tự hoại để Bên B xử lý phun xịt làm tan rã các tầng bùn, phân bị đóng cứng nhằm thuận tiện cho việc hút lên xe;
- 3.1.4 Bố trí nhân sự trực giám sát trong quá trình bên B hút và nghiệm thu sau khi hoàn thành;

#### **3.2 Quyền và nghĩa vụ của bên B:**

- 3.2.1 Đảm bảo nhân viên lái xe theo đúng luật giao thông quy định về an toàn vận tải, chịu trách nhiệm và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn trong lao động trong quá trình thi công;
- 3.2.2 Cam kết vận chuyển bùn thải sau khi hút được đưa đến nhà máy xử lý theo đúng quy định của pháp luật;
- 3.2.3 Bên B có trách nhiệm thu dọn sạch sẽ bùn thải rơi vãi quanh khu vực xử lý và trong quá trình vận chuyển đến trạm xử lý;
- 3.2.4 Phương tiện thu gom và vận chuyển của Bên B phải tuân thủ các quy định về an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy, bảo đảm vệ sinh theo quy định của ngành. Trong trường hợp phương tiện thu gom và vận chuyển của bên B gây ra sự cố tại khu dân cư của Bên A thì Bên B sẽ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm (bao gồm đền bù, khắc phục, sửa chữa,...) các hư hỏng đó và các quyết định xử phạt khác theo quy định của pháp luật.
- 3.2.5 Chịu trách nhiệm bồi thường 100% tổn thất, mất mát, hư hỏng của Bên A, khách hàng của Bên A và thiệt hại gây ra cho các công trình lân cận trong quá trình thực hiện dịch vụ tại khu dân cư của Bên A nếu được xác định là lỗi của Bên B; Bên B có trách nhiệm hoàn thành công việc theo đúng tiến độ thỏa thuận của hai bên;
- 3.2.6 Cung cấp hợp đồng (còn hiệu lực) đã ký kết giữa Bên B với đơn vị tiếp nhận và xử lý chất thải ;
- 3.2.7 Chịu trách nhiệm nơi phân hủy chất thải, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường theo đúng quy định của pháp luật;
- 3.2.8 Chịu trách nhiệm về những quy định liên quan tới quá trình thu gom, vận chuyển bùn thải của bể lắng tự hoại đến nơi xử lý;



- 3.2.9 Bên B bảo đảm hút hết bùn trong các ngăn của bể lắng tự hoại trong hệ thống XLNT của Bên A.
- 3.2.10 Bên B phải có giải pháp và trang bị các công cụ dụng cụ nhằm đảm bảo an toàn lao động cho nhân viên bên B trong quá trình thực hiện hút và vệ sinh bể lắng;
- 3.2.11 Bên B hạn chế phát sinh nước thải trong bể lắng do quá trình bơm nước vào để làm mềm bùn và dễ thực hiện hút bùn thải (nghĩa là mực nước phải thấp hơn so với trước khi thực hiện công việc hút trong bể).

#### **ĐIỀU IV: CHUYỂN GIAO HỢP ĐỒNG**

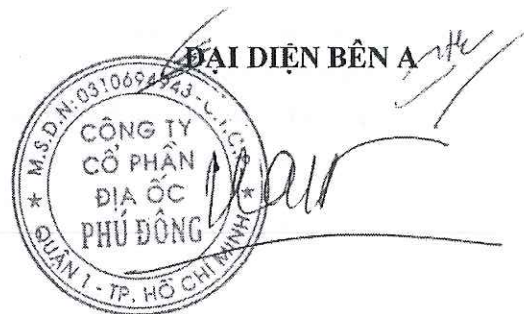
Trong suốt thời hạn của hợp đồng này, Bên B không được phép tự ý chuyển giao quyền và nghĩa vụ cũng như các công việc có liên quan theo quy định của hợp đồng này cho đơn vị khác để thực hiện thay cho Bên B mà chưa được sự đồng ý từ bên A.

#### **ĐIỀU V: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG**

- 5.1 Các bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Mọi sửa đổi, bổ sung trong hợp đồng này phải được các bên thông qua;
- 5.2 Không bên nào được đơn phương thay đổi hoặc hủy bỏ hợp đồng. Bên nào không thực hiện hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì sẽ bị phạt bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật;
- 5.3 Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký;
- 5.4 Sau khi hai bên đã thực hiện xong các điều khoản nêu trong hợp đồng thì hợp đồng mặc nhiên tự động thanh lý;
- 5.5 Hợp đồng này đã được hai bên cùng đọc và thống nhất với nội dung như trên;
- 5.6 Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản để thực hiện;



**NGUYỄN VĂN HÙNG**



**LÊ THỊ HUYỀN TRẦN**

**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 03 năm 2023 tại Chung cư Him Lam Phú Đông địa chỉ: KDC Him Lam Phú Đông, Số 2B, Đường Trần Thị Vũng, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Chúng tôi gồm:**

**\* Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH:**

1. Ông: Nguyễn Đức Anh; Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;  
Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đối với Chung cư Him Lam Phú Đông.

**\* Đại diện cơ sở là:**

- Ông: Nguyễn Thái Sơn; chức danh: Trưởng ban quản trị;
- Ông: Hán Duy Thế; Chức danh: Trưởng ban quản lý

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

**I. Phần trình bày của cơ sở:**

Chung cư Him Lam Phú Đông – Phát triển nhà ở Đông Á, gồm 01 Block (có 21 tầng bao gồm tầng mái) hình chữ L có 400 căn hộ. Tầng 01: khu thương mại, từ tầng 02 đến tầng 04: là khu vực để xe và sinh hoạt cộng đồng, từ tầng 5 đến tầng 20 là căn hộ cư dân sinh sống, tầng 21: tầng mái. Đã có quyết định thành lập Ban Quản trị tòa nhà;

**II. KIỂM TRA HỒ SƠ (căn cứ theo quy định tại điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA)**

**1. Nội quy, quy định, quy trình về phòng cháy và chữa cháy**

- Công ty có lưu trữ các công văn liên quan đến hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC (Công văn số 521/PC07-CTPC ngày 23/7/2021 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện công tác PCCC; Công văn số 445/PC07-CTPC ngày 24/06/2021, Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Thông tư 149/TT-BCA; QCVN 06:2021/BXD; Thông tư 150/2020/TT-BCA; TCVN 3890:2009; Nghị định 144/2020/NĐ-CP; TCVN 3890:2009, .....); các báo cáo định kỳ về công tác PCCC tại cơ sở.

- Công ty có ban hành nội quy về PCCC kèm theo Quyết định số 05-21/QĐ-PCCC-TTPP ngày 01/02/2021 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

**2. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản nghiệm thu về PCCC**

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 3193/TD-PCCC-P6 ngày 03/07/2015 do Cục PCCC&CNCH cấp;
- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 722/PCCC&CNCH-P6 ngày 11/06/2018 do Cục PCCC&CNCH cấp;

**3. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ; sơ đồ thoát nạn của cơ sở.**

- Công ty đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại các tầng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

**4. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở**

- Công ty đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 04-05-2011/QĐ-PD ngày 31/05/2021, gồm 24 thành viên trong đó có phân công 01 chỉ huy trưởng, 01 đội trưởng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Quyết định phân công chức trách nhiệm vụ PCCC, CNCH ngày 31/05/2021

- Công ty đã phối hợp Cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội PCCC cơ sở theo Kế hoạch số 245/KH-PC07 ngày 06/04/2022 của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH theo quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Quyết định cấp giấy chứng nhận huấn luyện số 251/QĐ-PC07 ngày 22/04/2021 của phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Dương)

- Cơ sở có lập sổ thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**5. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (nếu có); báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy:**

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC11 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA, được phê duyệt ngày 21/06/2019; Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

- Cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy có phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC theo quy định (Thời gian thực tập phương án vào ngày 03/12/2022; Tình huống giả định: cháy tại căn hộ 07.19); Biên bản thực tập phương án chữa cháy do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH;

- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở theo kế hoạch số 02-KH/PCCC ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC&CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan);

**6. Công tác lưu trữ Biên bản kiểm tra an toàn PCCC, hồ sơ xử lý vi phạm; Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở**

- Cơ sở lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở đã có quy định và tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

### **7. Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

- Đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

### **8. Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có)**

Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ (Giấy chứng nhận hoặc biên bản kiểm tra điện trở nối đất do Trung tâm kiểm định kỹ thuật khu vực II cấp ngày 15/04/2022 hiệu lực đến ngày 12/04/2023 kết quả đo: dưới 10 Ohm)

### **9. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Công ty có mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Giấy chứng nhận của Công ty cổ phần AAA thời hạn đến ngày 23/02/2024);

### **10. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định**

- Phương án đã được người đứng đầu cơ sở phê duyệt ngày 02/01/2021 theo quy định.

Cơ sở đã thực tập phương án CNCH theo quy định ngày theo kế hoạch số 02-KH/PCCC&CNCH ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC& CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan);

## **III. Kiểm tra thực tế:**

### **1. Các điều kiện về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy**

- Tại thời điểm kiểm tra, đường giao nội bộ của tòa nhà đảm bảo chiều rộng thông thủy  $\geq 3,5m$  phục vụ cho xe chữa cháy di chuyển và tiếp cận được khi có sự cố cháy xảy ra theo mục 5 QCVN 06:2010/BXD.

- Có 01 bể nước chữa cháy 470m<sup>3</sup>, tại thời điểm kiểm tra bể nước chữa cháy chứa đầy nước.

### **2. Về điều kiện thoát nạn**

- Cơ sở đã niêm yết các sơ đồ chỉ dẫn lối thoát nạn đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở có bố trí 02 thang bộ, 01 cầu thang bộ có hệ thống tăng áp buồng thang. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống tăng áp buồng thang bộ giữa nhà có hoạt động.

- Trong buồng thang bộ, đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố.

- Tại tất cả các cửa ngăn cháy hành lang các tầng đã trang bị đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit).



- Tại thời điểm kiểm tra điều kiện thoát nạn hoạt động đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

### **3. Các điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan**

Tại thời điểm kiểm tra đường ống kỹ thuật điện, nước xuyên tầng có giải pháp ngăn cháy (sử dụng cửa phòng kỹ thuật là loại cửa có giới hạn chịu lửa 90 phút theo giấy chứng nhận kiểm định số 717/KĐ-PCCC-P9, do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 29/01/2018) theo quy định tại Điều 6 TCVN 6160:1996.

### **4. Hệ thống báo cháy tự động**

Cơ sở đã trang bị hệ thống báo cháy cho tòa nhà (Tại các tầng: ngoài hành lang bố trí 09 đầu báo; trong mỗi căn hộ: 01 đầu báo khói, 01 đầu báo nhiệt; trong mỗi nhà rác từng tầng có 01 đầu báo khói). Thử hệ thống báo cháy tại hành lang tầng 19, căn hộ số 16-11, hành lang tầng 8. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống có hoạt động, chuông kêu rõ, có liên động với hệ thống tăng áp buồng thang bộ, liên động thang máy (về tầng 01 khi xảy ra cháy), có liên động với hệ thống hút khói hành lang.

### **5. Việc trang bị phương tiện chữa cháy của cơ sở**

- Cơ sở trang bị hệ thống họng nước chữa cháy vách tường tại mỗi tầng 04 họng (02 tủ PCCC), 08 trụ tiếp nước ngoài nhà, 02 trụ chữa cháy, 03 máy bơm chữa cháy (02 máy động cơ điện, 01 máy bơm bù áp). Thử nghiệm hệ thống chữa cháy, phun 02 lăng đồng thời tại tầng mái, tia nước đặc đảm bảo > 6 mét.

- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler sử dụng chung cho tòa nhà.

- Cơ sở trang bị 285 bình chữa cháy xách tay các loại. Kiểm tra xác suất 18 bình, tại thời điểm kiểm tra các bình trong trạng thái thường trực, có đeo thẻ kiểm tra theo dõi.

- Cơ sở đã trang bị đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư 150/2020/TT-BCA.

### **6. Hệ thống điện**

Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng có công suất 600 KVA.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống dây dẫn điện hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chập, chập theo quy định.

### **7. Nhận thức của CBCNV và hoạt động của đội PCCC cơ sở**

- Tại công trình, Đoàn kiểm tra hỏi xác xuất 05 cư dân về nội quy PCCC&CNCH; nhận thức trong công tác PCCC&CNCH đã được chủ đầu tư và ban quản lý phổ biến; cách thức sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy. Kết quả cư dân tại chung cư không nắm bắt được các quy định và sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy theo quy định tại



Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Đoàn yêu cầu đội PCCC chia các tổ và triển khai chữa cháy giả định tại vị trí xa nhất: tổ chữa cháy, tổ hướng dẫn và cứu người bị nạn, tổ cứu tài sản, tổ bảo vệ. kết quả: không thực hiện được.

#### **8. Về khoảng cách an toàn PCCC:**

- Tại thời điểm kiểm tra: cơ sở không phát sinh các hạng mục công trình khác, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

#### **V. Nội dung tuyên truyền, hướng dẫn an toàn PCCC**

1. Chủ đầu tư tiếp tục kiểm tra rà soát, kiểm tra công trình với các quy định về PCCC&CNCH tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện cho đảm bảo yêu cầu an toàn về PCCC&CNCH theo quy định.

2. Quy định, tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại khoản 3 điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

3. Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ theo quy định tại TCVN 3890-2009 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

4. Thống kê, báo cáo về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020.

5. Tăng cường tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và lập sổ theo dõi theo quy định tại khoản 1, điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực có quy định cấm, quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo Điều 14 Luật PCCC năm 2001.

7. Công ty thực hiện nghiêm việc thẩm duyệt lại khi có thay đổi về công năng, tính chất sử dụng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

8. Liên hệ với đơn vị chuyên môn về ngành điện kiểm tra, rà soát hiện trạng hệ thống điện, đánh giá tình trạng hệ thống điện hiện đang sử dụng (yêu cầu phải

1949  
HỘ  
A ỐC  
ĐƠN  
HỒ

có bản vẽ hiện trạng hệ thống điện), trong quá trình hoạt động thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện, không phát sinh thêm các thiết bị tiêu thụ điện, đảm bảo không để ngắn mạch (chập điện), quá tải gây cháy, nổ.

9. Trang bị bổ sung mặt nạ lọc độc tại mỗi tầng (02 chiếc) để đảm bảo thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

#### VI. Ý kiến của cơ sở

- Người đứng đầu cơ sở đã được Đoàn kiểm tra tuyên truyền, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.


- Người đứng đầu cơ sở cam kết sẽ duy trì thường xuyên công tác tự tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, việc sử dụng các phương tiện PCCC cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình theo quy định.

- Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, chúng tôi đã nắm bắt rõ và chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra sự cố cháy, nổ.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

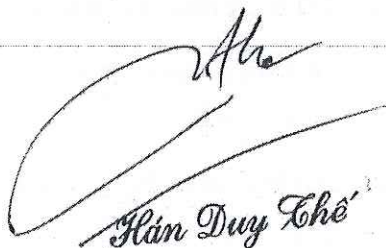
#### ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)

  
Nguyễn Hoài Sơn

#### ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

(Ký tên, ghi họ tên)

  
Phan Duy Chế

#### ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký tên, ghi họ tên)

  
Nguyễn Đức Anh

48

b.

BỘ CÔNG AN  
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH  
Số: 3493/TĐ-PCCC-P6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PCCC  
Ban hành kèm theo Thông tư  
số 66/2014/TT-BCA  
ngày 16/12/2014

**GIẤY CHỨNG NHẬN  
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ điều 7, Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

- Xét văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 11/CY ngày 24/6/2015 của Công ty Cổ phần địa ốc Phú Đông.  
Người đại diện là ông Triệu Minh Phương Chức danh: Tổng Giám đốc

**CỤC CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ  
CHỨNG NHẬN:**

Công trình: Chung cư 21 tầng Dự án phát triển nhà ở Đông A

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần địa ốc Phú Đông

Xây dựng tại: Thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH Công nghệ tòa nhà Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

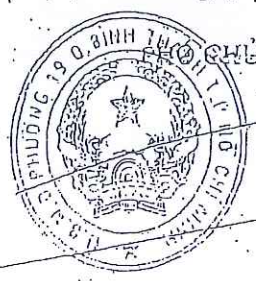
1. Khoảng cách an toàn PCCC; giao thông phục vụ cho xe chữa cháy;
  2. Giải pháp ngăn cháy lan và chống tụ khói;
  3. Hệ thống thoát nạn; hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
  4. Hệ thống báo cháy tự động;
  5. Hệ thống chữa cháy bằng nước;
  6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu,
- theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2/1.

Hà Nội, ngày 03 tháng 7 năm 2015

Nơi nhận:  
- Công ty Cổ phần địa ốc Phú Đông;  
- Cảnh sát PCCC tỉnh Bình Dương;  
- Lưu: VT, P6 (Đ/c Thế).

CHUNG THỰC BAN SAO ĐUNG VỚI BAN CHỈ ĐẠO TRƯỞNG  
Số chứng thực: 01062  
Quyển số:

Ngày: 18-01-2016



Thiếu tướng Đoàn Việt Mạnh

Nguyễn Tiến Phước

BỘ CÔNG AN  
CỤC CẢNH SÁT PCCC VÀ CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 722 / PCCC&CNCH-P6

Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2018

V/v nghiệm thu về PCCC đối với công trình  
Chung cư 21 tầng - Dự án phát triển nhà ở  
Đông Á

Kính gửi: Công ty Cổ phần Kinh doanh địa ốc Him Lam

Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC và CNCH) nhận được công văn số 139/03/2018/CV-HLL, ngày 22/3/2018 và công văn số 263/05/2018/CV-HLL, ngày 18/5/2018 của Công ty Cổ phần Kinh doanh địa ốc Him Lam (đã được UBND tỉnh Bình Dương chấp thuận chuyển nhượng một phần dự án Phát triển nhà ở Đông Á tại Quyết định số 2384/QĐ-UBND, ngày 12/9/2016 từ Công ty Cổ phần địa ốc Phú Đông cho Công ty Cổ phần Kinh doanh địa ốc Him Lam) đề nghị kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình Chung cư 21 tầng - Dự án phát triển nhà ở Đông Á; căn cứ các biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC do đại diện Cục Cảnh sát PCCC và CNCH cùng các bên liên quan lập ngày 13/4/2018 và ngày 06/6/2018. Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về PCCC của Công ty Cổ phần Kinh doanh địa ốc Him Lam;

Cục Cảnh sát PCCC và CNCH đồng ý nghiệm thu về PCCC đối với công trình Chung cư 21 tầng - Dự án phát triển nhà ở Đông Á, xây dựng tại phường An Bình, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo các nội dung sau:

1. Khoảng cách an toàn PCCC; Đường giao thông dành cho xe chữa cháy;
2. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
3. Giải pháp thoát nạn; Hệ thống đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Hệ thống báo cháy tự động;
5. Hệ thống chữa cháy bằng nước;
6. Trang bị phương tiện chữa cháy ban đầu;

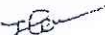
Để bảo đảm an toàn PCCC cho công trình nêu trên trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty Cổ phần Kinh doanh địa ốc Him Lam và đơn vị quản lý vận hành thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện các điều kiện an toàn PCCC đối với cơ sở trước khi đưa vào hoạt động theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ.

- Thực hiện đúng quy trình, quy định về vận hành sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan.

- Duy trì liên tục chế độ hoạt động bình thường của hệ thống, thiết bị PCCC và hệ thống kỹ thuật có liên quan đã được lắp đặt theo đúng chức năng trong suốt quá trình sử dụng.

- Khi cải tạo, thay đổi tính chất sử dụng của công trình, hạng mục công trình phải đảm bảo các yêu cầu về PCCC theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ và gửi hồ sơ đến cơ quan Cảnh sát PCCC để thẩm duyệt về PCCC theo quy định./

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Đồng chí Cục trưởng (để b/c);
- Cảnh sát PC và CC tỉnh Bình Dương (để quản lý cơ sở);
- Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, P6 (VTh).



Thượng tá Bùi Quang Việt



**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 10 tháng 10 năm 2023 tại Chung cư Him Lam Phú Đông địa chỉ: KDC Him Lam Phú Đông, Số 1, Đường Trần Thị Vững, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Chúng tôi gồm:**

**\* Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH:**

1. Ông: Nguyễn Đức Anh; Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đối với Chung cư Him Lam Phú Đông.

**\* Đại diện cơ sở là:**

1. Ông: Nguyễn Thái Sơn; chức danh: Trưởng ban quản trị;

2. Ông: Hán Duy Thế; Chức danh: Trưởng ban quản lý

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

**I. Phần trình bày của cơ sở:**

Chung cư Him Lam Phú Đông – Phát triển nhà ở Đông Á, gồm 01 Block (có 21 tầng bao gồm tầng mái) hình chữ L có 400 căn hộ. Tầng 01: khu thương mại, từ tầng 02 đến tầng 04: là khu vực để xe và sinh hoạt cộng đồng, từ tầng 5 đến tầng 20 là căn hộ cư dân sinh sống, tầng 21: tầng mái. Đã có quyết định thành lập Ban Quản trị tòa nhà;

**II. KIỂM TRA HỒ SƠ (căn cứ theo quy định tại điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA)**

**1. Nội quy, quy định, quy trình về phòng cháy và chữa cháy**

- Công ty có lưu trữ các công văn liên quan đến hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC (Công văn số 521/PC07-CTPC ngày 23/7/2021 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện công tác PCCC; Công văn số 445/PC07-CTPC ngày 24/06/2021, Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Thông tư 149/TT-BCA; QCVN 06:2021/BXD; Thông tư 150/2020/TT-BCA; TCVN 3890:2009; Nghị định 144/2020/NĐ-CP; TCVN 3890:2009, .....); các báo cáo định kỳ về công tác PCCC tại cơ sở.

- Công ty có ban hành nội quy về PCCC kèm theo Quyết định số 05-21/QĐ-PCCC-TTTP ngày 01/02/2021 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

**2. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản nghiệm thu về PCCC**

13/10/2023  
CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH  
TP. DĨ AN

QUẢN LÝ NHÀ CHỨNG  
HIM LAM PHÚ ĐÔNG  
TX. DĨ AN - T

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 3193/TD-PCCC-P6 ngày 03/07/2015 do Cục PCCC&CNCH cấp;

- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 722/PCCC&CNCH-P6 ngày 11/06/2018 do Cục PCCC&CNCH cấp;

**3. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ; sơ đồ thoát nạn của cơ sở.**

- Công ty đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại các tầng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

**4. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở**

- Công ty đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 04-05-2011/QĐ-PD ngày 31/05/2021, gồm 24 thành viên trong đó có phân công 01 chỉ huy trưởng, 01 đội trưởng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Quyết định phân công chức trách nhiệm vụ PCCC, CNCH ngày 31/05/2021

- Công ty đã phối hợp Cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội PCCC cơ sở theo Kế hoạch số 245/KH-PC07 ngày 06/04/2022 của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH theo quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Quyết định cấp giấy chứng nhận huấn luyện số 251/QĐ-PC07 ngày 22/04/2021 của phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Dương)

- Cơ sở có lập sổ thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**5. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (nếu có); báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy:**

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC11 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA, được phê duyệt ngày 21/06/2019; Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

- Cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy có phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC theo quy định (Thời gian thực tập phương án vào ngày 03/12/2022; Tình huống giả định: cháy tại căn hộ 07.19); Biên bản thực tập phương án chữa cháy do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH;

- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở theo kế hoạch số 02-KH/PCCC ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC&CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan)

**6. Công tác lưu trữ Biên bản kiểm tra an toàn PCCC, hồ sơ xử lý vi phạm; Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở**

- Cơ sở lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở đã có quy định và tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

UN  
N T  
IG  
LA  
ĐỒ  
B

### **7. Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

- Đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

### **8. Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có)**

Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ (Giấy chứng nhận hoặc biên bản kiểm tra điện trở nối đất do Trung tâm kiểm định kỹ thuật khu vực II cấp ngày 15/04/2022 hiệu lực đến ngày 12/04/2023 kết quả đo: dưới 10 Ohm)

### **9. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Công ty có mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Giấy chứng nhận của Công ty cổ phần AAA thời hạn đến ngày 23/02/2024);

### **10. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định**

- Phương án đã được người đứng đầu cơ sở phê duyệt ngày 02/01/2021 theo quy định.

Cơ sở đã thực tập phương án CNCH theo quy định ngày theo kế hoạch số 02-KH/PCCC&CNCH ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC& CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan);

## **III. Kiểm tra thực tế:**

### **1. Các điều kiện về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy**

- Tại thời điểm kiểm tra, đường giao nội bộ của tòa nhà đảm bảo chiều rộng thông thủy  $\geq 3,5m$  phục vụ cho xe chữa cháy di chuyển và tiếp cận được khi có sự cố cháy xảy ra theo mục 5 QCVN 06:2010/BXD.

- Có 01 bể nước chữa cháy 470m<sup>3</sup>, tại thời điểm kiểm tra bể nước chữa cháy chứa đầy nước.

### **2. Về điều kiện thoát nạn**

- Cơ sở đã niêm yết các sơ đồ chỉ dẫn lối thoát nạn đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở có bố trí 02 thang bộ, 01 cầu thang bộ có hệ thống tăng áp buồng thang. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống tăng áp buồng thang bộ giữa nhà có hoạt động.

- Trong buồng thang bộ, đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố.

- Tại tất cả các cửa ngăn cháy hành lang các tầng đã trang bị đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit).

PH  
HÀ  
SỐ  
TÊN  
HỒ

RI  
CU  
M  
NG  
NH



- Tại thời điểm kiểm tra điều kiện thoát nạn hoạt động đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

### **3. Các điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan**

Tại thời điểm kiểm tra đường ống kỹ thuật điện, nước xuyên tầng có giải pháp ngăn cháy (sử dụng cửa phòng kỹ thuật là loại cửa có giới hạn chịu lửa 90 phút theo giấy chứng nhận kiểm định số 717/KĐ-PCCC-P9, do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 29/01/2018) theo quy định tại Điều 6 TCVN 6160:1996.

### **4. Hệ thống báo cháy tự động**

Cơ sở đã trang bị hệ thống báo cháy cho tòa nhà (Tại các tầng: ngoài hành lang bố trí 09 đầu báo; trong mỗi căn hộ: 01 đầu báo khói, 01 đầu báo nhiệt; trong mỗi nhà rác từng tầng có 01 đầu báo khói). Thử hệ thống báo cháy tại hành lang tầng 19, căn hộ số 16-11, hành lang tầng 8. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống có hoạt động, chuông kêu rõ, có liên động với hệ thống tăng áp buồng thang bộ, liên động thang máy (về tầng 01 khi xảy ra cháy), có liên động với hệ thống hút khói hành lang.

### **5. Việc trang bị phương tiện chữa cháy của cơ sở**

- Cơ sở trang bị hệ thống họng nước chữa cháy vách tường tại mỗi tầng 04 họng (02 tủ PCCC), 08 trụ tiếp nước ngoài nhà, 02 trụ chữa cháy, 03 máy bơm chữa cháy (02 máy động cơ điện, 01 máy bơm bù áp). Thử nghiệm hệ thống chữa cháy, phun 02 lăng đồng thời tại tầng mái, tia nước đặc đảm bảo > 6 mét.

- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler sử dụng chung cho tòa nhà.

- Cơ sở trang bị 285 bình chữa cháy xách tay các loại. Kiểm tra xác suất 18 bình, tại thời điểm kiểm tra các bình trong trạng thái thường trực, có đeo thẻ kiểm tra theo dõi.

- Cơ sở đã trang bị đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư 150/2020/TT-BCA.

### **6. Hệ thống điện**

Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng có công suất 600 KVA.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống dây dẫn điện hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chập, chập theo quy định.

### **7. Nhận thức của CBCNV và hoạt động của đội PCCC cơ sở**

- Tại công trình, Đoàn kiểm tra hỏi xác xuất 05 cư dân về nội quy PCCC&CNCH; nhận thức trong công tác PCCC&CNCH đã được chủ đầu tư và ban quản lý phổ biến; cách thức sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy. Kết quả cư dân tại chung cư không nắm bắt được các quy định và sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy theo quy định tại

Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Đoàn yêu cầu đội PCCC chia các tổ và triển khai chữa cháy giả định tại vị trí xa nhất: tổ chữa cháy, tổ hướng dẫn và cứu người bị nạn, tổ cứu tài sản, tổ bảo vệ. kết quả: không thực hiện được.

#### **8. Về khoảng cách an toàn PCCC:**

- Tại thời điểm kiểm tra: cơ sở không phát sinh các hạng mục công trình khác, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

#### **V. Nội dung tuyên truyền, hướng dẫn an toàn PCCC**

1. Chủ đầu tư tiếp tục kiểm tra rà soát, kiểm tra công trình với các quy định về PCCC&CNCH tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện cho đảm bảo yêu cầu an toàn về PCCC&CNCH theo quy định.

2. Quy định, tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại khoản 3 điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

3. Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ theo quy định tại TCVN 3890-2009 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

4. Thống kê, báo cáo về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020.

5. Tăng cường tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và lập sổ theo dõi theo quy định tại khoản 1, điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực có quy định cấm, quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo Điều 14 Luật PCCC năm 2001.

7. Công ty thực hiện nghiêm việc thẩm duyệt lại khi có thay đổi về công năng, tính chất sử dụng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

8. Liên hệ với đơn vị chuyên môn về ngành điện kiểm tra, rà soát hiện trạng hệ thống điện, đánh giá tình trạng hệ thống điện hiện đang sử dụng (yêu cầu phải

có bản vẽ hiện trạng hệ thống điện), trong quá trình hoạt động thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện, không phát sinh thêm các thiết bị tiêu thụ điện, đảm bảo không để ngắn mạch (chập điện), quá tải gây cháy, nổ.

9. Trang bị bổ sung mặt nạ lọc độc tại mỗi tầng (02 chiếc) để đảm bảo thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

#### VI. Ý kiến của cơ sở

- Người đứng đầu cơ sở đã được Đoàn kiểm tra tuyên truyền, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.

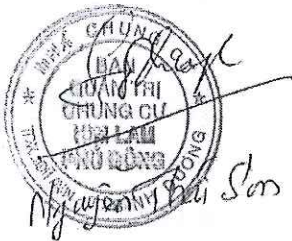
- Người đứng đầu cơ sở cam kết sẽ duy trì thường xuyên công tác tự tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, việc sử dụng các phương tiện PCCC cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình theo quy định.

- Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, chúng tôi đã nắm bắt rõ và chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra sự cố cháy, nổ.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN  
CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)



**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

(Ký tên, ghi họ tên)

*Handwritten signature*  
Hàn Duy Khé

**ĐẠI DIỆN  
ĐOÀN KIỂM TRA**

(Ký tên, ghi họ tên)

*Handwritten signature*  
Nguyễn Đức Anh

**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 03 năm 2023 tại Chung cư Him Lam Phú Đông địa chỉ: KDC Him Lam Phú Đông, Số 2B, Đường Trần Thị Vững, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Chúng tôi gồm:**

**\* Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH:**

1. Ông: Nguyễn Đức Anh; Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đối với Chung cư Him Lam Phú Đông.

**\* Đại diện cơ sở là:**

1. Ông: Nguyễn Thái Sơn; chức danh: Trưởng ban quản trị;

2. Ông: Hán Duy Thế; Chức danh: Trưởng ban quản lý

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

**I. Phần trình bày của cơ sở:**

Chung cư Him Lam Phú Đông – Phát triển nhà ở Đông Á, gồm 01 Block (có 21 tầng bao gồm tầng mái) hình chữ L có 400 căn hộ. Tầng 01: khu thương mại, từ tầng 02 đến tầng 04: là khu vực để xe và sinh hoạt cộng đồng, từ tầng 5 đến tầng 20 là căn hộ cư dân sinh sống, tầng 21: tầng mái. Đã có quyết định thành lập Ban Quản trị tòa nhà;

**II. KIỂM TRA HỒ SƠ (căn cứ theo quy định tại điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA)**

**1. Nội quy, quy định, quy trình về phòng cháy và chữa cháy**

- Công ty có lưu trữ các công văn liên quan đến hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC (Công văn số 521/PC07-CTPC ngày 23/7/2021 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện công tác PCCC; Công văn số 445/PC07-CTPC ngày 24/06/2021, Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Thông tư 149/TT-BCA; QCVN 06:2021/BXD; Thông tư 150/2020/TT-BCA; TCVN 3890:2009; Nghị định 144/2020/NĐ-CP; TCVN 3890:2009, .....); các báo cáo định kỳ về công tác PCCC tại cơ sở.

- Công ty có ban hành nội quy về PCCC kèm theo Quyết định số 05-21/QĐ-PCCC-TTTPP ngày 01/02/2021 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

**2. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản nghiệm thu về PCCC**

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 3193/TD-PCCC-P6 ngày 03/07/2015 do Cục PCCC&CNCH cấp;
- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 722/PCCC&CNCH-P6 ngày 11/06/2018 do Cục PCCC&CNCH cấp;

**3. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ; sơ đồ thoát nạn của cơ sở.**

- Công ty đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại các tầng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

**4. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở**

- Công ty đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 04-05-2011/QĐ-PD ngày 31/05/2021, gồm 24 thành viên trong đó có phân công 01 chỉ huy trưởng, 01 đội trưởng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Quyết định phân công chức trách nhiệm vụ PCCC, CNCH ngày 31/05/2021

- Công ty đã phối hợp Cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội PCCC cơ sở theo Kế hoạch số 245/KH-PC07 ngày 06/04/2022 của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH theo quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Quyết định cấp giấy chứng nhận huấn luyện số 251/QĐ-PC07 ngày 22/04/2021 của phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Dương)

- Cơ sở có lập sổ thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**5. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (nếu có); báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy:**

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC11 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA, được phê duyệt ngày 21/06/2019; Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

- Cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy có phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC theo quy định (Thời gian thực tập phương án vào ngày 03/12/2022; Tình huống giả định: cháy tại căn hộ 07.19); Biên bản thực tập phương án chữa cháy do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH;

- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở theo kế hoạch số 02-KH/PCCC ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC&CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan);

**6. Công tác lưu trữ Biên bản kiểm tra an toàn PCCC, hồ sơ xử lý vi phạm; Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở**

- Cơ sở lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở đã có quy định và tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

**7. Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

- Đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**8. Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có)**

Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ (Giấy chứng nhận hoặc biên bản kiểm tra điện trở nối đất do Trung tâm kiểm định kỹ thuật khu vực II cấp ngày 15/04/2022 hiệu lực đến ngày 12/04/2023 kết quả đo: dưới 10 Ohm)

**9. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Công ty có mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Giấy chứng nhận của Công ty cổ phần AAA thời hạn đến ngày 23/02/2024);

**10. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định**

- Phương án đã được người đứng đầu cơ sở phê duyệt ngày 02/01/2021 theo quy định.

Cơ sở đã thực tập phương án CNCH theo quy định ngày theo kế hoạch số 02-KH/PCCC&CNCH ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC& CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan);

**III. Kiểm tra thực tế:****1. Các điều kiện về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy**

- Tại thời điểm kiểm tra, đường giao nội bộ của tòa nhà đảm bảo chiều rộng thông thủy  $\geq 3,5m$  phục vụ cho xe chữa cháy di chuyển và tiếp cận được khi có sự cố cháy xảy ra theo mục 5 QCVN 06:2010/BXD.

- Có 01 bể nước chữa cháy 470m<sup>3</sup>, tại thời điểm kiểm tra bể nước chữa cháy chứa đầy nước.

**2. Về điều kiện thoát nạn**

- Cơ sở đã niêm yết các sơ đồ chỉ dẫn lối thoát nạn đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở có bố trí 02 thang bộ, 01 cầu thang bộ có hệ thống tăng áp buồng thang. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống tăng áp buồng thang bộ giữa nhà có hoạt động.

- Trong buồng thang bộ, đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố.

- Tại tất cả các cửa ngăn cháy hành lang các tầng đã trang bị đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit).

- Tại thời điểm kiểm tra điều kiện thoát nạn hoạt động đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

### **3. Các điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan**

Tại thời điểm kiểm tra đường ống kỹ thuật điện, nước xuyên tầng có giải pháp ngăn cháy (sử dụng cửa phòng kỹ thuật là loại cửa có giới hạn chịu lửa 90 phút theo giấy chứng nhận kiểm định số 717/KĐ-PCCC-P9, do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 29/01/2018) theo quy định tại Điều 6 TCVN 6160:1996.

### **4. Hệ thống báo cháy tự động**

Cơ sở đã trang bị hệ thống báo cháy cho tòa nhà (Tại các tầng: ngoài hành lang bố trí 09 đầu báo; trong mỗi căn hộ: 01 đầu báo khói, 01 đầu báo nhiệt; trong mỗi nhà rác từng tầng có 01 đầu báo khói). Thử hệ thống báo cháy tại hành lang tầng 19, căn hộ số 16-11, hành lang tầng 8. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống có hoạt động, chuông kêu rõ, có liên động với hệ thống tăng áp buồng thang bộ, liên động thang máy (về tầng 01 khi xảy ra cháy), có liên động với hệ thống hút khói hành lang.

### **5. Việc trang bị phương tiện chữa cháy của cơ sở**

- Cơ sở trang bị hệ thống họng nước chữa cháy vách tường tại mỗi tầng 04 họng (02 tủ PCCC), 08 trụ tiếp nước ngoài nhà, 02 trụ chữa cháy, 03 máy bơm chữa cháy (02 máy động cơ điện, 01 máy bơm bù áp). Thử nghiệm hệ thống chữa cháy, phun 02 lăng đồng thời tại tầng mái, tia nước đặc đảm bảo > 6 mét.

- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler sử dụng chung cho tòa nhà.

- Cơ sở trang bị 285 bình chữa cháy xách tay các loại. Kiểm tra xác suất 18 bình, tại thời điểm kiểm tra các bình trong trạng thái thường trực, có đeo thẻ kiểm tra theo dõi.

- Cơ sở đã trang bị đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư 150/2020/TT-BCA.

### **6. Hệ thống điện**

Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng có công suất 600 KVA.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống dây dẫn điện hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chập, chập theo quy định.

### **7. Nhận thức của CBCNV và hoạt động của đội PCCC cơ sở**

- Tại công trình, Đoàn kiểm tra hỏi xác xuất 05 cư dân về nội quy PCCC&CNCH; nhận thức trong công tác PCCC&CNCH đã được chủ đầu tư và ban quản lý phổ biến; cách thức sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy. Kết quả cư dân tại chung cư không nắm bắt được các quy định và sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy theo quy định tại

Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Đoàn yêu cầu đội PCCC chia các tổ và triển khai chữa cháy giả định tại vị trí xa nhất: tổ chữa cháy, tổ hướng dẫn và cứu người bị nạn, tổ cứu tài sản, tổ bảo vệ. kết quả: không thực hiện được.

#### **8. Về khoảng cách an toàn PCCC:**

- Tại thời điểm kiểm tra: cơ sở không phát sinh các hạng mục công trình khác, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

#### **V. Nội dung tuyên truyền, hướng dẫn an toàn PCCC**

1. Chủ đầu tư tiếp tục kiểm tra rà soát, kiểm tra công trình với các quy định về PCCC&CNCH tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện cho đảm bảo yêu cầu an toàn về PCCC&CNCH theo quy định.

2. Quy định, tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại khoản 3 điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

3. Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ theo quy định tại TCVN 3890-2009 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

4. Thống kê, báo cáo về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020.

5. Tăng cường tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và lập sổ theo dõi theo quy định tại khoản 1, điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực có quy định cấm, quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo Điều 14 Luật PCCC năm 2001.

7. Công ty thực hiện nghiêm việc thẩm duyệt lại khi có thay đổi về công năng, tính chất sử dụng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

8. Liên hệ với đơn vị chuyên môn về ngành điện kiểm tra, rà soát hiện trạng hệ thống điện, đánh giá tình trạng hệ thống điện hiện đang sử dụng (yêu cầu phải



có bản vẽ hiện trạng hệ thống điện), trong quá trình hoạt động thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện, không phát sinh thêm các thiết bị tiêu thụ điện, đảm bảo không để ngắn mạch (chập điện), quá tải gây cháy, nổ.

9. Trang bị bổ sung mặt nạ lọc độc tại mỗi tầng (02 chiếc) để đảm bảo thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

#### VI. Ý kiến của cơ sở

- Người đứng đầu cơ sở đã được Đoàn kiểm tra tuyên truyền, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.

- Người đứng đầu cơ sở cam kết sẽ duy trì thường xuyên công tác tự tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, việc sử dụng các phương tiện PCCC cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình theo quy định.

- Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, chúng tôi đã nắm bắt rõ và chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra sự cố cháy, nổ.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

#### ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



*Nguyễn Thái Sơn*

#### ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

(Ký tên, ghi họ tên)

*Alan*  
*Alan Duy Chế*

#### ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký tên, ghi họ tên)

*Nguyễn Đức Anh*  
Nguyễn Đức Anh

**BIÊN BẢN KIỂM TRA  
AN TOÀN VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY**

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 06 tháng 12 năm 2022 tại Chung cư Him Lam Phú Đông địa chỉ: KDC Him Lam Phú Đông, Số 1, Đường Trần Thị Vũng, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**Chúng tôi gồm:**

**\* Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH:**

1. Ông: Nguyễn Đức Anh; Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác phòng cháy;

Đã tiến hành kiểm tra an toàn về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) đối với Chung cư Him Lam Phú Đông.

**\* Đại diện cơ sở là:**

1. Ông: Hoàng Trung Đức; chức danh: Thành viên BQT (được người đại diện pháp luật ủy quyền bằng văn bản);

2. Ông: Hán Duy Thế; Chức danh: Trưởng ban quản lý

**Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:**

**I. Phần trình bày của cơ sở:**

Chung cư Him Lam Phú Đông – Phát triển nhà ở Đông Á, gồm 01 Block (có 21 tầng bao gồm tầng mái) hình chữ L có 400 căn hộ. Tầng 01: khu thương mại, từ tầng 02 đến tầng 04: là khu vực để xe và sinh hoạt cộng đồng, từ tầng 5 đến tầng 20 là căn hộ cư dân sinh sống, tầng 21: tầng mái. Đã có quyết định thành lập Ban Quản trị tòa nhà;

**II. KIỂM TRA HỒ SƠ (căn cứ theo quy định tại điều 4 Thông tư 149/2020/TT-BCA)**

**1. Nội quy, quy định, quy trình về phòng cháy và chữa cháy**

- Công ty có lưu trữ các công văn liên quan đến hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC (Công văn số 521/PC07-CTPC ngày 23/7/2021 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện công tác PCCC; Công văn số 445/PC07-CTPC ngày 24/06/2021, Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Thông tư 149/TT-BCA; QCVN 06:2021/BXD; Thông tư 150/2020/TT-BCA; TCVN 3890:2009; Nghị định 144/2020/NĐ-CP; TCVN 3890:2009, .....); các báo cáo định kỳ về công tác PCCC tại cơ sở.

- Công ty có ban hành nội quy về PCCC kèm theo Quyết định số 05-21/QĐ-PCCC-TTPP ngày 01/02/2021 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020.

**2. Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản nghiệm thu về PCCC**

2022  
TỈNH  
AN  
BÌNH  
C  
ÔNG  
S  
C

MH  
\*  
T.X.D.T

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 3193/TD-PCCC-P6 ngày 03/07/2015 do Cục PCCC&CNCH cấp;
- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 722/PCCC&CNCH-P6 ngày 11/06/2018 do Cục PCCC&CNCH cấp;

**3. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ; sơ đồ thoát nạn của cơ sở.**

- Công ty đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại các tầng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

**4. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở**

- Công ty đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 04-05-2011/QĐ-PD ngày 31/05/2021, gồm 24 thành viên trong đó có phân công 01 chỉ huy trưởng, 01 đội trưởng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ;

- Quyết định phân công chức trách nhiệm vụ PCCC, CNCH ngày 31/05/2021

- Công ty đã phối hợp Cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội PCCC cơ sở theo Kế hoạch số 245/KH-PC07 ngày 06/04/2022 của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH theo quy định tại Điều 33 Nghị định 136/2020/NĐ-CP; Quyết định cấp giấy chứng nhận huấn luyện số 251/QĐ-PC07 ngày 22/04/2021 của phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Dương)

- Cơ sở có lập sổ thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**5. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (nếu có); báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy:**

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC11 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA, được phê duyệt ngày 21/06/2019; Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

- Cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy có phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC theo quy định (Thời gian thực tập phương án vào ngày 03/12/2022; Tình huống giả định: cháy tại căn hộ 06.19); Biên bản thực tập phương án chữa cháy do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH;

- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở theo kế hoạch số 02-KH/PCCC ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC&CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan)

**6. Công tác lưu trữ Biên bản kiểm tra an toàn PCCC, hồ sơ xử lý vi phạm; Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở**

- Cơ sở lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở đã có quy định và tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

### **7. Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

- Đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

### **8. Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định (nếu có)**

Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ (Giấy chứng nhận hoặc biên bản kiểm tra điện trở nối đất do Trung tâm kiểm định kỹ thuật khu vực II cấp ngày 15/04/2022 hiệu lực đến ngày 12/04/2023 kết quả đo: dưới 10 Ohm)

### **9. Giấy chứng nhận bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc**

Công ty có mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Giấy chứng nhận của Công ty cổ phần AAA thời hạn đến ngày 23/02/2023);

### **10. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định**

- Phương án đã được người đứng đầu cơ sở phê duyệt ngày 02/01/2021 theo quy định.

Cơ sở đã thực tập phương án CNCH theo quy định ngày theo kế hoạch số 02-KH/PCCC&CNCH ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC& CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan);

## **III. Kiểm tra thực tế:**

### **1. Các điều kiện về giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy**

- Tại thời điểm kiểm tra, đường giao nội bộ của tòa nhà đảm bảo chiều rộng thông thủy  $\geq 3,5m$  phục vụ cho xe chữa cháy di chuyển và tiếp cận được khi có sự cố cháy xảy ra theo mục 5 QCVN 06:2010/BXD.

- Có 01 bể nước chữa cháy 470m<sup>3</sup>, tại thời điểm kiểm tra bể nước chữa cháy chứa đầy nước.

### **2. Về điều kiện thoát nạn**

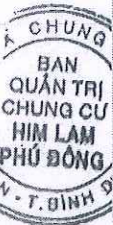
- Cơ sở đã niêm yết các sơ đồ chỉ dẫn lối thoát nạn đảm bảo theo quy định.

- Cơ sở có bố trí 02 thang bộ, 01 cầu thang bộ có hệ thống tăng áp bùồng thang. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống tăng áp bùồng thang bộ giữa nhà có hoạt động.

- Trong bùồng thang bộ, đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố.

- Tại tất cả các cửa ngăn cháy hành lang các tầng đã trang bị đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit).

C.T.C.P. HINH



- Tại thời điểm kiểm tra điều kiện thoát nạn hoạt động đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

### **3. Các điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan**

Tại thời điểm kiểm tra đường ống kỹ thuật điện, nước xuyên tầng có giải pháp ngăn cháy (sử dụng cửa phòng kỹ thuật là loại cửa có giới hạn chịu lửa 90 phút theo giấy chứng nhận kiểm định số 717/KĐ-PCCC-P9, do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 29/01/2018) theo quy định tại Điều 6 TCVN 6160:1996.

### **4. Hệ thống báo cháy tự động**

Cơ sở đã trang bị hệ thống báo cháy cho tòa nhà (Tại các tầng: ngoài hành lang bố trí 09 đầu báo; trong mỗi căn hộ: 01 đầu báo khói, 01 đầu báo nhiệt; trong mỗi nhà rác từng tầng có 01 đầu báo khói). Thử hệ thống báo cháy tại hành lang tầng 20, căn hộ số 15-10, hành lang tầng 8. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống có hoạt động, chuông kêu rõ, có liên động với hệ thống tăng áp buồng thang bộ, liên động thang máy (về tầng 01 khi xảy ra cháy), có liên động với hệ thống hút khói hành lang.

### **5. Việc trang bị phương tiện chữa cháy của cơ sở**

- Cơ sở trang bị hệ thống họng nước chữa cháy vách tường tại mỗi tầng 04 họng (02 tủ PCCC), 08 trụ tiếp nước ngoài nhà, 02 trụ chữa cháy, 03 máy bơm chữa cháy (02 máy động cơ điện, 01 máy bơm bù áp). Thử nghiệm hệ thống chữa cháy, phun 02 lăng đồng thời tại tầng mái, tia nước đặc đảm bảo > 6 mét.

- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler sử dụng chung cho tòa nhà.

- Cơ sở trang bị 285 bình chữa cháy xách tay các loại. Kiểm tra xác suất 18 bình, tại thời điểm kiểm tra các bình trong trạng thái thường trực, có đeo thẻ kiểm tra theo dõi.

- Cơ sở đã trang bị đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo các danh mục được quy định tại Điều 5 Thông tư số 56/2014/TT-BCA ngày 12/11/2014.

### **6. Hệ thống điện**

Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng có công suất 600 KVA.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống dây dẫn điện hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chập, chập theo quy định.

### **7. Nhận thức của CBCNV và hoạt động của đội PCCC cơ sở**

- Tại công trình, Đoàn kiểm tra hỏi xác xuất 05 cư dân về nội quy PCCC&CNCH; nhận thức trong công tác PCCC&CNCH đã được chủ đầu tư và ban quản lý phổ biến; cách thức sử dụng phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy, lăng vòi chữa cháy. Kết quả cư dân tại chung cư không nắm bắt được

các quy định và sử dụng thành thạo phương tiện chữa cháy theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

- Đoàn yêu cầu đội PCCC chia các tổ và triển khai chữa cháy giả định tại vị trí xa nhất: tổ chữa cháy, tổ hướng dẫn và cứu người bị nạn, tổ cứu tài sản, tổ bảo vệ. kết quả: không thực hiện được.

#### **8. Về khoảng cách an toàn PCCC:**

- Tại thời điểm kiểm tra: cơ sở không phát sinh các hạng mục công trình khác, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

#### **V. Nội dung tuyên truyền, hướng dẫn an toàn PCCC**

1. Chủ đầu tư tiếp tục kiểm tra rà soát, kiểm tra công trình với các quy định về PCCC&CNCH tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện cho đảm bảo yêu cầu an toàn về PCCC&CNCH theo quy định.

2. Quy định, tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại khoản 3 điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

3. Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ theo quy định tại TCVN 3890-2009 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

4. Thống kê, báo cáo về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020.

5. Tăng cường tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ và lập sổ theo dõi theo quy định tại khoản 1, điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực có quy định cấm, quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, sinh nhiệt; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo Điều 14 Luật PCCC năm 2001.

7. Công ty thực hiện nghiêm việc thẩm duyệt lại khi có thay đổi về công năng, tính chất sử dụng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.



8. Liên hệ với đơn vị chuyên môn về ngành điện kiểm tra, rà soát hiện trạng hệ thống điện, đánh giá tình trạng hệ thống điện hiện đang sử dụng (yêu cầu phải có bản vẽ hiện trạng hệ thống điện), trong quá trình hoạt động thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện, không phát sinh thêm các thiết bị tiêu thụ điện, đảm bảo không để ngắn mạch (chập điện), quá tải gây cháy, nổ.

#### VI. Ý kiến của cơ sở

- Người đứng đầu cơ sở đã được Đoàn kiểm tra tuyên truyền, hướng dẫn và cung cấp đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.

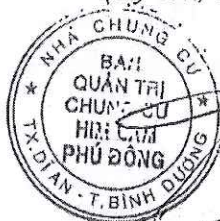
- Người đứng đầu cơ sở cam kết sẽ duy trì thường xuyên công tác tự tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, việc sử dụng các phương tiện PCCC cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình theo quy định.

- Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, chúng tôi đã nắm bắt rõ và chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra sự cố cháy, nổ.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày, gồm 06 trang được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN  
CƠ SỞ**

(Ký tên, đóng dấu)



Hoàng Trung Đức

**ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN**

(Ký tên, ghi họ tên)

Hàn Duy Thế

**ĐẠI DIỆN  
ĐOÀN KIỂM TRA**

(Ký tên, ghi họ tên)

Nguyễn Đức Anh

CÔNG AN TỈNH BÌNH DƯƠNG  
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA**  
**VỀ PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ**  
**Việc kiểm tra định kỳ công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ**

Căn cứ Kế hoạch số 34/KH-PC07-CTPC ngày 12/03/2024 của Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh Bình Dương về việc kiểm tra an toàn về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ 06 tháng đầu năm 2024.

Hôm nay, vào lúc 09 giờ 30 phút, ngày 21 tháng 05 năm 2024 tại Chung cư Him Lam Phú Đông.

Địa chỉ: KDC Him Lam Phú Đông, Số 2B, Đường Trần Thị Vũng, phường An Bình, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Chúng tôi gồm:

\* Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH

1. Ông: Trần Hoàng Vinh - Chức vụ: Cán bộ Đội Công tác Phòng cháy.  
Đã tiến hành kiểm tra đối với Chung cư Him Lam Phú Đông.

Đại diện là:

1. Ông: Nguyễn Thái Sơn; chức danh: Trưởng ban quản trị.

2. Bà: Vũ Lê Tiểu Quyên; chức danh: Trưởng ban quản lý.

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

**I. Phần trình bày của cơ sở**

Chung cư Him Lam Phú Đông - Phát triển nhà ở Đông Á, gồm 01 Block (có 21 tầng bao gồm tầng mái) hình chữ L có 400 căn hộ. tầng 01: khu thương mại, từ tầng 02 đến tầng 04: là khu vực để xe và sinh hoạt cộng đồng, từ tầng 05 đến tầng 20 là căn hộ cư dân sinh sống, tầng 21: tầng mái. Đã có quyết định thành lập Ban Quản trị tòa nhà.

**II. Kiểm tra hồ sơ**

1. Quy định, nội quy, quy trình, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về phòng cháy và chữa cháy

- Công ty có lưu trữ các công văn liên quan đến hướng dẫn an toàn PCCC của cơ quan quản lý nhà nước về PCCC (Công văn số 521/PC07-CTPC ngày 23/7/2021 về việc tiếp tục tăng cường thực hiện công tác PCCC; Công văn số 445/PC07-CTPC ngày 24/06/2021, Nghị định 50/2024/NĐ-CP; Thông tư 149/TT-BCA; QCVN 06:2022/BXD - Sửa đổi 01:2023/BXD; Thông tư 150/2020/TT-BCA; TCVN 3890:2023; Nghị định 144/2020/NĐ-CP...); các báo cáo định kỳ về công tác PCCC tại cơ sở.

- Công ty có ban hành nội quy về PCCC kèm theo Quyết định số 05-21/QĐ-PCCC-TTPP ngày 01/02/2021 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

2. Hồ sơ thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 3193/TD-PCCC-P6 ngày 03/07/2015 do Cục PCCC&CNCH cấp.



- Văn bản nghiệm thu hệ thống PCCC số 722/PCCC&CNCH-P6 ngày 11/06/2018 do Cục PCCC&CNCH cấp.

**3. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm về cháy, nổ của cơ sở**

- Công ty đã vẽ sơ đồ bố trí lối thoát nạn tại các tầng theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 149/2020/TT-BCA.

**4. Quyết định thành lập đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở**

- Công ty đã có quyết định về việc thành lập Đội PCCC cơ sở số 04-05-2011/QĐ-PĐ ngày 31/05/2021, gồm 24 thành viên trong đó có phân công 01 chỉ huy trưởng, 01 đội trưởng theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024.

- Quyết định phân công chức trách nhiệm vụ PCCC, CNCH ngày 31/05/2021.

- Công ty đã phối hợp Cơ quan Cảnh sát PCCC&CNCH tổ chức huấn luyện nghiệp vụ về PCCC cho đội PCCC cơ sở theo Kế hoạch số 245/KH-PC07 ngày 06/04/2022 của Phòng cảnh sát PCCC & CNCH theo quy định tại Điều 33 Nghị định 50/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024; Quyết định cấp giấy chứng nhận huấn luyện số 251/QĐ-PC07 ngày 22/04/2021 của phòng cảnh sát PCCC Tỉnh Bình Dương).

- Cơ sở có lập sổ thống kê công tác tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ về PCCC và CNCH; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**5. Phương án chữa cháy của cơ sở đã được phê duyệt; phương án chữa cháy của Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; báo cáo kết quả tổ chức thực tập phương án chữa cháy**

- Cơ sở có xây dựng phương án chữa cháy cơ sở theo mẫu PC17 ban hành kèm theo Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Phương án có thể hiện các yêu cầu và nội dung cơ bản theo quy định.

- Cơ sở có tổ chức thực tập phương án chữa cháy có phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC theo quy định (Thời gian thực tập phương án vào ngày 03/12/2022; Tình huống giả định: cháy tại căn hộ 07.19); Biên bản thực tập phương án chữa cháy do Phòng cảnh sát PCCC & CNCH.

- Cơ sở đã tổ chức thực tập phương án chữa cháy của cơ sở theo kế hoạch số 02-KH/PCCC ngày 20/04/2022 và có Báo cáo số 02-BC/PCCC&CNCH ngày 24/04/2022 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan).

**6. Công tác tự kiểm tra an toàn PCCC của cơ sở**

- Cơ sở lưu trữ biên bản kiểm tra định kỳ của Cơ quan Cảnh sát PCCC trong hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động PCCC.

- Cơ sở đã có quy định và tổ chức tự kiểm tra an toàn PCCC định kỳ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP.

**7. Sổ theo dõi phương tiện phòng cháy và chữa cháy**

- Đã lập sổ theo dõi phương tiện về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA; Định kỳ có cập nhật các nội dung thực hiện vào sổ theo dõi.

**8. Tài liệu ghi nhận kết quả kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét, kiểm định hệ thống, thiết bị, đường ống chịu áp lực theo quy định**

- Cơ sở đã tổ chức kiểm tra điện trở nối đất hệ thống chống sét định kỳ năm 2024.

**9. Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc**

- Công ty có mua bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc theo quy định Nghị định số 23/2018/NĐ-CP, Nghị định số 97/2021/NĐ-CP của Chính phủ (Giấy chứng nhận của Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm AAA - Chi nhánh Nam Sài Gòn thời hạn đến ngày 06/03/2025).

**10. Hồ sơ theo dõi, quản lý công tác cứu nạn, cứu hộ của cơ sở theo quy định**

- Kiểm tra việc lập và lưu trữ hồ sơ theo quy định tại Nghị định 83/2017/NĐ-CP ngày 18/7/2017 của Chính phủ "Quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy"; Phương án đã được người đứng đầu cơ sở phê duyệt ngày 02/01/2021 theo quy định.

- Cơ sở đã thực tập phương án CNCH theo quy định ngày theo kế hoạch số 02-KH/PCCC&CNCH ngày 20/04/2024 và Báo cáo số 02-BC/PCCC&CNCH ngày 24/04/2024 (có lưu hồ sơ Kế hoạch tổ chức tự thực tập, biên bản tổ chức tự thực tập, các hình ảnh liên quan).

**III. Kiểm tra thực tế**

**1. Các điều kiện giao thông, khoảng cách nguồn nước phục vụ chữa cháy**

- Tại thời điểm kiểm tra, đường giao nội bộ của tòa nhà đảm bảo chiều rộng thông thủy  $\geq 3,5m$  phục vụ cho xe chữa cháy di chuyển và tiếp cận được khi có sự cố cháy xảy ra theo mục 5 QCVN 06:2022/BXD - Sửa đổi 01:2023/BXD.

- Có 01 bể nước chữa cháy 470m<sup>3</sup>, tại thời điểm kiểm tra bể nước chữa cháy chứa đầy nước.

**2. Về điều kiện thoát nước**

- Cơ sở đã niêm yết các sơ đồ chỉ dẫn lối thoát nạn đảm bảo quy định.

- Cơ sở có bố trí 02 thang bộ, 01 cầu thang bộ có hệ thống tăng áp buồng thang.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống tăng áp buồng thang bộ giữa nhà có hoạt động.

- Trong buồng thang bộ, đã lắp đặt đèn chiếu sáng sự cố.

- Tại tất cả các cửa ngăn cháy hành lang các tầng đã trang bị đèn chỉ dẫn thoát nạn (Exit).

- Tại thời điểm kiểm tra điều kiện thoát nạn hoạt động đảm bảo theo thiết kế đã được thẩm duyệt.

**3. Các điều kiện ngăn cháy, chống cháy lan**

Tại thời điểm kiểm tra đường ống kỹ thuật điện, nước xuyên tầng có giải pháp ngăn cháy (sử dụng cửa phòng kỹ thuật là loại cửa có giới hạn chịu lửa 90 phút theo giấy chứng nhận kiểm định 717/KĐ-PCCC-P9, do Cục Cảnh sát PCCC&CNCH cấp ngày 29/01/2018) theo quy định tại Điều 6 TCVN 6160:1996.

**4. Hệ thống báo cháy tự động**

Cơ sở đã trang bị hệ thống báo cháy tòa cho tòa nhà (Tại các tầng: ngoài hành lang bố trí 09 đầu báo; trong mỗi căn hộ: 1 đầu báo khói, 1 đầu báo nhiệt; trong mỗi nhà rác từng tầng có 01 đầu báo khói). Thử hệ thống báo cháy tại hành lang Tầng 6, căn hộ số 6-8, hành lang tầng 5. Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống có hoạt động, chuông kêu rõ, có liên động với hệ thống tăng áp buồng

0694  
ÔNG  
PH  
A Ô  
ĐỒ  
HỒ

HU  
BAN  
IN T  
NG  
LA  
ĐỒ  
BIN

thang bộ, liên động thang máy (về tầng 01 khi xảy ra cháy), có liên động với hệ thống hút khói hành lang.

#### **5. Việc trang bị phương tiện chữa cháy của cơ sở**

- Cơ sở trang bị hệ thống họng nước chữa cháy vách tường tại mỗi tầng 04 họng (02 tủ PCCC), 08 trụ tiếp nước ngoài nhà, 02 trụ chữa cháy, 03 máy bơm chữa cháy (02 máy động cơ điện, 01 máy bơm bù áp). Thử nghiệm hệ thống chữa cháy, phun 02 lăng đồng thời tại tầng mái, tia nước đặc đảm bảo >6 mét.

- Hệ thống chữa cháy tự động sprinkler sử dụng chung cho tòa nhà.

- Cơ sở trang bị 285 bình chữa cháy xách tay các loại. Kiểm tra xác suất 18 bình, tại thời điểm kiểm tra các bình trong trạng thái thường trực, có đeo thẻ kiểm tra thoe dõi.

- Cơ sở đã trang bị đủ phương tiện phòng cháy chữa cháy cho PCCC cơ sở theo quy định tại Thông tư 150/2020/TT-BCA.

#### **6. Hệ thống điện**

Cơ sở có trang bị máy phát điện dự phòng có công suất 600 KVA.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống dây dẫn điện hoạt động bình thường, không có dấu hiệu chập, chập theo quy định.

#### **7. Nhận thức của CBCNV và hoạt động của đội PCCC cơ sở**

- Tại thời điểm kiểm tra có bố trí 05 người thực hiện công tác thường trực xử lý tình huống cháy xảy ra tại cơ sở.

- Tại thời điểm kiểm tra xác suất 08 người dân tại chung cư nắm được kiến thức cơ bản về PCCC như: sử dụng bình chữa cháy, nội quy PCCC đã ban hành.

- Kiểm tra thao tác sử dụng phương tiện PCCC, triển khai công tác chữa cháy của Đội PCCC cơ sở: về cơ bản đội PCCC cơ sở thực hiện được theo yêu cầu, thời gian triển khai đảm bảo.

#### **8. Về khoảng cách an toàn PCCC:**

- Tại thời điểm kiểm tra: cơ sở không phát sinh các hạng mục công trình khác, đảm bảo khoảng cách an toàn PCCC theo hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy.

#### **IV. Nội dung tuyên truyền, hướng dẫn an toàn PCCC**

1. Chủ đầu tư tiếp tục kiểm tra rà soát, kiểm tra công trình với các quy định về PCCC tại các tiêu chuẩn, quy chuẩn, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan để tổ chức thực hiện cho đảm bảo yêu cầu an toàn về PCCC&CNCH theo quy định.

2. Quy định, tổ chức kiểm tra thường xuyên, định kỳ và đột xuất về an toàn phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản lý của mình theo quy định tại khoản 3 điều 16 Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ.

3. Thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện PCCC định kỳ theo quy định tại TCVN 3890-2023 “Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình – trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng”.

4. Thống kê, báo cáo về PCCC theo quy định tại khoản 1 điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020.

5. Tăng cường tuyên truyền, huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy cho đội PCCC cơ sở theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 50/2024/NĐ-

CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ và lập sổ theo dõi theo quy định tại khoản 1, điều 4 Thông tư số 149/2020/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công an.

6. Nghiêm cấm hút thuốc trong khu vực có quy định cấm, quản lý chặt chẽ và sử dụng an toàn các chất cháy, nguồn lửa, nguồn nhiệt, thiết bị và dụng cụ sinh lửa, sinh nhiệt, chất sinh lửa, bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng cháy theo Điều 14 Luật PCCC năm 2001.

7. Công ty thực hiện nghiêm việc thẩm duyệt lại khi có thay đổi về công năng, tính chất sử dụng, cải tạo mở rộng các hạng mục công trình trong quá trình sử dụng theo quy định tại Điều 11, Điều 13 nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ.

8. Liên hệ với đơn vị chuyên môn về ngành điện kiểm tra, rà soát hiện trạng hệ thống điện, đánh giá tình trạng hệ thống điện hiện đang sử dụng (yêu cầu phải có bản vẽ hiện trạng hệ thống điện), trong quá trình hoạt động thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện, không phát sinh thêm các thiết bị tiêu thụ điện, đảm bảo không để ngắn mạch (chập điện), quá tải gây cháy, nổ.

9. Trang bị bổ sung mặt nạ lọc độc tại mỗi tầng (02 chiếc) để đảm bảo thoát nạn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

#### V. Ý kiến của cơ sở

- Người đứng đầu cơ sở đã được Đoàn kiểm tra tuyên truyền, hướng dẫn và có cung cấp đầy đủ các quy định của Pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan đến công tác PCCC và cam kết thực hiện đầy đủ các nội dung hướng dẫn an toàn PCCC của Cơ quan Cảnh sát PCCC.

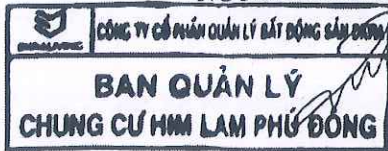
- Người đứng đầu cơ sở cam kết sẽ duy trì thường xuyên công tác tự tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, việc sử dụng các phương tiện PCCC cho người lao động trong phạm vi quản lý của mình theo quy định.

- Người đứng đầu cơ sở thống nhất với nội dung kiểm tra nêu trên, chúng tôi đã nắm bắt rõ và chịu trách nhiệm trước Pháp luật nếu để xảy ra sự cố cháy, nổ.

Biên bản được lập xong hồi 10 giờ 30 phút, cùng ngày, gồm 05 trang được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, đã đọc lại cho mọi người cùng nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây./.



Nguyễn Thái Sơn  
NGƯỜI CÙNG LÀM VIỆC



Vũ Lê Tiểu Quyên

ĐẠI DIỆN  
ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

ĐẠI DIỆN  
ĐOÀN KIỂM TRA

Trần Hoàng Vinh

TP. HCM, ngày 17 tháng 3 năm 2024

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ CÔNG TÁC BẢO TRÌ HỆ THỐNG PCCC**

Kính gửi: - BQT Chung Cư Him Lam Phú Đông  
- BQL Chung Cư Him Lam Phú Đông

Căn cứ theo hợp đồng dịch vụ bảo trì Số: 1702/2024/HS-HLPĐ/HĐBT ký ngày 06 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty TNHH Phòng Cháy Chữa Cháy Hùng Sơn và Ban Quản trị Chung Cư Him Lam Phú Đông;

**I. THÔNG TIN DỰ ÁN:**

**1. Hạng mục:** Bảo trì hệ thống Phòng cháy và chữa cháy tại Chung Cư Him Lam Phú Đông

**Địa điểm:** 2B Trần Thị Vũng, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**2. Đơn vị thực hiện:** CÔNG TY TNHH PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY HÙNG SƠN

**3. Thời gian thực hiện:** Ngày 01/3/2024 – 17/3/2024

**4. Số lượng nhân sự:** 5 người

**5. Bảo trì Lần 1/2024**

**II. TÀI LIỆU ĐÍNH KÈM**

- Phiếu công tác bảo trì
- Biên bản ghi nhận các bên

**III. Kết quả thực hiện**

**1. Chấp hành nội quy quy định quản lý vận hành tòa nhà.**

- Nhà thầu Hùng Sơn tham gia bảo trì các thiết bị phòng cháy và chữa cháy tại tòa nhà các nhân viên chấp hành nội quy quy chế tại tòa nhà nghiêm túc theo sự quản lý của tòa nhà đề ra.

- Đội ngũ nhân viên thực hiện đúng người, nắm bắt được thông số kỹ thuật các thiết bị hư cũng như xử lý các lỗi thiết bị một cách chuyên nghiệp.

- Các nhân viên tham gia thi công được an toàn không có trường hợp tai nạn lao động xảy ra.

## 2. Công tác bảo trì thiết bị phòng cháy chữa cháy

- Ưu điểm: Đội ngũ nhân viên thực hiện đúng người, nắm bắt được thông số kỹ thuật các thiết bị hư cũng như xử lý các lỗi thiết bị một cách chuyên nghiệp.

- Thống kê lỗi, sự cố hư hỏng của các thiết bị trong quá trình bảo trì các thiết bị.

- Khuyết điểm: Trong quá trình bảo trì Nhà thầu Hùng Sơn và BQL đã nhiều lần gõ cửa một số căn hộ để vào bảo trì nhưng còn một số căn hộ vẫn chưa chấp hành mở cửa để đơn vị nhà thầu vào bảo trì các thiết bị PCCC bên trong căn hộ được, dẫn đến việc bảo trì các thiết bị còn lại sẽ kéo dài tới khi hết bảo hành của gói thầu.

## 3. Công tác thi công :

Nay, đơn vị Nhà thầu Hùng Sơn xin gửi Báo cáo tới BQT, BQL nhà Chung Cư Him Lam Phú Đông nắm bắt để nhắc nhở những căn hộ chưa vào bảo trì được như sau:

Stt	Tên thiết bị, dịch vụ	Số tầng	Vị trí căn hộ	Cách khắc phục
1	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	5	PD.05-23 PD.05-25	Bàn giao lại cho BQT, BQL theo dõi và quản lý
2	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	6	PD.06-11 PD.06-23 PD.06-24	
3	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	8	PD.08-25	
4	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	9	PD.09-22	
5	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	10	PD.10-12 PD.10-19 PD.10-21	
6	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang Đà báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	11	PD.11-12	
7	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	16	PD.16-07 PD.16-18 PD.16-19	
8	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	17	PD.17-04 PD.17-21 PD.17-22	
9	Đầu báo khói, nhiệt, đầu phun ngang	20	PD.20-04	

- Trong suốt quá trình thời gian Nhà thầu thực hiện bảo trì hệ thống Phòng cháy chữa cháy tại tòa nhà Chung cư đã được các bên kiểm tra, giám sát, chặt chẽ trong công tác thi công.

- Đến thời điểm hiện tại tại Nhà thầu Hùng Sơn xin bàn giao lại các căn hộ chưa được bảo trì các thiết bị báo cháy nêu trên để BQT, BQL theo dõi và quản lý về công tác PCCC cho các căn hộ.

- Nhà thầu vẫn có trách nhiệm duy trì bảo trì các thiết bị trong căn hộ nói trên trong giờ hành chính, khi có sự cho phép mở cửa từ các căn hộ trong suốt quá trình hợp đồng còn bảo hành và không thực hiện vào ngày nghỉ, lễ, tết.

- Nhà thầu Hùng Sơn sẽ không chịu trách nhiệm trước BQT và pháp luật Việt Nam khi có sự cố cháy nổ xảy ra tại các căn hộ nêu trên mà thiết bị trong căn hộ đó không được bảo trì bảo dưỡng dẫn đến thiết bị hư làm ảnh hưởng đến toàn hệ thống PCCC và không báo cháy về trung tâm, hoặc thiết bị báo cháy giả làm ảnh

hưởng tới các cư dân tại tòa nhà khi thiết bị không được nhà thầu bảo trì.

#### 4. Danh sách thiết bị hư không đảm bảo như sau

Stt	Tên thiết bị	Số Tầng	Số lượng	Cách khắc phục
1	Bình tích áp 200L bị lủng ruột	Phòng bơm cc	1	Cần thay mới
2	Trụ chữa cháy ngoài nhà không có tổ hợp chữa cháy: Hộp, lăng, vòi chữa cháy	Phòng bảo vệ	1	Cần lắp mới
3	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 1	1	Cần thay mới
4	Đường ống khép vòng (-DN100) ngoài trời bị xì	Ngoài trời	1	Cần sửa chữa
5	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 2	3	Cần thay mới
6	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 3	5	Cần thay mới
7	Nút nhấn khẩn cấp		1	Cần thay mới

8	Đầu báo nhiệt	Tầng 3	1	Cần thay mới
9	Đầu báo nhiệt	Tầng 3B	1	Cần thay mới
10	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 5	2	Cần thay mới
11	Chén đỡ đầu phun Sprinkler		1	Cần thay mới
12	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 6	1	Cần thay mới
13	Chén đỡ đầu phun Sprinkler		1	Cần thay mới
14	Đèn chiếu sáng khẩn cấp tròn		1	Cần thay mới
15	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 7	1	Cần thay mới
16	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 8	1	Cần thay mới
17	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 9	1	Cần thay mới
18	Đèn chiếu sáng khẩn cấp tròn		1	Cần thay mới
19	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 10	1	Cần thay mới
20	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 11	1	Cần thay mới
21	Chén đỡ đầu phun Sprinkler		3	Cần thay mới
22	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 12	1	Cần thay mới
23	Đèn chiếu sáng khẩn cấp tròn		1	Cần thay mới
24	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 12B	2	Cần thay mới
25	Đèn exit	Tầng 18	1	Cần thay mới
26	Đèn chiếu sáng khẩn cấp		1	Cần thay mới
27	Đèn chiếu sáng khẩn cấp tròn		1	Cần thay mới
28	Đầu báo khói		1	Cần thay mới
29	Đèn exit	Tầng 19	2	Cần thay mới
30	Đèn chiếu sáng khẩn cấp	Tầng 20	2	Cần thay mới

CH  
ON  
CH

PH  
PH  
PH



31	Bình CO2-3kg		11	Nhà thầu Nạp sạc lại và thay thế phụ kiện ( miễn phí)
32	Bình ABC-4kg		10	
33	Bình cầu tự động 6kg		4	

**5. Thời gian thay đổi test linh động tổng thể hệ thống PCCC Tòa nhà :**

- Thời gian thực hiện : Từ 9 giờ 00 giờ, ngày 21 tháng 3 năm 2024
- Địa điểm: Chung Cư Him Lam Phú Đông; 2B Trần Thị Vũng, Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Trên đây là Báo cáo kết quả công tác bảo trì bảo dưỡng các thiết bị phòng cháy và chữa cháy tại Chung Cư Him Lam Phú Đông của nhà thầu Hùng Sơn theo gói thầu số: 1702/2024/HS-HLPĐ/HĐBT ký ngày 06 tháng 2 năm 2024 giữa Công ty TNHH Phòng Cháy Chữa Cháy Hùng Sơn và Ban Quản trị Chung Cư Him Lam Phú Đông

***Trân trọng và cảm ơn !***

**Nơi nhận**

- Như trên
- Đơn vị liên quan phối hợp
- Lưu văn thư công ty

**CÔNG TY TNHH PCCC HÙNG SƠN**





EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 161881

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Mã số thuế (Tax code): 0315114635

Địa chỉ (Address): Tầng 12, Tòa nhà Jabes, 244 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020091176

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 1 năm 2024 từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/01/2024 (kèm theo bảng kê số 1351903813 ngày 03 tháng 02 năm 2024)	kWh	22.720	-	46.053.440
Cộng tiền hàng (Total amount):					46.053.440
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.684.275
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 49.737.715
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi chín triệu bảy trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm mười lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
DƯƠNG  
Ngày ký: 03/02/2024 09:29:14



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 273857

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Mã số thuế (Tax code): 0315114635

Địa chỉ (Address): Tầng 12, Tòa nhà Jabes, 244 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020091176

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1362090322 ngày 03 tháng 03 năm 2024)	kWh	18.920	-	38.350.840
Cộng tiền hàng (Total amount):					38.350.840
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.068.067
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 41.418.907
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu bốn trăm mười tám nghìn chín trăm linh bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
DƯƠNG  
Ngày ký: 03/03/2024 09:59:19

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 390734

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Mã số thuế (Tax code): 0315114635

Địa chỉ (Address): Tầng 12, Tòa nhà Jabes, 244 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020091176

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1373573320 ngày 03 tháng 04 năm 2024)	kWh	20,620	-	41.796.740
Cộng tiền hàng (Total amount):					41.796.740
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%			Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.343.739
Tỷ giá (Exchanged rate):			Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		45.140.479
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bảy mươi chín đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được lý bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
DƯƠNG  
Ngày ký: 03/04/2024 14:34:13

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử  
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 496732

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Mã số thuế (Tax code): 0315114635

Địa chỉ (Address): Tầng 12, Tòa nhà Jabes, 244 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020091176

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1383506099 ngày 03 tháng 05 năm 2024)	kWh	19.670	-	39.871.090
Cộng tiền hàng (Total amount):					39.871.090
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.189.687
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 43.060.777
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
DƯƠNG  
Ngày ký: 03/05/2024 13:40:50



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 607690

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Mã số thuế (Tax code): 0315114635

Địa chỉ (Address): Tầng 12, Tòa nhà Jabes, 244 Cống Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020091176

Số tài khoản (Account No): 1023077 Tại Ngân hàng Á Châu (ACB)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 31/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1395390910 ngày 03 tháng 06 năm 2024)	kWh	22.670	-	45.952.090
Cộng tiền hàng (Total amount):					45.952.090
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 3.676.167
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 49.628.257
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi chín triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn hai trăm năm mươi bảy đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
DƯƠNG  
Ngày ký: 03/06/2024 16:01:06

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH DƯƠNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0300942001-014

Địa chỉ (Address): Số 233, Đường 30 tháng 4, Phường Phú Thọ, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001006-19009000

Thông tin thanh toán (Payment Information): Điện Lực Dĩ An - Số TK: 0031000666001 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG  
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24THB

Số (No): 676996

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Mã số thuế (Tax code): 0315114635

Địa chỉ (Address): Tầng 12, Tòa nhà Jabes, 244 Công Quỳnh, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Mã khách hàng (Customer's Code): PB04020091176

Số tài khoản (Account No): 1023077 Tại Ngân hàng Á Châu (ACB)

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 30/06/2024 (kèm theo bảng kê số 1404131247 ngày 02 tháng 07 năm 2024)	kWh	20.020	-	40.580.540
Cộng tiền hàng (Total amount):					40.580.540
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):		3.246.443	
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):		43.826.983	
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi ba triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn chín trăm tám mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC BÌNH  
DƯƠNG  
Ngày ký: 02/07/2024 15:59:19

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

DV

Từ ngày: 7/12/2023 đến ngày: 6/1/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG  
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi  
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY  
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH  
DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 143637

Số BL: 133075

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Địa chỉ KH: TẦNG 12, TÒA NHÀ JABES, 244 CÔNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH, VIỆT NAM

DCLD: 01 KDC HIM LAM BÌNH ĐƯỜNG3-AN BÌNH-DA

Mã số thuế KH: 0315114635

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M <sup>3</sup> Tiêu thụ
8114.0402.52	01/2024	0	269.364	275.272	5.908
M <sup>3</sup> chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
HD: 5.908	10.500	62.034.000	Tiền nước: 62.034.000 Tiền thuế GTGT 5% : 3.101.700 Phí BV môi trường 10%: 6.203.400		
Tổng số tiền phải trả: 71.339.100			Ngày 09 tháng 01 năm 2024 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
Bằng chữ: Bảy mươi một triệu ba trăm ba mươi chín ngàn một trăm đồng			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 09/01/2024 15:11:40		



**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

DV

Từ ngày: 7/1/2024 đến ngày: 6/2/2024

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi  
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY  
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH  
DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 508718

Số BL: 505399

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Địa chỉ KH: TẦNG 12, TÒA NHÀ JABES, 244 CỘNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH, VIỆT NAM

DCLD: 01 KDC HIM LAM BÌNH ĐƯỜNG3-AN BÌNH-DA

Mã số thuế KH: 0315114635

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M <sup>3</sup> Tiêu thụ
8114.0402.52	02/2024	0	275.272	279.897	4.625
M <sup>3</sup> chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
HD: 4.625	10.500	48.562.500	Tiền nước: 48.562.500 Tiền thuế GTGT 5% : 2.428.125 Phí BV môi trường 10%: 4.856.250		
Tổng số tiền phải trả: 55.846.875			Ngày 07 tháng 02 năm 2024 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi sáu ngàn tám trăm bảy mươi lăm đồng			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 07/02/2024 08:58:21		

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

DV

Từ ngày: 7/2/2024 đến ngày: 6/3/2024

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
11 Ngô Văn Trĩ - P. Phú Lợi  
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY  
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH  
DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 887855

Số BL: 880047

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Địa chỉ KH: TẦNG 12, TÒA NHÀ JABES, 244 CỘNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH, VIỆT NAM

DCLD: 01 KDC HIM LAM BÌNH ĐƯỜNG3-AN BÌNH-DA

Mã số thuế KH: 0315114635

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoán	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M <sup>3</sup> Tiêu thụ
8114.0402.52	03/2024	0	279.897	284.449	4.552
M <sup>3</sup> chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
HD: 4.552	10.500	47.796.000	Tiền nước:	47.796.000	
			Tiền thuế GTGT 5% :	2.389.800	
			Phí BV môi trường 10%:	4.779.600	
Tổng số tiền phải trả: 54.965.400			Ngày 08 tháng 03 năm 2024 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
Bằng chữ: Năm mươi tư triệu chín trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm đồng			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 08/03/2024 11:18:37		

**THÔNG BÁO TIỀN NƯỚC**

(Không phải hóa đơn)

DV

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi  
TP. TDM - T. Bình Dương**Mã số thuế: 3700145694****Điện thoại: (0274) 3740530****Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY  
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH  
DƯƠNG**

Số BL: 1252634

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Địa chỉ KH: TẦNG 12, TÒA NHÀ JABES, 244 CỘNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH, VIỆT NAM

DCLD: 01 KDC HIM LAM BÌNH ĐƯỜNG3-AN BÌNH-DA

Mã số thuế KH: 0315114635

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoán	Chi số cũ	Chi số mới	M <sup>3</sup> Tiêu thụ
8114.0402.52	04/2024	0	284.449	290.144	5.695
M <sup>3</sup> chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
HD: 5.695	10.500	59.797.500	Tiền nước:	59.797.500	
			Tiền thuế GTGT 5% :	2.989.875	
			Phí BV môi trường 10%:	5.979.750	
Tổng số tiền phải trả:		68.767.125	Ngày 09 tháng 04 năm 2024		
Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi bảy ngàn một trăm hai mươi lăm đồng			<b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		

Xin quý khách vui lòng đến thanh toán tại CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.



## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 7/4/2024 đến ngày: 6/5/2024

CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG  
11 Ngô Văn Trị - P. Phú Lợi  
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY  
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH  
DƯƠNG

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1618321

Số BL: 1610259

Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Địa chỉ KH: TẦNG 12, TÒA NHÀ JABES, 244 CỘNG QUỶNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,  
VIỆT NAM

DCLD: 01 KDC HIM LAM BÌNH ĐƯỜNG3-AN BÌNH-DA

Mã số thuế KH: 0315114635

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chi số cũ	Chi số mới	M <sup>3</sup> Tiêu thụ
8114.0402.52	05/2024	0	290.144	295.466	5.322
M <sup>3</sup> chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
HD: 5.322	10.500	55.881.000	Tiền nước: 55.881.000 Tiền thuế GTGT 5% : 2.794.050 Phí BV môi trường 10%: 5.588.100		
Tổng số tiền phải trả: 64.263.150			Ngày 08 tháng 05 năm 2024 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
Bằng chữ: Sáu mươi tư triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn một trăm năm mươi đồng			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 08/05/2024 09:34:59		





## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

DV

Từ ngày: 7/5/2024 đến ngày: 6/6/2024

**CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC -  
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**  
11 Ngõ Văn Trị - P. Phú Lợi  
TP. TDM - T. Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694

Điện thoại: (0274) 3740530

Ký hiệu: 1K24TTN

Số: 1977171

Chi nhánh: CHI NHÁNH CẤP NƯỚC DĨ AN - CÔNG TY  
CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH  
DƯƠNG

Số BL: 1968362

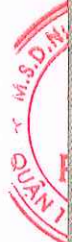
Tên Khách Hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẤT ĐỘNG SẢN DKRA

Địa chỉ KH: TẦNG 12, TÒA NHÀ JABES, 244 CỘNG QUỲNH, PHƯỜNG PHẠM NGŨ LÃO, QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,  
VIỆT NAM

DCLD: 01 KDC HIM LAM BÌNH DƯƠNG 3-AN BÌNH-DA

Mã số thuế KH: 0315114635

Danh bộ	Kỳ/Năm	Khoản	Chỉ số cũ	Chỉ số mới	M <sup>3</sup> Tiêu thụ
8114.0402.52	06/2024	0	295.466	300.888	5.422
M <sup>3</sup> chia ra	Đơn giá	Tiền nước	Số tiền phải trả		
HD: 5.422	10.500	56.931.000	Tiền nước:	56.931.000	
			Tiền thuế GTGT 5% :	2.846.550	
			Phí BV môi trường 10%:	5.693.100	
Tổng số tiền phải trả:			65.470.650		
Bằng chữ: Sáu mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi ngàn sáu trăm năm mươi đồng			Ngày 07 tháng 06 năm 2024 <b>TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		
			Signature Valid Ký bởi: CÔNG TY CP - TỔNG CÔNG TY NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG Ký ngày: 07/06/2024 09:50:05		



CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp HCM, ngày 10. tháng 11. năm 2018

BIÊN BẢN  
NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH  
ĐƯA VÀO SỬ DỤNG

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Khu Dân Cư Đông Á

Hạng mục : Hệ thống xử lý nước thải

Địa điểm : Phường An Bình – Thị xã Dĩ An – Tỉnh Bình Dương

1. Thành phần tham gia :

a. Đại diện Chủ đầu tư : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

Ông: Ngô Quang Phúc Chức vụ: Tổng giám đốc  
Ông: ..... Chức vụ: .....  
Ông: ..... Chức vụ: .....

b. Đại diện Đơn vị thi công : CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

Ông: Hoàng Đình Bá Dương Chức vụ: Tổng giám đốc  
Ông: ..... Chức vụ: .....  
Ông: Nguyễn Huy Việt Chức vụ: CS

2. Thời gian kiểm tra:

Bắt đầu: 14. giờ 00. phút, ngày 10. tháng 11. năm 2018.

Kết thúc: 15. giờ 00. phút, ngày 10. tháng 11. năm 2018.

Địa điểm : Trạm xử lý nước thải KDC Đông Á

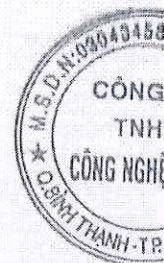
Các bên đã tiến hành kiểm tra thực tế tại công trường

3. Nội dung và trình tự kiểm tra hiện trường

Stt	Nội dung kiểm tra	Kết quả nghiệm thu	
		Đạt	Không đạt
1	Kiểm tra trình của máy móc thiết bị ngoài công trình	X	
2	Kiểm tra số liệu đo đạt, so sánh với hiệu quả thiết kế thi công đã được phê duyệt và những sửa đổi, hồ sơ đã được chấp nhận	X	
3	Đánh giá sự phù hợp công việc và yêu cầu của thực tế	X	

4. Đánh giá công tác chạy thử thiết bị đơn động không tải đã thực hiện:

a. Về tài liệu làm căn cứ nghiệm thu:



CÔNG  
CỔ  
ĐỊA  
HƯ  
TP.

- Hồ sơ thầu và hợp đồng xây dựng số 15108101 giữa Công ty Cổ phần Địa Ốc Phú Đông và Công ty TNHH Công Nghệ Sạch
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu của Nhà thầu
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và những thay đổi thiết kế đã được Chủ đầu tư chấp thuận liên quan đến đối tượng nghiệm thu
- Biên bản nghiệm thu thiết bị trước khi lắp đặt
- Biên bản nghiệm thu thiết bị lắp đặt tĩnh
- Phần chỉ dẫn kỹ thuật, tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu:
- + QCVN14: 2008/BTNMT : Qui chuẩn quốc gia về nước thải sinh hoạt;
- + TCVN 7957 - 2008: Thoát nước - Mạng lưới bên ngoài và công trình -Tiêu chuẩn thiết kế;
- Các kết quả đo đạc, thí nghiệm.
- Nhật ký thi công xây dựng công trình và các văn bản khác có liên quan đến đối tượng nghiệm thu.
- Biện pháp thi công, quy trình thi công được phê duyệt,
- Các biên bản nghiệm thu vật liệu đưa vào sử dụng ,
- Biên bản nghiệm thu lắp đặt tĩnh thiết bị,
- Biên bản nghiệm thu chạy thử thiết bị liên động có tải.

b. Đánh giá chất lượng công trình thực hiện : -

..... Đạt yêu cầu .....

c. Các ý kiến khác nếu có :

..... ✓ .....

5. Kết luận :

..... Đạt yêu cầu nghiệm thu .....



ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ *Ngô Quang Phúc*



**NGÔ QUANG PHÚC**

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG *Hoàng Linh Bà Lương*



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Hoàng Linh Bà Lương*

## **PHỤ LỤC II**

### **CÁC KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ**

- 1/ Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2022;**
- 2/ Kết quả quan trắc môi trường định kỳ năm 2023.**







Mã số: 220324/...9432.../QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á - CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.
- Vị trí lấy mẫu: 0324/NT/GN-PĐ/001: Tại hồ ga tập trung sau xử lý
- Ngày lấy mẫu: 24/03/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B
1.	pH <sup>(a)(b)</sup>	--	TCVN 6492:2011	6,85	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	72,5	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	34	50
4.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	5,72	10
5.	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	10,9	50
6.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	2,27	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,48	20
8.	Coliforms <sup>(c1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	3,5*10 <sup>3</sup>	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(c1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HDCV/ĐN-H23	1,18	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

Nguyễn Minh Thiện



Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimecerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c1): NTP - Vimecert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm





Mã số: 170622/05552/QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 25 tháng 06 năm 2022

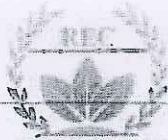
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.
- Vị trí lấy mẫu: 0617/NT/GN-PĐ/001: Tại hồ ga tập trung sau xử lý
- Ngày lấy mẫu: 17/06/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B
1.	pH <sup>(a)(b)</sup>	--	TCVN 6492:2011	7,22	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	55	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	34	50
4.	N <sub>NH<sub>4</sub><sup>+</sup></sub> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	4,91	10
5.	N <sub>NO<sub>3</sub><sup>-</sup></sub> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> .E:2017	17,3	50
6.	P <sub>PO<sub>4</sub><sup>3-</sup></sub> <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	3,80	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(n)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,47	20
8.	Coliforms <sup>(c1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	1,4*10 <sup>3</sup>	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(c1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HDCV/ĐN-H23	2,95	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện**P. Phòng thí nghiệm**
  
**Phạm Trúc Linh**
  
**Giám Đốc**  
**Nguyễn Thị Thúy Vân**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vincerts; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường; Dấu (c1): NTP – Vincert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 170622/00000./QTMT/REC

Tp. HCM, ngày 25 tháng 06 năm 2022

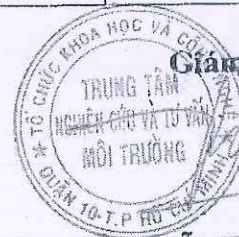
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á - CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí Số lượng: 03 mẫu.
- Ngày lấy mẫu: 17/06/2022
- Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
<b>I</b>	<b>0617/KK/GN-PĐ/001: Không khí bên ngoài phạm vi dự án</b>					
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	62,4	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2.	Bụi <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,23	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,090	0,35	
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,114	0,2	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	7,90	30	
<b>II</b>	<b>0617/KK/GN-PĐ/002: Không khí bên trong khu vực nhà ở</b>					
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	59,6	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2.	Bụi <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,19	8	QCVN 02:2019/BYT
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,078	10	QCVN 03:2019/BYT
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,085	10	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	5,14	40	
<b>III</b>	<b>0617/KK/GN-PĐ/003: Khu vực HTXL nước thải (đặt tại lô F)</b>					
1.	NH <sub>3</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	MASA Method 401	0,026	25	QCVN 03:2019/BYT
2.	H <sub>2</sub> S <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	MASA Method 701	0,020	15	

P. Phòng thí nghiệm

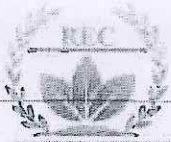
Phạm Trúc Linh



Giám Đốc

Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu đạt Vimeris; Dấu (b) Chỉ tiêu đo tại hiện trường
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 140922/07318/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 21 tháng 09 năm 2022

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

- Đơn vị yêu cầu: **NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

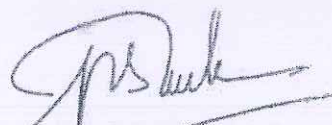
STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT15.140922	0914/NT/GN-PĐ/1: Tại hố ga tập trung sau xử lý

4. Ngày lấy mẫu: 14/09/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B	
1.	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	7,24	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	68	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	29	50
4.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	4,37	10
5.	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	13,5	50
6.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	3,23	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	5,93	20
8.	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.600	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(d1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HD/NT – Lưu lượng	1,89	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện**P. Phòng thí nghiệm**

  
Phạm Trúc Linh

**Giám Đốc**  
  
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecert công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 117 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 281122/13431/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 06 tháng 12 năm 2022

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT11.281122	1128/NT/GN-PĐ/1: Tại hố ga tập trung sau xử lý


4. Ngày lấy mẫu: 28/11/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B	
1.	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	7,33	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	57	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	32	50
4.	N <sub>NH<sub>4</sub><sup>+</sup></sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	5,83	10
5.	N <sub>NO<sub>3</sub><sup>-</sup></sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	10,9	50
6.	P <sub>PO<sub>4</sub><sup>3-</sup></sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	4,47	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,09	20
8.	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.200	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(d1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HD/NT – Lưu lượng	1,57	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

  
Phạm Trúc Linh



Giám Đốc

  
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecert công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP – Vimecert 117 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 281122/13433/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 06 tháng 12 năm 2022

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí. Số lượng: 03 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK9.281122	1128/KK/GN-PĐ/1: Không khí bên ngoài phạm vi dự án
2	KK10.281122	1128/KK/GN-PĐ/2: Không khí bên trong khu vực nhà ở
3	KK11.281122	1128/KK/GN-PĐ/3: Khu vực HTXL nước thải (đặt tại lô F)

4. Ngày lấy mẫu: 28/11/2022

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
<b>I 0617/KK/GN-PĐ/001: Không khí bên ngoài phạm vi dự án</b>						
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)(c)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	61,9	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2.	Bụi <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,24	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,078	0,35	
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,093	0,2	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	7,15	30	
<b>II 0617/KK/GN-PĐ/002: Không khí bên trong khu vực nhà ở</b>						
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)(c)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	55,5	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2.	Bụi <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,15	8	QCVN 02:2019/BYT
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,062	10	QCVN 03:2019/BYT
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,074	10	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	5,30	40	
<b>III 0617/KK/GN-PĐ/003: Khu vực HTXL nước thải (đặt tại lô F)</b>						
1.	NH <sub>3</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	MASA Method 401	0,029	25	QCVN 03:2019/BYT
2.	H <sub>2</sub> S <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	MASA Method 701	0,024	15	

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

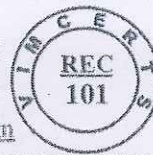
Phạm Trúc Linh

Giám Đốc



Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 240323/2112:1/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á - CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT13.240323	0324/NT/GN-PĐ/1: Tại hố ga tập trung sau xử lý

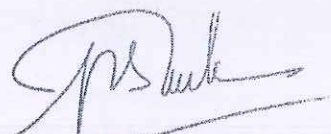
4. Ngày lấy mẫu: 24/03/2023

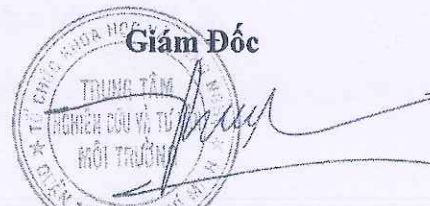
5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B	
1.	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	6,91	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	73	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	24	50
4.	N <sub>NH<sub>4</sub><sup>+</sup></sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	5,10	10
5.	N <sub>NO<sub>3</sub><sup>-</sup></sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> .E:2017	12,3	50
6.	P <sub>PO<sub>4</sub><sup>3-</sup></sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	2,91	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	4,30	20
8.	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,0*10 <sup>3</sup>	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(d1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HD/NT - Lưu lượng	2,56	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

  
Phạm Trúc Linh

  
Giám Đốc  
Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimcerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP - Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm





Mã số: 210623/5709:1/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT29.210623	0621/NT/GN-PĐ/1: Tại hố ga tập trung sau xử lý

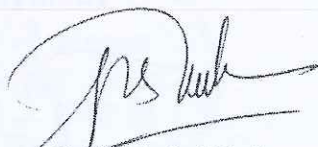
4. Ngày lấy mẫu: 21/06/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B
1.	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	6,92	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	71	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	39	50
4.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	6,11	10
5.	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	12,5	50
6.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	3,08	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,35	20
8.	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,6x10 <sup>3</sup>	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(d1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HDCV/ĐN-H23	1,94	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

  
 Phạm Trúc Linh

Giám Đốc

  
 Nguyễn Thị Thúy Vân

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Dấu (d1): Chỉ tiêu đo NTP – Vincert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 210623/5710:3/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 30 tháng 06 năm 2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí. Số lượng: 03 mẫu.

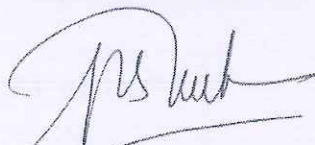
STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK31.210623	0621/KK/GN-PĐ/1: Không khí bên ngoài phạm vi dự án
2	KK32.210623	0621/KK/GN-PĐ/2: Không khí bên trong khu vực nhà ở
3	KK33.210623	0621/KK/GN-PĐ/3: Khu vực HTXL nước thải (đặt tại lô F)

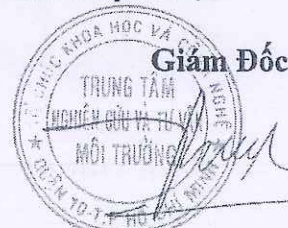
4. Ngày lấy mẫu: 21/06/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
<b>I KK31.210623</b>						
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)(c)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	63,5	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2.	Bụi <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,21	0,3	QCVN 05:2013/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,065	0,35	
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,076	0,2	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	6,78	30	
<b>II KK32.210623</b>						
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)(c)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	53,8	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2.	Bụi <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,13	8	QCVN 02:2019/BYT
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,060	10	QCVN 03:2019/BYT
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,066	10	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	5,94	40	
<b>III KK33.210623</b>						
1.	NH <sub>3</sub> <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	MASA Method 401	0,025	25	QCVN 03:2019/BYT
2.	H <sub>2</sub> S <sup>(a)</sup>	mg/m <sup>3</sup>	MASA Method 701	< 0,015	15	

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện**P. Phòng thí nghiệm**

  
Phạm Trúc Linh

  
Nguyễn Thị Thúy Vân

**Giám Đốc**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 290923/2112:1/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 09 tháng 10 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Đơn vị yêu cầu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT13.290923	0929/NT/GN-PĐ/1: Tại hố ga tập trung sau xử lý

4. Ngày lấy mẫu: 29/09/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B
				NT13.290923	
1.	pH <sup>(a)(c)</sup>	--	TCVN 6492:2011	7,10	5 - 9
2.	TSS <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	TCVN 6625:2000	88,5	100
3.	BOD <sub>5</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 5210B:2017	35	50
4.	N-NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	7,74	10
5.	N-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	12,0	50
6.	P-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> <sup>(a)(b)</sup>	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	3,30	10
7.	Dầu mỡ ĐTV <sup>(a)</sup>	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	3,49	20
8.	Coliforms <sup>(d1)</sup>	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,1x10 <sup>3</sup>	5.000
9.	Lưu lượng <sup>(d1)</sup>	m <sup>3</sup> /h	HDCV/ĐN-H23	1,7	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

P. Giám Đốc



Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Dấu (d1): Chỉ tiêu do NTP - Vimecert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 051223/13296-6:1/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 14 tháng 12 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Nước thải. Số lượng: 01 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	NT39.051223	1205/NT/GN-PĐ/1: Tại hồ ga tập trung sau xử lý

4. Ngày lấy mẫu: 05/12/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

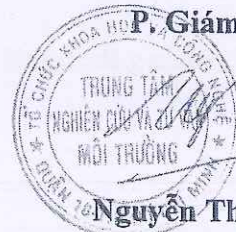
STT	THÔNG SỐ/ ĐƠN VỊ		PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	QCVN 14:2008/BTNMT, CỘT B
				NT39.051223	
1.	pH (a)(c)	--	TCVN 6492:2011	6,77	5 - 9
2.	TSS (a)(b)	mg/L	TCVN 6625:2000	67,5	100
3.	BOD <sub>5</sub> (a)(b)	mg/L	SMEWW 5210B:2017	34	50
4.	N_NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NH <sub>3</sub> .B&F:2017	4,73	10
5.	N_NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> .E:2017	13,2	50
6.	P_PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> (a)(b)	mg/L	SMEWW 4500-PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> .E:2017	3,23	10
7.	Dầu mỡ ĐTV (a)	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	< 3	20
8.	Coliforms (d1)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,6x10 <sup>3</sup>	5.000
9.	Lưu lượng (d1)	m <sup>3</sup> /h	HDCV/ĐN-H23	1,35	-

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

**P. Phòng thí nghiệm**

**Phạm Trúc Linh**

**P. Giám Đốc**



**Nguyễn Thị Thúy Hạ**

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vimecert công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Dấu (d1): Chỉ tiêu đo NTP - Vimcert 292 thực hiện
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm



Mã số: 051223/13296-7:3/QTMT/REC

TP. HCM, ngày 14 tháng 12 năm 2023

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Địa điểm lấy mẫu: NHÀ Ở ĐÔNG Á – CÔNG TY CP ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG
- Địa chỉ: Phường An Bình, Thành phố Dĩ An, Bình Dương
- Tên mẫu: Không khí. Số lượng: 03 mẫu.

STT	MÃ SỐ MẪU	KÝ HIỆU/VỊ TRÍ LẤY MẪU
1	KK84.051223	1205/KK/GN-PĐ/1: Không khí bên ngoài phạm vi dự án
2	KK85.051223	1205/KK/GN-PĐ/2: Không khí bên trong khu vực nhà ở
3	KK86.051223	1205/KK/GN-PĐ/3: Khu vực HTXL nước thải (đặt tại lô F)

4. Ngày lấy mẫu: 05/12/2023

5. Kết quả thử nghiệm:

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	GIỚI HẠN	QUY CHUẨN SO SÁNH
<b>I KK84.051223</b>						
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)(c)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	61,4	70	QCVN 26:2010/BTNMT
2.	Bụi <sup>(a)(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,24	0,3	QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,077	0,35	
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,084	0,2	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	6,90	30	
<b>II KK85.051223</b>						
1.	Độ ồn <sup>(a)(b)(c)</sup>	dBA	TCVN 7878-2 : 2010	54,4	≤ 85	QCVN 24:2016/BYT
2.	Bụi <sup>(a)(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5067 : 1995	0,15	8	QCVN 02:2019/BYT
3.	SO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 5971 : 1995	0,072	10	QCVN 03:2019/BYT
4.	NO <sub>2</sub> <sup>(a)(b)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	TCVN 6137 : 2009	0,079	10	
5.	CO <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	HDKK-CO/REC	5,46	40	
<b>III KK86.051223</b>						
1.	NH <sub>3</sub> <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	MASA Method 401	0,019	25	QCVN 03:2019/BYT
2.	H <sub>2</sub> S <sup>(a)</sup>	mg/Nm <sup>3</sup>	MASA Method 701	< 0,015	15	

**Ghi chú:** Dấu (--) không quy định; KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện

P. Phòng thí nghiệm

Phạm Trúc Linh

Nguyễn Thị Thúy Hạ

- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm NC & TV Môi trường (REC).
- Dấu (a): Chỉ tiêu được Vincerts công nhận; Dấu (b): Chỉ tiêu được Vilas công nhận; Dấu (c): Chỉ tiêu thực hiện tại hiện trường
- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

## **PHỤ LỤC III - CÁC BẢN VẼ LIÊN QUAN**

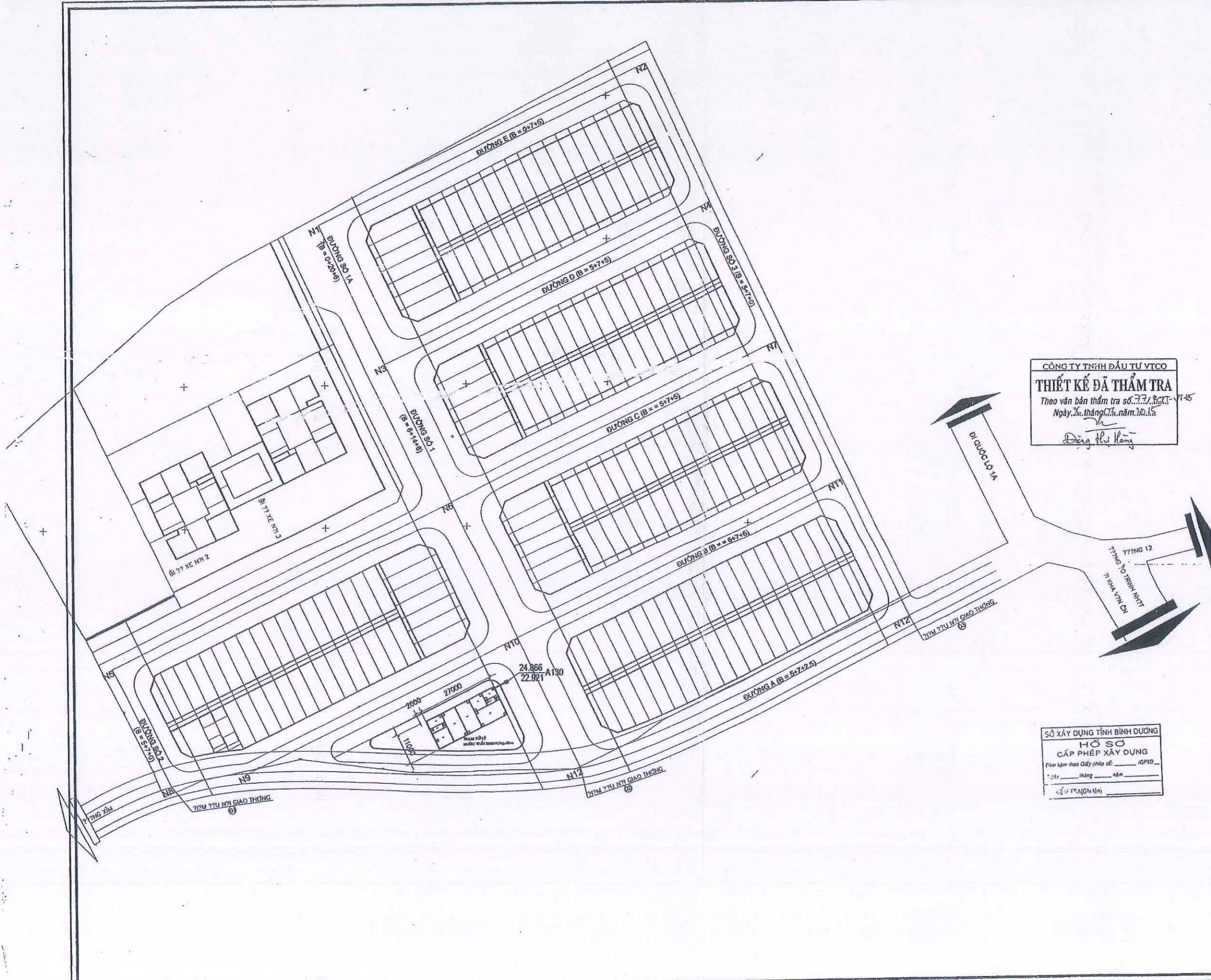
**PHỤ LỤC III-A: BẢN VẼ HOÀN CÔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC;**

**PHỤ LỤC III-B: BẢN VẼ HOÀN CÔNG MẶT BẰNG THU GOM THOÁT NƯỚC MƯA;**

**PHỤ LỤC III-C: BẢN VẼ HOÀN CÔNG MẶT BẰNG THU GOM THOÁT NƯỚC THẢI;**

**PHỤ LỤC III-D: BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI;**

**PHỤ LỤC III-E: SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU CỦA CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG.**



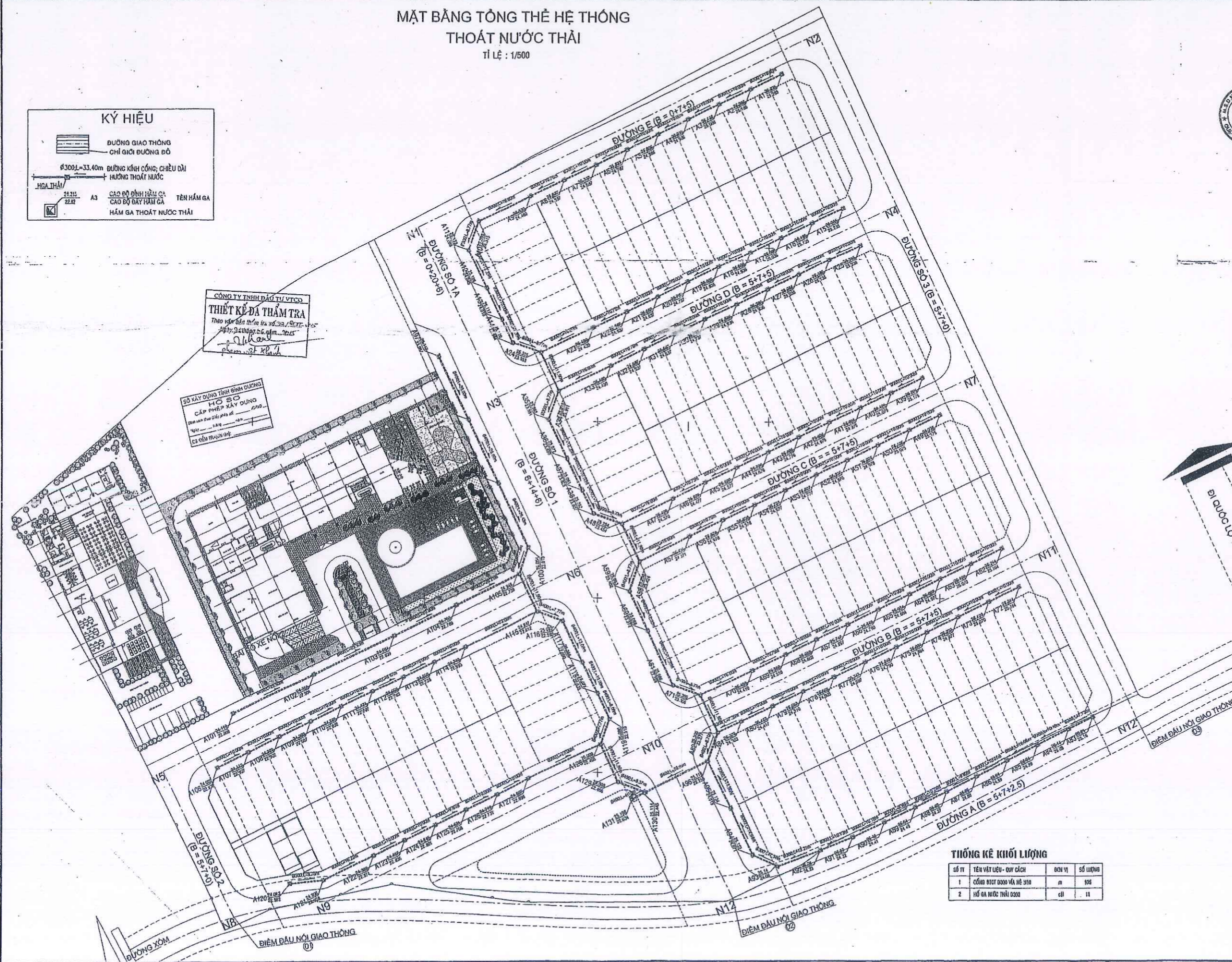
CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VTCO  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**  
 Theo văn bản thẩm tra số 3371/SGT-T-45  
 Ngày 26 tháng 07 năm 2015  
*Đặng Thị Hằng*

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**HỒ SƠ**  
**CẤP PHÉP XÂY DỰNG**  
 Định kèm theo Giấy phép số: /GPXD  
 ... tháng ... năm ...  
 ... (0/0/00)

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTKM, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-9) 6261 6999 / FAX: (84-9) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
*TRẦN MINH PHƯƠNG*  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH  
**ALINCO**  
 ĐC: 234 NGÕ TẮT TỎ, P. 22, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-9) 3840 1249 / FAX: (84-9) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC  
 TUYÊN THIẾT KẾ XÂY DỰNG ANH LINH  
*Trần Xuân Đại Thắng*  
 ARCH/RTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ  
**PHONG LAM**  
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
 ĐC: 10/10 NGÕ 10, P. 12, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84) 8 5445 3225 - Fax: (84) 8 5445 3226  
 www.phonglam.com  
 DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC  
*Phan Tuấn Triều*  
 THS. PHAN TUẤN TRIỀU  
 PRINCIPLE DESIGN/ CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ  
*Ngọc Toàn*  
 KS. TÔ NGỌC TOÀN  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ  
*Hàn Mộng Du*  
 KS. NGUYỄN HÀN MỘNG DU  
 DESIGN/ THIẾT KẾ  
*Phan Tuấn Sơn*  
 KS. PHAN TUẤN SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA  
*Phan Tuấn Sơn*  
 KS. PHAN TUẤN SƠN  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN**  
**NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DI AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HẠNG MỤC  
**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
**MẶT BẰNG VỊ TRÍ HT XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 REVISIONS/ HIỆU CHỈNH  
 NO/ ST/ DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG  
 STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
 CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
 DATE/ NGÀY 04/ 2015  
 DWG. NO 1  
 BẢN VẼ SỐ **KT - 11**

PHONG LAM

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG  
THOÁT NƯỚC THẢI  
TỈ LỆ : 1/500



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VTCO  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**  
Thao tác bản vẽ in ra số: 23/10/2015  
Số: 23/10/2015  
Chữ ký: [Signature]  
Chức vụ: Kỹ sư

SỐ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**HỒ SƠ**  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Số nhà cấp phép xây dựng: 010/2015  
Ngày cấp: 20/10/2015  
Cơ quan cấp: UBND TP. Thủ Đức

**THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG**

SỐ TT	TÊN VẬT LIỆU - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỐNG BÊ TÔNG VÀ HÈ 310	m	106
2	HỖ GA NƯỚC THẢI Ø300	củ	11

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG**  
 ĐC: 2A NGUYỄN TRỊ BÌNH KHÁM, PHƯỜNG ĐÀ KẠO QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-9) 8281 8299 / FAX: (84-9) 8281 2399  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG**  
 TRẦN ĐÌNH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P. 22, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-9) 3840 1749 / FAX: (84-9) 3840 0208  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VTCO**  
 ANH LINH  
 ARCH/ KTS/ PHAN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 PRINCIPLE DESIGN/ CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KS. TÔ NGỌC TOÀN  
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỞNG  
DESIGN / THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỞNG  
CHECK BY QUẢN LÝ KỸ THUẬT

\*S. TÔN THẤT BẢO ANH

---

PROJECT CÔNG TRÌNH  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐỒNG A**  
 THỊ XÃ GIÀM  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HẸM MỨC

**HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**

TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI

---

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

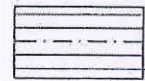
STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENT/ NỘI DUNG
01	20/10/2015	PHÁT HÀNH LẦN THỨ HỒI DUNG HỢP NGÀY 2/10/2015

---

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG  
DATE/ NGÀY: 04/2015  
DWG. NO: TNT - 01A  
BẢN VẼ SỐ



# KÝ HIỆU



ĐƯỜNG GIAO THÔNG  
CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ

Ø600; L=33.40m ĐƯỜNG KÍNH CỐNG; CHIỀU DÀI  
HƯỚNG THOÁT NƯỚC

HGA MƯA

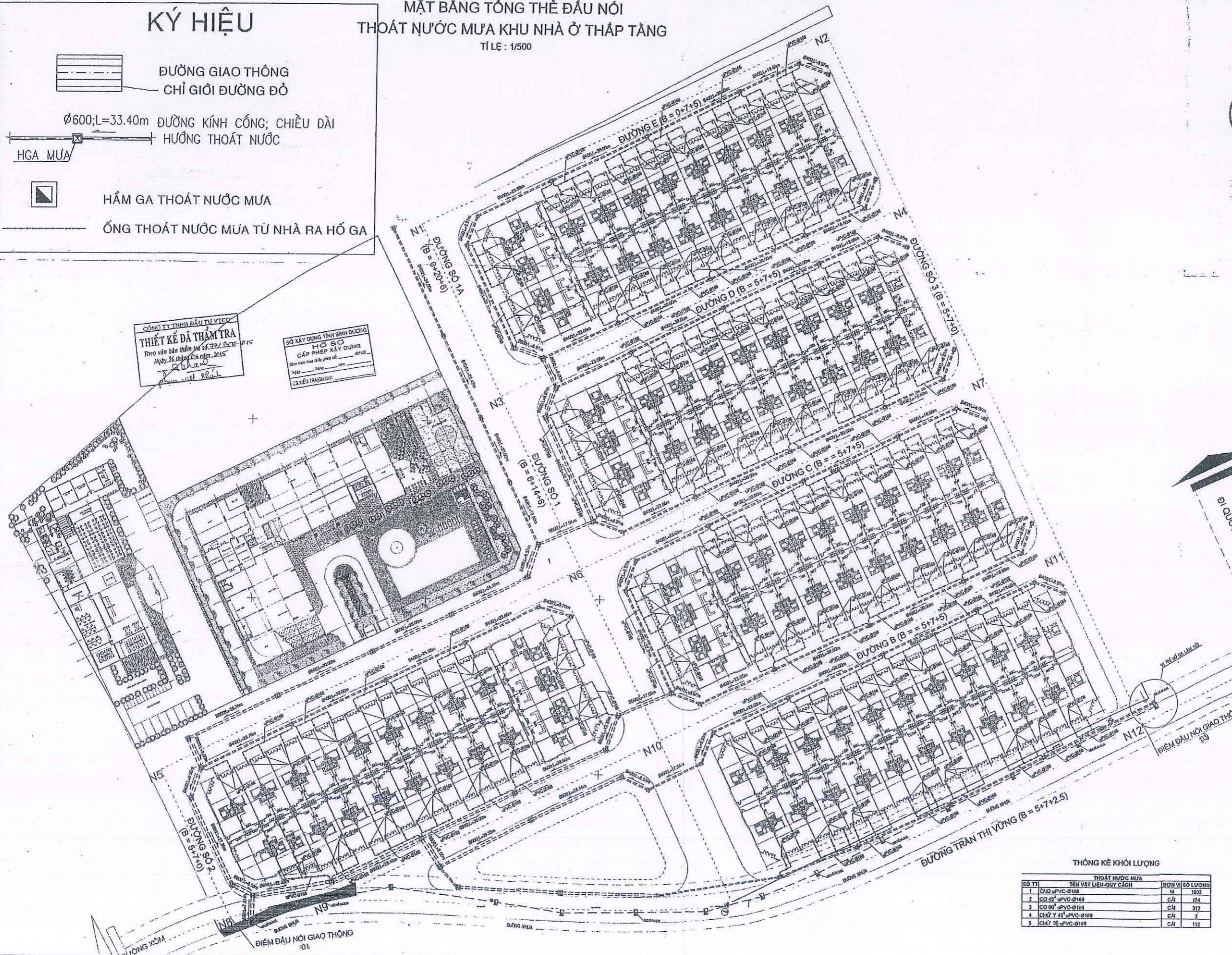


HẦM GA THOÁT NƯỚC MƯA

ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TỪ NHÀ RA HỒ GA

## MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG

TỈ LỆ : 1/500



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VTCO  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**  
Theo văn bản thẩm tra số 233/BCN-PTCS  
Ngày 26 tháng 05 năm 2015  
KTS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**HỒ SƠ**  
**CẤP PHÉP XÂY DỰNG**  
Dự án: Khu nhà ở thấp tầng  
Ngày: 26/05/2015  
CÁNH SÁNG HUY

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

BỘ TÌ	TÊN VẬT LIỆU-QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỐNG MĂNG Ø150	M	1933
2	CỐNG MĂNG Ø100	CÁI	174
3	CỐNG MĂNG Ø150	CÁI	312
4	CHỖ YẾU Ø150	CÁI	2
5	CHỖ TẾ Ø150	CÁI	132

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
ĐC: 2A NGUYỄN THỊ MINH KHAI, PHƯỜNG ĐÀ KẠO, QUẬN 1, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
GENERAL DIRECTOR/TỔNG QUẢN ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
TRIỆU MINH PHƯƠNG  
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ALINCO  
ĐC: 234 NGUYỄN VĂN TỶ, P. 22, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0208  
www.alinco.com.vn

GEMERALD DIRECTOR/TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ XÂY DỰNG ANH LINH  
ARCH / KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
PRINCIPLE DESIGN CHIEF/ NGUYÊN THIẾT KẾ

KS. TÔ NGỌC TOÀN  
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRƯ THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG  
DESIGN / THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG  
CHECK BY/ QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. TÔN THẮT BẢO ANH

PROJECT/ CÔNG TRÌNH  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
THỊ XÃ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SECTION/ HANG MỤC  
**HỆ THỐNG NƯỚC MƯA**  
TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG**

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NO	STT	DATE	REVISION/ AMENDMENTS/ NỘI DUNG
01	01	22/04/2015	PHÁT HÀNH LẦN THỨ HỌI DUNG HỌP NGÀY 21/04/2015

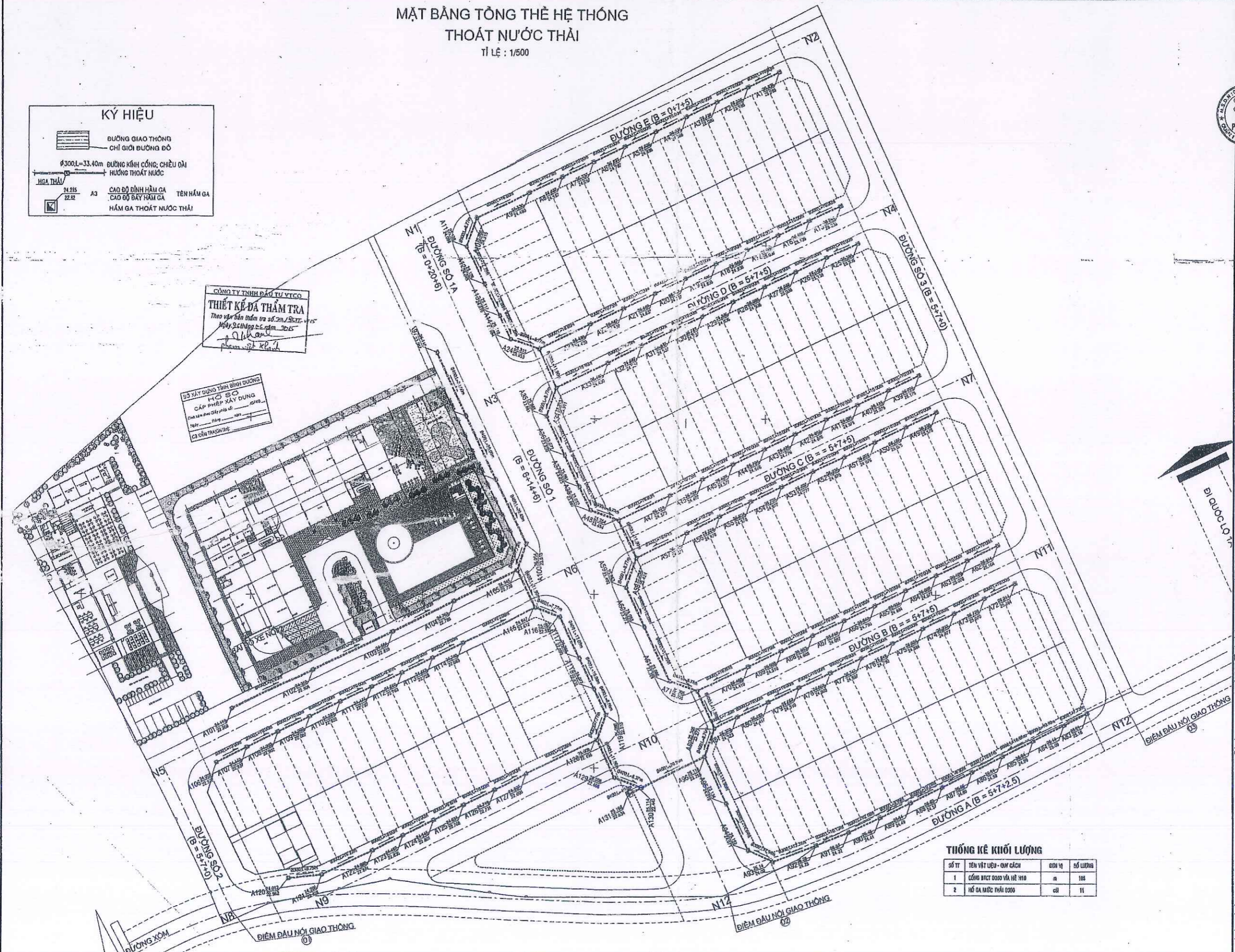
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THỰC CÔNG  
DATE/ NGÀY: 04/2015  
DẠNG SỐ BẢN VẼ SỐ: **TNM - 01B<sub>6</sub>**

MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG  
THOÁT NƯỚC THẢI  
TỈ LỆ : 1/500



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VTCO  
**THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA**  
Theo yêu cầu thẩm tra số 292/SCTT-VTC  
Ngày 26/04/2015  
Phạm Văn Khoa

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
**HỒ SƠ**  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Số: 100/2015/STP  
Ngày: 26/04/2015  
GIAO AN



**THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG**

SỐ TT	TÊN VẬT LIỆU - QUY CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỐNG BVC Ø300 VÀ HẸ H10	m	103
2	HỒ GA MỨC THẢI Ø300	củ	11

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG**  
ĐC: 2A NGUYỄN THỊ MINH KHAI, PHƯỜNG ĐÀ KẠO, QUẬN 1, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 6261 6909 / FAX: (84-8) 6261 3999  
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG  
TRẦN VĂN PHƯƠNG  
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P. 22, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0308  
www.phudong.com.vn

GENERAL CONTRACTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ANH LÂN  
ARCH/ KTS PHAN XUÂN ĐẠI THẮNG  
PRINCIPLE DESIGNER/ CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KS. TÔ NGỌC TOÀN  
PROJECT MANAGER/ CHỦ THÌ THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG  
DESIGN / THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG  
CHECK BY QUẢN LÝ KỸ THUẬT

TS. TÔN THẮT BẢO ANH

PROJECT/ CÔNG TRÌNH  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐỒNG A**  
THỊ XÃ GIỚI AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SECTION/ HÀNG MỤC  
**HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**  
TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC THẢI**

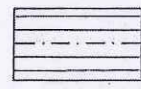
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

HỌ TÊN	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ HỒI DỮNG	PHÁT HÀNH LẠI THEO HỒI DỮNG
01	23/04/2015	PHÁT HÀNH LẠI THEO HỒI DỮNG	HỢP NGÀY 21/04/2015

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ TH CÔNG  
DATE/ NGÀY: 04/2015  
DWG. NO: TNT - 01A

0694  
ÔNG  
CỔ PHẦN  
ĐỊA ỐC  
PHÚ ĐỒNG  
P. HỒ

# KÝ HIỆU



ĐƯỜNG GIAO THÔNG  
CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỒ

Ø600; L=33.40m ĐƯỜNG KÍNH CỐNG; CHIỀU DÀI  
HƯỚNG THOÁT NƯỚC

HGA MƯA

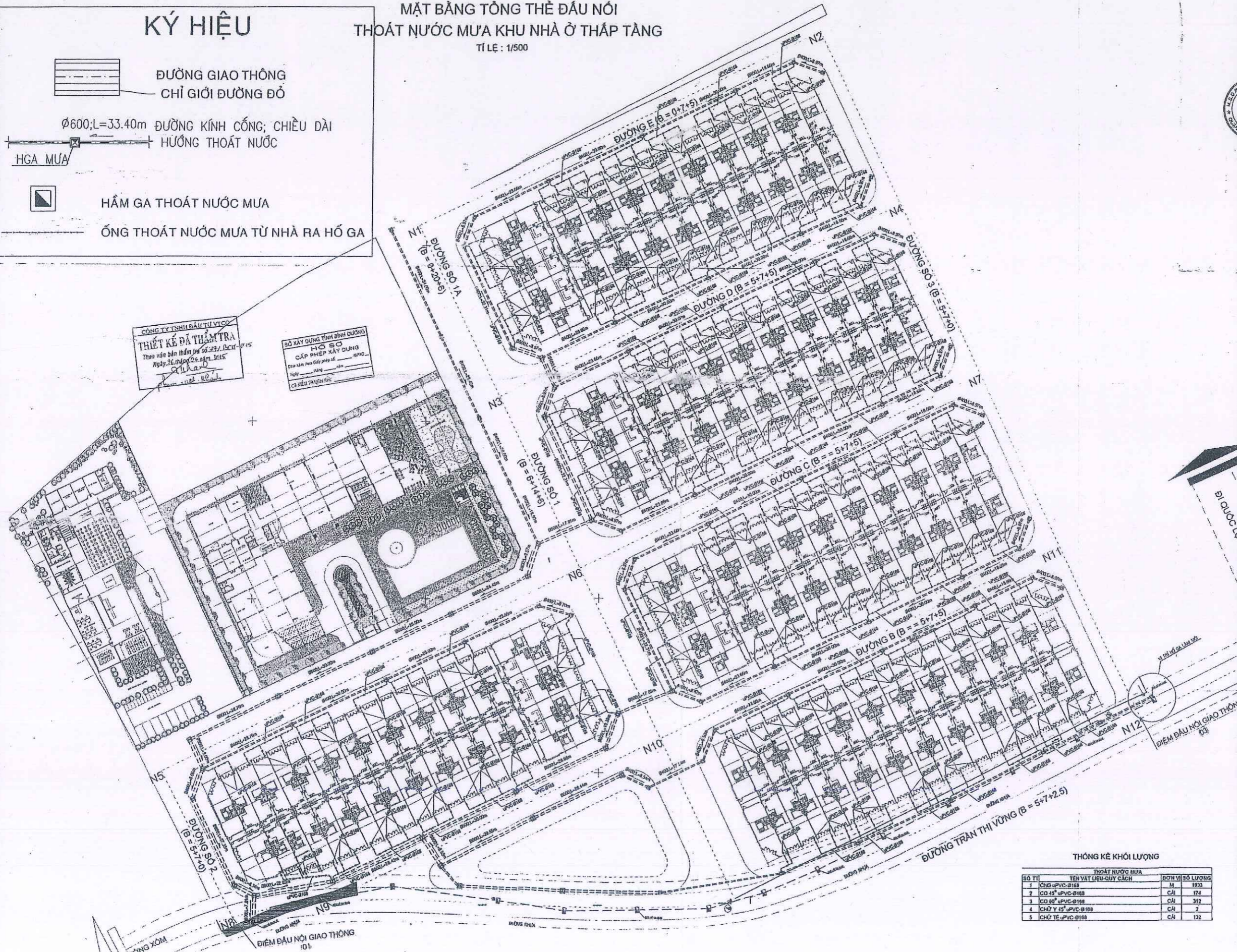


HẦM GA THOÁT NƯỚC MƯA

ỐNG THOÁT NƯỚC MƯA TỪ NHÀ RA HỒ GA

## MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG

TỈ LỆ: 1/500



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ YTCO  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số 117/BCA-T.15  
Ngày 26 tháng 06 năm 2015

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
HỒ SƠ  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Số: ...  
Ngày ... tháng ... năm ...

THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG

SỐ TT	TÊN VẬT LIỆU-GUÝ CÁCH	ĐƠN VỊ	SỐ LƯỢNG
1	CỐNG UPVC-Ø180	M	1933
2	CỔ 45° UPVC-Ø180	CÁI	174
3	CỔ 90° UPVC-Ø180	CÁI	312
4	CHỖ Y 45° UPVC-Ø180	CÁI	2
5	CHỖ TẾ UPVC-Ø180	CÁI	132

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
ĐC: 2A NGUYỄN THỊ MINH KHAI, PHƯỜNG ĐÀ KIM QUẬN 1, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 8281 6999 / FAX: (84-8) 8281 3999  
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
TRIỆU MINH PHƯƠNG  
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ĐC: 234 HỒ TÂY TỖ, P. 22, Q. BÌNH THẠNH, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 3849 1748 / FAX: (84-8) 3849 0308  
www.abingo.com.vn

GENERAL MANAGER/ TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
ARCH/ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
PRINCIPLE DESIGN/ CHỦ NHIỆM THIẾT KẾ

KS. TÔ NGỌC TOÀN  
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG  
DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG  
CHECK BY/ QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KTS. TÔN THẮT BẢO ANH

PROJECT/ CÔNG TRÌNH  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
THỊ XÃ DI AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SECTION/ HANG MỤC  
**HỆ THỐNG NƯỚC MƯA**  
TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
**MẶT BẰNG TỔNG THỂ ĐẦU NỐI THOÁT NƯỚC MƯA KHU NHÀ Ở THẤP TẦNG**

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

HỢI SỐ	DATE/ NGÀY	REASON/ LÝ DO
01	23/06/2015	PHÁT HIỆN LỖI THIÊN HỒI ĐUNG HỘP NGÀY 23/06/2015

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ THỰC CÔNG  
DATE/ NGÀY: 04/2015  
DWG. NO: TNM - 01B  
BẢN VẼ SỐ

3-C.T.C  
TY  
C  
NG  
CHI MINH



# CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

-----o0o-----

## HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

(PHẦN CƠ)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày: ... tháng 8 năm 2016		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
 	 	
Hoàng Linh Bá Dương      Ngô Quang Phúc		

TP. HỒ CHÍ MINH, 2016



# CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH

PHONE : (84) 8 62945723

FAX: (84) 8 62944866

## DANH MỤC BẢN VẼ

TRANG: 1/1

STT	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	SỐ LƯỢNG
01	PD_DA_ME_P-01	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ	09
02	PD_DA_ME_P-02	MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ	
03	PD_DA_ME_P-03	MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ	
04	PD_DA_ME_P-04	ĐƯỜNG ỐNG KHÔNG GIAN TỪ WP01A/B --> TK02	
05	PD_DA_ME_P-05	ĐƯỜNG ỐNG KHÔNG GIAN TỪ TK02 --> TK03	
06	PD_DA_ME_P-06	ĐƯỜNG ỐNG KHÔNG GIAN TỪ WP03A/B --> TK04 VÀ TỪ WP05A/B --> TK04	
07	PD_DA_ME_P-07	ĐƯỜNG ỐNG KHÔNG GIAN TỪ SP06A/B --> TK04 VÀ TỪ TK05 --> TK06	
08	PD_DA_ME_P-08	ĐƯỜNG ỐNG KHÔNG GIAN TỪ AB05A/B --> TK02	
09	PD_DA_ME_P-09	ĐƯỜNG ỐNG KHÔNG GIAN TỪ AB05A/B --> TK05A/B	

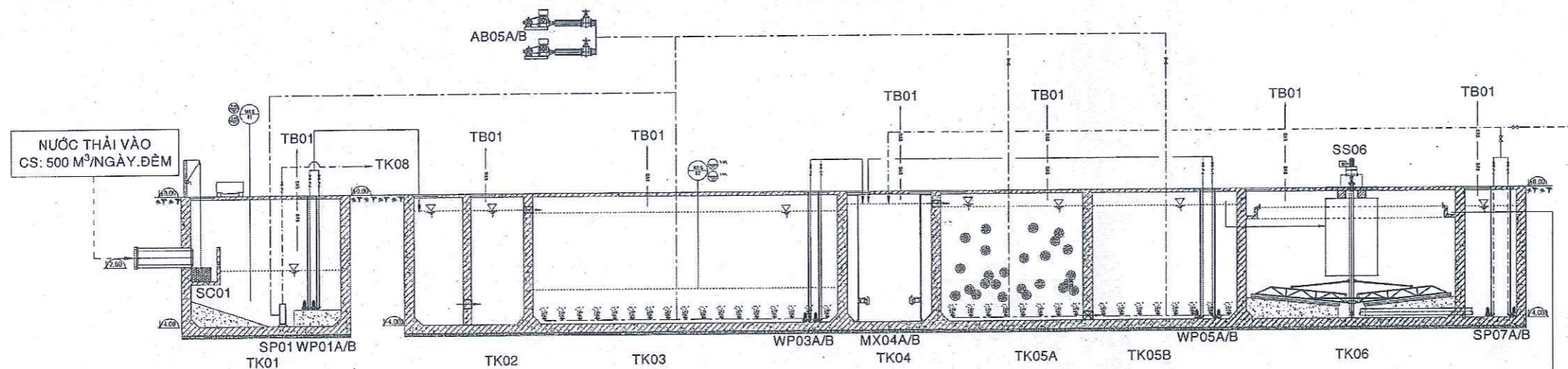
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ... tháng ... năm ... 2016		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ

TP. HCM - THÁNG 8 NĂM 2016

PHU  
TR

NGƯỜI LẬP: Ngô Quang Phước  
ĐƠN VỊ THI CÔNG: Hoàng Bình Bà Dương

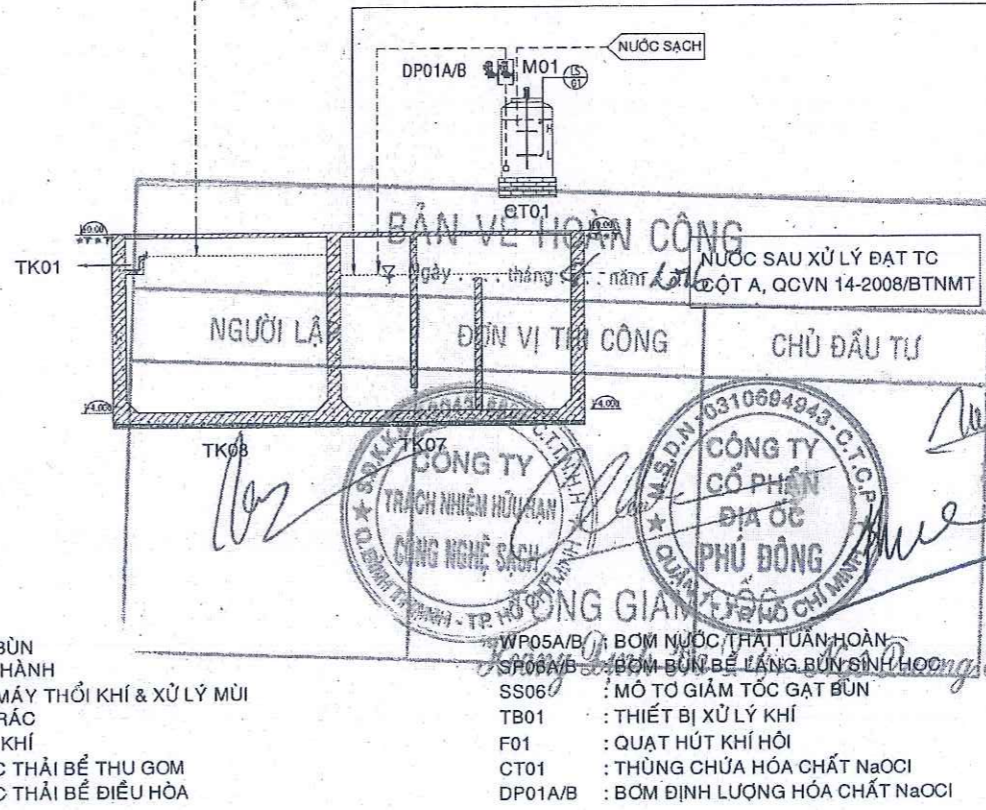
# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT KHU KHU DÂN CƯ ĐÔNG Á CÔNG SUẤT: 500 M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐÊM



**GHI CHÚ:**

- TẤT CẢ CÁC THIẾT BỊ ĐƯỢC ĐẶT HOÀN TOÀN TRONG NHÀ
- CÁC THIẾT BỊ GÂY ỒN SẼ ĐƯỢC CÁCH ÂM
- HỆ THỐNG XỬ LÝ MÙI KHÉP KÍN

————— ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC  
 - - - - - ĐƯỜNG ỐNG KHÍ  
 - - - - - ĐƯỜNG ỐNG BÙN  
 - - - - - ĐƯỜNG ỐNG HÓA CHẤT



**CHÚ THÍCH:**

- TK01 : BỂ THU GOM
- TK02 : BỂ TÁCH DẦU
- TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK04 : BỂ ANOXIC
- TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
- TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG

- TK08 : BỂ CHỨA Bùn
- H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
- H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
- SC01 : RỔ TÁCH RÁC
- AB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
- WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
- WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA

- WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
- SP07A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
- TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
- F01 : QUẠT HÚT KHÍ HỜI
- CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
- DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**

ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM

ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

---

TRIỆU MINH PHƯƠNG

MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

---

ARCH/ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG

SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH  
PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944858

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

---

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG

PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

---

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN

DESIGN/ THIẾT KẾ

---

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN

CHECK BY/ KIỂM TRA

---

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT

PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**

THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SECTION/ HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TITLE/ TÊN BẢN VẼ

**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ**

---

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NOI/STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ NỘI DUNG

---

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

AS BUILT DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY: 08/ 2016

DWG. NO: PD\_DA\_ME P-01  
BẢN VẼ SỐ

NG  
 PH  
 A  
 ỐC  
 ĐÔNG  
 HỒ S

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT

PROJECT/ CÔNG TRÌNH  
**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HANG MỤC

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG THIẾT BỊ**

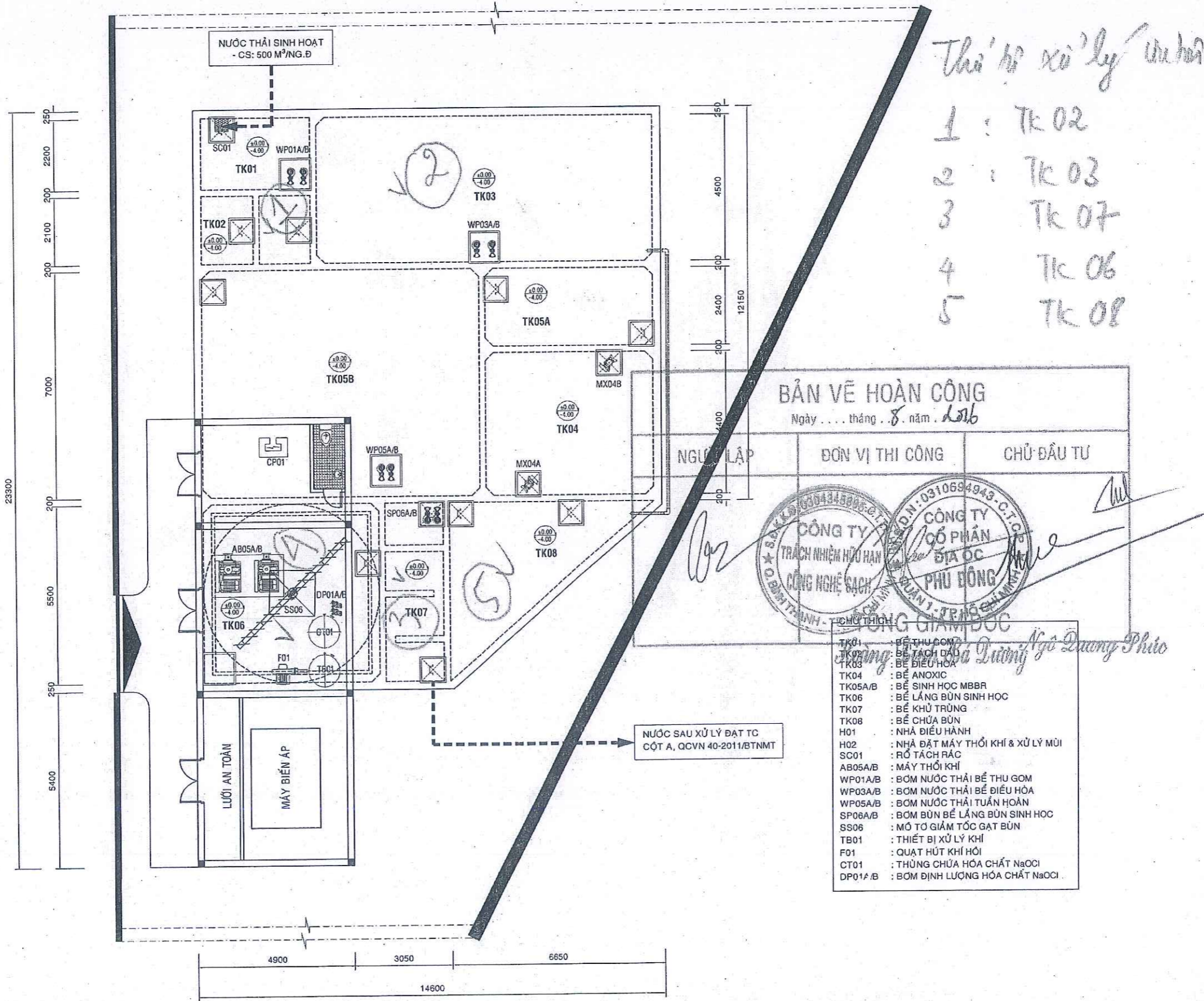
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH  
 NO/ STT DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

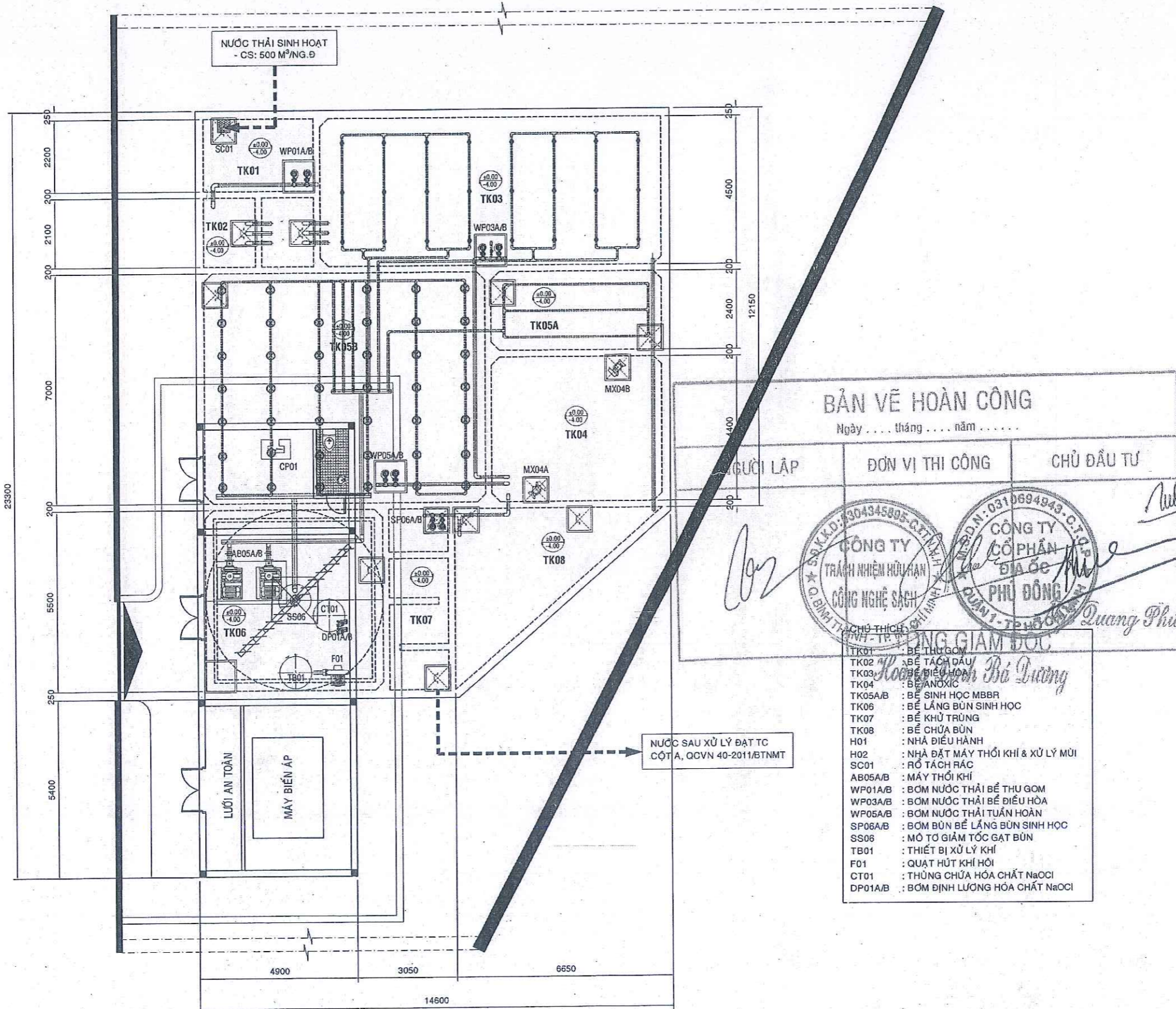
AS BUILT DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO PD\_DA\_ME\_P-02  
 BẢN VẼ SỐ



13-C.T.C  
 TRIỆU MINH PHƯƠNG



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
-----------	-----------------	------------

- CHỦ THỰC HIỆN THI CÔNG**
- TK01 : BỂ THU GOM
  - TK02 : BỂ TÁCH DẦU
  - TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
  - TK04 : BỂ ANOXIC
  - TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
  - TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
  - TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
  - TK08 : BỂ CHỨA Bùn
  - H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
  - H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
  - SC01 : RỔ TÁCH RÁC
  - AB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
  - WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
  - WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
  - WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
  - SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
  - SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
  - TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
  - F01 : QUẠT HÚT KHÍ HỜI
  - CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
  - DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THÀNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.afinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH/ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THÀNH  
 PHONE: (84) 9 62945723 FAX: (84) 9 62944569

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ ĐĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HÀNG MỤC

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG**

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NO/ STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

AS BUILT DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO  
 BẢN VẼ SỐ PD\_DA\_ME\_P-03

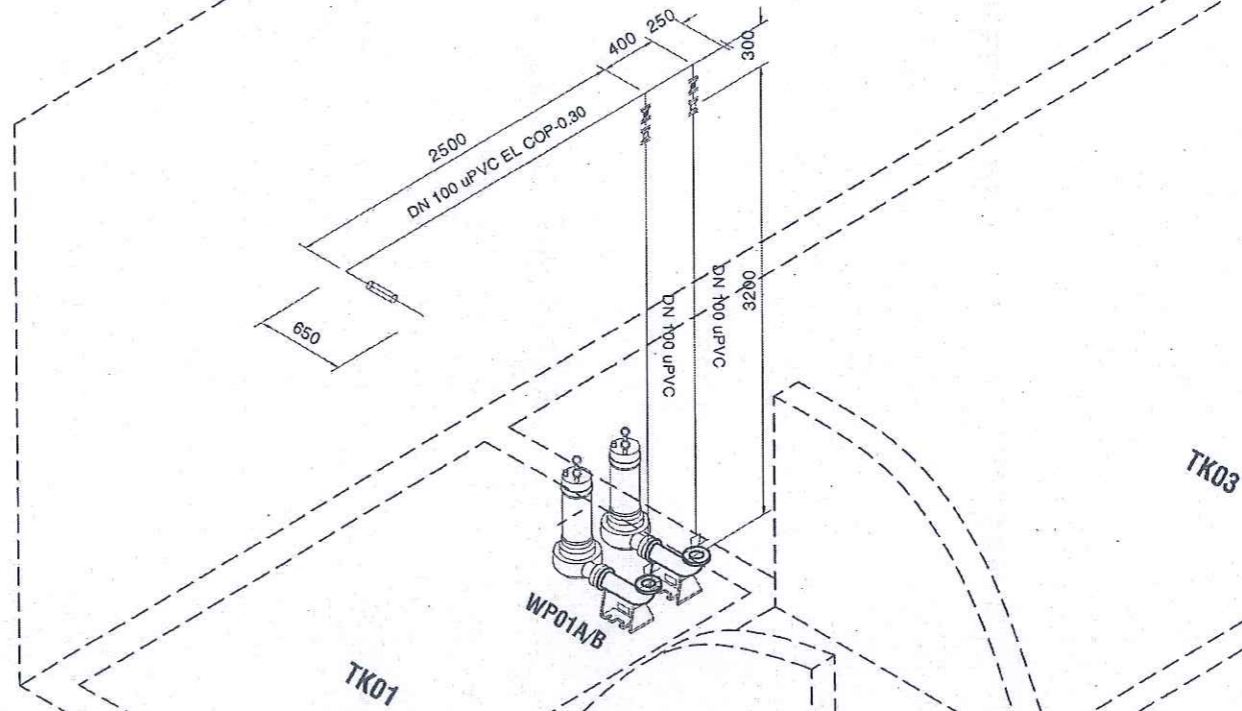


**CHÚ THÍCH :**

- TK01 : BỂ THU GOM
- TK02 : BỂ TÁCH DẦU
- TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK04 : BỂ ANOXIC
- TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
- TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
- TK08 : BỂ CHỨA Bùn
- H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
- H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
- SC01 : RỔ TÁCH RÁC
- AB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
- WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
- WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
- SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
- TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
- F01 : QUẠT HÚT KHÍ HÔI
- CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
- DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl

**GHI CHÚ :**

- : VAN BÍ
- : VAN BƯỚM
- : VAN MỘT CHIỀU
- : KHỚP NỐI NHANH
- : MẶT BÍCH
- : KHỚP NỐI GIẢM
- : REN TRONG
- : REN NGOÀI
- : NÚT BÍT
- : ỚNG QUA TƯỜNG



<b>BẢN VẼ HOÀN CÔNG</b>		
Ngày... tháng... năm 2016		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Hoàng Định Bá Dương*  
*Ngô Dương Phúc*

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THÀNH, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0305  
www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THÀNH  
PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT

PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN  
NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SECTION/ HANG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TITLE/ TÊN BẢN VẼ

KHÔNG GIAN ỚNG  
TỪ WP01A/B -> TK02

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NOI STT/ DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

AS BUILT DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO PD\_DA\_ME\_P-04  
BẢN VẼ SỐ

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN  
 ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6281 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN  
 NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
 KHÔNG GIAN ỐNG  
 TỪ TK02 -> TK03

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NO/ STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

AS BUILT DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2018

DWG. NO PD\_DA\_ME\_P-05

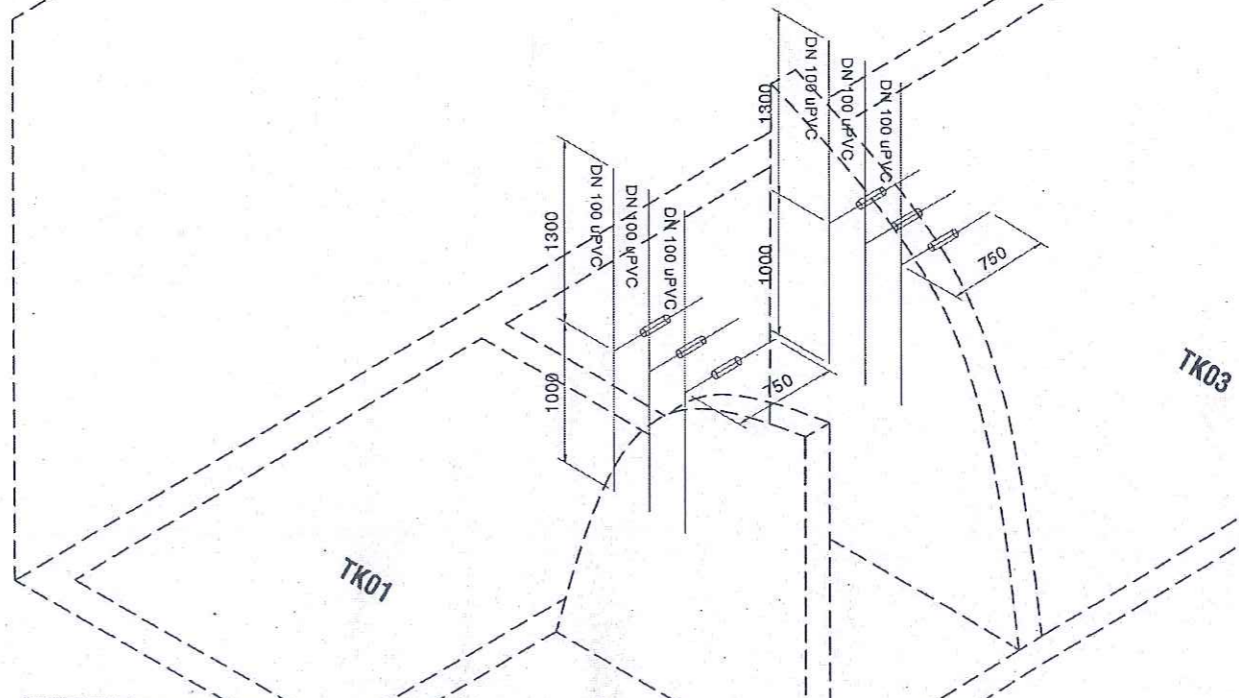
BẢN VẼ SỐ

**CHÚ THÍCH:**

- TK01 : BỂ THU GOM
- TK02 : BỂ TÁCH DẦU
- TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK04 : BỂ ANOXIC
- TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
- TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
- TK08 : BỂ CHỨA Bùn
- H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
- H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
- SC01 : RỎ TÁCH RÁC
- AB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
- WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
- WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
- SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
- TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
- F01 : QUẠT HÚT KHÍ HỜI
- CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
- DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl

**GHI CHÚ:**

- : VAN BÍ
- : VAN BƯỚM
- : VAN MỘT CHIỀU
- : KHỚP NỐI NHANH
- : MẶT BÍCH
- : KHỚP NỐI GIẢM
- : REN TRONG
- : REN NGOÀI
- : NÚT BỊT
- : ỒNG QUA TƯỜNG



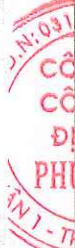
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm ... 2018

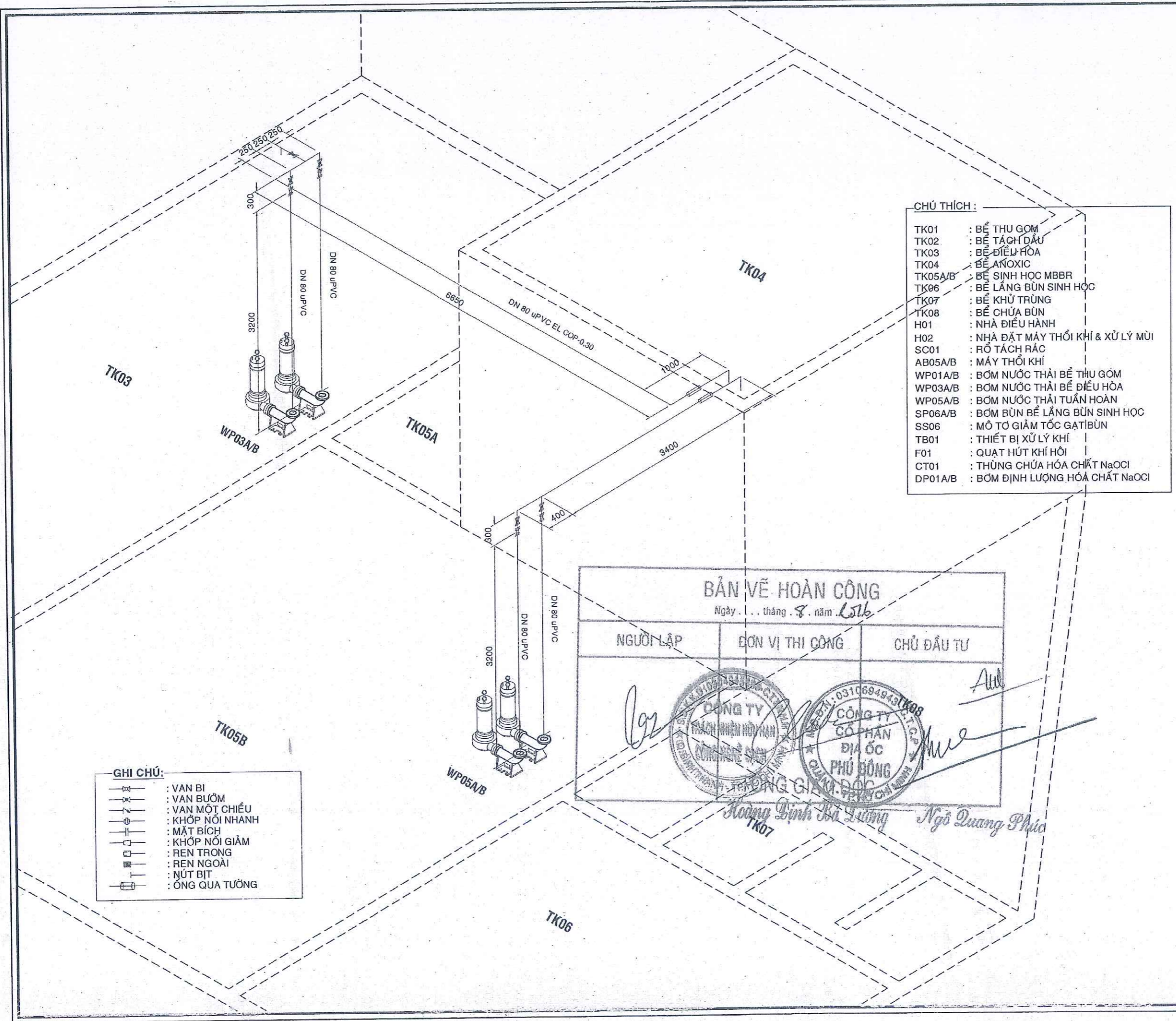
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**

Hoàng Đình Bá

Ngô Quang Pháo





PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ĐC: 234 NGÕ TẮT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THÀNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THÀNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866  
 DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

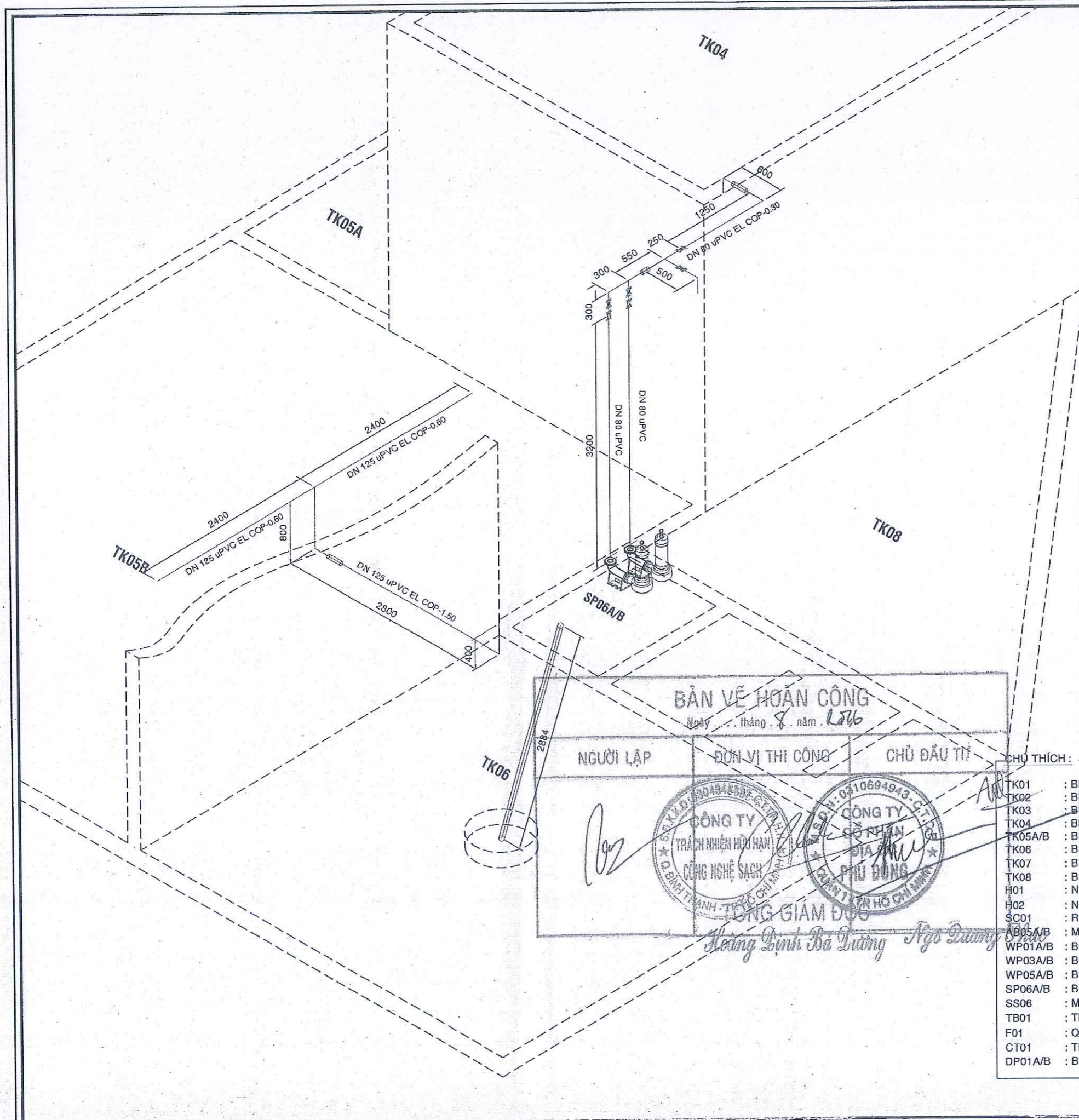
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HÀNG MỤC

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
 KHÔNG GIAN ÔNG  
 TỪ WP03A/B -> TK04  
 TỪ WP05A/B -> TK04  
 REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
 AS BUILT DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
 DATE/ NGÀY 08/ 2016  
 DWG. NO PD\_DA\_ME\_P-06  
 BẢN VẼ SỐ

369494  
 NG TY  
 PHÂN  
 A ỐC  
 ĐÔNG  
 HỒ C



- GHI CHÚ:**
- |—|— : VAN BÌ
  - |—|— : VAN BƯỚM
  - |—|— : VAN MỘT CHIỀU
  - |—|— : KHỚP NỐI NHANH
  - |—|— : MẮT BÍCH
  - |—|— : KHỚP NỐI GIẢM
  - |—|— : REN TRONG
  - |—|— : REN NGOÀI
  - |—|— : NÚT BÍT
  - |—|— : ỒNG QUA TƯỜNG

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm ...  
 NGƯỜI LẬP: [Signature]  
 ĐƠN VỊ THI CÔNG: [Signature]  
 CHỦ ĐẦU TƯ: [Signature]  
 CHỦ THÍCH: [Signature]

**CÔNG TY CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 QUẬN TÂY HỒ CHI MINH

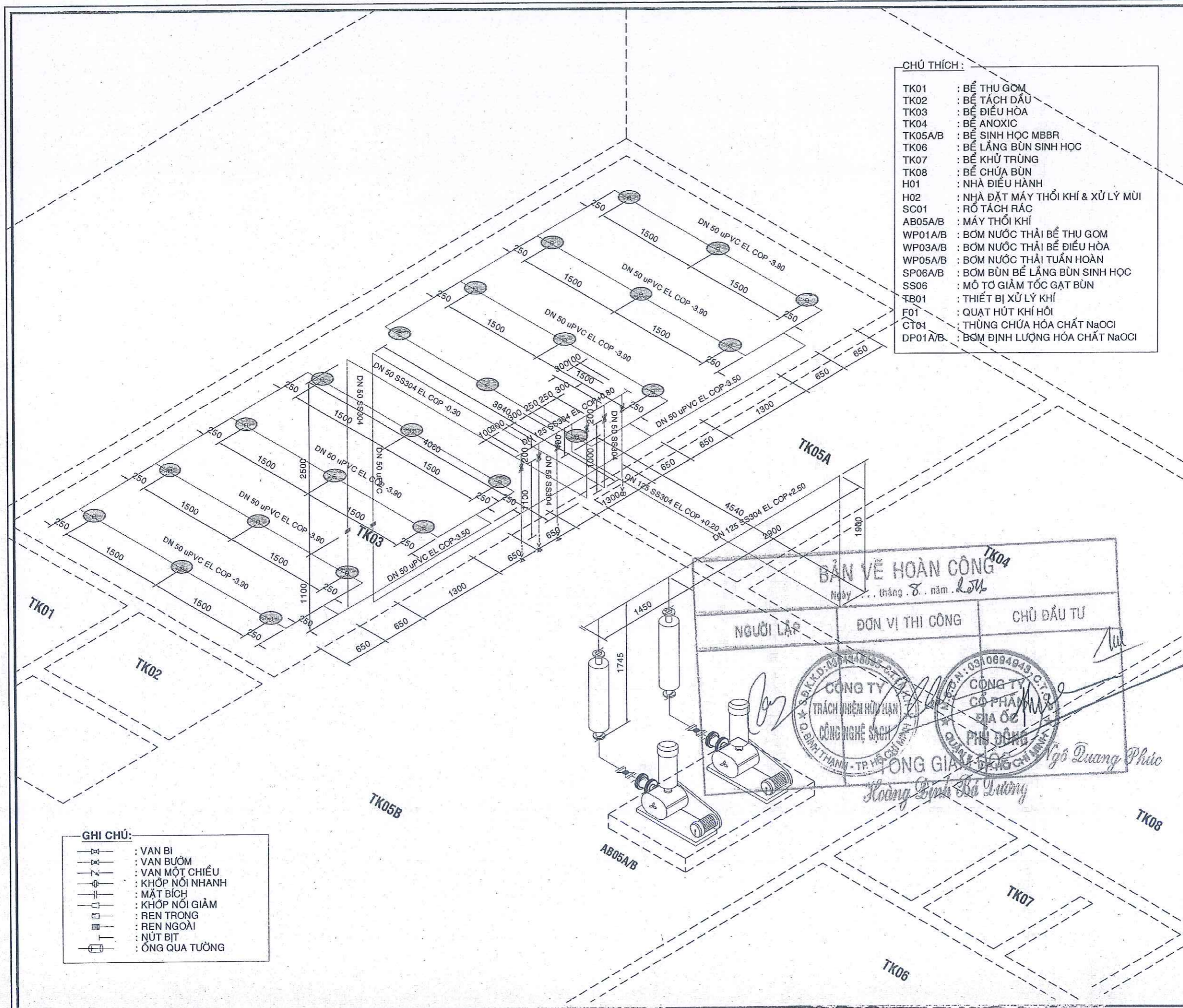
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 QUẬN TÂY HỒ CHI MINH

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
 Hoàng Bình Ba Lương Ngô Dương

- TK01 : BỂ THU GOM
- TK02 : BỂ TÁCH DẦU
- TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK04 : BỂ ANOXIC
- TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
- TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
- TK08 : BỂ CHỨA Bùn
- H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
- H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
- SC01 : RỔ TÁCH RÁC
- MB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
- WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
- WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
- SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
- TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
- F01 : QUẠT HÚT KHÍ HỒI
- CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCI
- DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCI

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG</b>	
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG	
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
ĐC: 234 NGÕ TẤT TỬ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306	
www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG	
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
<b>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH</b>	
ĐỊA CHỈ: 135/17/41 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH	
PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN	
DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN	
CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT	
PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b>	
THỊ XÃ DI AN	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
SECTION/ HANG MỤC	
<b>HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>	
TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
KHÔNG GIAN ỒNG TỪ SP06A/B -> TK04	
TỪ TK05 -> TK06	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT	DATE/ NGÀY AMENDMENT/ NỘI DUNG
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
AS BUILT DOCUMENTATION	
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY	08/ 2016
DWG. NO	PD_DA_ME_P-07
BẢN VẼ SỐ	





- CHÚ THÍCH:**
- TK01 : BỂ THU GOM
  - TK02 : BỂ TÁCH DẦU
  - TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
  - TK04 : BỂ ANOXIC
  - TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
  - TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
  - TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
  - TK08 : BỂ CHỨA Bùn
  - H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
  - H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
  - SC01 : RỔ TÁCH RÁC
  - AB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
  - WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
  - WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
  - WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
  - SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
  - SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
  - TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
  - F01 : QUẠT HÚT KHÍ HỒI
  - CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
  - DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl

- GHI CHÚ:**
- : VAN BÍ
  - : VAN BƯỚM
  - : VAN MỘT CHIỀU
  - : KHỚP NỐI NHANH
  - : MẮT BÍCH
  - : KHỚP NỐI GIẢM
  - : REN TRONG
  - : REN NGOÀI
  - : NÚT BÍT
  - : ỚNG QUA TƯỜNG


PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944885  
 DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HÀNG MỤC

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

KHÔNG GIAN ỚNG  
 TỪ AB05A/B -> TK02

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH  
 NO/ STT/ DATE/ NGÀY/ AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ


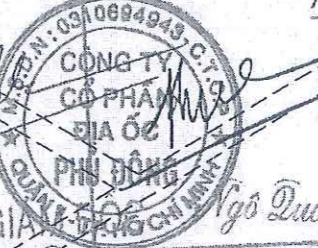
AS BUILT DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016  
 DWG. NO. PD\_DA\_ME\_P-08  
 BẢN VẼ SỐ

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm ...

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
-----------	-----------------	------------

Hoàng Đình Bá Dương  
 Ngô Dương Phúc

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6281 6999 / FAX: (84-8) 6281 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62948665

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HANG MỤC

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

KHÔNG GIAN ÔNG TỬ AB05A/B -> TK05A/B

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NOI/STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

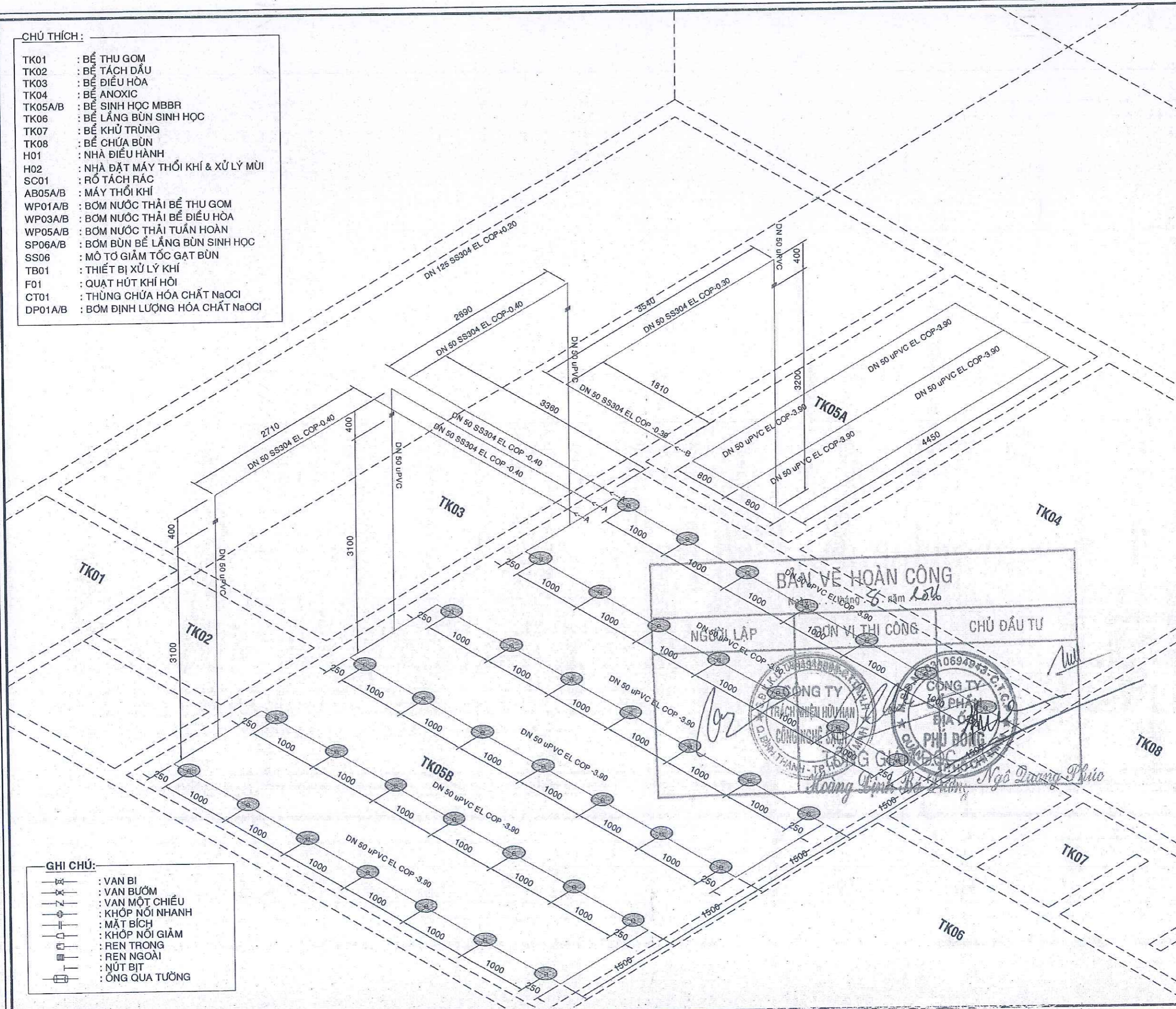
AS BUILT DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO BÀN VẼ SỐ PD\_DA\_ME\_P-09

- CHÚ THÍCH:**
- TK01 : BỂ THU GOM
  - TK02 : BỂ TÁCH DẦU
  - TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
  - TK04 : BỂ ANOXIC
  - TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
  - TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
  - TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
  - TK08 : BỂ CHỨA Bùn
  - H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
  - H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
  - SC01 : RỔ TÁCH RÁC
  - AB05A/B : MÁY THỔI KHÍ
  - WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
  - WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
  - WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
  - SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
  - SS06 : MÔ TƠ GIẢM TỐC GẠT Bùn
  - TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
  - F01 : QUẠT HÚT KHÍ HỒI
  - CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
  - DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl

- GHI CHÚ:**
- : VAN BI
  - : VAN BƯỚM
  - : VAN MỘT CHIỀU
  - : KHỚP NỐI NHANH
  - : MẮT BÍCH
  - : KHỚP NỐI GIẢM
  - : REN TRONG
  - : REN NGOÀI
  - : NÚT BỊT
  - : ỒNG QUA TƯỜNG



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 NGUYỄN VĂN LẬP  
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH  
 CHỦ ĐẦU TƯ  
 NGUYỄN VĂN LẬP  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
 HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG  
 NGUYỄN QUỐC VIỆT



# CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

-----000-----

## HỒ SƠ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

(PHẦN ĐIỆN)

BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
Ngày ... tháng . 8 năm 2016		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ

TỔNG GIÁM ĐỐC Ngô Quang Phúc  
Hoàng Đình Bá Dương

TP. HỒ CHÍ MINH, 2016

PHU  
DI  
CÔ  
CÔ  
N.0310



# CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH


PHONE : (84) 8 62945723

FAX: (84) 8 62944866

## DANH MỤC BẢN VẼ

TRANG: 1/1

STT	KÝ HIỆU BẢN VẼ	TÊN BẢN VẼ	SỐ LƯỢNG
01	PD_DA_ME_E-01	BỐ TRÍ THIẾT BỊ TRONG TỦ ĐIỆN	
02	PD_DA_ME_E-02	SƠ ĐỒ ĐƠN TUYẾN	
03	PD_DA_ME_E-03	SƠ ĐỒ CẤP NGUỒN 3 PHA	
04	PD_DA_ME_E-04	SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC 1	
05	PD_DA_ME_E-05	SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC 2	
06	PD_DA_ME_E-06	SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC 3	
07	PD_DA_ME_E-07	SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN 1	
08	PD_DA_ME_E-08	SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN 2	
09	PD_DA_ME_E-09	SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN 3	
10	PD_DA_ME_E-10	SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN 4	
11	PD_DA_ME_E-11	SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN 5	
12	PD_DA_ME_E-12	MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN	
13	PD_DA_ME_E-13	MẶT BẰNG ỐNG CHỜ ĐIỆN	

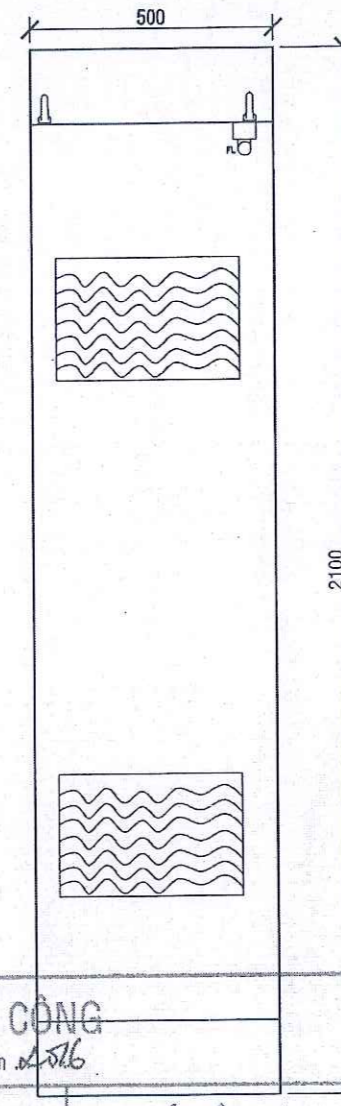
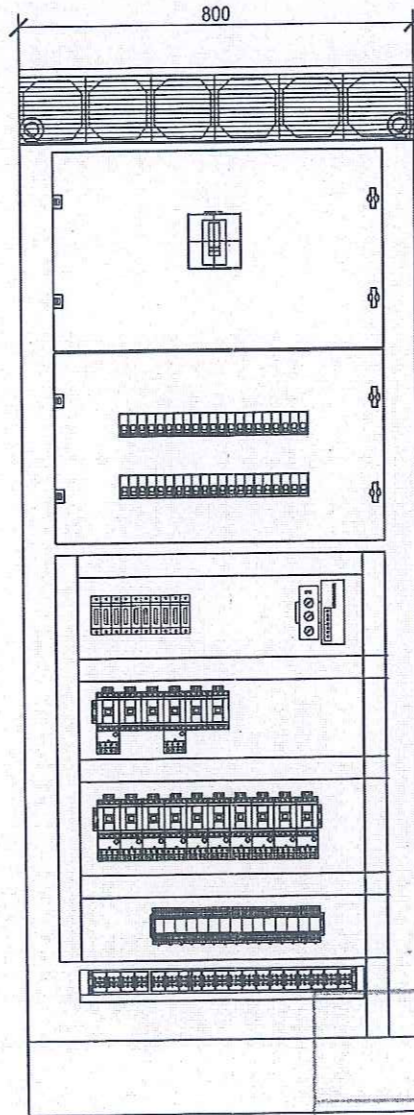
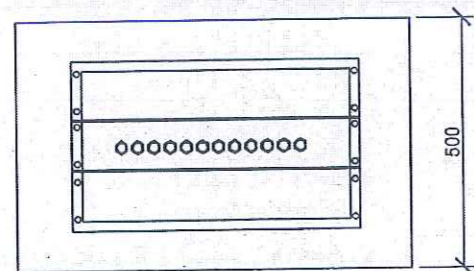
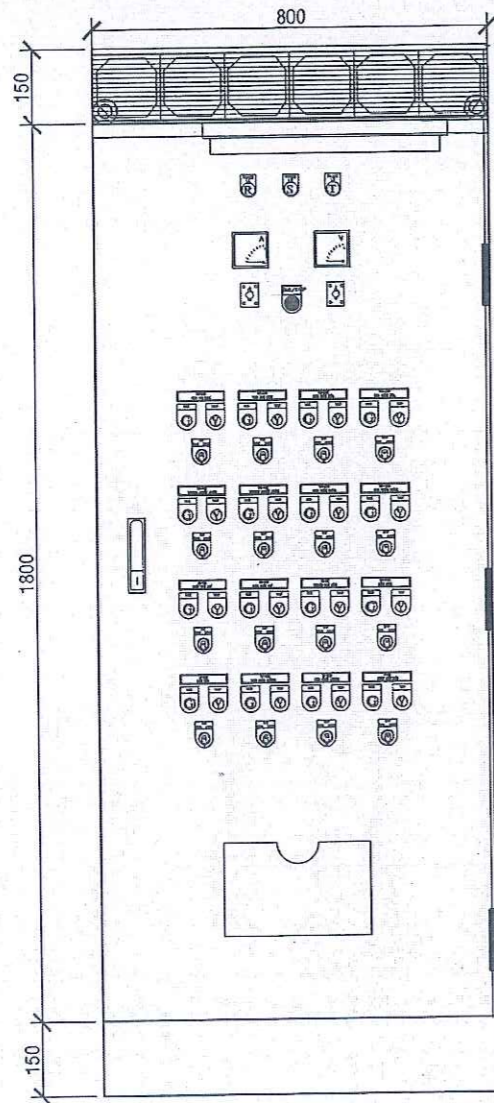
BẢN VẼ HOÀN CÔNG		
ngày ... tháng ... năm 2016		
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
		
		
		

TP. HCM - THÁNG 08 NĂM 2016



**GHI CHÚ:**

- TỦ ĐIỆN LOẠI TRONG NHÀ (IP40)
- VỎ TỦ ĐIỆN : + PHẦN THÂN CHÍNH: 1.5mm
  - + CỬA : 1.5mm
  - + TẤM ĐẬY : 1.5mm
- VẬT LIỆU : THÉP TẮM TRẮNG KÉM
- MÀU TỦ : MÀU TIÊU CHUẨN (RAL7035)
- VỎ TỦ ĐƯỢC SƠN TÍNH ĐIỆN
- ĐỂ SƠN TÍNH ĐIỆN MÀU ĐEN



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày . . . . . tháng . 8 . năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
  Hoàng Linh Ba	  Ngô Quang Phúc	 ...

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG</b>	
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG	
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
 ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306 www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG	
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG	
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN	
DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN	
CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT	
PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b>	
THỊ XÃ DĨ AN	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
SECTION/ HÀNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
<b>BỐ TRÍ THIẾT BỊ TỦ ĐIỆN</b>	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NOI/ STT/ DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG	
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION	
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY 08/ 2016	
DWG. NO	
BẢN VẼ SỐ <b>PD_DA_ME E-01</b>	

14

C.T.C.P  
TRIỆU MINH PHƯƠNG

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 DC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



DC: 234 NGÕ TẮT TỎ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DI AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HANG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ ĐƠN TUYẾN

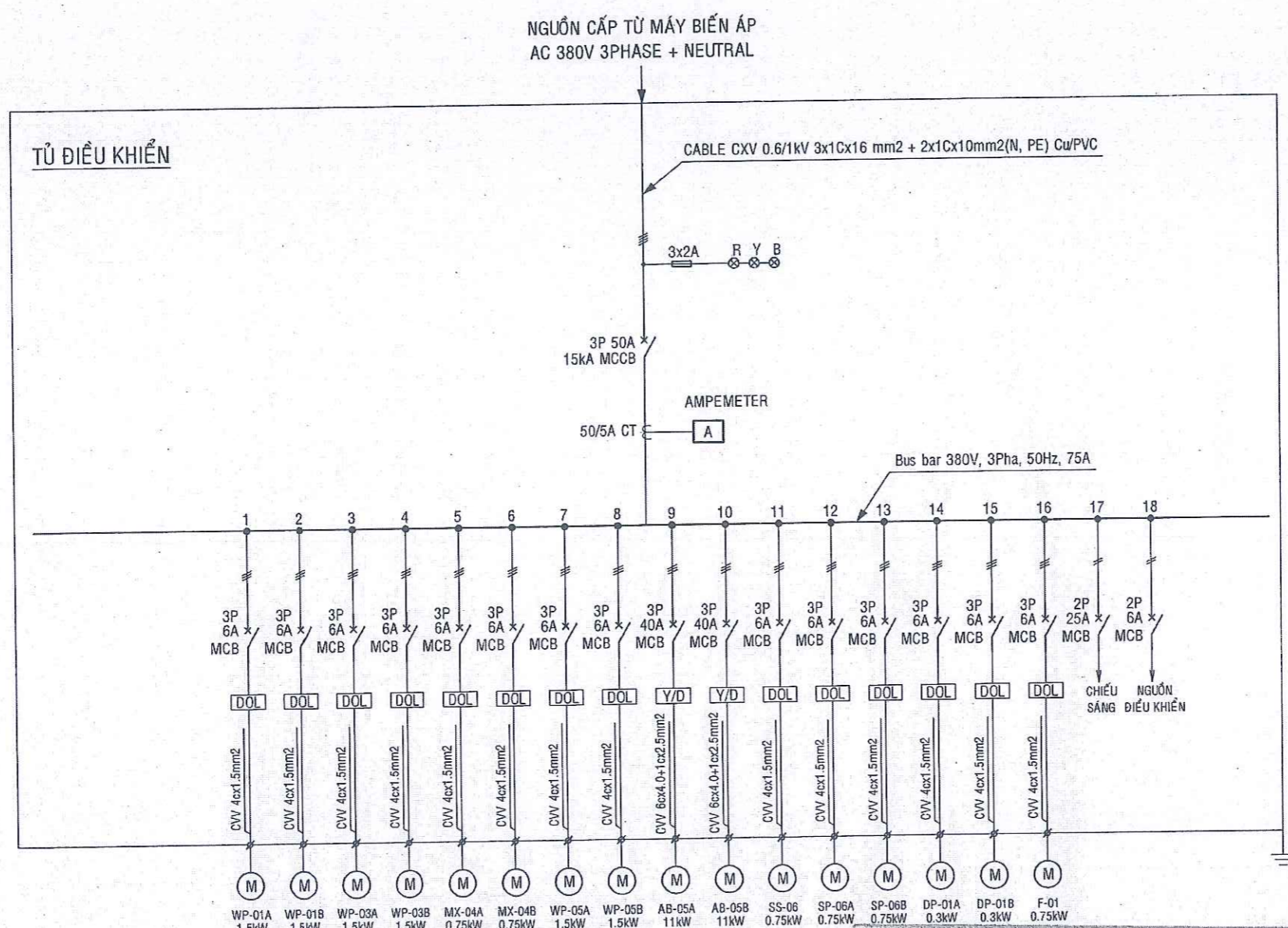
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH  
 NƠI/ STT DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO PD\_DA\_ME\_E-02  
 BẢN VẼ SỐ



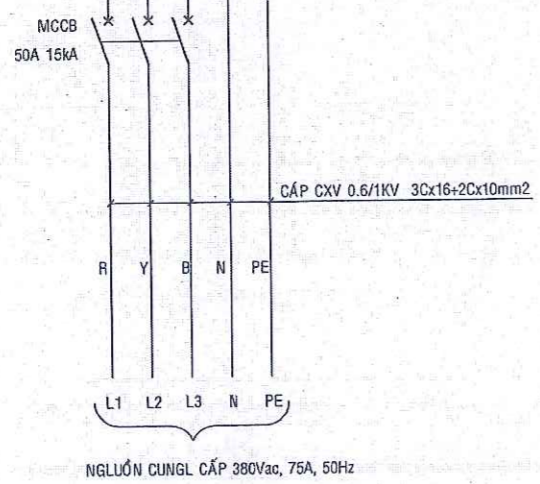
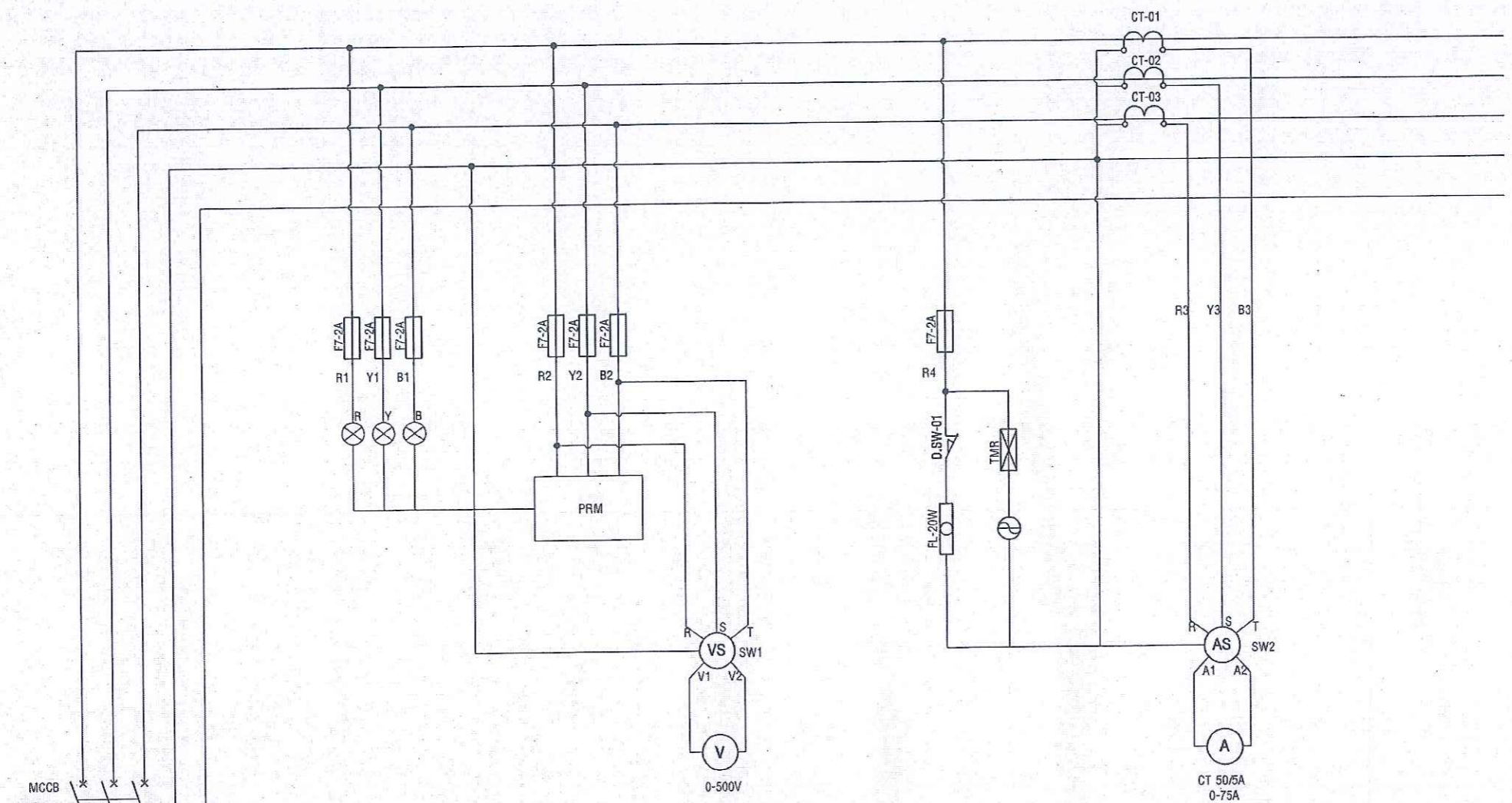
- CHÚ THÍCH:
- R ĐÈN BẢO PHA L1
  - Y ĐÈN BẢO PHA L2
  - B ĐÈN BẢO PHA L3
  - Ø ĐỒM NỐ ĐẦU DÂY
  - MCB CẦU ĐẠO BẢO VỆ MOTOR
  - DOL BỘ KHởi ĐỘNG TỬ
  - 3x2A Cầu chì
  - CT ε Cảm biến đo dòng

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng 8 năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

Stamp: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CÔNG NGHỆ SẠCH  
 Stamp: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG

TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Hoàng Định Bá Dương*  
*Ngô Quang Phúc*



- CHÚ THÍCH:**
- ĐÈN BÁO PHA L1
  - ĐÈN BÁO PHA L2
  - ĐÈN BÁO PHA L3
  - ĐÔMINÔ ĐẦU DÂY

- ĐÈN NEON TỬ ĐIỆN
- MCB CẦU DAO BẢO VỆ MOTOR
- CẢM BIẾN NHIỆT ĐỘ

**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

TH. ROLE NHIỆT BẢO VỆ QUÁ TẢI

Ngày ... tháng ... năm ...

PMR BỘ BẢO VỆ MẮT PHA NGƯỜI LẬP	QUẠT HÚT TỬ ĐIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
------------------------------------	-------------------------------------	------------

*Hoàng Định Bá Dương*      *Ngô Quang Phúc*

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTKM, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THÀNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0305  
 www.alinco.com.vn  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THÀNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944855  
 DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

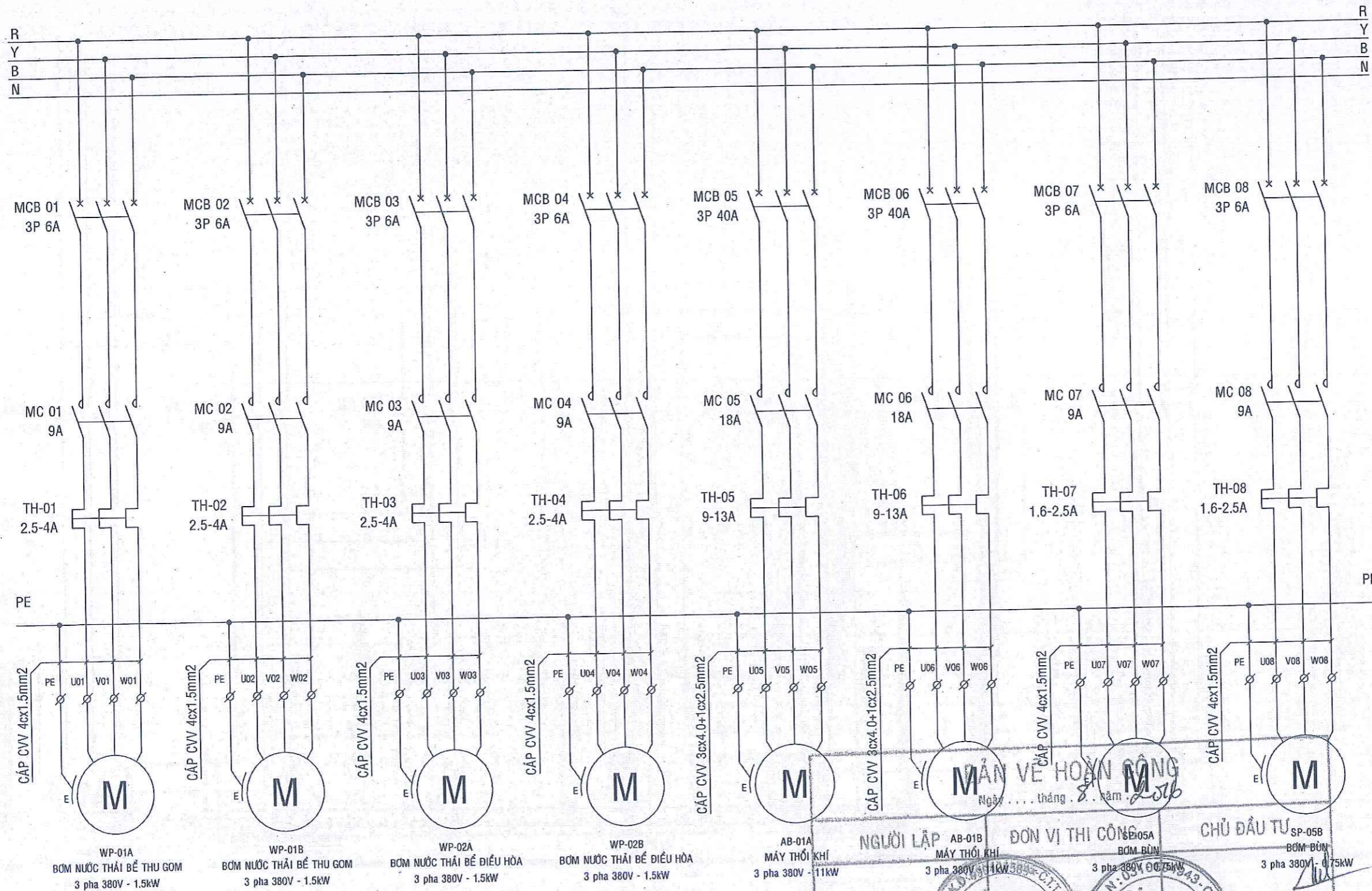
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH



**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DĨ AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HÀNG MỤC  
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ  
 SƠ ĐỒ CẤP NGUỒN 3 PHA



REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NO/ STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ NỘI DUNG

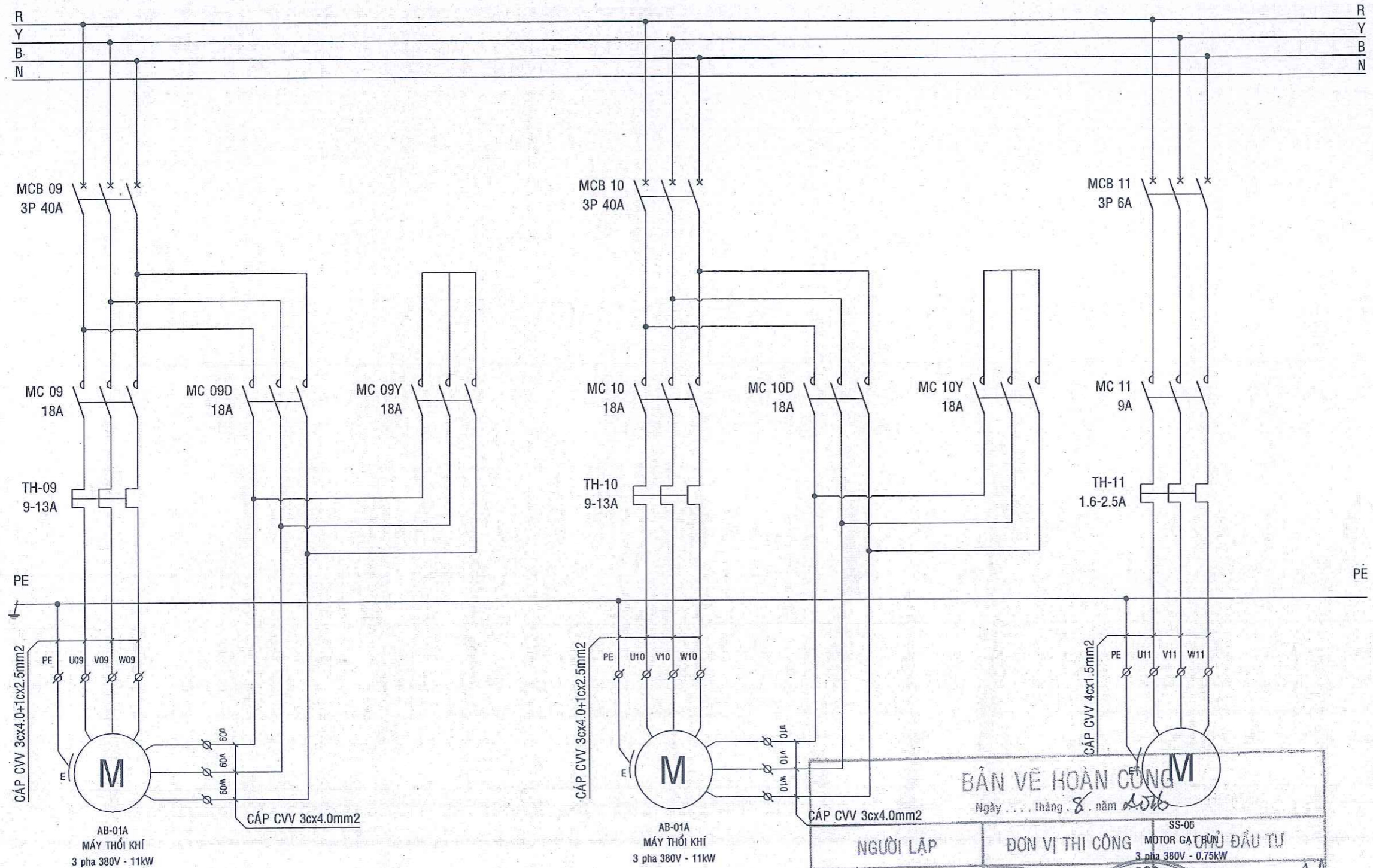
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
 CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG  
 DATE/ NGÀY: 08/ 2016  
 DWG. NO: PD\_DA\_ME\_E-03  
 BẢN VẼ SỐ



PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG</b>	
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG	
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
	
ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306	
www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG	
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
	
<b>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH</b>	
ĐIỂM CHỖ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH	
PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944856	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐỊNH BÀ DƯƠNG	
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN	
DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN	
CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT	
PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b>	
THỊ XÃ DĨ AN	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
SECTION/ HANG MỤC	
<b>HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b>	
TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
<b>SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC 1</b>	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT/ DATE/ NGÀY/ AMENDMENTS/ NỘI DUNG	
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION	
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY	08/ 2016
DWG. NO	PD_DA_ME_E-04
BẢN VẼ SỐ	

NGƯỜI LẬP AB-01A ĐƠN VỊ THI CÔNG SP-05A CHỦ ĐẦU TƯ  
 MÁY THỔI KHÍ MÁY THỔI KHÍ BOM BÙN BOM BÙN  
 3 pha 380V - 11kW 3 pha 380V - 11kW 3 pha 380V - 0.75kW 3 pha 380V - 0.75kW  


 Ngô Quang Phước  
 Hoàng Định Bà Dương

M.S.D.M: 09  
 C  
 C  
 PH  
 QUẬN 1



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm ...

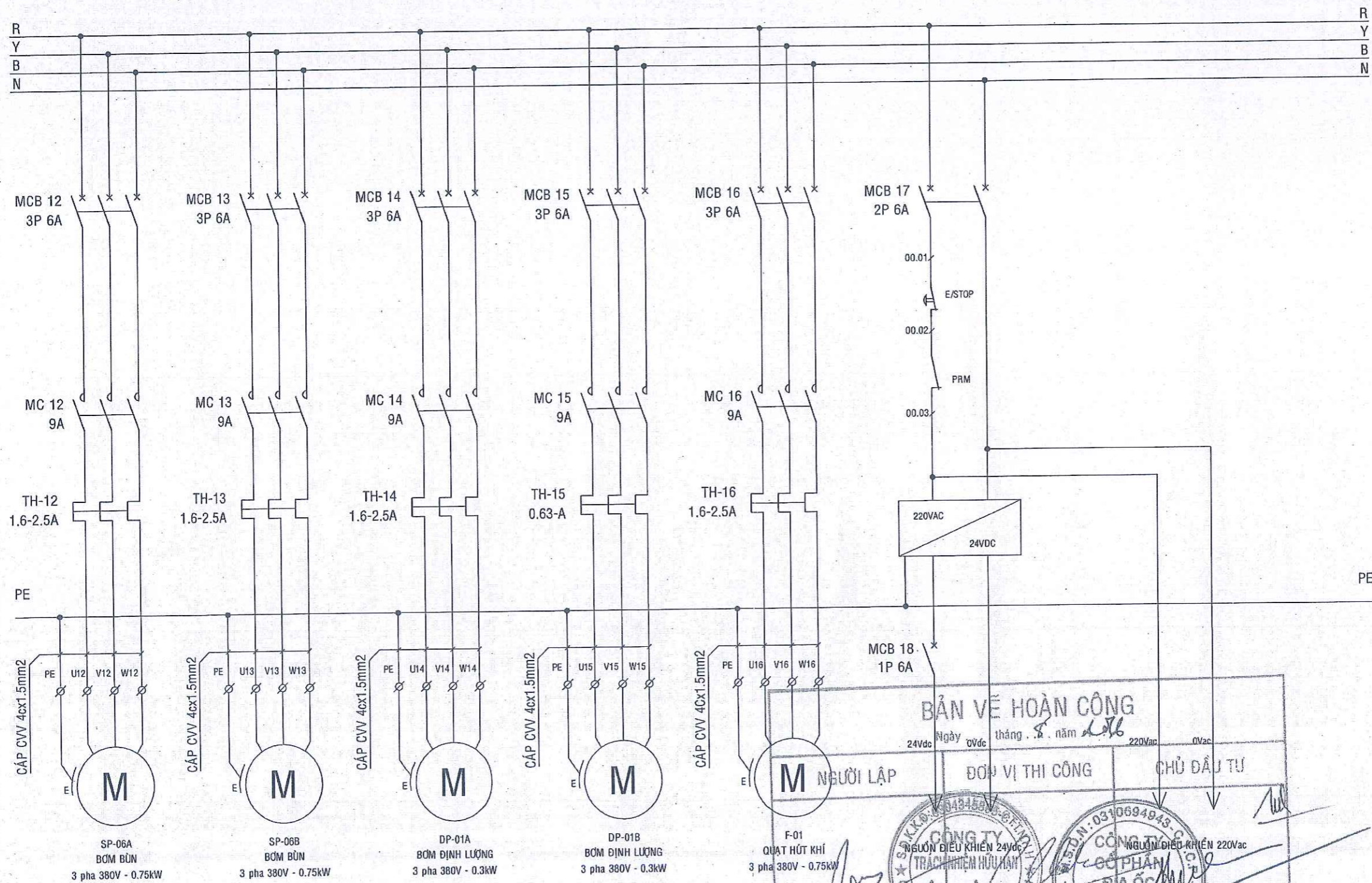
NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>

SS-06  
MOTOR GAT ĐẦU TƯ  
3 pha 380V - 0.75kW

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
 QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH  
*Hoàng Đình Bá Dương*      *Ngô Quang Phúc*

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG</b> ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
 ĐC: 234 NGÕ TẮT TỎ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306 www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH PHONE: (84) 8 62945723      FAX: (84) 8 62944865	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐỊNH BÀ DƯƠNG PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b> THỊ XÃ DI AN TỈNH BÌNH DƯƠNG SECTION/ HÀNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC 2	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT	DATE/ NGÀY/ AMENDMENTS/ NỘI DUNG
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY      08/ 2016	
DWG. NO      PD_DÀ_ME_E-05	
BẢN VẼ SỐ	

10694  
 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
 TP. HỒ CHÍ MINH



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**

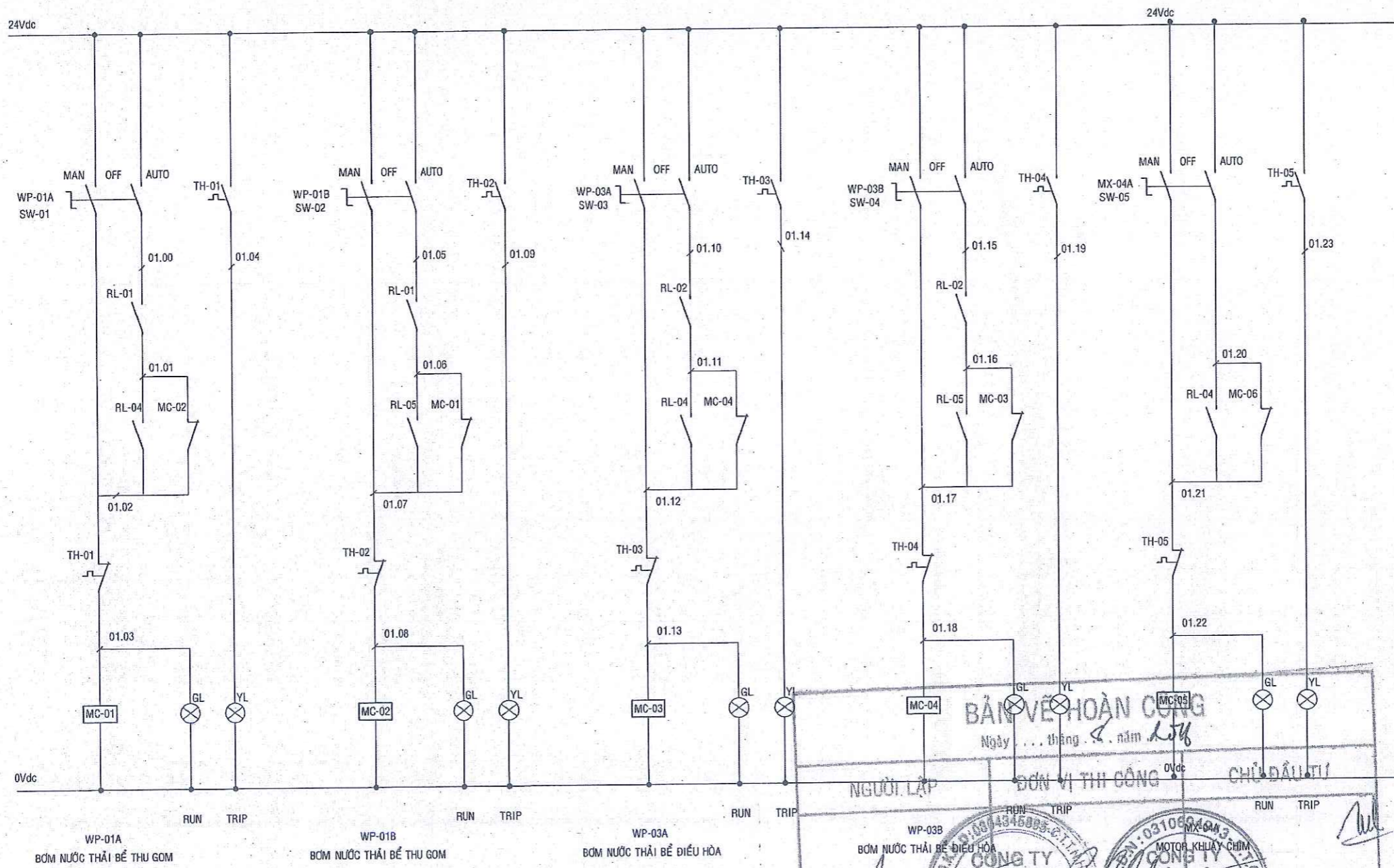
Ngày tháng năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
 HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG T.Đ. 0310694943-0	 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH Đ.Đ. 0310694943-0	 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG Đ.Đ. 0310694943-0

NGUỒN ĐIỀU KHIỂN 24Vdc  
NGUỒN ĐIỀU KHIỂN 220Vac

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG</b>	
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG	
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
 ĐC: 234 NGÕ TẮT TỎ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306 www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG	
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
 CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH Đ.Đ. 0310694943-0 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG	
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN	
DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN	
CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT	
PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b>	
THỊ XÃ DĨ AN	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
SECTION/ HÀNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
<b>SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC 3</b>	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT/ DATE/ NGÀY/ AMENDMENTS/ NỘI DUNG	
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION	
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY	
08/ 2016	
DWG. NO	
BẢN VẼ SỐ PD ĐA ME E-06	

13-C  
 T.Y  
 AN  
 NG  
 CHỈ M





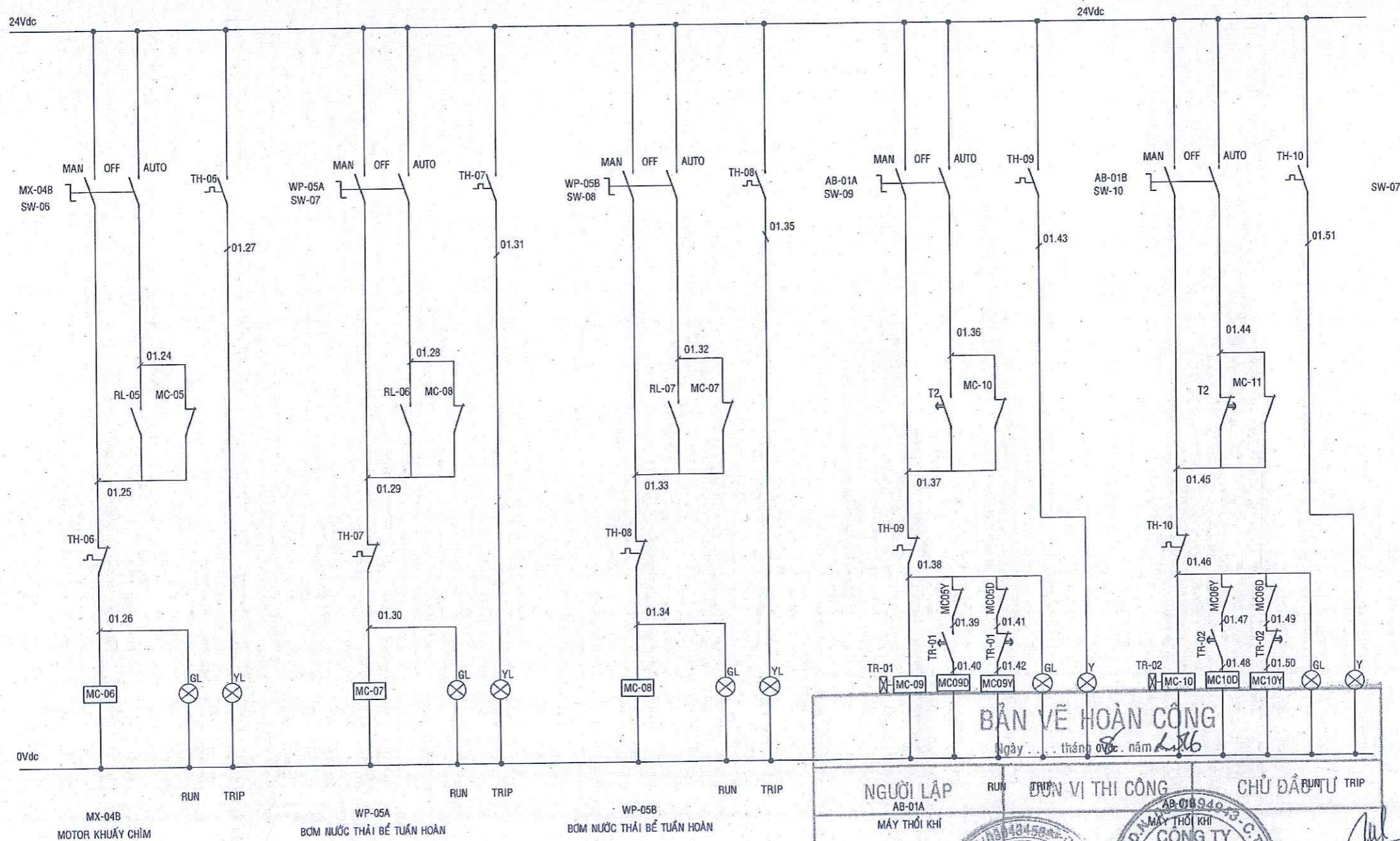
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm 2016

NGƯỜI LẬP: *[Signature]* ĐƠN VỊ THI CÔNG: *[Signature]* CHỦ ĐẦU TƯ: *[Signature]*

CÔNG TY CÔNG NGHỆ SẠCH PHÚ ĐÔNG  
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
 CÔNG NGHỆ SẠCH PHÚ ĐÔNG  
 QUẬN BÌNH THẠNH - TP. HCM

*Hoàng Đình Bá Dương*  
*Ngô Dương Phúc*

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ <b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG</b> ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM ĐT: (84-8) 6261 8999 / FAX: (84-8) 6261 3999 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
 ĐC: 234 NGŨ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306 www.alinco.com.vn GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
 <b>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH</b> ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944868 DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b> THỊ XÃ DI AN TỈNH BÌNH DƯƠNG SECTION/ HẠNG MỤC	
<b>HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI</b> TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
<b>SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 1</b>	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT/ DATE/ NGÀY/ AMENDMENTS/ NỘI DUNG	
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY 08/ 2016	
DWG. NO BẢN VẼ SỐ PD_DA_ME_E-07	



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
 Ngày ... tháng ... năm 2016

NGƯỜI LẬP AB-01A MÁY THỔI KHÍ	ĐƠN VỊ THI CÔNG AB-01A 94043-C.T.C.P MÁY THỔI KHÍ	CHỦ ĐẦU TƯ TRIP

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 ĐIA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944066

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DI AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HANG MỤC

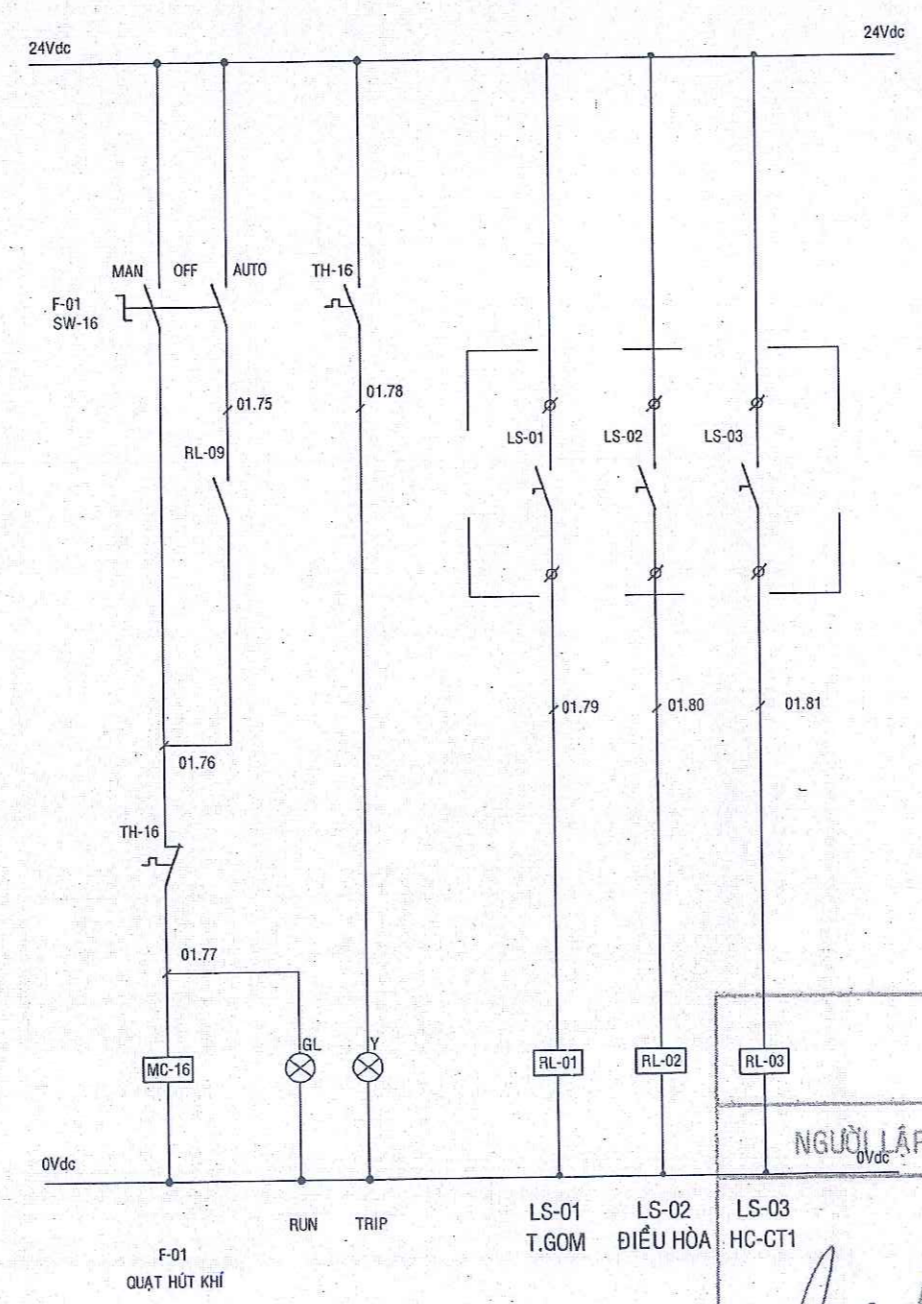
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 2

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT	DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ  
 CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG.  
 DATE/ NGÀY 08/ 2016  
 DWG. NO PD\_DA\_ME\_E-08  
 BẢN VẼ SỐ





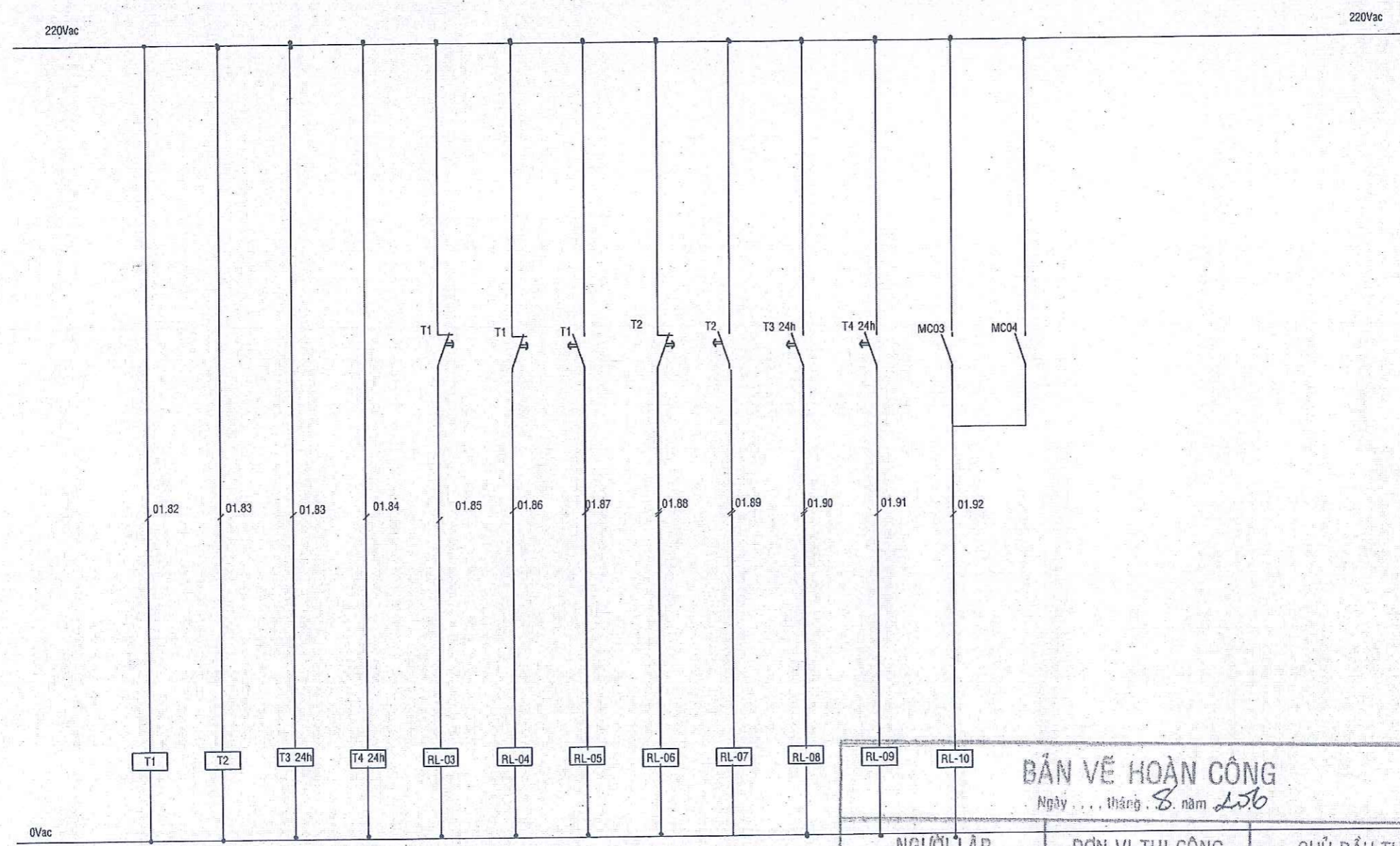
**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày ... tháng ... năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
F-01 QUẠT HÚT KHÍ	LS-01 T.GOM	LS-03 HC-CT1

Hoàng Đình Bá Dương

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG</b>	
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG	
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
ĐC: 234 NGÕ TẤT TỐ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306	
www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG	
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH	
ĐIỂM CHỖ: 135/1744 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH	
PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944866	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG	
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN	
DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN	
CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT	
PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b>	
THỊ XÃ DĨ AN	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
SECTION/ HẠNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 4	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG	
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION	
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY 08/ 2016	
DWG. NO PD_DA_ME_E-10	
BẢN VẼ SỐ	

0310  
 CỘT  
 CỘT  
 ĐIA  
 PHU  
 1 - TP



**BẢN VẼ HOÀN CÔNG**  
Ngày ... tháng 8 năm 2016

NGƯỜI LẬP	ĐƠN VỊ THI CÔNG	CHỦ ĐẦU TƯ
  Hoàng Định Bá Liên	 Ngô Quang Phúc	 Nguyễn Minh Cường

PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH

ĐC: 234 NGÕ TÁT TỎ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**  
 ĐC: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH  
 PHONE: (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944855  
 DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐỊNH BÀ DƯƠNG  
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐĂNG HOÀNG THANH SƠN  
CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
THỊ XÃ DI AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG  
SECTION/ HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI  
TITLE/ TÊN BẢN VẼ

SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN 5

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT	DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG

STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

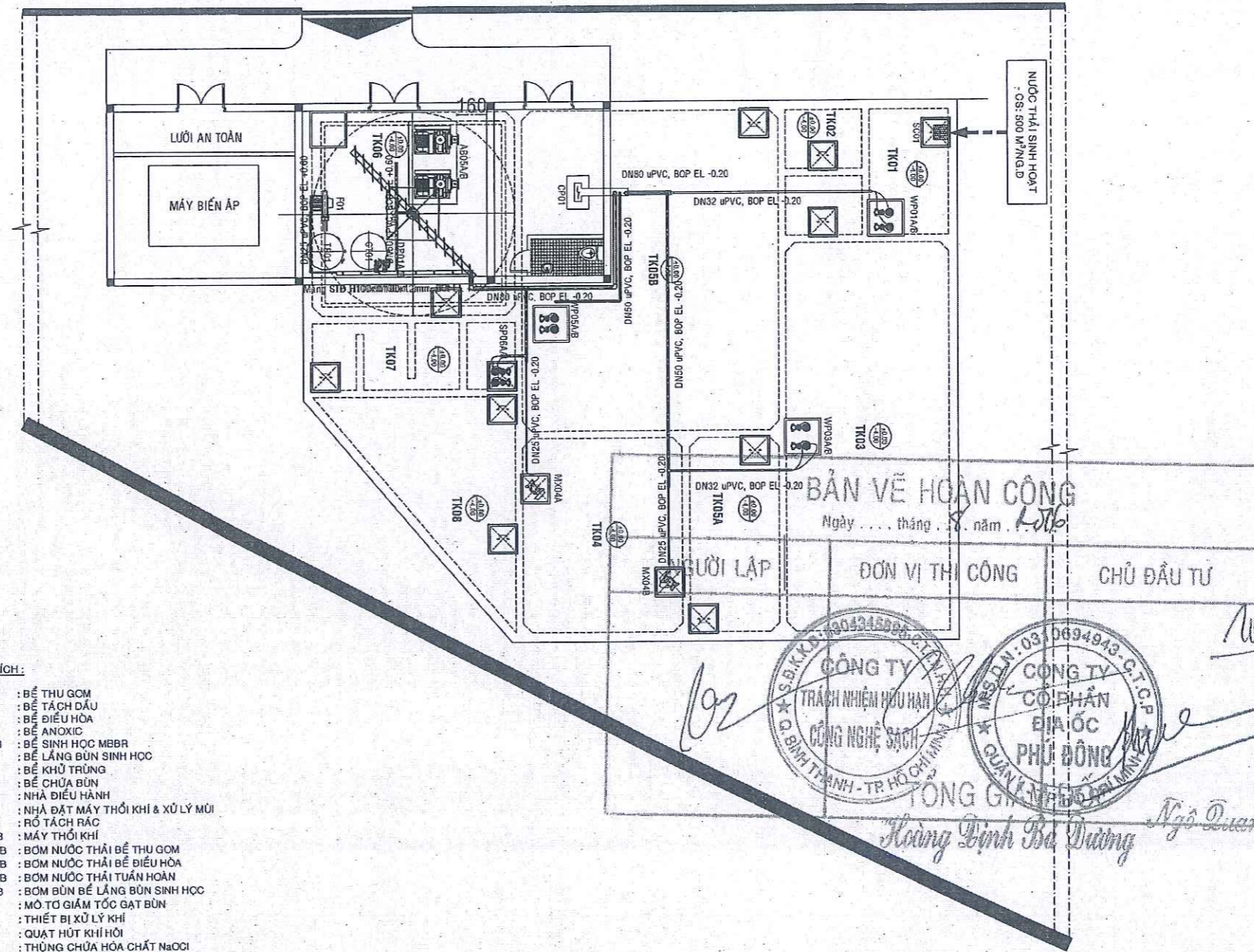
CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO PD\_DA\_ME\_E-11  
BẢN VẼ SỐ

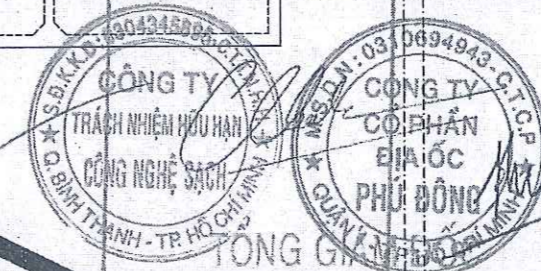
39494  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG  
HỒ SƠ

### MẶT BẰNG ĐƯỜNG DÂY ĐIỆN



**CHÚ THÍCH:**

- TK01 : BỂ THU GOM
- TK02 : BỂ TÁCH DẦU
- TK03 : BỂ ĐIỀU HÒA
- TK04 : BỂ ANOXIC
- TK05A/B : BỂ SINH HỌC MBBR
- TK06 : BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- TK07 : BỂ KHỬ TRÙNG
- TK08 : BỂ CHỨA Bùn
- H01 : NHÀ ĐIỀU HÀNH
- H02 : NHÀ ĐẶT MÁY THỔI KHÍ & XỬ LÝ MÙI
- SO01 : RỎ TÁCH RÁC
- A905A/B : MÁY THỔI KHÍ
- WP01A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ THU GOM
- WP03A/B : BƠM NƯỚC THẢI BỂ ĐIỀU HÒA
- WP05A/B : BƠM NƯỚC THẢI TUẦN HOÀN
- SP06A/B : BƠM Bùn BỂ LẮNG Bùn SINH HỌC
- SS05 : MÔ TƠ GIÁM TỐC GẠT Bùn
- TB01 : THIẾT BỊ XỬ LÝ KHÍ
- F01 : QUẠT HÚT KHÍ HƠI
- CT01 : THÙNG CHỨA HÓA CHẤT NaOCl
- DP01A/B : BƠM ĐỊNH LƯỢNG HÓA CHẤT NaOCl



PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐÔNG**  
 ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999  
 GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRIỆU MINH PHƯƠNG  
 MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH



ĐC: 234 NGÕ TẮT TỎ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM  
 ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306  
 www.alinco.com.vn

GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC

ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG  
 SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ



**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH**

ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q.BÌNH THẠNH  
 PHONE : (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62948856

DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC

TS. HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG  
 PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ

KS. LÝ TRƯỜNG SƠN  
 DESIGN/ THIẾT KẾ

KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN  
 CHECK BY/ KIỂM TRA

KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT  
 PROJECT/ CÔNG TRÌNH

**DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á**  
 THỊ XÃ DI AN  
 TỈNH BÌNH DƯƠNG  
 SECTION/ HANG MỤC

**HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
 TITLE/ TÊN BẢN VẼ

**MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN**

REVISIONS/ HIỆU CHỈNH

NO/ STT	DATE/ NGÀY	AMENDMENTS/ NỘI DUNG

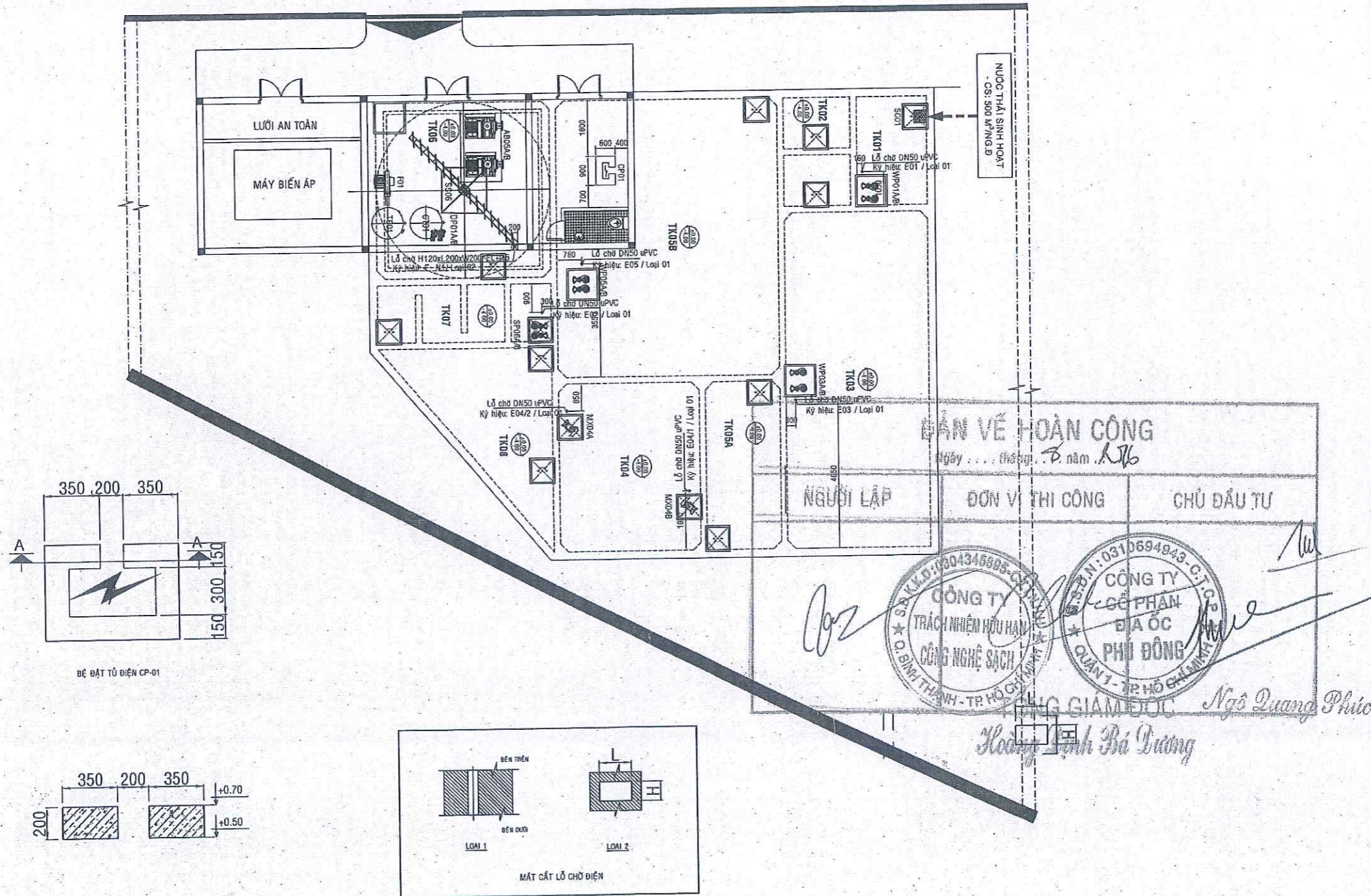
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ

CONSTRUCTION DOCUMENTATION  
 THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG

DATE/ NGÀY 08/ 2016

DWG. NO  
 BẢN VẼ SỐ PD\_DA\_ME\_E-12

### MẶT BẰNG ỐNG CHỜ ĐIỆN



PROJECT OWNER/ CHỦ ĐẦU TƯ	
<b>CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC PHÚ ĐỒNG</b>	
ĐC: 2A NTMK, PHƯỜNG ĐÀ KAO, QUẬN 1, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 6261 6999 / FAX: (84-8) 6261 3999	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
TRIỆU MINH PHƯƠNG	
MAIN CONTRACTOR/ NHÀ THẦU T.V CHÍNH	
ĐC: 234 NGÕ TẤT TỎ, P.22, QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HCM	
ĐT: (84-8) 3840 1749 / FAX: (84-8) 3840 0306	
www.alinco.com.vn	
GENERAL DIRECTOR/ TỔNG GIÁM ĐỐC	
ARCH./ KTS TRẦN XUÂN ĐẠI THẮNG	
SUBCONTRACTORS/ NHÀ THẦU T.V PHỤ	
<b>CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ SẠCH</b>	
ĐỊA CHỈ: 135/17/44 NGUYỄN HỮU CẢNH P.22, Q. BÌNH THẠNH	
PHONE : (84) 8 62945723 FAX: (84) 8 62944856	
DIRECTOR/ GIÁM ĐỐC	
TS. HOÀNG ĐÌNH BÁ DƯƠNG	
PROJECT MANAGER/ CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	
KS. LÝ TRƯỜNG SƠN	
DESIGN/ THIẾT KẾ	
KS. ĐẶNG HOÀNG THANH SƠN	
CHECK BY/ KIỂM TRA	
KS. NGUYỄN QUỐC VIỆT	
PROJECT/ CÔNG TRÌNH	
<b>DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐÔNG Á</b>	
THỊ XÃ DĨ AN	
TỈNH BÌNH DƯƠNG	
SECTION/ HANG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
TITLE/ TÊN BẢN VẼ	
<b>MẶT BẰNG ỐNG CHỜ ĐIỆN</b>	
REVISIONS/ HIỆU CHỈNH	
NO/ STT	DATE/ NGÀY AMENDMENTS/ NỘI DUNG
STATUS/ LOẠI HỒ SƠ	
CONSTRUCTION DOCUMENTATION	
THIẾT KẾ BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
DATE/ NGÀY	08/ 2016
DWG. NO	PD_DA_ME_E-13
BẢN VẼ SỐ	